SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH QUYỂN 1/2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định số 618../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 27..tháng 01..năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày: 03./02/2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Địa chỉ : 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại : 028 3812 5960

Website : www.dmx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ : Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số fax : +84 28 3914 3209

Số điện thoại : +84 28 3914 3588

Website : www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đoàn Văn Hiếu Em

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 028 3812 5960

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định số...618.../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày...27...tháng...07...năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày: 03./.08./2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Địa chỉ : 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại : 028 3812 5960

Website : www.dmx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ : Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số fax : +84 28 3914 3209

Số điện thoại : +84 28 3914 3588

Website : www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đoàn Văn Hiếu Em

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 028 3812 5960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Mã cổ phiếu	:	DMX
Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết	:	1.101.283.500 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết theo mệnh giá	:	11.012.835.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIETNAM

Địa chỉ	:	Tầng 20, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax	:	+84 38 3824 5250
Số điện thoại	:	+84 28 3824 5252

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Địa chỉ	:	Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	:	+84 24 5678 3999

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ	:	Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax	:	+84 28 3914 3209

Mục lục

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 5

1. Tổ chức đăng ký niêm yết 5
2. Tổ chức tư vấn 5

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6

1. Rủi ro về kinh tế 6
2. Rủi ro về luật pháp 11
3. Rủi ro đặc thù 11
4. Rủi ro quản trị công ty 17
5. Rủi ro khác 18

III. CÁC KHÁI NIỆM 19

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP BỊ HỢP NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM HỢP NHẤT 20

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 21

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 21
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 29
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (và cơ cấu nhóm công ty) 31
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 32
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối 42
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 48
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác 58
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 58
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 59
10. Hoạt động kinh doanh 59
11. Chính sách đối với người lao động 100
12. Chính sách cổ tức 103
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 104

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và việc niêm yết cổ phiếu 105

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 106

16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán 106

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 106

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 106

2. Tình hình tài chính 112

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết 142

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 145

VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG 152

1. Thông tin về cổ đông sáng lập 152

2. Thông tin về cổ đông lớn 152

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng 157

VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 178

1. Loại cổ phiếu 178

2. Mệnh giá cổ phiếu 178

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán 178

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 178

5. Giá chào bán dự kiến 178

6. Phương pháp tính giá 178

7. Phương thức phân phối 179

8. Đăng ký mua cổ phiếu 181

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu 181

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 182
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 182
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết 183
13. Hủy bỏ đợt chào bán 183
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài 184
15. Các loại thuế có liên quan 184
16. Thông tin về các cam kết 185
17. Thông tin về các chứng khoán được chào bán, phát hành trong cùng đợt: 186

IX. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 187

1. Mục đích chào bán 187
2. Phương án khả thi 187
3. Thông tin về tình hình triển khai dự án 187

X. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG 187
XI. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 190
XII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT 200
XIII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 201
XIV. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN 202
XV. PHỤ LỤC 203

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Ông NGUYỄN ĐỨC TÀI	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông ĐOÀN VĂN HIẾU EM	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông ĐỖ TUẤN ANH	Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: **Bà TÔN MINH PHƯƠNG** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 03/2026/HĐ-IB.Vietcap ngày 20 tháng 01 năm 2026 (Hợp đồng tư vấn) với Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh cung cấp.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (sau đây gọi là "CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh" hoặc "Công ty" hoặc "DMX") là một doanh nghiệp tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại, điện máy tiêu dùng. Công ty kinh doanh chủ yếu các sản phẩm điện thoại, điện máy (tivi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, thiết bị công nghệ, v.v.) thông qua mạng lưới cửa hàng trên toàn quốc kết hợp kênh thương mại điện tử. Đặc thù ngành bán lẻ điện thoại, điện máy và phạm vi hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ các nhân tố rủi ro sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá và các yếu tố liên quan khác. Đây là nhóm rủi ro hệ thống phát sinh từ môi trường kinh tế vĩ mô, trong đó các nhân tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bao gồm: (i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; (ii) rủi ro lạm phát; (iii) lãi suất; và (iv) rủi ro tỷ giá.

1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế vĩ mô là yếu tố then chốt tác động đến sức mua, tâm lý tiêu dùng và dư địa tăng trưởng của ngành bán lẻ. Khi nền kinh tế khởi sắc, thu nhập khả dụng của người dân tăng lên sẽ kích thích nhu cầu mua sắm các sản phẩm điện thoại, điện máy để phục vụ đời sống, từ đó góp phần giúp Công ty gia tăng doanh thu và lợi nhuận.

Trong nửa đầu năm 2026, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều biến động phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến đà tăng trưởng của các ngành kinh tế. Căng thẳng thương mại leo thang khi nhiều quốc gia áp dụng biện pháp bảo hộ, khiến thương mại quốc tế kế chậm lại. Đồng thời, các xung đột địa chính trị như chiến sự Nga - Ukraine và Israel - Iran kéo dài làm gia tăng bất ổn kinh tế toàn cầu. Diễn biến này khiến kinh tế toàn cầu biến động mạnh, Ngân hàng Thế giới (World Bank) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu giảm còn khoảng 2,6%[1]. Tuy nhiên, kinh tế thế giới vẫn duy trì được đà tăng trưởng trong Quý I/2026, nhờ tiến triển tích cực trong đàm phán thương mại và giao thương giữa các quốc gia.

Tại Việt Nam, tăng trưởng GDP vẫn ở mức cao bất chấp khó khăn bên ngoài. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng 8,02% so với cùng kỳ 2024 - vượt mục tiêu đề ra và cao hơn đáng kể so với mức bình quân toàn cầu. Trong mức tăng chung đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78% (đóng góp 5,3% vào mức tăng GDP), công nghiệp và xây dựng tăng 8,95% (đóng góp 43,62%), khu vực dịch vụ tăng 8,62% (đóng góp 51,08%)[2]. Tăng trưởng kinh tế vĩ mô ổn định tạo nền tảng thu nhập và niềm tin cho người tiêu dùng, qua đó thúc đẩy sức mua các mặt hàng điện thoại, điện máy. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 cũng duy trì đà tăng trưởng tích cực đạt 7.008 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm trước, phản ánh nhu cầu

[1] https://mekongasean.vn/world-bank-nang-trien-vong-tang-truong-kinh-te-toan-cau-50789.html
[2] https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/

tiêu dùng nội địa phục hồi. Kết quả này mang lại kỳ vọng tích cực cho Công ty trong tương lai gần.

Tăng trưởng GDP hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2025

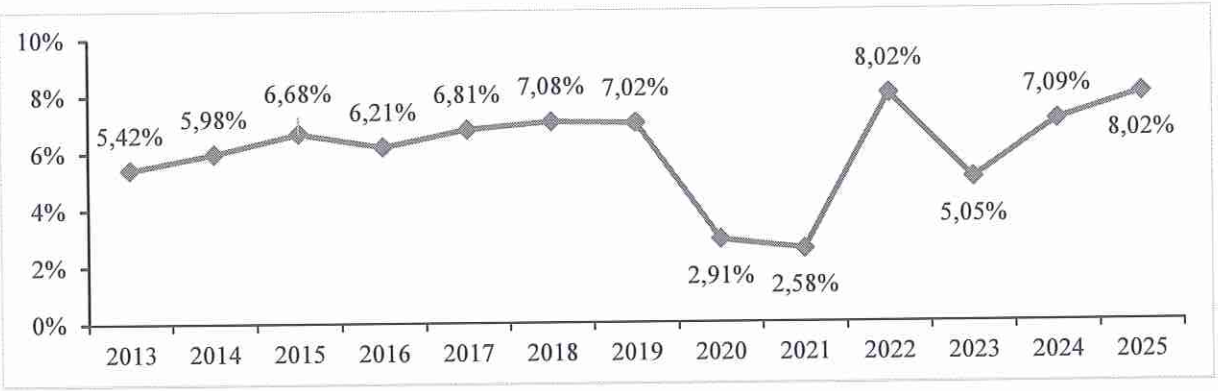

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Nhằm giảm thiểu rủi ro từ các biến động trong tăng trưởng kinh tế, Công ty luôn theo dõi sát sao, phân tích và đánh giá tác động của các xu hướng vĩ mô đối với hành vi tiêu dùng. Đồng thời, Công ty chủ động đa dạng hóa chuỗi cung ứng sản phẩm và kênh phân phối, nhằm hạn chế rủi ro phụ thuộc vào bất kỳ thị trường hay khu vực kinh tế cụ thể nào.

1.2 Rủi ro lạm phát

Lạm phát là một yếu tố vĩ mô có khả năng tác động sâu rộng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Khi lạm phát gia tăng, chi phí vận hành của doanh nghiệp (như chi phí hàng hóa đầu vào, tiền lương, chi phí thuê mặt bằng, dịch vụ tiện ích) có xu hướng tăng, trong khi sức mua của người tiêu dùng đối với hàng hóa không thiết yếu như đồ điện thoại, điện máy có thể suy giảm. Đối với Công ty, rủi ro lạm phát gia tăng có thể dẫn đến: (i) áp lực tăng chi phí mua hàng và vận hành, và (ii) suy giảm sức mua của khách hàng khiến doanh thu bị ảnh hưởng.

Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Việt Nam giai đoạn 2013 – 2025

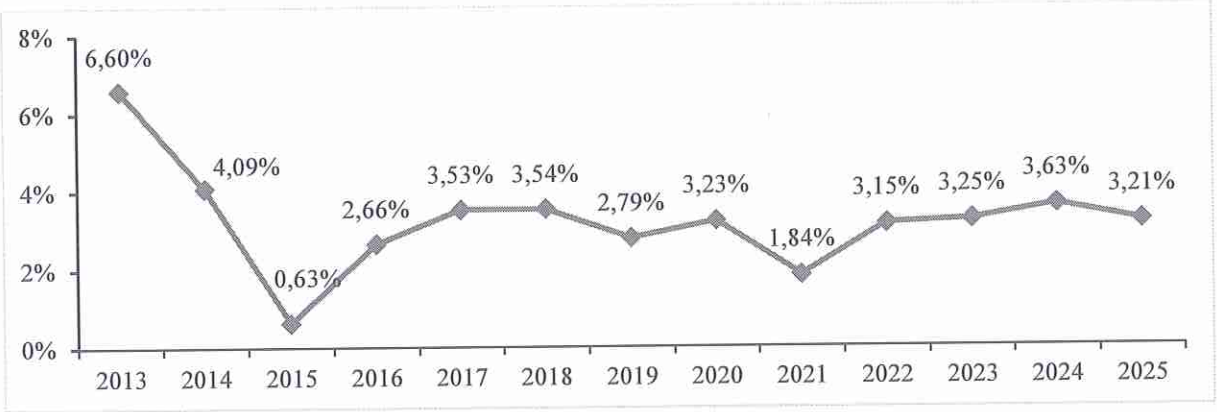

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Dựa vào số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả nước năm 2025 tăng 3,21% so với cùng kỳ – nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% theo Nghị quyết số 226/NQ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ[3]. Việc duy trì mức lạm phát hợp lý đồng thời kinh tế vẫn tăng trưởng cho thấy hiệu quả điều hành vĩ mô, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành trong triển khai các giải pháp giảm áp lực lạm phát. Một điểm sáng là Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị đề ra định hướng tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển, theo đó Chính phủ thực thi hàng loạt chính sách hỗ trợ: gói hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp tiên phong; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp; miễn thuế TNDN 3 năm đầu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mới thành lập; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận đất đai, vốn và nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, Luật Thuế Giá trị gia tăng (có hiệu lực từ 01/7/2025) đã góp phần giảm áp lực giá cả khi phần lớn hàng hóa và dịch vụ được giảm thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP (trừ một số lĩnh vực đặc thù như viễn thông, tài chính-ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản). Những chính sách đồng bộ này không chỉ thúc đẩy tiêu dùng nội địa mà còn góp phần kiểm soát lạm phát, tạo môi trường kinh doanh ổn định cho ngành bán lẻ.

Sản phẩm kinh doanh của Công ty chủ yếu là các mặt hàng điện thoại, điện máy phục vụ nhu cầu sinh hoạt và tiêu dùng của người dân. Nhóm hàng này tuy thiết yếu cho cuộc sống hiện đại nhưng mức độ cấp thiết không bằng so với lương thực, thực phẩm; do đó tác động của lạm phát đến doanh thu Công ty có thể rõ nét hơn so với các mặt hàng nhu yếu phẩm. Trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát tốt, người tiêu dùng vẫn duy trì chi tiêu cho các sản phẩm điện thoại, điện máy ở mức ổn định. Tuy nhiên, nếu lạm phát trong nước và toàn cầu tăng cao trở lại, Công ty sẽ đối mặt với áp lực gia tăng chi phí hoạt động, đặc biệt là chi phí thuê mặt bằng và chi phí tiện ích. Cụ thể, chi phí thuê mặt bằng có thể tăng do các điều kiện thị trường bất động sản và nhu cầu mặt bằng tăng. Bên cạnh đó, chi phí tiện ích như điện, nước, các dịch vụ liên quan và chi phí nguyên vật liệu sẽ có khả năng gia tăng theo xu hướng lạm phát. Nếu Công ty không thể chuyển phần chi phí tăng thêm do lạm phát vào giá bán, biên lợi nhuận sẽ bị thu hẹp. Hơn nữa, lạm phát kéo dài tiềm ẩn khả năng tăng lãi suất ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn và kéo theo chi phí sử dụng vốn của Công ty gia tăng, cũng như làm giảm sức mua của khách hàng đối với các mặt hàng điện thoại, điện máy.

1.3 Rủi ro lãi suất

Lãi suất ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sử dụng vốn, lợi nhuận và kế hoạch mở rộng của doanh nghiệp. Khi mặt bằng lãi suất gia tăng, chi phí vay vốn tăng tương ứng, qua đó làm suy giảm biên lợi nhuận và buộc doanh nghiệp phải thận trọng hơn trong việc triển khai các kế hoạch đầu tư, mở rộng quy mô hoạt động. Ngược lại, trong môi trường lãi suất thấp, doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý hơn, từ đó hỗ trợ tăng trưởng và tối ưu hóa cấu trúc vốn. Bên cạnh đó, biến động lãi suất còn kéo theo các rủi ro tài chính đáng lưu ý như rủi ro tái cấp vốn, rủi

[3] https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/

ro định giá đối với các tài sản có thu nhập cố định (như trái phiếu doanh nghiệp), cũng như rủi ro kỳ hạn phát sinh từ sự mất cân đối giữa tài sản và nguồn vốn.

Trong năm 2023 và 2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã bốn lần điều chỉnh giảm lãi suất từ 0,5% đến 2,0%/năm nhằm hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao. Cụ thể, NHNN giảm 1,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, đồng thời giảm 2,0%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ. Lãi suất tối đa tiền gửi bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng giảm từ 0,5% đến 1,25%/năm, và lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm 1,5%/năm. Các động thái này góp phần làm giảm chi phí vốn cho nền kinh tế và hỗ trợ hoạt động sản xuất – kinh doanh.

Bước sang năm 2025, NHNN giữ nguyên các mức lãi suất điều hành gồm 3,0%/năm đối với lãi suất tái chiết khấu và 4,5%/năm đối với lãi suất tái cấp vốn, nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn với chi phí thấp, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo đó, tính đến ngày 24/12/2025, tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế Việt Nam đạt hơn 18,4 triệu tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng 17,87% so với cuối năm 2024[3]. Một số lĩnh vực ghi nhận tốc độ tăng trưởng ấn tượng, như công nghiệp hỗ trợ tăng 23,4%, trong khi các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 25,14% so với cuối năm 2024. Tín dụng dành cho lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn ước đạt khoảng 3,9 triệu tỷ đồng, chiếm 22,6% tổng dư nợ. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, dư nợ đạt khoảng 3,3 triệu tỷ đồng, tương đương 19,04% tổng dư nợ. Việc giảm lãi suất huy động sẽ giảm gánh nặng lãi vay và qua đó tác động tích cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Tuy nhiên, trong bối cảnh áp lực lạm phát và xu hướng thắt chặt tiền tệ trên phạm vi toàn cầu vẫn hiện hữu, mặt bằng lãi suất có dấu hiệu gia tăng trở lại trong giai đoạn gần đây. Diễn biến này có thể làm gia tăng chi phí vốn đối với các doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất huy động trên thị trường đã có dấu hiệu nhích tăng trở lại trong các tháng cuối năm 2025 và đầu năm 2026. Cụ thể, lãi suất huy động kỳ hạn 6–12 tháng tại một số ngân hàng thương mại đã tăng khoảng 50–100 điểm cơ bản so với mức đáy giữa năm 2024, phổ biến trong khoảng 5,0%–6,5%/năm. Diễn biến này tạo áp lực tăng tương ứng lên lãi suất cho vay.

Để đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ kinh doanh, Công ty sử dụng kết hợp cả vốn vay ngắn hạn và dài hạn. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả hợp nhất của Công ty khoảng 39.116 tỷ đồng, chiếm 69% tổng tài sản. Trong đó, nợ vay ngắn hạn hợp nhất của Công ty là 23.429 tỷ đồng và công ty không có nợ vay dài hạn. Nợ ngắn hạn của Công ty dùng để phục vụ vốn lưu động (vay tín dụng ngắn hạn, nợ nhà cung cấp, v.v.) và điều này cho thấy Công ty không phụ thuộc nhiều vào nợ dài hạn. Việc cơ cấu nợ chủ yếu ngắn hạn giúp Công ty linh hoạt điều chỉnh theo biến động lãi suất, nhưng cũng đòi hỏi theo dõi sát sao để đảm bảo thanh khoản. Do đó, ban lãnh đạo Công ty luôn giám sát chặt chẽ diễn biến lãi suất thị trường, phân tích kỹ lưỡng các rủi ro tài chính và chủ động xây dựng kịch bản ứng phó kịp thời. Đây là yếu tố then chốt giúp giữ vững ổn định tài chính và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty trước biến động lãi suất. Cũng như các doanh nghiệp bán lẻ khác, DMX chủ yếu sử dụng nợ vay ngắn hạn để tài trợ vốn lưu động

nhằm tối ưu hóa dòng tiền, đồng thời, nhờ vào uy tín và quy mô của Công ty, lãi suất vay thực tế của DMX là tương đối cạnh tranh, tạo điều kiện cho Công ty duy trì chi phí sử dụng vốn tối ưu.

Ở góc độ tiêu dùng, mặt bằng lãi suất gia tăng cũng tạo áp lực lên lãi suất cho vay, đặc biệt đối với các khoản vay tiêu dùng và vay mua trả góp. Điều này tác động tiêu cực đến nhu cầu tiêu dùng và quyết định mua sắm của nhóm khách hàng thu nhập trung bình, nhất là đối với phân khúc khách hàng mua hàng trả góp – nhóm khách hàng đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong ngành bán lẻ điện máy. Giao dịch trả góp hiện đóng góp khoảng 35% trên tổng doanh thu bán lẻ của Công ty trong năm 2025. Khi chi phí tài chính cá nhân tăng lên, người tiêu dùng có xu hướng thận trọng hơn trong chi tiêu, ưu tiên các nhu cầu thiết yếu và trì hoãn các khoản mua sắm không cấp bách, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua và doanh thu của Công ty.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty chủ động triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm giảm thiểu rủi ro và duy trì tăng trưởng doanh thu. Cụ thể, Công ty áp dụng linh hoạt các chính sách chiết khấu và khuyến mại có chọn lọc theo từng nhóm sản phẩm, chu kỳ bán hàng và phân khúc khách hàng, qua đó tối ưu hóa giá bán thực tế mà vẫn đảm bảo kiểm soát biên lợi nhuận ở mức hợp lý. Đồng thời, Công ty hợp tác với ngân hàng và các tổ chức tài chính tiêu dùng để thiết kế và triển khai các chương trình trả góp ưu đãi, bao gồm các gói trả góp 0% lãi suất và không thu phí, nhằm giảm thiểu gánh nặng tài chính cho người tiêu dùng.

Các sáng kiến này không chỉ giúp duy trì khả năng tiếp cận của khách hàng đối với các sản phẩm có giá trị cao trong bối cảnh chi phí lãi vay tăng cao, mà còn góp phần kích thích nhu cầu mua sắm, rút ngắn chu kỳ ra quyết định và gia tăng tỷ lệ chuyển đổi tại điểm bán. Nhờ đó, Công ty có thể chủ động bù đắp phần suy giảm cầu tiềm năng do yếu tố lãi suất, đồng thời củng cố vị thế cạnh tranh trên thị trường. Việc kết hợp linh hoạt giữa chính sách giá và giải pháp tài chính tiêu dùng được xem là công cụ quan trọng giúp Công ty duy trì đà tăng trưởng ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động trong môi trường vĩ mô biến động.

1.4 Rủi ro về tỷ giá

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, các Ngân hàng Trung ương thường xuyên điều chỉnh chính sách tiền tệ và can thiệp thị trường ngoại hối nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Những biến động về lãi suất và tỷ giá từ các chính sách thắt chặt tiền tệ quốc tế trực tiếp tác động đến hoạt động ngoại thương và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước. Mặc dù thị trường ngoại hối Việt Nam duy trì sự ổn định nhờ thanh khoản dồi dào và dự trữ ngoại hối tăng trưởng, Công ty vẫn chủ động nhận diện và quản lý rủi ro tỷ giá như một ưu tiên hàng đầu.

Để ứng phó với rủi ro, Công ty đã và đang triển khai các biện pháp như: sử dụng linh hoạt đồng VND và ngoại tệ; theo dõi chặt biến động thị trường; xây dựng công cụ phòng ngừa rủi ro tài chính; mua hàng từ đối tác có văn phòng tại Việt Nam và duy trì quan hệ với tổ chức tín dụng. Nhờ vậy, Công ty có thể kiểm soát tốt rủi ro tài chính về tỷ giá và duy trì hiệu quả hoạt động.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty cổ phần định hướng trở thành công ty đại chúng niêm yết trên HOSE, CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh phải tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành, bao gồm các luật liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp…, cùng các văn bản dưới luật liên quan đến lĩnh vực bán lẻ điện thoại, điện máy (Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, quy định về xuất xứ hàng hóa, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm điện thoại, điện máy, quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy tại cửa hàng, v.v.).

Môi trường pháp lý có thể thay đổi theo thời gian (sửa đổi luật, ban hành nghị định mới, chính sách thuế thay đổi, v.v.), nếu Công ty không kịp thời nắm bắt và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp sẽ dẫn đến các rủi ro như bị phạt hành chính, đình chỉ các điểm kinh doanh, hoặc thiệt hại uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Để quản trị rủi ro pháp lý và giảm thiểu tối đa tổn thất có thể xảy ra, DMX luôn đề cao việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật. Công ty có bộ phận pháp chế chuyên trách thường xuyên rà soát, cập nhật mọi thay đổi trong hệ thống văn bản pháp luật để kịp thời tham mưu, điều chỉnh quy trình hoạt động cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty sẵn sàng tham vấn các tổ chức tư vấn pháp lý độc lập, uy tín khi cần thiết nhằm đảm bảo mọi quyết định kinh doanh đều phù hợp quy định và bảo vệ tốt nhất quyền lợi của Công ty cũng như cổ đông. Ngay khi phát hiện vi phạm, Công ty cam kết khắc phục nhanh nhất có thể theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro về cạnh tranh trong ngành bán lẻ điện thoại, điện máy

Ngành bán lẻ điện thoại, điện máy và sản phẩm công nghệ tiêu dùng tại Việt Nam là lĩnh vực có mức độ cạnh tranh cao và đang dần chuyển dịch theo hướng chuyên nghiệp hóa. Mặc dù việc xây dựng chuỗi bán lẻ quy mô lớn đòi hỏi năng lực vận hành mạnh và nguồn vốn đáng kể, nhưng rào cản gia nhập thị trường không quá cao, đặc biệt trong bối cảnh các mô hình bán hàng trực tuyến đang ngày càng phổ biến. Nhờ sự phát triển của thương mại điện tử và mạng lưới phân phối sẵn có, các doanh nghiệp mới có thể tiếp cận người tiêu dùng mà không cần đầu tư lớn vào hệ thống cửa hàng.

Công ty hiện đối mặt với sự cạnh tranh từ nhiều phía: các chuỗi bán điện thoại, điện máy truyền thống và hiện đại và các nền tảng thương mại điện tử lớn – vốn đang tích cực mở rộng danh mục hàng hóa điện thoại, điện máy. Cạnh tranh không chỉ đến từ giá bán mà còn ở chất lượng dịch vụ, tốc độ giao hàng, trải nghiệm mua sắm và khả năng cá nhân hóa theo nhu cầu khách hàng. Trước bối cảnh đó, với quy mô và nền tảng sẵn có, DMX dự kiến tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu nhờ lợi thế về chi phí đầu vào và dịch vụ khách hàng vượt trội, được xây dựng trên những yếu tố cốt lõi như:

- **Mạng lưới cửa hàng rộng khắp cả nước:** Công ty đã phát triển các mô hình cửa hàng phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của từng khu vực dân cư, từ thành thị đến nông thôn, đồng thời tối ưu không gian trưng bày cũng như đào tạo đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Chiến lược đa kênh:** Công ty tích hợp bán hàng trực tiếp với kênh online, đảm bảo khách hàng có thể tra cứu tồn kho, đặt hàng nhanh chóng với nhiều phương thức thanh toán và nhận hàng theo hình thức linh hoạt.
- **Dịch vụ khách hàng khác biệt:** Công ty duy trì và liên tục nâng cao lợi thế cạnh tranh về trải nghiệm khách hàng xuyên suốt trước, trong và sau bán hàng, góp phần gia tăng mức độ hài lòng và trung thành của khách hàng.
- **Hệ thống logistics hiện đại:** Mạng lưới trung tâm phân phối tại các vùng kinh tế trọng điểm giúp DMX kiểm soát hiệu quả tồn kho, tối ưu chi phí và đảm bảo tốc độ giao hàng.
- **Danh mục sản phẩm cập nhật:** Công ty liên tục mở rộng danh mục, không chỉ giới hạn ở hàng điện thoại, điện máy truyền thống mà còn bao gồm thiết bị điện thoại, điện máy thông minh, phụ kiện và sản phẩm IoT, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hiện đại.

Những lợi thế này giúp Công ty duy trì năng lực cạnh tranh vững vàng, đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực từ áp lực cạnh tranh trong dài hạn.

3.2 Rủi ro liên quan đến chuỗi cung ứng và đặc thù sản phẩm công nghệ

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa trên việc phân phối các mặt hàng điện thoại, điện máy và sản phẩm công nghệ tiêu dùng từ nhiều thương hiệu lớn trong và ngoài nước. Do đặc thù ngành, phần lớn sản phẩm do Công ty kinh doanh được cung cấp bởi các tập đoàn công nghệ đa quốc gia. Vì vậy, chuỗi cung ứng đầu vào của Công ty có thể chịu ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan mang tính toàn cầu như dịch bệnh, thiên tai, địa chính trị hoặc biến động giá linh kiện. Một số khía cạnh liên quan đến đặc thù chuỗi cung ứng sản phẩm công nghệ có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của DMX bao gồm:

- **Tính toàn cầu của nguồn hàng:** DMX hợp tác với nhiều hãng công nghệ quốc tế để nhập khẩu và phân phối sản phẩm tại thị trường Việt Nam. Trong một số tình huống bất khả kháng (như đứt gãy chuỗi sản xuất ở nước ngoài, gián đoạn logistics), nguồn cung có thể gặp khó khăn cục bộ. Tuy nhiên, với mạng lưới nhà cung cấp rộng lớn và kinh nghiệm thương thảo với các đối tác đa quốc gia, Công ty có khả năng chủ động điều phối kế hoạch nhập hàng và phân bổ hàng hóa phù hợp từng khu vực, qua đó hạn chế rủi ro thiếu hụt nguồn cung.
- **Biến động chi phí nhập khẩu:** Chi phí nhập hàng có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như tỷ giá ngoại tệ, chi phí vận chuyển quốc tế hoặc điều chỉnh thuế nhập khẩu. Trong bối cảnh này, Công ty thực hiện theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô, đồng thời chủ động đàm phán các điều khoản linh hoạt với đối tác để ứng phó. Công ty cũng tối ưu lịch nhập hàng theo chu kỳ nhu cầu để hạn chế rủi ro tăng chi phí đột biến. Trong môi trường cạnh tranh cao, việc kiểm soát giá vốn hiệu quả giúp Công ty duy trì mức giá bán cạnh tranh mà không làm ảnh hưởng tiêu cực đến biên lợi nhuận.
- **Vòng đời sản phẩm và nhu cầu thị trường thay đổi nhanh:** Ngành hàng điện thoại, điện máy, sản phẩm công nghệ có tốc độ đổi mới nhanh, sản phẩm thường xuyên được nâng cấp

mẫu mã, tính năng. Điều này đòi hỏi khả năng dự báo và điều phối tồn kho chính xác để tránh rủi ro tồn kho quá mức hoặc lỡ nhịp xu hướng thị trường. DMX ứng dụng hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP (Enterprise Resource Planning) và các giải pháp công nghệ để quản lý tồn kho, phân tích dữ liệu tiêu dùng và đưa ra quyết định nhập hàng phù hợp với từng khu vực, từng thời điểm. Các chương trình bán hàng theo mùa, khuyến mãi xoay vòng, và liên kết chặt chẽ với hãng sản xuất cũng giúp Công ty kiểm soát vòng đời sản phẩm hiệu quả hơn.

Nhờ những biện pháp chủ động như đa dạng hóa nguồn cung, ký kết hợp đồng dài hạn với nhiều hãng công nghệ lớn, ứng dụng công nghệ dự báo nhu cầu và kiểm soát tồn kho, Công ty từng bước nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động chuỗi cung ứng. Đây cũng là một trong những lợi thế quan trọng giúp DMX duy trì được hoạt động ổn định và năng lực phục vụ khách hàng trên quy mô toàn quốc.

3.3 Rủi ro từ xu hướng công nghệ và hành vi tiêu dùng thay đổi

Ngành bán lẻ điện thoại và điện máy đang chứng kiến sự chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình bán lẻ truyền thống sang mô hình bán lẻ hiện đại - ứng dụng số hóa, khi người tiêu dùng ngày càng ưu tiên sự tiện lợi, trải nghiệm trực tuyến và khả năng tiếp cận thông tin minh bạch. Xu hướng mua sắm online, đánh giá sản phẩm qua cộng đồng người dùng, và tận dụng ưu đãi từ nền tảng số ngày càng trở nên phổ biến – đặc biệt với nhóm khách hàng trẻ, am hiểu công nghệ.

Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp duy trì mô hình kinh doanh truyền thống thuần túy sẽ gặp nhiều thách thức nếu không nhanh chóng tái cấu trúc và đưa ứng dụng công nghệ vào hoạt động vận hành và tiếp thị. Rủi ro có thể bao gồm: giảm doanh thu tại cửa hàng vật lý, gia tăng chi phí bán hàng, và mất dần thị phần vào tay các nhà bán lẻ linh hoạt hơn trong chuyển đổi số.

DMX xác định rõ đây là xu hướng không thể đảo ngược và đã triển khai loạt giải pháp ứng phó đồng bộ:

- **Phát triển hệ sinh thái bán hàng đa kênh:** Website và ứng dụng riêng được tích hợp với hệ thống cửa hàng, cho phép tra cứu xem cửa hàng nào có hàng trưng bày để trải nghiệm, đặt mua online và lựa chọn phương thức thanh toán và nhận hàng linh hoạt.
- **Ứng dụng công nghệ vào quản lý và chăm sóc khách hàng:** Hệ thống CRM, AI, phân tích dữ liệu lớn được triển khai để cá nhân hóa trải nghiệm mua sắm, dự đoán xu hướng và tối ưu danh mục sản phẩm.
- **Đào tạo nội bộ và tăng cường năng lực số:** Đội ngũ bán hàng được trang bị kỹ năng tư vấn cả trực tiếp và trực tuyến, nâng cao hiệu quả tư vấn toàn diện trên mọi điểm chạm.

Nhờ chiến lược chuyển đổi số bài bản và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế số của quốc gia, Công ty không chỉ hạn chế được rủi ro từ hành vi tiêu dùng thay đổi mà còn tận dụng được xu thế để mở rộng thị phần và cải thiện hiệu suất kinh doanh trong giai đoạn tới.

3.4 Rủi ro về hàng tồn kho

Hoạt động kinh doanh của Công ty gắn liền với các nhóm sản phẩm công nghệ điện tử, điện thoại và điện máy, các ngành hàng có vòng đời sản phẩm ngắn, tốc độ đổi mới nhanh và chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng tiêu dùng. Do đó, việc duy trì và gia tăng quy mô hàng tồn kho để mở rộng hoạt động kinh doanh và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đặc biệt đối với các sản phẩm như điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay, có thể phát sinh các rủi ro như giảm giá bán khi có thế hệ sản phẩm mới, hàng hóa lỗi thời hoặc áp lực xử lý tồn kho khi nhu cầu thị trường biến động không như kỳ vọng.

Các rủi ro về hàng tồn kho được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên. Hàng tồn kho của Công ty được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Trong đó, giá trị thuần có thể thực hiện được xác định là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường sau khi trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Đối với các nhóm sản phẩm có giá trị cao và biến động nhanh theo từng dòng sản phẩm gồm điện thoại di động, máy tính bảng, máy tính xách tay và thiết bị điện tử, giá vốn được xác định theo phương pháp thực tế đích danh nhằm phản ánh chính xác giá trị từng đơn vị hàng hóa. Đối với các nhóm hàng còn lại, Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền nhằm đảm bảo tính nhất quán và phù hợp với đặc điểm luân chuyển hàng hóa.

Công ty đánh giá rủi ro liên quan đến hàng tồn kho, bao gồm các mặt hàng có tính chất đặc thù, được kiểm soát ở mức thấp. Đánh giá này dựa trên những yếu tố sau:

- Chất lượng tiêu thụ hàng hóa duy trì tích cực gắn liền với đà tăng trưởng mạnh tại các ngành hàng công nghệ chủ lực như điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay, phản ánh nhu cầu thị trường thực tế. Các yếu tố như chu kỳ nâng cấp thiết bị, xu hướng công nghệ mới và hoạt động bán hàng theo mùa đã hỗ trợ sức mua, qua đó giúp hàng hóa được tiêu thụ với tốc độ tốt.
- Hiệu quả bán hàng và năng lực triển khai tại điểm bán đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ luân chuyển hàng tồn kho. Đội ngũ bán hàng, kết hợp với các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và định hướng danh mục sản phẩm phù hợp với tfừng tập khách hàng, đã góp phần chuyển hóa hàng tồn kho thành doanh thu trong thời gian ngắn, hạn chế rủi ro tồn đọng hoặc giảm giá trị.
- Công ty sở hữu hệ thống quản trị hàng tồn kho tương đối hoàn thiện, bao gồm việc ứng dụng các công cụ dự báo nhu cầu, hệ thống ERP và cơ chế điều phối hàng hóa nội bộ, qua đó tối ưu hóa phân bổ tồn kho theo khu vực và điểm bán. Đồng thời, Công ty thực hiện kiểm soát vòng đời sản phẩm và đánh giá định kỳ để trích lập dự phòng khi cần thiết.

Trên cơ sở các yếu tố nêu trên, mặc dù quy mô hàng tồn kho tăng theo chiến lược kinh doanh, Công ty vẫn duy trì khả năng kiểm soát rủi ro hiệu quả, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm có đặc thù trong ngành bán lẻ thiết bị công nghệ.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với phần giá trị dự kiến bị tổn thất dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm các yếu tố như giảm giá thị trường, hư hỏng, kém phẩm chất hoặc lỗi thời có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho. Khoản dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trên thực tế, dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty chủ yếu phát sinh từ một số nhóm hàng phụ kiện có đặc điểm nhập hàng theo lô từ đầu kỳ và chịu ảnh hưởng bởi biến động thị hiếu tiêu dùng đến tại thời điểm cuối năm.

Công ty triển khai các biện pháp và ứng dụng công nghệ để giảm thiểu rủi ro, cụ thể như sau:

- Thiết lập và tuân thủ chặt chẽ các quy trình liên quan đến mua bán hàng hóa, thực hiện hợp đồng và các hoạt động liên quan, nhằm giảm thiểu rủi ro phát sinh trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng và cải tiến hệ thống ERP nhằm tự động hóa và tối ưu các khâu kiểm soát, phê duyệt nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, hạn chế rủi ro.
- Thực hiện phân tích và kiểm soát chặt chẽ ngay từ giai đoạn dự báo và lượng hóa nhu cầu, nhằm tối ưu hóa quy trình nhập hàng, giảm thiểu rủi ro dư thừa hoặc thiếu hụt hàng hóa trong chuỗi cung ứng.

3.5 Rủi ro về tham nhũng, mất mát, lãng phí

Đây là những yếu tố có thể gây tổn thất tài chính, giảm hiệu quả hoạt động hoặc làm suy giảm uy tín tổ chức, bao gồm tham nhũng (hành vi gian lận và không trung thực), mất mát (tổn thất tài sản do các sự cố hoặc thiên tai) và lãng phí (sử dụng không hiệu quả nguồn lực).

Các biện pháp quản trị rủi ro Công ty hiện đang áp dụng bao gồm:

- Ban hành những quy trình và quy định phục vụ cho công tác kiểm kê và kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc thất thoát và mất mát hàng hóa.
- Công ty chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp dựa trên Bộ Quy Tắc Ứng Xử, Văn Hoá Công Ty, đặc biệt nhấn mạnh việc phát triển đội ngũ nhân sự với tinh thần trung thực trong công việc. Đồng thời, Công ty áp dụng quy trình đánh giá Nhà cung cấp nghiêm ngặt và triển khai hệ thống kiểm soát chặt chẽ nhằm quản lý rủi ro tham nhũng trong các hoạt động mua bán hàng hóa.
- Hoạt động phát triển mặt bằng, chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí vận hành, được Công ty đặc biệt chú trọng. Bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện rà soát rủi ro thuê mặt bằng thông qua khảo sát thị trường, liên hệ chủ mặt bằng, và đánh giá bất thường. Ngoài ra trong năm 2025, công ty cũng tạm dừng mở rộng và tập trung tối ưu chi phí nên không ghi nhận trường hợp bất thường hay tiêu cực liên quan.

3.6 Rủi ro an toàn lao động

Rủi ro an toàn lao động là nguy cơ hoặc khả năng xảy ra các sự cố, tai nạn hoặc tình huống nguy hiểm trong quá trình làm việc, có thể gây ảnh hưởng đến sức khỏe, an toàn và tính mạng của người lao động cũng như làm tổn thất tài sản, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với hơn 20.000 nhân sự, Công ty ưu tiên hàng đầu việc đảm bảo môi trường lao động an toàn. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước về an toàn lao động và cháy nổ, đồng thời định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng tại Siêu thị, Kho, Văn phòng và các khu vực khác để đảm bảo vận hành an toàn.

Ngoài ra, Công ty thực hiện đầy đủ việc mua bảo hiểm tài sản và lao động, cùng với triển khai các quy trình an toàn lao động đến toàn thể nhân viên.

3.7 Rủi ro về công nghệ thông tin

Trong lộ trình chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh, sự kết nối chặt chẽ giữa các phòng ban và việc phụ thuộc vào hạ tầng kỹ thuật số đồng thời làm gia tăng mức độ nhạy cảm trước các rủi ro an ninh mạng. Các sự cố như rò rỉ dữ liệu, can thiệp trái phép hoặc mất mát thông tin không chỉ gián đoạn hoạt động vận hành mà còn đe dọa trực tiếp đến uy tín thương hiệu và việc thực thi chiến lược dài hạn của tổ chức.

Công ty đã và đang triển khai chính sách nghiêm ngặt và giải pháp công nghệ tiên tiến để bảo vệ thông tin khách hàng, nhân sự và hệ thống vận hành:

- Bộ phận kiểm soát nội bộ phối hợp chặt chẽ với khối IT để đánh giá rủi ro liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin, bảo mật thông tin và an ninh mạng của Công ty.
- Thực hiện kiểm soát, phân quyền và tách biệt các trách nhiệm trong quá trình tiếp nhận nhu cầu từ các phòng ban để giảm thiểu các mối đe dọa nội bộ.
- Khối IT kiểm tra, đánh giá hệ thống định kỳ 6 tháng 1 lần cùng đối tác.
- Liên tục cập nhật, phối hợp Hiệp Hội An Ninh Mạng Quốc Gia Việt Nam nhằm phòng ngừa và xây dựng các giải pháp ứng phó.

3.8 Rủi ro về biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu không chỉ gây ra những nguy cơ trong dài hạn mà đã và đang gây ra những tác động rõ rệt ngay ở hiện tại. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ lụt, và hạn hán đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, gây thiệt hại về tài sản và gián đoạn sản xuất. Trong dài hạn, những thay đổi không thể đảo ngược như hiệu ứng nhà kính, băng tan, và mực nước biển dâng sẽ tiếp tục gây ra các hệ lụy nghiêm trọng, từ phá vỡ hệ sinh thái tự nhiên đến làm tăng chi phí vận hành và suy giảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp bán lẻ, điều này có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng, tăng chi phí vận hành và ảnh hưởng đến nhu cầu khách hàng, đòi hỏi sự chuẩn bị và các chiến lược bền vững để giảm thiểu tác động.

Công ty nhận thấy rằng biến đổi khí hậu không chỉ là thách thức môi trường mà còn là một rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh. Để đối phó với các nguy cơ thiên tai bất ngờ và không thể kiểm soát, Công ty đã triển khai chiến lược quản trị rủi ro toàn diện như sau:

- Tăng cường năng lực ứng phó khẩn cấp: Xây dựng các kịch bản ứng phó chi tiết và tập huấn định kỳ để bảo đảm nhân sự và cơ sở hạ tầng sẵn sàng đối mặt với các tình huống khẩn cấp.
- Phát triển hệ thống quản lý rủi ro khí hậu: Tích hợp các tiêu chí rủi ro khí hậu vào quy trình quản lý doanh nghiệp, đảm bảo khả năng phục hồi nhanh chóng sau thiên tai.
- Đầu tư bảo hiểm và quỹ dự phòng: Thiết lập các quỹ dự phòng và mở rộng phạm vi bảo hiểm thiên tai để giảm thiểu tổn thất tài chính khi có sự cố xảy ra.

3.9 Rủi ro về Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trí tuệ nhân tạo (AI) là công nghệ mô phỏng tư duy của con người, giúp máy móc thực hiện các tác vụ như học tập, suy luận và ra quyết định. Trong doanh nghiệp, AI được ứng dụng rộng rãi trong phân tích dữ liệu, tối ưu hóa vận hành, tự động hóa quy trình và hỗ trợ ra quyết định. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của AI cũng đi kèm với những rủi ro đáng kể. Sai sót trong thuật toán, thiếu minh bạch trong quá trình ra quyết định, vi phạm bảo mật dữ liệu và mất kiểm soát vận hành là những vấn đề lớn mà doanh nghiệp cần quan tâm. Ngoài ra, việc AI thay thế con người trong một số công việc có thể tạo ra rủi ro về mặt xã hội, ảnh hưởng đến việc làm và yêu cầu đào tạo lại nhân sự. Bên cạnh đó, các quy định pháp lý về AI vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đảm bảo tuân thủ và tránh các rủi ro pháp lý. Do đó, việc nhận diện và quản trị rủi ro liên quan đến AI là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp vận hành bền vững.

Các biện pháp quản trị rủi ro Công ty đang triển khai áp dụng như sau:

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ dữ liệu thông qua hệ thống mã hóa, kiểm soát truy cập và tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin.
- Xây dựng lộ trình đào tạo và tái đào tạo nhân sự để thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, đồng thời kết hợp AI như một công cụ hỗ trợ thay vì thay thế hoàn toàn con người.
- Triển khai các dự án, sáng kiến liên quan tới AI nhằm cải tiến vận hành.

4. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro tiềm ẩn, khó lường trước nhưng có thể ảnh hưởng lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công tác quản trị doanh nghiệp bao gồm việc xây dựng cơ cấu tổ chức, quy trình ra quyết định, kiểm soát nội bộ, quản trị tài chính, quản trị nhân sự, v.v. Nếu hệ thống quản trị không phù hợp hoặc kém hiệu quả, doanh nghiệp có thể đối mặt với các sai sót, thất thoát và giảm hiệu quả hoạt động. Nguyên nhân có thể xuất phát từ yếu tố chủ quan (năng lực hạn chế hoặc sai lầm của đội ngũ quản lý) hoặc yếu tố khách quan (biến động thị trường quá nhanh, thay đổi đột ngột của luật pháp, chính sách) dẫn đến ban lãnh đạo không ứng phó kịp.

Trong bất kỳ ngành kinh doanh nào, việc thiết kế một khung quản trị rủi ro phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp là nền tảng quan trọng. Đối với lĩnh vực bán lẻ điện thoại, điện máy có tốc độ thay đổi nhanh, DMX đặc biệt chú trọng xây dựng hệ thống quản trị linh hoạt, hiệu quả. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên rà soát các chính sách nội bộ, quy trình vận hành để kịp thời phát hiện và khắc phục những điểm yếu trong quản trị. Công ty đề cao nguyên tắc minh bạch, tuân thủ và hiệu quả trong mọi quyết định quản lý. Mọi quyết sách quan trọng đều được thảo luận tập thể, đánh giá rủi ro đa chiều trước khi thực hiện.

Để hạn chế rủi ro quản trị đến mức thấp nhất, DMX cũng hợp tác chặt chẽ với các đơn vị tư vấn quản trị và kiểm toán độc lập uy tín. Các chuyên gia bên ngoài giúp Công ty cập nhật kịp thời những thay đổi trong quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán, cũng như áp dụng những thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới. Nhờ đó, ban lãnh đạo Công ty có đầy đủ thông tin và công cụ để đưa ra các quyết định chính xác, phù hợp với lợi ích của Công ty và cổ đông. Văn hóa doanh nghiệp của DMX đề cao tính trách nhiệm giải trình và quản lý rủi ro chủ động ở mọi cấp, góp phần giảm thiểu rủi ro xuất phát từ quản trị nội bộ. Nhìn chung, với việc xây dựng nền tảng quản trị tốt, Công ty có thể ứng phó hiệu quả hơn trước những biến động và thách thức trong quá trình kinh doanh.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro chủ yếu nêu trên, Công ty còn đối mặt với một số rủi ro mang tính bất khả kháng. Những rủi ro này có xác suất xảy ra thấp nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho tài sản, con người và làm gián đoạn hoạt động kinh doanh. Các rủi ro bất khả kháng bao gồm: hỏa hoạn, thiên tai (bão lũ, động đất), dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố và các sự cố ngoài tầm kiểm soát khác. Nếu một trong những sự kiện này xảy ra, các cơ sở kinh doanh của DMX (cửa hàng, kho bãi, trung tâm phân phối) có thể bị hư hại nặng nề hoặc buộc phải ngừng hoạt động trong thời gian dài. Điều này dẫn đến trì hoãn hoặc gián đoạn việc cung ứng sản phẩm cho khách hàng, ảnh hưởng xấu đến uy tín và hình ảnh Công ty, gây tổn thất về doanh thu và làm giảm kết quả tài chính.

Nhận thức được mức độ nguy hại của các rủi ro bất khả kháng, DMX luôn nỗ lực chủ động chuẩn bị các kế hoạch dự phòng và biện pháp ứng phó. Công ty thường xuyên rà soát, củng cố hệ thống phòng cháy chữa cháy tại cửa hàng và kho hàng; mua các gói bảo hiểm tài sản, bảo hiểm hàng hóa phù hợp để bồi thường khi xảy ra sự cố; nhằm đảm bảo duy trì những hoạt động cốt lõi ngay cả trong tình huống khẩn cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng tuân thủ nghiêm các quy định về an toàn lao động, an ninh trật tự tại điểm bán, đồng thời phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để cập nhật thông tin cảnh báo sớm về thiên tai, dịch bệnh. Nhờ chuẩn bị kỹ lưỡng như vậy, nếu rủi ro bất khả kháng xảy ra, DMX có thể phản ứng kịp thời, giảm thiểu tối đa thiệt hại và nhanh chóng phục hồi hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn cần ý thức rằng các rủi ro này luôn tồn tại và có thể tác động đáng kể đến Công ty trong trường hợp xấu nhất.

III. CÁC KHÁI NIỆM

▪ Bản cáo bạch	Là Bản cáo bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định mua cổ phiếu Công ty
▪ BB	Biên bản
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BTGĐ	Ban Tổng Giám đốc
▪ CBNV	Cán bộ nhân viên
▪ Chính phủ	Chính phủ nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam
▪ Cổ Phiếu	Là chứng chỉ do Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
▪ CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ CNTT	Công nghệ thông tin
▪ Công ty/ DMX/ Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
▪ CTCP	Công ty cổ phần
▪ DTT	Doanh thu thuần
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ Điều lệ	Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được ban hành ngày 19/01/2026
▪ ĐVT	Đơn vị tính
▪ GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
▪ GCNĐKĐT	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
▪ GDP	Tổng sản phẩm trong nước
▪ HĐKD	Hoạt động kinh doanh
▪ HĐLĐ	Hợp đồng lao động
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HĐTV	Hội đồng Thành viên
▪ HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ HSX hoặc HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2019 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm
▪ Luật Đầu Tư	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội Việt Nam thông qua vào ngày 17/06/2020 và các văn bản thay thế, sửa đổi và bổ sung áp dụng tại từng thời điểm

▪ Ngày Làm Việc	Là bất kỳ ngày nào không phải Thứ bảy, Chủ nhật hoặc một ngày nghỉ lễ (kể cả nghỉ bù) theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật Việt Nam
▪ Nghị định 155	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
▪ Nghị định 245	Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ ROA	Lợi nhuận trên tổng tài sản
▪ ROE	Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
▪ ROS	Lợi nhuận trên doanh thu
▪ SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
▪ Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính)
▪ TGĐ	Tổng Giám đốc
▪ Thuế GTGT hoặc VAT	Thuế giá trị gia tăng
▪ Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ Tổ chức tư vấn/ Vietcap	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ UBND	Ủy ban nhân dân
▪ UPCoM	Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
▪ USD	Đô la Mỹ
▪ VCSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VĐL	Vốn điều lệ
▪ VND hoặc Đồng	Là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam
▪ VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

IV. THÔNG TIN VỀ CÁC DOANH NGHIỆP BỊ HỢP NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM HỢP NHẤT

Không áp dụng

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên đầy đủ	: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Tên viết bằng tiếng nước ngoài	: DIEN MAY XANH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: DMX JSC
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh thay đổi lần thứ 33 ngày 19/12/2025
Trụ sở chính	: 128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Biểu tượng của Công ty	:
Điện thoại	: 028 3812 5960
Số fax	: Không có
Website	: https://www.dmx.vn/
Vốn điều lệ	: 11.012.835.000.000 đồng *(Mười một nghìn không trăm mười hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng)*
Vốn điều lệ thực góp	: 11.012.835.000.000 đồng *(Mười một nghìn không trăm mười hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng)*
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Đoàn Văn Hiếu Em (Tổng Giám đốc)

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

Theo (i) Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mã số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025, (ii) Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2026, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau đây:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	**Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)**	**4740 (Chính)**
2	Quảng cáo	7310
3	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4652
4	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
5	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông. Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (trừ dịch vụ truy cập, truy nhập internet)	6190
6	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4649
7	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
9	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
10	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4633
11	Bán buôn thực phẩm (trừ bán buôn lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở)	4632
12	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933

14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5229
15	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật)	6619
16	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý xổ số, đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản; phát hành xổ số kiến thiết và thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4610
17	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
18	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4641
19	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659
22	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở dịch vụ kính thuốc, hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ mắt kính	8699
23	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4690
24	Bán lẻ lương thực Chi tiết: trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật	4721

25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bếp ga và các phụ kiện có liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn và thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4679
26	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4651
27	Bán lẻ thực phẩm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4722
28	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
29	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: bán lẻ đồ uống, rượu, bia và đồ uống không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4723
30	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước)	6499
31	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4790
32	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4759
33	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3314
34	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (điện mặt trời dưới 1 MW) (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
35	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3312

36	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4711
37	Lập trình máy tính khác	6219
38	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng Chi tiết: Bán lẻ đồ điện máy gia dụng, điện thoại di động, thiết bị tin học, viễn thông đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4774
39	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử	6211
40	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông Chi tiết: Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
42	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi Chi tiết: Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4763
43	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4661
44	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
45	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4781
46	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9531
47	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6390

48	Bán lẻ tổng hợp khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4719
49	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng Chi tiết: Quản lý hoạt động văn phòng, hành chính như lễ tân, dịch vụ nhân sự và chuyển phát thư, hệ thống sổ sách cho người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	8210
50	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4673
51	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4672
52	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Chi tiết: bán lẻ văn phòng phẩm	4761
53	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9522
54	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn (trừ bán lẻ gạo, đường, đường mía, thuốc lá, thuốc lào)	4711
55	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4751
56	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4663
57	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9521
58	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4783
59	Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9529

60	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6039
61	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
62	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa (trừ vận tải hàng hóa đường hàng không; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5231
63	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách (trừ vận tải hành khách đường hàng không; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5232
64	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện (điện mặt trời dưới 1MW) (Trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512
65	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9532
66	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4642
67	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4762
68	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9510

69	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4753
70	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4752
71	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4773
72	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động) cho khách hàng; Hoạt động phân tích thông tin của khách hàng cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)	6310
73	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
75	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tổng đài điện thoại; Dịch vụ trả lời điện thoại; Dịch vụ trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center). (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)	8220
76	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Loại trừ dịch vụ thăm dò dư luận	7320
77	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giới thiệu, tư vấn hỗ trợ khách hàng tham gia các chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và chương trình xúc tiến khác của nhà sản xuất	8299
78	Cho thuê xe có động cơ	7710
79	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
80	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

82	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền của Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
83	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
84	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4653
85	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính viễn thông (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của Luật Bưu chính và dịch vụ bưu chính công ích; không bao gồm hoạt động phát hành báo chí)	5310
86	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát (Courier services) (trừ dịch vụ bưu chính công ích)	5320
87	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
88	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý thanh toán (căn cứ theo điều 2 chương I và điều 4 chương II của thông tư 07/2024/TT-NHNN và các quy định pháp luật khác được áp dụng)	6419

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Năm	Cột mốc quan trọng
2004	Công ty TNHH Thế Giới Di Động (Mobile World Co. Ltd) thành lập vào tháng 03/2004 bởi 5 thành viên đồng sáng lập là Trần Lê Quân, Nguyễn Đức Tài, Đinh Anh Huân, Điêu Chính Hải Triều và Trần Huy Thanh Tùng với hoạt động kinh doanh chính bao gồm: mua bán sửa chữa các thiết bị liên quan đến điện thoại di động, thiết bị kỹ thuật số và các lĩnh vực liên quan đến thương mại điện tử
2007	Công ty TNHH Thế Giới Di Động chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần để mở rộng cơ hội phát triển **Ngày 02/01/2007:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động
2009	Đến cuối năm 2009, Công ty có tổng cộng 38 cửa hàng, trong đó 19 cửa hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh, 5 cửa hàng tại Hà Nội, 2 cửa hàng tại Đà Nẵng và 12 cửa hàng khác tại các tỉnh Đồng Nai, Long An, Bình Dương, Cà Mau, v.v. **Ngày 14/02/2009:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 3 tăng vốn điều lệ từ 5 tỷ đồng lên 7,7 tỷ đồng
2010	Năm 2010 đánh dấu bước phát triển vượt bậc với sự ra đời liên tiếp của các cửa hàng Thế Giới Di Động. Cuối năm 2010, Công ty tăng gấp đôi số cửa hàng so với năm 2009

Năm	Cột mốc quan trọng
	Công ty ra mắt hệ thống bán lẻ toàn quốc với thương hiệu Dienmay.com
2011	Cuối năm 2011, số cửa hàng của Công ty tăng lên gấp 3 lần so với năm 2010 **Ngày 12/12/2011:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 11 tăng vốn điều lệ từ 7,7 tỷ đồng lên 131,3 tỷ đồng
2013	Tính đến cuối năm 2013, Điện Máy Xanh có 12 cửa hàng tại 9 tỉnh thành trên cả nước Trong khi đó Thế Giới Di Động đã có hơn 213 cửa hàng phủ khắp 63 tỉnh thành phố (trước sáp nhập) trên cả nước, trở thành hệ thống bán lẻ thiết bị di động đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam có mặt tại tất cả 63 tỉnh thành phố trên cả nước tại thời điểm đó
2014	**Ngày 09/05/2014:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 14 tăng vốn điều lệ từ 131,3 tỷ đồng lên 483,6 tỷ đồng
2015	Hệ thống bán lẻ Dienmay.com chính thức được đổi tên thành hệ thống Điện Máy Xanh **Ngày 20/01/2015:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 16 tăng vốn điều lệ từ 483,6 tỷ đồng lên 960,9 tỷ đồng
2016	Chuỗi Thế Giới Di Động tiếp tục thống lĩnh và tiếp tục mở rộng với gần 900 siêu thị Chuỗi Điện Máy Xanh trở thành nhà bán lẻ điện thoại, điện máy đầu tiên tại Việt Nam phủ sóng 63/63 tỉnh thành (thời điểm trước sáp nhập) vào tháng 7/2016 với hơn 250 cửa hàng
2017	Chuỗi Thế Giới Di Động cán mốc 1.000 cửa hàng trên toàn quốc và duy trì vị thế dẫn đầu với 1.072 cửa hàng tại thời điểm cuối năm 2017 Chuỗi Điện Máy Xanh: Tạo dấu ấn mạnh mẽ trong việc mở rộng, kết thúc năm 2017 với hơn 640 cửa hàng toàn quốc
2018	**Ngày 20/04/2018:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 21 tăng vốn điều lệ từ 960,9 tỷ đồng lên 1.960,9 tỷ đồng **Ngày 15/05/2018:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 22 tăng vốn điều lệ từ 1.960,9 tỷ đồng lên 1.961,5 tỷ đồng
2019	Chuỗi Thế Giới Di Động đạt 996 cửa hàng Chuỗi Điện Máy Xanh đạt 1.018 cửa hàng, vượt số cửa hàng Thế Giới Di Động
2020	**Ngày 18/06/2020:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 24 tăng vốn điều lệ từ 1.961,5 tỷ đồng lên 2.761,5 tỷ đồng
2021	**Ngày 25/11/2021:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 26 tăng vốn điều lệ từ 2.761,5 tỷ đồng lên 3,561.5 tỷ đồng
2022	**Ngày 05/08/2022:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động được Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 28 tăng vốn điều lệ từ 3,561.5 tỷ đồng lên 4.361,5 tỷ đồng

Năm	Cột mốc quan trọng
2023	Công ty thực hiện tái cấu trúc và đánh giá lại từng vị trí cửa hàng tại Chuỗi Thế Giới Di Động (bao gồm TopZone) nhằm tối ưu hóa lợi nhuận tại mỗi cửa hàng Chuỗi Thế Giới Di Động đạt 1.076 cửa hàng (bao gồm Topzone) Chuỗi Điện Máy Xanh đạt 2.190 cửa hàng
2024	Chuỗi Thế Giới Di Động đạt 1.021 cửa hàng (Bao gồm Topzone) Chuỗi Điện Máy Xanh đạt 2.026 cửa hàng
2025	**Ngày 03/11/2025:** Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động chính thức được chấp thuận đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh **Ngày 09/12/2025:** Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 32 tăng vốn điều lệ từ 4.361,5 tỷ đồng lên 10.903,8 tỷ đồng **Ngày 19/12/2025:** Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận ĐKDN thay đổi lần thứ 33 tăng vốn điều lệ từ 10.903,8 tỷ đồng lên 11.012,8 tỷ đồng

Nguồn: DMX

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (và cơ cấu nhóm công ty)

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, Cơ cấu tổ chức của Công ty (và cơ cấu của nhóm công ty) cụ thể như sau:

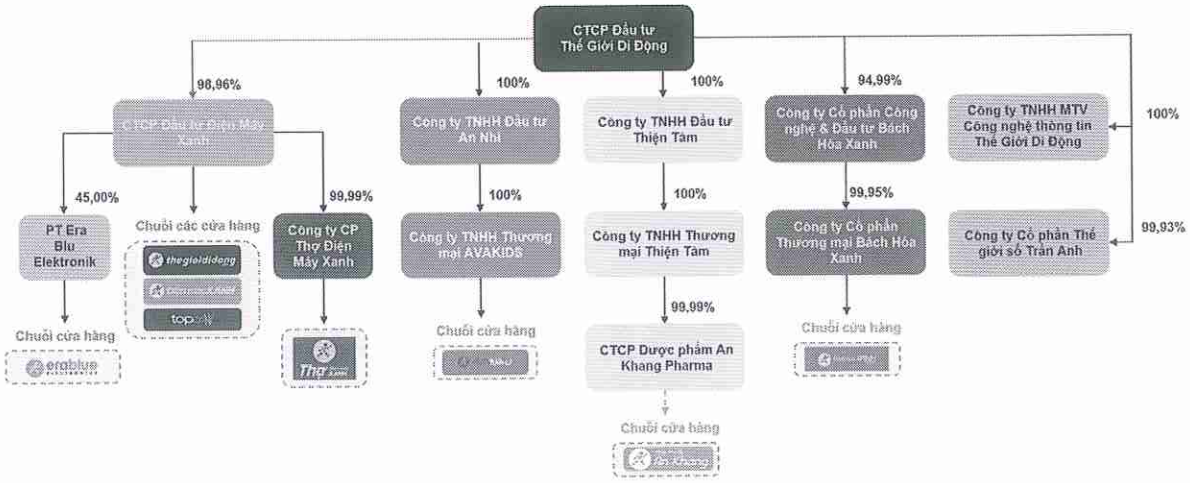

Nguồn: DMX

Ghi chú:

- *Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh đã ngưng hoạt động và đang trong quá trình làm thủ tục giải thể*
- *Công ty Cổ phần 4K Farm đã hoàn tất thủ tục giải thể*

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh có công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động ("**MWG**"). Hiện tại, MWG sở hữu 98,955% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh, với tỷ lệ biểu quyết là 98,955%. Thông tin chung về MWG như sau:

- Trụ sở chính: Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Vốn điều lệ (tại ngày 14/01/2026): 14.696.931.770.000 đồng *(Mười bốn nghìn sáu trăm chín mươi sáu tỷ chín trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)*
- Điện thoại: 028 3812 5960 Fax: 028 3812 5961
- Website: https://mwg.vn/
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2009 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 36 ngày 23/12/2025
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, dịch vụ làm thủ tục về thuế). Mã ngành: 7020.
- MWG chính thức niêm yết trên sàn HOSE vào ngày 14/07/2014 với mã cổ phiếu MWG

Tính đến thời điểm hiện tại, MWG có 8 công ty con trực tiếp, 4 công ty con gián tiếp và 01 công ty liên doanh.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Mô hình quản trị hiện tại của Công ty được thiết lập theo cấu trúc tối ưu để hỗ trợ HĐQT quản lý, điều hành bao quát cả Công ty cũng như thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả thực hiện công việc bằng việc phân chia rõ ràng trách nhiệm giữa các bộ phận điều hành, kinh doanh, hỗ trợ nhằm đảm bảo lợi ích tổng thể của Công ty.

Tính đến ngày lập Bản cáo bạch này, cơ cấu quản lý của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ủy ban Kiểm toán
- Tổng Giám đốc
- Các khối vận hành bao gồm Phòng tài chính kế toán, Phòng quan hệ nhà đầu tư, Khối marketing, Khối thương mại điện tử, Khối backend, Phòng phát triển mặt bằng, Khối hành chính - nhân sự, Khối bán hàng, Khối ngành hàng, Khối công nghệ thông tin, Khối trải nghiệm khách hàng.

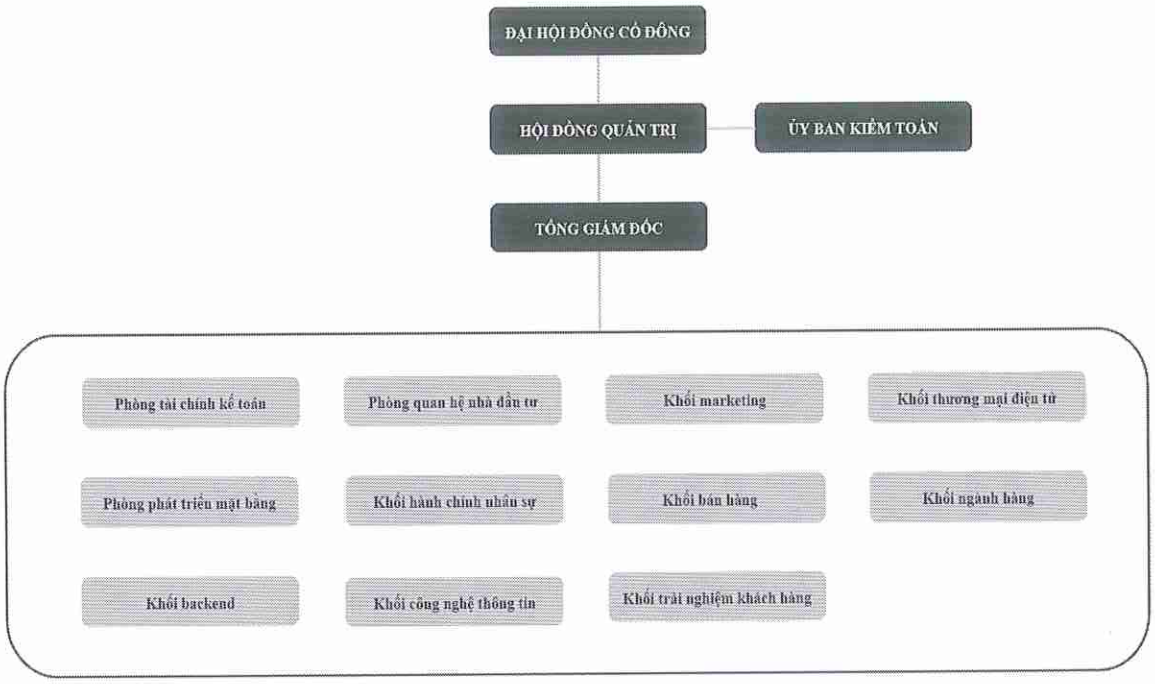

Nguồn: DMX

4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bất thường có quyền thảo luận và thông qua:

- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị và báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- Kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty, và định hướng phát triển của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);
- Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị;
- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán;
- Quyết định việc tạo lập các loại cổ phần, quyền lợi, quyền ưu đãi và đặc quyền của mỗi loại cổ phần, và số lượng cổ phần được phát hành đối với mỗi loại, bao gồm các chương trình thưởng Cổ phần, mua Cổ phần hoặc quyền chọn mua Cổ phần dành cho nhân viên;
- Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;
- Quyết định giao dịch đầu tư, giao dịch mua lại cổ phần hoặc chứng khoán khác của bất kỳ công ty nào khác hoặc việc đầu tư vào sở hữu bất động sản với mỗi giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);
- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155.

4.2 Hội đồng Quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị không ít hơn 05 (năm) người, không vượt quá 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 04 (bốn) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 04 (bốn) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị độc lập và thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. HĐQT có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược, kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và xác lập các mục tiêu hoạt động theo Điểm b Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty;
- Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định thù lao, lương, thưởng hoặc các lợi ích khác của Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Tổng Giám đốc cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Tổng Giám đốc;
- Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi và các điều khoản và điều kiện cụ thể của từng loại trái phiếu, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi đó trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Xem xét và trình báo cáo tài chính thường niên lên Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định việc ký kết bất kỳ một hoặc một nhóm hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác (không phải là các giao dịch quy định theo các Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 và Điểm n Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty) mà giá trị cộng dồn của (các) hợp đồng đó của Công ty có trị giá hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất của Công ty gần nhất được kiểm toán;

- Quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ việc bán tài sản nào của Công ty (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j và m Khoản 2 Điều 14 và Điểm e Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty) với giá thị trường hợp lý hoặc giá trị giao dịch dự kiến vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ thích hợp của công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả công tác kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát việc tuân thủ pháp luật; và
- Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, cũng như những quyền và nghĩa vụ khác được pháp luật quy định.

Danh sách thành viên HĐQT tại thời điểm ký Bản cáo bạch này gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Vũ Đăng Linh	Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc
4	Ông Robert A.Willett	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
6	Ông Võ Hà Trung Tín	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

Nguồn: DMX

4.3 Ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị

Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban kiểm toán có ít nhất 02 (hai) thành viên, số lượng cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

- Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng Quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

- Hội đồng Quản trị thông qua và ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty.
- Ủy ban kiểm toán thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy chế hoạt động được Hội đồng Quản trị thông qua và theo quy định pháp luật.

Danh sách thành viên ủy ban kiểm toán tại thời điểm ký Bản cáo bạch này gồm:

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
2	Ông Võ Hà Trung Tín	Thành Viên Ủy ban Kiểm toán

Nguồn: DMX

4.4 Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 03 (ba) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định số lượng Cán bộ Quản lý theo cơ cấu tổ chức được Hội đồng Quản trị phê duyệt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Cán bộ Quản lý này, và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ Quản lý đó;
- Quyết định số lượng người lao động, việc tuyển dụng lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính;
- Quyết định những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- Uỷ nhiệm, uỷ quyền và bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được uỷ nhiệm, uỷ quyền và bổ nhiệm phải thực hiện nhiệm vụ được giao của mình và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao đó. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng Quản trị; và
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và quy định của pháp luật.
- Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.
- Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của HĐQT với vai trò là quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng Giám đốc cũng đồng thời là thành viên HĐQT.

4.5 Các khối phòng ban

4.5.1 Phòng tài chính kế toán

- Theo dõi, kiểm soát báo cáo thu chi của chi nhánh do thu ngân gửi về; kiểm soát việc nộp tiền vào ngân hàng theo đúng quy định; kiểm tra các chứng từ, hóa đơn tại cửa hàng; kiểm soát quỹ tiền mặt; kiểm soát tiền ngân quỹ nộp về công ty theo đúng thời hạn, đúng quy trình.
- Kiểm tra và kiểm soát chi phí trong nghiệp cụ thanh toán phát sinh của các phòng ban cho hợp lý, đúng theo quy định của Tổng Giám đốc.
- Thực hiện các công việc liên quan đến thuế.
- Quản lý công nợ; thực hiện thanh toán cho các nhà cung cấp, các cá nhân, đơn vị cho thuê mặt bằng cửa hàng, v.v.
- Tổng hợp, phân tích tình hình tài chính, cung cấp các dữ liệu, số liệu tài chính của Công ty một cách thường xuyên, khi có yêu cầu đảm bảo phục vụ tốt cho công tác điều hành của Tổng Giám đốc.
- Lập báo cáo tài chính.

- Xây dựng, soạn thảo các quy trình, văn bản có liên quan đến công tác tài chính, kế toán, các quy định về quản lý chi tiêu tài chính trình Tổng Giám đốc ban hành hoặc đề xuất với lãnh đạo Công ty trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và ban hành cho toàn Công ty.
- Thực hiện các công việc khác liên quan đến kế toán, tài chính.

4.5.2 Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR)

- Phòng Quan hệ Nhà đầu tư có chức năng thực hiện công bố thông tin và duy trì quan hệ với nhà đầu tư, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Thực hiện công bố Báo cáo tài chính định kỳ, soát xét, kiểm toán và công bố thông tin theo quy định pháp luật.
- Thực hiện lập và công bố các báo cáo quản trị công ty, báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý theo quy định hiện hành.
- Là đầu mối cung cấp, trao đổi thông tin với nhà đầu tư trong phạm vi thông tin đã được công bố hợp pháp.
- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và các hoạt động quan hệ nhà đầu tư định kỳ theo quy định.
- Phối hợp với các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo việc công bố thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời và tuân thủ quy định pháp luật.

4.5.3 Khối marketing

- Xây dựng và triển khai chiến lược Marketing tổng thể nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng của Công ty, bao gồm quản lý thương hiệu, truyền thông tích hợp và hoạt động Digital Marketing.
- Phát triển nội dung sáng tạo, quản lý hình ảnh thương hiệu và đảm bảo tính nhất quán trên toàn bộ kênh truyền thông và điểm bán.
- Thực hiện truyền thông đại chúng, quan hệ công chúng, quản lý truyền thông khủng hoảng và tối ưu hiệu quả đầu tư media.
- Triển khai hoạt động Trade Marketing tại hệ thống cửa hàng, tối ưu trưng bày, chương trình kích cầu và góp phần thúc đẩy doanh số bán lẻ.

4.5.4 Khối thương mại điện tử

- Xây dựng chiến lược kinh doanh và vận hành TMĐT cho toàn bộ hệ sinh thái.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh, marketing, media, nội dung, chăm sóc khách hàng và quản lý nhà cung cấp nhằm tối ưu doanh thu, chi phí và hiệu quả hoạt động trên các nền tảng trực tuyến.
- Giám sát vận hành, logistics, xử lý đơn hàng, hệ thống kho và các kênh bán hàng online, bảo đảm chất lượng dịch vụ, tính nhất quán và khả năng mở rộng toàn hệ thống.

4.5.5 Khối Backend

- Quản lý và kiểm soát các hoạt động chiết khấu, công nợ, hợp đồng kinh doanh và các giao dịch liên quan nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật.
- Tối ưu hóa quy trình vận hành backend, bao gồm chuẩn hóa dữ liệu, cải tiến quy trình nghiệp vụ và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động toàn hệ thống.
- Thực hiện công tác kiểm soát nội bộ, đánh giá rủi ro vận hành, giám sát tuân thủ và đề xuất biện pháp cải thiện nhằm bảo đảm tính an toàn, liêm chính và hiệu quả trong vận hành.
- Phối hợp với các phòng ban liên quan để xây dựng chính sách, quy trình kinh doanh và cơ chế kiểm soát thống nhất, phục vụ mục tiêu quản trị bền vững của Công ty.

4.5.6 Phòng Phát Triển Mặt Bằng

- Tìm kiếm, khảo sát và đánh giá địa điểm kinh doanh tiềm năng theo tiêu chuẩn quy hoạch mạng lưới của Công ty, bảo đảm hiệu quả đầu tư và tuân thủ pháp luật.
- Thực hiện đàm phán, ký kết và quản lý hợp đồng thuê mặt bằng, bao gồm điều khoản pháp lý, chi phí và rủi ro liên quan.

4.5.7 Khối Hành chính – Nhân sự

- Xây dựng và triển khai chiến lược nhân sự, bao gồm tuyển dụng, phát triển nguồn lực, đào tạo và hoạch định đội ngũ nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động của các chuỗi trong Công ty.
- Quản lý chế độ lao động – tiền lương, phúc lợi, quan hệ lao động và tuân thủ pháp luật, bảo đảm môi trường làm việc minh bạch, ổn định và phù hợp quy định.
- Thực hiện công tác hành chính, quản trị văn phòng, mua hàng không kinh doanh và cung ứng dịch vụ nội bộ nhằm bảo đảm vận hành hiệu quả, tiết kiệm và nhất quán.
- Xây dựng, ban hành và giám sát việc thực thi chính sách, quy trình HCNS; hỗ trợ các đơn vị trong quản trị nhân sự và phát triển tổ chức theo chiến lược.

4.5.8 Khối bán hàng

- Tổ chức và vận hành toàn bộ lực lượng bán hàng, kỹ thuật và dịch vụ khách hàng tại hệ thống cửa hàng nhằm đảm bảo kết quả kinh doanh, tuân thủ quy trình vận hành và tiêu chuẩn dịch vụ.
- Quản lý nhân sự và chất lượng vận hành tại điểm bán, bao gồm tư vấn bán hàng, kỹ thuật hỗ trợ, kho, thu ngân – sim số, trang trí và các vị trí vận hành liên quan.
- Thực thi các chương trình bán hàng, tối ưu hiệu suất cửa hàng, nâng cao trải nghiệm mua sắm và tỷ lệ chuyển đổi khách hàng.
- Phối hợp với các Khối Marketing, Ngành Hàng và Vận Hành trong triển khai chiến dịch kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng bền vững và duy trì vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ công nghệ.

4.5.9 Khối ngành hàng

- Xây dựng và quản lý chiến lược danh mục sản phẩm – dịch vụ cho toàn bộ hệ thống các chuỗi, bao gồm lựa chọn danh mục, chính sách giá, chương trình khuyến mại và kế hoạch tăng trưởng theo chuỗi/nhóm sản phẩm.
- Phát triển và duy trì mối quan hệ với nhà cung cấp, tối ưu chính sách thương mại, chi phí mua hàng và hiệu quả đàm phán nhằm gia tăng lợi nhuận gộp và đảm bảo nguồn cung ổn định.
- Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu và biên lợi nhuận thông qua quản trị vòng đời sản phẩm, mở rộng dịch vụ giá trị gia tăng (bảo hiểm, tài chính tiêu dùng, viễn thông…), và tối ưu vận hành triển khai tại cửa hàng.
- Giám sát hiệu quả kinh doanh ngành hàng theo thời gian thực, quản trị rủi ro về tồn kho – vận hành – chất lượng dịch vụ, và tuân thủ các quy định thương mại, bảo hành.

4.5.10 Khối CNTT

- Xây dựng kế hoạch và phát triển các dự án phần mềm ERP, web, và cơ sở dữ liệu, hỗ trợ hoạt động của các phòng ban liên quan.
- Hoạch định chiến lược phát triển ứng dụng và hệ thống nhằm tối ưu hóa quy trình hoạt động và đảm bảo hiệu quả công việc.
- Xây dựng các công cụ kiểm tra, bảo đảm an toàn và an ninh hệ thống, đồng thời phối hợp với các phòng ban để phát hiện và sửa lỗi hệ thống.
- Hỗ trợ các phòng ban xử lý các vấn đề liên quan đến CNTT, cập nhật công nghệ mới và đảm bảo hệ thống vận hành ổn định.

4.5.11 Khối trải nghiệm khách hàng

- Tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng qua các kênh liên lạc trực tuyến, bao gồm điện thoại và các phương tiện giao tiếp khác.
- Ghi nhận thông tin phản hồi của khách hàng và tiếp nhận khiếu nại từ các khách hàng để cải thiện dịch vụ.
- Tổ chức các chương trình khảo sát và lấy ý kiến khách hàng để nâng cao chất lượng phục vụ.
- Dựa trên thông tin phản hồi từ khách hàng, thực hiện các hành động kiểm tra và điều chỉnh quy trình dịch vụ để phù hợp với yêu cầu và nhu cầu của khách hàng.

4.6 Dự kiến mô hình quản trị công ty sau khi chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đáp ứng các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết để thực hiện niêm yết cổ phiếu sau khi chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. HĐQT Công ty cũng đã ban hành Quy chế công bố thông tin để tuân thủ quy định về việc tổ chức và công bố thông tin

của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cam kết sẽ tiếp tục đáp ứng các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết theo quy định.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Công ty

Trong vòng 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm hiện tại, DMX có công ty mẹ là MWG, thông tin cụ thể như sau:

Tên công ty mẹ	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động
Ngày thành lập	:	16/01/2009
Địa chỉ	:	Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/01/2009 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 36 ngày 23/12/2025
Điện thoại	:	028 3812 5960
Fax	:	028 3812 5961
Vốn điều lệ	:	14.696.931.770.000 đồng *(Mười bốn nghìn sáu trăm chín mươi sáu tỷ chín trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng)*

Hoạt động kinh doanh chính:

- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn kiểm toán, kế toán, dịch vụ làm thủ tục về thuế);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu);
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ gạo, đường).

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của MWG tại DMX:

- Tại ngày 31/12/2024: 99,945%

- Tại ngày 31/12/2025: 98,955%
- Tại thời điểm hiện tại: 98,955%

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của DMX tại MWG trong vòng 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm hiện tại: 0%

5.2 Những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ngoài công ty mẹ được nêu trên đây, không có công ty nào khác nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty trong vòng 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết (năm 2024, năm 2025) và đến thời điểm hiện tại.

5.3 Danh sách công ty con của Công ty trong 2 năm liên tục gần nhất

5.3.1 Thông tin tổng quan

STT	Tên công ty	Ngày cấp/ ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa điểm hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
							Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại thời điểm hiện tại
1	Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	29/11/2019	0316043151	128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành	500.000.000.000 đồng	0%	99,99%	99,99%
2	Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd (Đã hoàn tất giải thể ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương Mại)	26/10/2016	00020766	Phom Penh, Cambodia (Ngừng hoạt động)	Quản lý đầu tư	702.488.640.000 đồng	100%	Đã giải thể	
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm An	21/08/2017	0314587300	128 Trần Quang Khải,	Bán lẻ dược phẩm	2.012.941.200.000 đồng	99,99%	0%	0%

STT	Tên công ty	Ngày cấp/ ngày thành lập	Số GCN ĐKDN	Địa điểm hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
							Tại 31/12/ 2024	Tại 31/12/ 2025	Tại thời điểm hiện tại
	Khang Pharma (Đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần tại ngày 23/12/2025)			Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh					

Nguồn: DMX

5.3.2 Thông tin tài chính

Thông tin tài chính các công ty con năm 2024

STT	Tên công ty	Năm 2024 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	2.503.321	620.503	72.498	58.311	368.249	268.249
2	Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd (Đã hoàn tất giải thể ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương Mại)	Không có	Không có	Không có	Không có	702.489	(723.433)
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (Đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ	2.271.717	460.597	(348.696)	(348.696)	1.021.070	(1.025.970)

STT	Tên công ty	Năm 2024 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	phần tại ngày 23/12/2025)						

Nguồn: DMX

Thông tin tài chính các công ty con năm 2025

STT	Tên công ty	Năm 2025 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	2.576.290	790.943	251.613	201.117	500.000	0(*)
2	Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd (Đã hoàn tất giải thể ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương Mại)	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có	Không có
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma (Đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần tại ngày 23/12/2025)	2.174.357	416.150	(113.576)	(113.576)	907.494	(1.139.546)

Nguồn: DMX

Thông tin tài chính các công ty con Quý 1 năm 2026

STT	Tên công ty	Quý 1/2026 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	689.990	196.018	36.927	29.446	500.000	29.446

Nguồn: DMX

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh là 0 đồng, do Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông với tổng giá trị 469.366.435.419 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ/ĐHĐCĐ/BHTT-2025 ngày 02/10/2025, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 04/NQ/ĐHĐCĐ/BHTT-2025 ngày 09/11/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04.A/NQ/ĐHĐCĐ/TĐMX-2025 ngày 20/12/2025.

5.4 Công ty liên doanh của Công ty

5.4.1 Thông tin chung

TT	Tên công ty	Căn cứ pháp lý	Địa điểm hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
						Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại thời điểm hiện tại
1	PT Era Blu Elektronik	GCNĐKDN: 1012210042849 (cấp ngày 10/12/2021) GCNĐKĐT ra nước ngoài: 202200996 (cấp ngày 04/03/2022)	Erajaya Plaza, Jl. Bandengan Selatan No. 19–20, Pekojan – Tambora, Jakarta Barat 11240, Indonesia	Kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác	400.500.000.000 Rupiah Indonesia	45%	45%	45%

Nguồn: DMX

5.4.2 Thông tin tài chính

TT	Tên công ty	Năm 2024 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lỗ trước thuế	Lỗ sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	PT Era Blu Elektronik (Tỷ giá 1 VND =1.69 IDR)	2.288.197	300.785	(99.103)	(99.103)	676.845	(95.002)

Nguồn: DMX

TT	Tên công ty	Năm 2025 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	PT Era Blu Elektronik (Tỷ giá 1 VND =1.57 IDR)	3.705.708	491.704	46.295	54.114	865.070	(34.143)

Nguồn: DMX

STT	Tên công ty	Quý 1/2026 (triệu đồng)					
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
1	PT Era Blu Elektronik (Tỷ giá 1 VND =1,57 IDR)	1.394.895	193.096	18.532	20.026	1.116.500	(13.465)

Nguồn: DMX

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tại thời điểm thành lập (tháng 03/2004), Công ty TNHH Thế Giới Di Động (tiền thân của Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động, sau này đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh) có vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng (*Năm tỷ đồng*).

Từ lúc chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần (từ ngày 02/01/2007), Công ty đã thực hiện 11 đợt thay đổi vốn điều lệ, nhằm mục đích mở rộng và nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Vốn điều lệ hiện nay là 11.012.835.000.000 đồng *(Mười một nghìn không trăm mười hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, tương ứng 1.101.283.500 cổ phần. Chi tiết quá trình tăng, giảm vốn như sau:

Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Thời điểm cấp GCN ĐKDN	Lần tăng/ giảm	VĐL trước khi tăng/ giảm (triệu đồng)	VĐL tăng/ giảm thêm (triệu đồng)	VĐL sau khi tăng/ giảm (triệu đồng)	Phương thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép
02/01/2007	Chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần	5.000	-	5.000	- Chuyển đổi từ công ty TNHH sang công ty cổ phần - Quyết định Hội đồng thành viên số 03/NQ/HĐTV/2006 ngày 15/12/2006: NQ HĐTV chuyển đổi công ty cổ phần.	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 02/01/2007
14/02/2009	1	5.000	2.664	7.664	- Phát hành thêm 266.404 cổ phần phổ thông với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng cho cổ đông mới để tăng vốn; - Quyết định ĐHĐCĐ số 01/2009/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 05/01/2009 tăng vốn lần 01	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/02/2009
12/12/2011	2	7.664	123.598	131.262	- Phát hành thêm 12.359.796 cổ	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư

					phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Quyết định ĐHĐCĐ số 05/2011/ĐHĐCĐ/ TGDĐ ngày 01/11/2011 tăng vốn lần 02 (GPKD Lần 11, ngày 12/12/2011)	Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2011
09/05/2014	3	131.262	352.297	483.559	- Phát hành thêm 35.229.706 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Quyết định ĐHĐCĐ số 02/2014/NQ/ĐHĐ CĐ/TGDĐ ngày 30/03/2014	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/05/2014
20/01/2015	4	483.559	477.405	960.964	- Phát hành thêm 47.740.541 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Quyết định ĐHĐCĐ số 05/2014/NQ/ĐHĐ CĐ/TGDĐ ngày 30/12/2014	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 20/01/2015
20/04/2018	5	960.964	1.000.000	1.960.965	- Phát hành thêm 100.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu; - Quyết định ĐHĐCĐ số	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 20/04/2018

					01/2018/TGDĐ/QĐ ngày 12/04/2018	
15/05/2018	6	1.960.965	554	1.961.519	- Phát hành thêm 55.434 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu; - Quyết định ĐHĐCĐ số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 15/05/2018
18/06/2020	7	1.961.519	800.000	2.761.519	- Phát hành thêm 80.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2020 ngày 10/06/2020	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 18/06/2020
25/11/2021	8	2.761.519	800.000	3.561.519	- Phát hành thêm 80.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 25/11/2021
05/08/2022	9	3.561.519	800.000	4.361.519	- Phát hành thêm 80.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho	- Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 28

					cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022	ngày 05/08/2022
09/12/2025	10	4.361.519	6.542.278	10.903.797	- Phát hành thêm 654.227.821 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025	- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần thứ 32 ngày 09/12/2025
19/12/2025	11	10.903.797	109.038	11.012.835	- Phát hành riêng lẻ 10.903.798 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng; - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025	- Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thay đổi lần thứ 33 ngày 19/12/2025

Nguồn: DMX

DMX không có đợt giảm vốn điều lệ nào kể từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 đã được kiểm toán, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY có ý kiến như sau:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp."

Theo báo cáo nêu trên, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh tại ngày 31/01/2026 là 11.012.835.000.000 tỷ đồng.

Chi tiết quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đến nay:

6.1 *Tăng vốn lần 1: Tăng vốn từ 5.000.000.000 đồng lên 7.664.040.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 5.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 7.664.040.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phần cho cổ đông mới để tăng vốn
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 266.404 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 2.664.040.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 2.664.040.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 6 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Quyết định ĐHĐCĐ Công ty số 01/2009/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 05/01/2009 tăng vốn lần 01

  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14/02/2009

6.2 *Tăng vốn lần 2: Tăng vốn từ 7.664.040.000 đồng lên 131.262.000.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 7.664.040.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 131.262.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 12.359.796 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 123.597.960.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 123.597.960.000 đồng

- Số lượng cổ đông trước phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 6 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Quyết định ĐHĐCĐ Công ty số 05/2011/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 01/11/2011 tăng vốn lần 02

  - Giấy chứng nhận ĐKDN Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 11 ngày 12/12/2011

6.3 *Tăng vốn lần 3: Tăng vốn từ 131.262.000.000 đồng lên 483.559.060.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 131.262.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 483.559.060.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 35.229.706 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 352.297.060.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 6 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Quyết định ĐHĐCĐ Công ty số 02/2014/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 30/03/2014

  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 14 ngày 09/05/2014

6.4 *Tăng vốn lần 4: Tăng vốn từ 483.559.060.000 đồng lên 960.964.470.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 483.559.060.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 960.964.470.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : (i) Góp vốn bằng hình thức cấn trừ công nợ với

MWG và (ii) Góp vốn bằng hình thức chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần

- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 47.740.541 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 477.405.410.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 477.405.410.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 6 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 6 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số số 05/2014/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 30/12/2014
  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 16 ngày 20/01/2015

6.5 *Tăng vốn lần 5: Tăng vốn từ 960.964.470.000 đồng lên 1.960.964.470.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 960.964.470.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 1.960.964.470.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng việc chuyển đổi khoản vay thành vốn cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 100.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 1.000.000.000.0000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 1.000.000.000.0000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Quyết định của ĐHĐCĐ Công ty số 01/2018/TGDĐ/QĐ ngày 12/04/2018

- Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 21 ngày 20/04/2018

6.6 *Tăng vốn lần 6: Tăng vốn từ 1.960.964.470.000 đồng lên 1.961.518.810.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 1.960.964.470.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 1.961.518.810.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho 01 cổ đông hiện hữu
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 55.434 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 554.340.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 554.340.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Quyết định của ĐHĐCĐ Công ty số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018
  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 22 ngày 15/05/2018

6.7 *Tăng vốn lần 7: Tăng vốn từ 1.961.518.810.000 đồng lên 2.761.518.810.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 1.961.518.810.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 2.761.518.810.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : (i) Góp vốn bằng tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng và (ii) góp vốn bằng tiền thông qua chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 80.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 800.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2020 ngày 10/06/2020
  - Giấy chứng nhận ĐKDN Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 24 ngày 18/06/2020

6.8 *Tăng vốn lần 8: Tăng vốn từ 2.761.518.810.000 đồng lên 3.561.518.810.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 2.761.518.810.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 3.561.518.810.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : (i) Góp vốn bằng tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng và (ii) góp vốn bằng tiền thông qua chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 80.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 800.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021
  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 26 ngày 25/11/2021

6.9 *Tăng vốn lần 9: Tăng vốn từ 3.561.518.810.000 đồng lên 4.361.518.810.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 3.561.518.810.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 4.361.518.810.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu
- Hình thức góp vốn : (i) Góp vốn bằng tiền thông qua chuyển khoản ngân hàng và (ii) góp vốn bằng tiền thông qua chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 80.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 800.000.000.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022
  - Giấy chứng nhận ĐKDN Sở Kế Hoạch Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 28 ngày 05/08/2022

6.10 *Tăng vốn lần 10: Tăng vốn từ 4.361.518.810.000 đồng lên 10.903.797.020.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 4.361.518.810.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 10.903.797.020.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 654.227.821 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 6.542.278.210.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông

- Số lượng cổ đông sau phát hành : 5 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025
  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 32 ngày 09/12/2025

6.11 *Tăng vốn lần 11: Tăng vốn từ 10.903.797.020.000 đồng lên 11.012.835.000.000 đồng*

- Vốn điều lệ trước phát hành : 10.903.797.020.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành : 11.012.835.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Chào bán cổ phần riêng lẻ
- Hình thức góp vốn : Góp vốn bằng tiền
- Tổng số lượng cổ phiếu phát hành : 10.903.798 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Vốn điều lệ tăng thêm : 109.037.980.000 đồng
- Tổng số tiền thu được : 109.037.980.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước phát hành : 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành : 96 cổ đông
- Cơ sở pháp lý : - Nghị quyết của ĐHĐCĐ Công ty số số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025
  - Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần 33 ngày 19/12/2025

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện) tại các doanh nghiệp khác.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1 Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ công của Công ty tại ngày 26/02/2026

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ %/VĐL
1	**Cổ đông trong nước**	**96**	**1.101.283.500**	**100,000%**
	Cá nhân	95	11.507.900	1,045%
	Tổ chức	1	1.089.775.600	98,955%
	Tổ chức có NĐT nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	-	-	-
2	**Cổ đông nước ngoài**	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
	Tổ chức	-	-	-
3	**Cổ phiếu quỹ**	-	-	-
TỔNG CỘNG (1+2+3)		**96**	**1.101.283.500**	**100,000%**

Nguồn: DMX

8.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3 Các loại chứng khoán khác

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết theo quy định pháp luật: 49,0% căn cứ Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/01/2026. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các văn bản sửa đổi, bổ sung, Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện tại: 0%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1 Các dịch vụ và hoạt động kinh doanh chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ với các mặt hàng chính như điện thoại, điện máy, máy tính xách tay, phụ kiện, máy tính bảng, đồng hồ và các loại hàng hóa khác. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các dịch vụ bên ngoài khác như sửa chữa và bảo trì các

loại thiết bị. Công ty hoạt động theo mô hình đa kênh, kết hợp bán hàng qua các hệ thống cửa hàng vật lý cũng như các kênh bán hàng trực tuyến. Các hệ thống bán lẻ của Công ty gồm:

a. Hệ thống bán lẻ thegioididong.com (Thế Giới Di Động):

Hệ thống Thế Giới Di Động chuyên bán lẻ các sản phẩm điện thoại di động, máy tính xách tay, phụ kiện và các thiết bị công nghệ khác. Được ra mắt lần đầu vào năm 2004, Thế Giới Di Động không ngừng phát triển mở rộng hệ thống cửa hàng. Tính đến cuối năm 2025, Thế Giới Di Động có 927 cửa hàng phủ rộng trên khắp 34 tỉnh thành tại Việt Nam.

Hình ảnh các cửa hàng Thế Giới Di Động

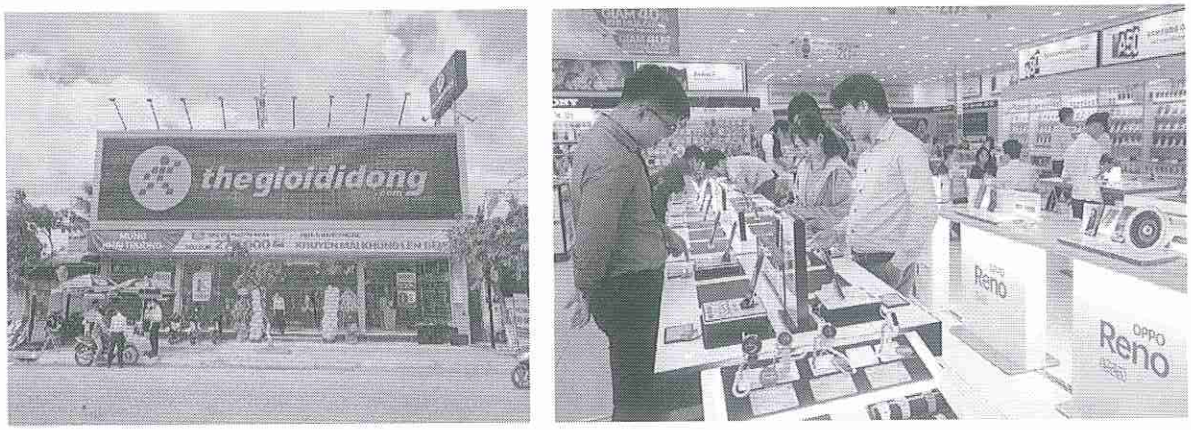

Nguồn: DMX

b. Hệ thống bán lẻ TopZone

Hệ thống bán lẻ TopZone chuyên cung cấp các sản phẩm của Apple như iPhone, iPad, MacBook, Apple Watch, AirPods và các phụ kiện chính hãng khác. Các cửa hàng của TopZone được đầu tư không gian, đáp ứng sự hiện đại theo chuẩn thiết kế của Apple, mang tới trải nghiệm mua sắm đẳng cấp cho khách hàng. Tính đến cuối năm 2025, hệ thống TopZone đã đạt 85 cửa hàng trên toàn quốc và là hệ thống cửa hàng chuyên bán lẻ các sản phẩm trong hệ sinh thái Apple hàng đầu Việt Nam.

Hình ảnh cửa hàng TopZone

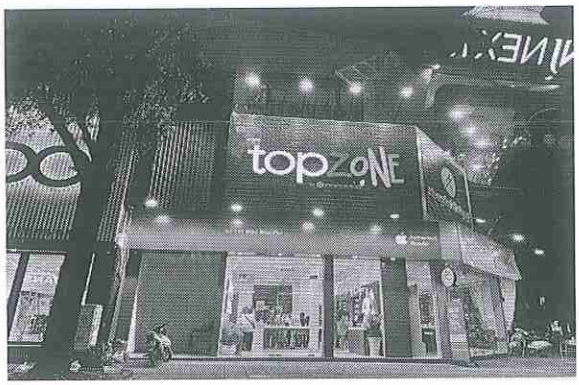

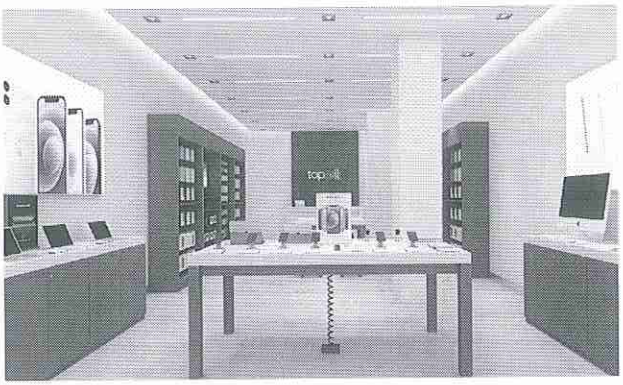

Nguồn: DMX

c. Hệ thống bán lẻ Điện Máy Xanh

Hệ thống bán lẻ Điện Máy Xanh chuyên cung cấp các sản phẩm điện thoại, điện máy từ các thương hiệu uy tín. Ra đời vào năm 2010, hệ thống Điện Máy Xanh không ngừng gia tăng mở rộng quy mô. Tính đến cuối năm 2025, hệ thống Điện Máy Xanh đạt 2.008 cửa hàng tại Việt Nam

- Mô hình DMX Mini: 852 cửa hàng – chiếm tỷ trọng lớn nhất trong hệ thống DMX. Mô hình này thường xuất hiện tại các khu dân cư đông đúc hơn, với diện tích trung bình khoảng 300-400 m^2/ cửa hàng.
- Mô hình DMX Super Mini: 822 cửa hàng – chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong hệ thống DMX. Mô hình này được đặt tập trung tại các khu vực nông thôn và vùng xa, với diện tích tương đối nhỏ, khoảng 150m^2/ cửa hàng.
- Mô hình DMX L: 334 cửa hàng. Các mô hình này tập trung tại các thành phố lớn, với diện tích trung bình khoảng 800 m^2/ cửa hàng. Đây là mô hình cửa hàng truyền thống, với danh mục sản phẩm đầy đủ nhất, phục vụ nhu cầu mua sắm đa dạng của khách hàng. Các cửa hàng mô hình DMX L đóng vai trò gia tăng hình ảnh thương hiệu cho hệ thống bán lẻ này.

Hình ảnh các cửa hàng Điện Máy Xanh

Nguồn: DMX

d. Hệ thống bán lẻ EraBlue

Được thành lập vào cuối năm 2022, EraBlue là chuỗi cửa hàng bán lẻ các thiết bị điện thoại, điện máy tiêu dùng tại Indonesia, tương tự mô hình Điện Máy Xanh tại Việt Nam. Tính tới cuối năm 2025, EraBlue đạt 181 cửa hàng tập trung tại West Java, Indonesia. EraBlue chính là bước đi chiến lược để Công ty mở rộng tăng trưởng ngoài thị trường Việt Nam.

Hình ảnh các cửa hàng EraBlue

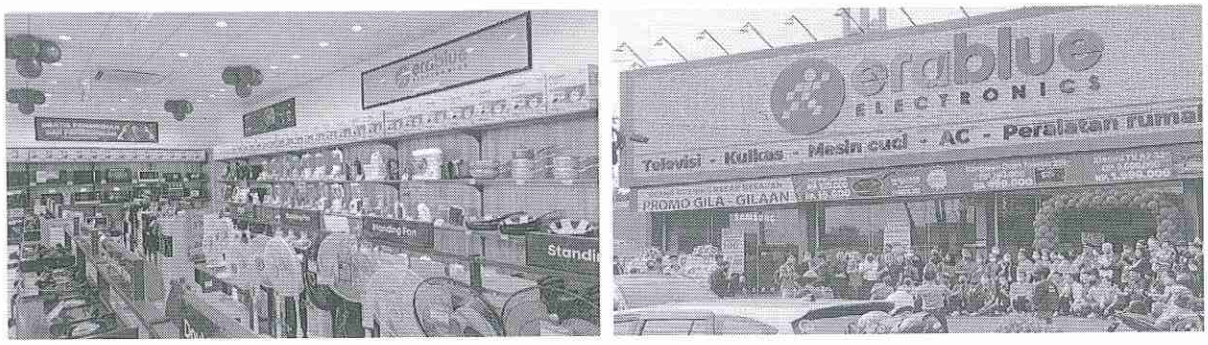

Nguồn: DMX

Chiến lược tổng thể của mô hình kinh doanh:

Cốt lõi trong chiến lược vận hành hệ thống bán lẻ của Công ty là lấy khách hàng làm trung tâm, tập trung tối đa vào sự thuận tiện và khả năng đáp ứng đa dạng nhu cầu tại điểm bán. Theo đó, việc triển khai song song các chuỗi cửa hàng với định vị khác nhau nhưng có sự giao thoa về danh mục sản phẩm là một lựa chọn có chủ đích nhằm tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và hiệu quả kinh doanh. Cụ thể như sau:

- TopZone được định vị là chuỗi chuyên biệt cho hệ sinh thái Apple, phục vụ nhóm khách hàng trung – cao cấp, đặc biệt là các tín đồ sử dụng sản phẩm Apple ("Apple fans"), với yêu cầu cao về trải nghiệm, không gian mua sắm hiện đại và chuẩn hóa theo tiêu chuẩn của Apple.
- Trong khi đó, Thế Giới Di Động tập trung vào các sản phẩm điện thoại từ đa dạng các hãng khác nhau, máy tính xách tay, phụ kiện và các thiết bị công nghệ khác, phục vụ nhu cầu mua sắm công nghệ. Mô hình này đặc biệt phù hợp tại các khu vực có quy mô thị trường chưa đủ lớn để triển khai cửa hàng điện máy quy mô lớn như Điện Máy Xanh.
- Điện Máy Xanh đóng vai trò là chuỗi bán lẻ điện máy tích hợp (như tivi, tủ lạnh, máy giặt, các mặt hàng đồ gia dụng phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng, v.v.), đồng thời mở rộng sang nhóm sản phẩm điện thoại, thiết bị điện tử nhằm tận dụng lưu lượng khách hàng sẵn có, tối ưu hóa doanh thu trên mỗi m2 và đáp ứng nhu cầu phát sinh của khách hàng.

Hiệu quả vận hành và ưu điểm của mô hình:

Chiến lược đa chuỗi với sự phân hóa rõ ràng về định vị nhưng linh hoạt về danh mục sản phẩm giúp Công ty vừa tối ưu hóa độ phủ thị trường, vừa nâng cao hiệu quả vận hành và trải nghiệm khách hàng, qua đó củng cố lợi thế cạnh tranh bền vững trong ngành bán lẻ.

Việc bố trí danh mục sản phẩm có sự trùng lắp nhất định giữa các chuỗi mang lại nhiều lợi ích rõ rệt:

- Trước hết, độ phủ cửa hàng lớn giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận sản phẩm tại nhiều điểm bán khác nhau, gia tăng tính thuận tiện.
- Tăng khả năng chuyển đổi bán hàng: khách hàng có thể tiếp cận sản phẩm trong nhiều bối cảnh mua sắm khác nhau (mua điện thoại tại cửa hàng Điện Máy Xanh khi mua điện máy, hoặc trải nghiệm Apple chuyên sâu tại TopZone).
- Ngoài ra, việc cùng một sản phẩm được bán tại nhiều hệ thống còn giúp khách hàng linh hoạt hơn trong đổi trả, nhờ mạng lưới cửa hàng rộng khắp.

Về mặt vận hành, mô hình đa chuỗi cũng mang lại tính linh hoạt cao trong phân bổ nguồn lực và điều chỉnh chiến lược. Tùy theo đặc điểm từng khu vực, Công ty có thể lựa chọn mô hình cửa hàng phù hợp (Thế Giới Di Động hoặc Điện Máy Xanh), thậm chí chuyển đổi giữa các mô hình khi nhu cầu thị trường thay đổi, qua đó đảm bảo hiệu quả kinh doanh tại từng điểm bán. Đồng thời, mỗi chuỗi vẫn giữ vai trò và tệp khách hàng mục tiêu riêng, hạn chế cạnh tranh nội bộ trực tiếp. Công ty có tính toán kỹ lưỡng tại từng vị trí khác nhau thì mở mô hình nào là hợp lý và hiệu quả.

Công ty bán hàng ở cả ba chuỗi nhưng tập trung đầu mối nhập hàng cho toàn hệ thống. Điều này giúp Công ty đạt được lợi thế quy mô, tối ưu chiết khấu từ nhà cung cấp và giảm chi phí hậu cần ("logistics") khi có thể vận hành chung hệ thống phân phối cho nhiều chuỗi (ví dụ tối ưu hóa chi phí giao hàng khi xe đi giao hàng một vòng cho cả ba chuỗi).

Quan trọng hơn, việc tích hợp danh mục sản phẩm giúp Công ty không bỏ lỡ nhu cầu mua sắm của khách hàng tại điểm bán. Ví dụ, khách hàng đến Điện Máy Xanh để mua thiết bị điện máy vẫn có thể mua thêm điện thoại nếu có nhu cầu, thay vì phải tìm đến đối thủ. Ngược lại, khách hàng có nhu cầu mua điện thoại chuyên biệt có thể đến Thế Giới Di Động để lựa chọn, hoặc vẫn có thể mua tại Điện Máy Xanh nếu đây là điểm bán gần và thuận tiện hơn. Điều này giúp Công ty tối đa hóa doanh thu trên mỗi khách hàng và nâng cao trải nghiệm mua sắm liền mạch.

Nhược điểm của mô hình và cách giảm thiểu rủi ro của Công ty:

Mặc dù mô hình đa chuỗi với danh mục sản phẩm trùng lắp mang lại lợi ích về độ phủ và doanh thu, vẫn tồn tại một số rủi ro vận hành, tuy nhiên nhìn chung ở mức kiểm soát được nhờ cơ chế quản trị tập trung.

Cụ thể, rủi ro cạnh tranh nội bộ giữa các chuỗi có thể gây phân tán doanh thu và áp lực giá, nhưng được giảm thiểu nhờ định vị rõ ràng và quản lý giá tập trung. Mô hình này cũng làm tăng độ phức tạp vận hành, nhưng được Công ty kiểm soát thông qua hệ thống quản trị tập trung và điều phối tồn kho linh hoạt. Rủi ro pha loãng thương hiệu được hạn chế nhờ khác biệt hóa không gian trưng bày, trải nghiệm và danh mục sản phẩm trọng tâm giữa các chuỗi. Trong khi đó, chi phí vận hành cao hơn được bù đắp bởi lợi thế quy mô và tối ưu doanh thu trên mỗi điểm bán. Cuối cùng, rủi ro phân bổ mô hình cửa hàng không được tối ưu được giảm thiểu thông qua đánh giá kỹ lưỡng từng khu vực (mật độ dân cư, thu nhập, hành vi tiêu dùng) và khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa các mô hình khi điều kiện thị trường thay đổi.

10.1.2 Các công nghệ ứng dụng

Công ty luôn ưu tiên trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong vận hành, liên tục cải tiến hệ thống nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động cũng như đem đến trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Các giải pháp công nghệ được công ty triển khai xuyên suốt trước – trong – và sau quá trình mua hàng, từ tìm kiếm thông tin, tư vấn, thanh toán đến giao nhận và hậu mãi. Nhờ đó, Công ty ngày càng nâng cao mức độ hài lòng từ khách hàng, giúp duy trì lợi thế cạnh tranh bền vững trong dài hạn. Một số công nghệ đã được Công ty triển khai và ứng dụng như sau:

- **Hệ thống dự báo và mua hàng bán tự động:** Hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và phân tích dữ liệu (Big Data) để dự báo nhu cầu mua hàng, giúp giảm tải công việc cho bộ phận mua hàng, tối ưu hóa lượng hàng tồn kho và giảm thiểu tình trạng thiếu hụt hoặc dư thừa hàng hóa. Hệ thống ERP được tích hợp vào quy trình này giúp quản lý và tự động hóa các hoạt động từ dự báo đến quy trình đặt hàng, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong việc quản lý kho và sản phẩm.
- **Hệ thống điều phối hàng hóa nội bộ:** Giải pháp này giúp tối ưu hóa việc phân bổ hàng hóa giữa các kho và cửa hàng theo nhu cầu thị trường, giảm chi phí vận chuyển, tối ưu hóa mức tồn kho và đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Hệ thống ERP hỗ trợ việc theo dõi và điều phối các quy trình nội bộ, cải thiện độ chính xác của dữ liệu về tồn kho và điều phối sản phẩm.
- **Hệ thống trưng bày hàng hóa tự động:** Ứng dụng công nghệ thị giác máy tính (Computer Vision) và cảm biến IoT, hệ thống hỗ trợ nhân viên trong việc sắp xếp hàng hóa trên kệ một cách tối ưu, đảm bảo khách hàng dễ dàng tìm thấy sản phẩm và tăng hiệu suất bán hàng.
- **Hệ thống kết nối đối tác tài chính:** Tích hợp với các đối tác tài chính giúp mở rộng dịch vụ thanh toán như thu hộ, chi hộ, mua hàng trả chậm, nâng cao trải nghiệm khách hàng và mở rộng cơ hội tiếp cận khách hàng mới.
- **Công cụ theo dõi tiến độ thực hiện so với chỉ tiêu kinh doanh:** Hệ thông phân tích dữ liệu trực quan, cung cấp báo cáo từ cấp độ tổng quan đến chi tiết theo từng danh mục sản phẩm, từng cửa hàng và khu vực, hỗ trợ ban lãnh đạo đưa ra quyết định kịp thời và chính xác.
- **Bảng giá điện tử tại cửa hàng:** Hệ thống bảng giá điện tử (ESL) được triển khai giúp cập nhật giá sản phẩm tức thời, giảm sai sót trong thay đổi giá, nâng cao tốc độ xử lý và tối ưu chi phí vận hành so với phương thức thay đổi bảng giá thủ công.
- **Hệ thống quản trị quảng cáo tại cửa hàng:** Giải pháp này cho phép quản lý nội dung quảng cáo theo thời gian thực, tự động điều chỉnh các chương trình khuyến mãi, tối ưu hóa hiệu quả quảng cáo và đồng bộ với các chiến dịch tiếp thị đa kênh (Omni-channel).
- **Hệ thống IoT tối ưu năng lượng:** Hệ thống IoT giám sát và điều chỉnh tiêu thụ năng lượng của các thiết bị điện trong cửa hàng, giúp tối ưu hóa chi phí vận hành, giảm tiêu hao điện năng mà vẫn đảm bảo môi trường mua sắm thoải mái cho khách hàng.

Công ty định hướng tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyển đổi số như một động lực then chốt để tối ưu hiệu suất và kiểm soát chi phí. Cụ thể, Công ty sẽ tập trung khai thác sức mạnh của dữ liệu lớn và các thuật toán thông minh để nâng cao năng lực dự báo nhu cầu, qua

đó quản trị hàng tồn kho và chuỗi cung ứng một cách chính xác và tiết kiệm. Song song đó, các giải pháp tự động hóa sẽ được tích hợp sâu rộng vào quy trình quản lý nhằm cắt giảm các tác vụ thủ công, kiểm soát chi phí hoạt động và giúp Công ty bảo vệ biên lợi nhuận trước các biến động của thị trường.

10.1.3 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng từ chu kỳ tiêu dùng và tính mùa vụ của từng nhóm sản phẩm. Cụ thể, vào các dịp cuối năm hoặc lễ hội như Tết Nguyên Đán, nhu cầu mua sắm điện thoại tăng cao do người tiêu dùng nâng cấp thiết bị phục vụ các dịp lễ tết, trong khi mùa hè lại là thời điểm nhu cầu các thiết bị điện máy như máy lạnh, tủ lạnh, quạt tăng mạnh để làm mát và bảo quản thực phẩm do thời tiết tăng cao. Nhận diện được yếu tố này, Công ty chủ động xây dựng kế hoạch vận hành và quản trị hàng tồn kho phù hợp theo từng giai đoạn trong năm, nhằm vừa đảm bảo khả năng đáp ứng nhu cầu của thị trường, vừa tối ưu hóa hoạt động chuỗi cung ứng và phân bổ hàng hóa để kiểm soát chi phí vận hành.

10.1.4 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu thuần	2024	2025	Quý 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Mảng điện thoại	44.326.519	55.497.291	16.102.151	25,2%
Mảng điện máy	38.025.850	40.816.117	13.460.740	7,3%
Sản phẩm khác	5.887.151	7.478.825	2.221.447	27,0%
Dịch vụ	1.678.883	2.182.766	651.646	30,0%
Mảng kinh doanh sản phẩm Mẹ và bé	1.181.834	1.348.241	-	14,1%
Mảng dược phẩm	-	-	-	-
Mảng Thợ Điện Máy Xanh	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần	**91.100.237**	**107.323.240**	**32.435.984**	**17,8%**

Nguồn: DMX

Cơ cấu doanh thu thuần Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Doanh thu thuần	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Mảng điện thoại	44.326.519	55.497.291	16.102.151	25,2%
Mảng điện máy	38.025.850	40.816.117	13.460.740	7,3%
Sản phẩm khác	5.871.805	7.460.417	2.221.447	27,1%
Dịch vụ	1.678.883	2.182.766	651.407	30,0%
Mảng kinh doanh sản phẩm Mẹ và bé	1.181.834	1.348.241	-	14,1%
Mảng dược phẩm	2.271.717	2.174.357	-	-4,3%
Mảng Thợ Điện Máy Xanh	-	-	106.206	-
Tổng doanh thu thuần	**93.356.608**	**109.479.189**	**32.541.950**	**17,3%**

Nguồn: DMX

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Lợi nhuận gộp	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Mảng điện thoại	5.366.345	6.549.375	1.974.987	22,0%
Mảng điện máy	7.973.992	8.452.358	2.985.687	6,0%
Sản phẩm khác	1.611.515	1.904.682	646.341	18,2%
Dịch vụ	1.542.244	1.940.283	615.394	25,8%
Mảng kinh doanh sản phẩm Mẹ và bé	140.074	229.214	-	63,6%
Mảng dược phẩm	-	-	-	-
Mảng Thợ Điện Máy Xanh	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận gộp	**16.634.170**	**19.075.912**	**6.222.409**	**14,7%**

Nguồn: DMX

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty (Hợp nhất)

Lợi nhuận gộp	2024	2025	Quý 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Mảng điện thoại	5.366.345	6.549.375	1.974.987	22,0%
Mảng điện máy	7.973.992	8.452.358	2.985.687	6,0%
Sản phẩm khác	1.611.508	1.904.682	646.341	18,2%
Dịch vụ	1.542.244	1.940.283	615.394	25,8%
Mảng kinh doanh sản phẩm Mẹ và bé	140.074	229.214	-	63,6%
Mảng dược phẩm	455.245	410.798	-	-9,8%
Mảng Thợ Điện Máy Xanh	-	-	18.813	-
Tổng lợi nhuận gộp	**17.089.408**	**19.486.710**	**6.241.221**	**14,0%**

Nguồn: DMX

Trong năm 2025, doanh thu thuần hợp nhất của DMX đạt 109.479 tỷ đồng, tăng 17,3% so với năm 2024, với tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng điện thoại, mảng điện máy và sự đóng góp ngày càng rõ nét của dịch vụ. Mảng điện thoại (điện thoại thôn g minh, máy tính bảng và máy tính xách tay) tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với doanh thu đạt 55.497 tỷ đồng, tăng 25,2%, phản ánh sự phục hồi của nhu cầu thiết bị công nghệ và xu hướng nâng cấp sản phẩm ở các phân khúc trung – cao. Mảng điện máy ghi nhận doanh thu 40.816 tỷ đồng, tăng 7,3%, cho thấy nhu cầu ổn định đối với các sản phẩm phục vụ sinh hoạt và giải trí hộ gia đình. Trong khi đó, dịch vụ đạt 2.183 tỷ đồng, tăng 30,0%, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của các mảng dịch vụ bổ trợ trong việc gia tăng giá trị trên mỗi khách hàng. Doanh thu từ mảng Mẹ & bé đạt 1.348 tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm 2024, trong đó, kênh online đóng góp trên 50% tổng doanh thu của chuỗi và ghi nhận mức tăng trưởng gần 90% so với cùng kỳ, phản ánh hiệu quả của chiến lược tập trung phát triển kênh trực tuyến cho các sản phẩm mẹ và bé, phù hợp với xu hướng tiêu dùng mới. Trong khi đó, mảng dược phẩm ghi nhận doanh thu 2.174 tỷ đồng, giảm nhẹ so với năm trước trong khi số lượng cửa hàng giảm 100 cửa hàng (tương ứng 22% so với cùng kỳ), do Công ty chủ động đóng cửa các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả, đồng thời tập trung gia tăng doanh thu tại các cửa hàng hiện hữu thông qua hoàn thiện danh mục sản phẩm, nâng cao chuyên môn và cải thiện năng lực vận hành.

Về lợi nhuận gộp, năm 2025 DMX ghi nhận 19.487 tỷ đồng, tăng 14,0% so với năm 2024. Mảng điện máy tiếp tục là nguồn đóng góp lớn nhất với lợi nhuận gộp 8.452 tỷ đồng, phản ánh quy mô doanh thu lớn và biên lợi nhuận ổn định. Mảng điện thoại đạt 6.549 tỷ đồng, tăng trưởng tích cực nhờ sự phục hồi nhu cầu thiết bị công nghệ và cải thiện cơ cấu sản phẩm. Bên cạnh đó, mảng dịch vụ ghi nhận lợi nhuận gộp 1.940 tỷ đồng, tăng 25,8%, đến từ tăng tỷ trọng đóng góp của các mảng có biên lợi nhuận cao. Lợi nhuận gộp từ mảng Mẹ & bé tăng tích cực, trong khi mảng dược phẩm giảm nhẹ, phù hợp với diễn biến doanh thu và định hướng điều chỉnh danh mục. Nhìn chung, tăng

trưởng lợi nhuận gộp phản ánh sự dịch chuyển tích cực trong cơ cấu hoạt động theo hướng tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi có khả năng tạo giá trị bền vững.

Trong Quý 1/2026, tổng doanh thu thuần hợp nhất đạt 32.542 tỷ đồng, với tăng trưởng được duy trì ổn định từ các mảng kinh doanh cốt lõi. Mảng điện thoại tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với doanh thu đạt 16.102 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu tiêu dùng thiết bị công nghệ duy trì tích cực trong kỳ. Mảng điện máy ghi nhận doanh thu 13.461 tỷ đồng, cho thấy nhu cầu ổn định với các sản phẩm phục vụ sinh hoạt và giải trí hộ gia đình. Mảng dịch vụ tiếp tục đóng góp ngày càng rõ nét với doanh thu đạt 651 tỷ đồng, phản ánh chiến lược gia tăng giá trị trên mỗi khách hàng của Công ty. Ngoài ra, Quý 1/2026 ghi nhận thêm đóng góp từ mảng Thợ Điện Máy Xanh với doanh thu 106 tỷ đồng, mảng kinh doanh mới này đang trong giai đoạn đầu triển khai. Trong kỳ, mảng Mẹ và bé (Avakids) và mảng dược phẩm không còn ghi nhận doanh thu do đã được tái cấu trúc và không còn thuộc phạm vi hợp nhất của Công ty.

Tổng lợi nhuận gộp hợp nhất ghi nhận 6.241 tỷ đồng trong Quý 1/2026. Mảng điện máy tiếp tục là nguồn đóng góp lợi nhuận gộp lớn nhất với 2.986 tỷ đồng, phản ánh quy mô doanh thu lớn và biên lợi nhuận ổn định. Lợi nhuận gộp của mảng điện thoại đạt 1.975 tỷ đồng và mảng dịch vụ đạt 615 tỷ đồng trong Quý 1/2026.

Tài sản

Tài sản cố định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**9.938.145**	**(8.376.381)**	**1.561.764**	**9.454.540**	**(8.640.065)**	**814.474**	**9.473.325**	**(8.747.727)**	**725.598**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.712.376	(7.275.277)	1.437.099	8.221.878	(7.554.235)	667.642	8.255.767	(7.661.895)	593.872
2	Phương tiện vận tải	295.005	(225.836)	69.169	360.539	(261.326)	99.213	360.539	(270.648)	89.891
3	Thiết bị văn phòng	930.764	(875.268)	55.496	872.123	(824.504)	47.619	857.019	(815.184)	41.835
II	**Tài sản cố định vô hình**	**90.298**	**(26.830)**	**63.468**	**36.771**	**(10.772)**	**25.999**	**36.771**	**(10.772)**	**25.999**
1	Quyền sử dụng đất	25.999	-	25.999	25.999	-	25.999	25.999	-	25.999
2	Phần mềm máy tính	10.772	(10.772)	-	10.772	(10.772)	-	10.772	(10.772)	-
3	Thương hiệu	53.527	(16.058)	37.469	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	**10.028.443**	**(8.403.212)**	**1.625.231**	**9.491.311**	**(8.650.387)**	**840.473**	**9.510.096**	**(8.758.499)**	**751.597**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Tài sản cố định của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
		Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**9.622.024**	**(8.215.796)**	**1.406.229**	**9.378.248**	**(8.630.257)**	**747.990**	**9.397.088**	**(8.734.163)**	**662.925**
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	8.403.887	(7.118.759)	1.285.128	8.212.467	(7.552.023)	660.444	8.246.511	(7.659.226)	587.285
2	Phương tiện vận tải	295.005	(225.836)	69.169	294.387	(253.933)	40.453	294.387	(259.994)	34.392
3	Thiết bị văn phòng	923.132	(871.201)	51.932	871.394	(824.301)	47.093	856.190	(814.943)	41.247
II	**Tài sản cố định vô hình**	**36.771**	**(10.772)**	**25.999**	**36.771**	**(10.772)**	**25.999**	**36.771**	**(10.772)**	**25.999**
1	Quyền sử dụng đất	25.999	-	25.999	25.999	-	25.999	25.999	-	25.999
2	Phần mềm máy tính	10.772	(10.772)	-	10.772	(10.772)	-	10.772	(10.772)	-
	Tổng cộng	**9.658.796**	**(8.226.568)**	**1.432.228**	**9.415.019**	**(8.641.030)**	**773.989**	**9.433.859**	**(8.744.935)**	**688.924**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Danh sách tài sản cố định lớn của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2024			31/12/2025			31/03/2026		
	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
ĐML_VLO_VLO - 210 Lê Thái Tổ	11.681	(11.445)	236	13.444	(13.174)	270	13.444	(13.200)	243
ĐML_DON_BHO - 205C Phạm Văn Thuận	13.002	(13.002)	-	14.402	(14.402)	-	14.311	(14.311)	-
ĐML_HCM_Q07 - 677 Huỳnh Tấn Phát	11.680	(11.345)	335	13.013	(12.841)	172	13.282	(12.749)	533
ĐML_QNA_TKY - Phan Bội Châu	12.405	(12.095)	310	13.352	(12.992)	360	14.303	(13.080)	1.223
ĐML_BDU_DAN - 530/7A Tân Đông Hiệp	15.752	(12.365)	3.387	17.102	(14.914)	2.188	17.102	(15.188)	1.914
ĐML_NTH_PRA - 279 Ngô Gia Tự	10.962	(9.259)	1.703	11.878	(10.697)	1.181	12.771	(10.912)	1.859
ĐML_HCM_Q06 - 416 Hậu Giang	13.751	(13.613)	138	15.161	(15.043)	118	15.692	(15.094)	599
ĐML_NBI_NBI - 2 Trần Hưng Đạo	11.441	(11.351)	90	12.418	(12.279)	139	13.172	(12.317)	855
ĐML_LDO_DLA - 25 Lê Đại Hành	18.061	(8.102)	9.959	18.254	(11.908)	6.346	18.254	(12.811)	5.443
HCM_BCH - Kho Media Bình Chánh	22.294	(9.137)	13.157	25.046	(13.724)	11.322	25.139	(14.979)	10.161

Nguồn: DMX

Thị trường hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh sở hữu hệ thống các chuỗi cửa hàng bán lẻ Điện thoại – điện máy trên khắp Việt Nam. Ngoài ra, từ cuối năm 2022 Công ty tiến hành đầu tư ra thị trường Indonesia dưới hình thức đầu tư liên doanh với chuỗi cửa hàng bán lẻ mang thương hiệu EraBlue. Mô hình của EraBlue tương đồng với mô hình của Điện Máy Xanh tại Việt Nam. Đến cuối năm 2025, EraBlue đã mở và vận hành 181 cửa hàng tại Indonesia, đánh dấu một bước quan trọng trong chiến lược toàn cầu của DMX. Sự hợp tác này không chỉ giúp DMX củng cố sự hiện diện tại thị trường Đông Nam Á mà còn thể hiện chiến lược dài hạn của Công ty trong việc mở rộng phạm vi hoạt động và gia tăng quy mô tại các thị trường mới.

Doanh thu theo thị trường

Đơn vị: Tỷ đồng

Thị trường	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Thị trường miền Bắc	21.974	26.182	8.196	19,1%	22.035	26.322	8.231	19,5%
Thị trường miền Trung	19.074	23.354	7.592	22,4%	19.500	23.857	7.617	22,3%
Thị trường miền Nam	50.052	57.787	16.648	15,5%	51.822	59.300	16.694	14,4%
Tổng cộng doanh thu	**91.100**	**107.323**	**32.436**	**17,8%**	**93.357**	**109.479**	**32.542**	**17,3%**

Nguồn: DMX

Lợi nhuận theo thị trường

Đơn vị: Tỷ đồng

Thị trường	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Thị trường miền Bắc	3.905	4.751	1.559	21,7%	3.913	4.771	1.565	21,9%
Thị trường miền Trung	3.798	4.587	1.488	20,8%	3.893	4.694	1.493	20,6%

Thị trường	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Thị trường miền Nam	8.931	9.738	3.175	9,0%	9.284	10.021	3.183	7,9%
Tổng cộng lợi nhuận gộp	**16.634**	**19.076**	**6.222**	**14,7%**	**17.090**	**19.486**	**6.241**	**14,0%**

Nguồn: DMX

Trong 2 năm vừa qua và đến thời điểm hiện tại, toàn bộ doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty được ghi nhận từ thị trường trong nước. Hoạt động tại thị trường nước ngoài chủ yếu được thực hiện thông qua khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Cụ thể, Công ty đầu tư vào thị trường Indonesia thông qua Công ty PT Era Blu Elektronik ("Era Blue"), trong đó Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu và được phân loại là công ty liên doanh. Theo đó, phần lợi nhuận hoặc lỗ từ Era Blue được ghi nhận vào khoản mục lãi/lỗ từ công ty liên doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tình hình hoạt động kinh doanh của Era Blue và phần lợi nhuận ghi nhận từ khoản đầu tư này trong hai năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại chi tiết như sau:

Kết quả kinh doanh của Era Blue

Đơn vị: Triệu đồng

	2024	2025	Qúy 1/ 2026	% tăng/(giảm) 2025 – 2024
Kết quả kinh doanh của Era Blue				
Doanh thu thuần	2.288.197	3.705.708	1.394.895	61,9%
Lợi nhuận gộp	300.785	491.704	193.096	63,5%
Lợi nhuận sau thuế	(99.103)	54.114	20.026	Không áp dụng
Lợi nhuận đóng góp vào DMX				
Lợi nhuận đầu tư vào công ty liên doanh của DMX	(44.596)	24.351	9.012	Không áp dụng

Đối với MWG (Cambodia) Co., Ltd, như đã trình bày tại Mục V-5.3, công ty này không phát sinh hoạt động kinh doanh trong năm 2024 và đã hoàn tất thủ tục giải thể vào ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương mại.

10.4 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd: MWG (Cambodia) Co., Ltd là một công ty được thành lập theo Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự và Hình sự của Vương quốc Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 00020766 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp vào ngày 26/10/2016. Công ty có trụ sở chính tại Số 12, Phố 478, Xã Toul Tompoung I, Quận Chamkamon, Thủ đô Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết gián tiếp tại công ty này.

Công ty đánh giá về hiệu quả đầu tư vào Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd như sau:

- Đây là lần đầu tiên Công ty thử nghiệm mô hình kinh doanh tại thị trường nước ngoài. Tuy nhiên, hoạt động tại thị trường Campuchia không đạt được kết quả như kỳ vọng trong bối cảnh chịu tác động bất lợi từ dịch bệnh cũng như những khác biệt về hành vi tiêu dùng và điều kiện thị trường.
- Mặc dù, Công ty đã chủ động triển khai nhiều biện pháp điều chỉnh về danh mục sản phẩm, mô hình vận hành và chiến lược kinh doanh nhằm cải thiện hiệu quả, các kết quả đạt được vẫn chưa đáp ứng kỳ vọng đề ra. Do đó, đến năm 2024, Công ty quyết định chấm dứt hoạt động tại thị trường này nhằm hạn chế thua lỗ và tái phân bổ nguồn lực vào các thị trường có tiềm năng tăng trưởng và hiệu quả cao hơn. Công ty hoàn tất giải thể vào ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương Mại.

Thời điểm	Tổng số tiền đầu tư (đồng)	Lỗ lũy kế (đồng)
31/12/2024	702.488.640.000	(723.432.940.932)
31/12/2025	Đã hoàn tất giải thể ngày 27/01/2025 theo thông báo của Bộ Thương Mại	

Nguồn: DMX

Dự án EraBlue: PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 04/03/2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ điện thoại và điện máy tại Indonesia. Tại 31/12/2025, Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong EraBlue.

Công ty đánh giá về hiệu quả đầu tư vào Era Blue như sau:

- Cửa hàng đầu tiên được mở vào năm 2022, và sau 3 năm vận hành, chuỗi đã mở rộng lên gần 181 cửa hàng, phản ánh tốc độ phát triển tương đối nhanh và khả năng thích ứng với thị trường địa phương.
- Công ty bắt đầu ghi nhận lợi nhuận ổn định từ Quý III/2024 và chuyển sang giai đoạn tăng tốc mở rộng đồng thời tối ưu hiệu quả vận hành của các cửa hàng hiện hữu. Kết quả này đến từ việc cải thiện doanh thu trên mỗi cửa hàng, kiểm soát chi phí tốt hơn cũng như tối ưu danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng tại thị trường Indonesia.

- Đến cuối năm 2025, doanh thu đạt 3.705 tỷ đồng, qua đó khẳng định mô hình kinh doanh của EraBlue đã đạt được nền tảng tăng trưởng bền vững và từng bước xây dựng vị thế vững chắc tại thị trường Indonesia. Đây được xem là tiền đề quan trọng để Công ty tiếp tục mở rộng quy mô, đồng thời duy trì hiệu quả hoạt động trong các giai đoạn tiếp theo.
- Đến cuối quý 1/2026, EraBlue ghi nhận mức doanh thu đạt 1.395 tỷ đồng, tăng trưởng gấp đôi so với cùng kỳ với tổng số địa điểm đang vận hành là 212 cửa hàng. Ngoài 31 cửa hàng mở mới trong năm, các cửa hàng mở trước đó ghi nhận 25% tăng trưởng doanh số bán hàng, cho thấy Công ty đang tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực và đi đúng định hướng phát triển đã đề ra. Đây là tín hiệu khả quan, củng cố thêm niềm tin vào chiến lược mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động của EraBlue trong dài hạn.

Thời điểm	Tổng số tiền đầu tư (đồng)	Lỗ lũy kế (đồng)
31/12/2024	286.632.252.729	(44.596.454.899)
31/12/2025	391.404.440.229	(20.245.375.701)
31/03/2026	513.794.797.484	(11.233.633.773)

Nguồn: DMX

Chuỗi nhà thuốc An Khang: Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0314587300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/8/2017. Hoạt động kinh doanh chính là cung cấp dược phẩm, thực phẩm chức năng, trang thiết bị y tế, dược phẩm, và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe, tiêu dùng hàng ngày.

Công ty đánh giá về hiệu quả đầu tư vào chuỗi An Khang như sau:

- Năm 2021, Công ty tiến hành hợp nhất chuỗi An Khang với quy mô ban đầu 178 cửa hàng. Sang năm 2022, Công ty đẩy mạnh mở rộng nhanh chóng lên khoảng 500 cửa hàng nhằm gia tăng độ phủ thị trường. Tuy nhiên, quá trình mở rộng diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh, ảnh hưởng tiêu cực đến sức mua và hành vi tiêu dùng, từ đó tác động đến hiệu quả hoạt động của chuỗi.
- Trong giai đoạn 2023–2024, Công ty đã chủ động rà soát và đánh giá lại toàn bộ hệ thống, tạm ngừng mở rộng để tập trung vào việc tối ưu hiệu quả. Trọng tâm được đặt vào các cửa hàng có khả năng đạt biên lợi nhuận dương, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành nhằm giảm thiểu thua lỗ và từng bước đưa toàn chuỗi tiến tới điểm hòa vốn.
- Đến năm 2025, quy mô chuỗi An Khang được điều chỉnh còn 400 cửa hàng, phản ánh định hướng tái cấu trúc theo hướng tinh gọn và hiệu quả hơn. Trong giai đoạn này, Công ty tập trung hoàn thiện danh mục sản phẩm, nâng cao năng lực chuyên môn dược và củng cố năng lực vận hành. Chiến lược phát triển được chuyển dịch sang ưu tiên "chất lượng hơn số lượng", tập trung nâng cao hiệu quả từng cửa hàng, đồng thời chỉ mở rộng một cách thận trọng sau khi đạt được điểm hòa vốn.
- Đáng chú ý, đến cuối năm 2025, phù hợp với định hướng chuyên biệt hóa hoạt động trong hệ sinh thái, chuỗi An Khang đã được chuyển giao sang một pháp nhân độc lập. Bước đi

này được kỳ vọng sẽ giúp nâng cao tính tự chủ trong quản trị, linh hoạt hơn trong chiến lược phát triển và tạo nền tảng cho việc tối ưu hiệu quả hoạt động của chuỗi trong giai đoạn tiếp theo.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/NQ/HĐQT-2025 ngày 12/12/2025, Hội đồng Quản trị MWG đã thông qua chủ trương tái cấu trúc các công ty con theo hướng chuyên biệt hóa hoạt động kinh doanh. Theo đó, các mảng kinh doanh được tổ chức, quản lý và vận hành bởi các pháp nhân độc lập, nhằm nâng cao tính tập trung, tính tự chủ và hiệu quả điều hành, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh: mảng bán lẻ điện thoại – điện máy
- Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhiên: mảng sản phẩm mẹ & bé
- Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang: mảng dược phẩm

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 đồng cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025. Tỷ lệ giá trị chuyển nhượng của An Khang trên vốn chủ sở hữu DMX tính tại thời điểm 31/12/2025 là 10,3%.

Thời điểm	Tổng số tiền đầu tư (đồng)	Lỗ lũy kế (đồng)
31/12/2024	2.078.423.751.737	(1.025.969.771.535)
31/12/2025	Đến ngày 31/12/2025, An Khang không còn là công ty con trực tiếp của Công ty	

Nguồn: DMX

10.5 Các hợp đồng lớn

STT	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện 2024 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện 2025 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện Q1/ 2026 (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian kết thúc trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng khác
1	VN-1077146, SCC-SA-VN-606420	14.865	25.756	5.031	26/06/ 2025	30/04/ 2026	Điện thoại, máy tính bảng, Laptop (Apple)	Công ty TNHH Apple Việt Nam	Không có
2	SEVT-S230328 _0001	9.886	10.604	3.105	01/03/ 2023	31/03/ 2026	Điện thoại, máy tính bảng, đồng	Công ty TNHH Samsung	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện 2024 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện 2025 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện Q1/ 2026 (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian kết thúc trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng khác
							hồ thông minh, phụ kiện (Samsung)	Electronics Việt Nam Thái Nguyên – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	
3	04/2024/ HĐNT/DGW-TGDĐ	7.548	7.883	2.202	09/02/ 2024	31/12/ 2026	Điện thoại (Wiko, Obi, Asus, Lenovo, Xiaomi, v.v.), Laptop, Tablet, Máy in (Lenovo, Dell, Acer, Asus, HP, v.v.), linh kiện thiết bị di động (Totolink), Gia dụng (robot hút bụi, máy lọc không khí, đèn thông minh, cân, bàn chải thông minh, ổ cắm điện mang thương hiệu Xiaomi)	Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện 2024 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện 2025 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện Q1/ 2026 (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian kết thúc trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng khác
4	SEHC-S230117_0002	7.126	6.163	1.734	01/01/2023	31/03/2026	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Samsung)	Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	Không có
5	2024/VN005154	5.790	6.151	2.279	20/12/2023	31/12/2025	Điện tử, Điện lạnh, Laptop (LG), Màn hình máy tính LG	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	Không có
6	37/2025/HĐNT/VK-TGDĐ	4.792	6.361	1.157	01/01/2025	31/12/2027	Điện thoại (Oppo, Oneplus), Đồng hồ (OPPO)	Công ty Cổ phần Kỹ Thuật & Khoa Học Vĩnh Khang	Không có
7	09/2025/HĐNT/PANASONIC-TGDĐ	3.824	3.329	858	01/01/2025	31/03/2028	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Panasonic)	Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	Không có
8	28/2025/HĐNT/TOSHIBA-TGDĐ (HĐ cũ 053/HĐ-2022/HĐNT/TVCP-TGDD ký ngày 02/01/2022)	3.391	4.248	1.721	01/01/2025	31/12/2027	Tủ lạnh, máy lạnh, máy giặt, tủ đông, máy rửa chén, hàng gia dụng (TOSHIBA, Comfee)	Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	Không có

STT	Tên hợp đồng	Giá trị thực hiện 2024 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện 2025 (tỷ đồng)	Giá trị thực hiện Q1/ 2026 (tỷ đồng)	Thời điểm ký kết hợp đồng	Thời gian kết thúc trong hợp đồng	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào đầu ra	Đối tác tham gia	Các điều khoản quan trọng khác
9	Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0081/CD	293	529	140	01/01/ 2015	31/12/ 2026	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng mua hàng trả chậm	Công ty tài chính TNHH Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	Không có
10	Thỏa thuận hợp tác kinh doanh ngày 31/12/ 2014	765	854	262	31/12/ 2014	30/06/ 2026	Dịch vụ hỗ trợ khách hàng mua hàng trả chậm	Công ty tài chính TNHH MTV HomeCredit Việt Nam	Không có

Nguồn: DMX

Các hợp đồng trên không có mối quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

10.6 Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

10.6.1 Các khách hàng lớn

Do đặc thù kinh doanh bán lẻ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh, khách hàng của Công ty bao gồm các khách hàng cá nhân và tệp khách hàng này phân mảnh. Công ty không có tệp khách hàng là doanh nghiệp, ngoại trừ các công ty cùng tập đoàn MWG.

Các khách hàng doanh nghiệp lớn của Công ty trong 2 năm vừa qua như sau:

STT	Khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	% Tổng doanh thu	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
Năm 2024					
1	Công ty Cổ phần dịch vụ lắp đặt – sửa chữa – bảo hành Tận Tâm	30.716.300.000	0,03%	Dịch vụ thuê xe	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn

STT	Khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	% Tổng doanh thu	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
	(sau đổi tên thành Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh)				
2	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hoá Xanh	226.241.498.495	0,25%	Bán hàng hóa	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn - Ông Nguyễn Đức Tài – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh - Ông Vũ Đăng Linh – Giám đốc Tài Chính Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh
		23.048.400.000	0,02%	Dịch vụ thuê xe, sửa chữa	
Năm 2025					
1	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hoá Xanh	226.241.498.495	0,21%	Bán hàng hóa	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn - Ông Nguyễn Đức Tài – Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh - Ông Vũ Đăng Linh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh
		23.048.400.000	0,02%	Dịch vụ thuê xe	
2	Công ty TNHH Thương Mại AVAkids	373.104.733.014	0,34%	Bán hàng hoá, chuyển dịch do tái cấu trúc	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn - Ông Đoàn Văn Hiếu Em – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại AVAkids
Quý 1/2026					
1	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	128.000.597.947	0,39%	Thẻ cào, thuê xe, bảo trì cửa hàng	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn - Ông Nguyễn Đức Tài – Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh Ông Vũ Đăng Linh – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thương mại Bách Hóa Xanh
2	Công ty TNHH Thương Mại AVAkids	45.000.100.969	0,14%	Thẻ cào, sản phẩm mẹ và bé,	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn

STT	Khách hàng	Giá trị giao dịch (đồng)	% Tổng doanh thu	Sản phẩm/ dịch vụ	Mối quan hệ (*)
				bảo trì cửa hàng	- Ông Đoàn Văn Hiếu Em – Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại AVAkids
3	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	7.139.060.473	0,02%	Thẻ cào, bảo trì cửa hang	Tại thời điểm phát sinh giao dịch: - Công ty trong cùng Tập đoàn - Ông Nguyễn Đức Tài – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma - Ông Vũ Đăng Linh – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma - Ông Đoàn Văn Hiếu Em – Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma

Nguồn: DMX

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

10.6.2 Các nhà cung cấp lớn

Danh sách một số nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại như sau:

Các nhà cung cấp lớn của Công ty

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch	% Tổng mua hàng trong năm	Sản phẩm/ dịch vụ
Năm 2024				
1	Công ty TNHH Apple Việt Nam	14.864.887	17,4%	Điện thoại, Tablet, Laptop (Apple)
2	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.886.259	11,6%	Điện thoại, Tablet, wearable, Phụ kiện (Samsung)
3	Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	7.547.682	8,8%	Điện thoại (Wiko, Obi, asus, lenovo, Xiaomi, v.v.), Laptop, Tablet, Máy in (Lenovo, dell, acer, asus, HP, v.v.), linh kiện thiết bị di động (Totolink), Gia

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch	% Tổng mua hàng trong năm	Sản phẩm/ dịch vụ
				dụng (robot hút bụi, máy lọc không khí, đèn thông minh, cân, bàn chải thông minh, ổ cắm điện mang thương hiệu Xiaomi)
4	Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	7.126.300	8,3%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Samsung)
5	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	5.789.980	6,8%	Điện tử, Điện lạnh, Laptop (LG), Màn hình máy tính LG
6	Công ty Cổ phần Kỹ Thuật & Khoa Học Vĩnh Khang	4.791.941	5,6%	Điện thoại (Oppo, Oneplus), Đồng hồ (OPPO)
7	Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	3.823.714	4,5%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Panasonic)
8	Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	3.391.067	4,0%	Tủ lạnh, máy lạnh, máy giặt, tủ đông, máy rửa chén, hàng gia dụng (Toshiba, Comfee)
9	Chi Nhánh Công ty TNHH Phân Phối Synnex FPT	3.086.322	3,6%	Điện thoại (Asus, Lenovo..), Laptop (HP, Dell, Acer, Lenovo…), Đồng hồ thông minh (Garmin), Phụ kiện, Wearable
10	Chi Nhánh Công ty TNHH Nhà Nước MTV Thương Mại và Xuất Nhập Khẩu Viettel - Trung Tâm Phân Phối	2.918.480	3,4%	Điện thoại VIVO, Phụ kiện Huawei, Điện thoại di động, Phụ kiện (Nokia, Apple), Xe đạp, phụ tùng xe đạp, xe đạp điện
Năm 2025				
1	Công ty TNHH Apple Việt Nam	25.966.641	24,4%	Điện thoại, Tablet, Laptop (Apple)
2	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	9.968.098	9,4%	Điện thoại, Tablet, wearable, Phụ kiện (Samsung)
3	Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	6.655.172	6,3%	Điện thoại (Wiko, Obi, asus, lenovo, Xiaomi, v.v.), Laptop, Tablet, Máy in

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch	% Tổng mua hàng trong năm	Sản phẩm/ dịch vụ
				(Lenovo, dell, acer, asus, HP, v.v.), linh kiện thiết bị di động (Totolink), Gia dụng (robot hút bụi, máy lọc không khí, đèn thông minh, cân, bàn chải thông minh, ổ cắm điện mang thương hiệu Xiaomi)
4	Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	5.513.048	5,2%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Samsung)
5	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	2.851.781	2,7%	Điện tử, Điện lạnh, Laptop (LG), Màn hình máy tính LG
6	Công ty Cổ phần Kỹ Thuật & Khoa Học Vĩnh Khang	3.982.787	3,7%	Điện thoại (Oppo, Oneplus), Đồng hồ (OPPO)
7	Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	2.309.149	2,2%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Panasonic)
8	Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	3.868.603	3,6%	Tủ lạnh, máy lạnh, máy giặt, tủ đông, máy rửa chén, hàng gia dụng (TOSHIBA, Comfee)
9	Chi Nhánh Công ty TNHH Phân Phối Synnex FPT	3.117.002	2,9%	Điện thoại (Asus, Lenovo..), Laptop (HP, Dell, Acer, Lenovo…), Đồng hồ thông minh (Garmin), Phụ kiện, Wearable
10	Chi Nhánh Công ty TNHH Nhà Nước MTV Thương Mại và Xuất Nhập Khẩu Viettel- Trung Tâm Phân Phối	5.612.544	5,3%	Điện thoại VIVO, Phụ kiện Huawei, Điện thoại di động, Phụ kiện (Nokia, Apple), Xe đạp, phụ tùng xe đạp, xe đạp điện
Quý 1/2026				
1	Công ty TNHH Apple Việt Nam	4.657.951	16,1%	Điện thoại, Tablet, Laptop (Apple)
2	Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.875.238	9,9%	Điện thoại, Tablet, wearable, Phụ kiện (Samsung)

STT	Nhà cung cấp lớn	Giá trị giao dịch	% Tổng mua hàng trong năm	Sản phẩm/ dịch vụ
3	Công ty Cổ Phần Thế Giới Số	1.765.439	6,1%	Điện thoại (Wiko, Obi, asus, lenovo, Xiaomi...), Laptop, Tablet, Máy in (Lenovo, dell, acer, asus, HP...), linh kiện thiết bị di động (Totolink), Gia dụng (robot hút bụi, máy lọc không khí, đèn thông minh, cân, bàn chải thông minh, ổ cắm điện mang thương hiệu Xiaomi)
4	Công ty TNHH Điện Tử Samsung HCMC CE Complex - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh	1.605.173	5,5%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Samsung)
5	Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng	2.110.546	7,3%	Điện tử, Điện lạnh, Laptop (LG), Màn hình máy tính LG
6	Công ty Cổ phần Kỹ Thuật & Khoa Học Vĩnh Khang	873.609	3,0%	Điện thoại (Oppo, Oneplus), Đồng hồ (OPPO)
7	Công ty TNHH Panasonic Việt Nam	176.387	0,6%	Điện tử, Điện lạnh, Điện gia dụng (Panasonic)
8	Công ty TNHH Sản Phẩm Tiêu Dùng Toshiba Việt Nam	1.593.300	5,5%	Tủ lạnh, máy lạnh, máy giặt, tủ đông, máy rửa chén, hàng gia dụng (TOSHIBA, Comfee)
9	Chi Nhánh Công ty TNHH Phân Phối Synnex FPT	870.349	3,0%	Điện thoại (Asus, Lenovo..), Laptop (HP, Dell, Acer, Lenovo…), Đồng hồ thông minh (Garmin), Phụ kiện, Wearable
10	Chi Nhánh Công ty TNHH Nhà Nước MTV Thương Mại và Xuất Nhập Khẩu Viettel- Trung Tâm Phân Phối	1.697.052	5,9%	Điện thoại VIVO, Phụ kiện Huawei, Điện thoại di động, Phụ kiện (Nokia, Apple), Xe đạp, phụ tùng xe đạp, xe đạp điện

Nguồn: DMX

Các nhà cung cấp lớn trên không có mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

10.7 Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

10.7.1 Ngành hoạt động

DMX hiện là doanh nghiệp bán lẻ sản phẩm công nghệ và điện thoại, điện máy tiêu dùng dẫn đầu thị trường Việt Nam về doanh thu và số lượng điểm bán. Sau hơn hai thập kỷ phát triển, DMX đã sở hữu mạng lưới hơn 3.020 điểm bán trên toàn quốc (gồm chuỗi Thế Giới Di Động chuyên điện thoại và các sản phẩm công nghệ khác, chuỗi Điện Máy Xanh chuyên điện máy, và TopZone chuyên sản phẩm Apple). Thị phần của DMX hiện ước tính vào khoảng một nửa thị trường bán lẻ điện máy tại Việt Nam[4]. Trong mảng điện thoại di động, hệ thống Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh cũng chiếm khoảng 50–55% thị phần cả nước[5]. Đây là những con số ấn tượng trên thị trường, khẳng định vị thế đầu ngành của Công ty về bán lẻ sản phẩm công nghệ và điện máy.

Thị trường bán lẻ điện thoại và điện máy Việt Nam hiện có sự cạnh tranh quyết liệt nhưng đang định hình với lợi thế nghiêng về nhóm doanh nghiệp dẫn đầu. Bên cạnh DMX, thị trường hiện diện một số chuỗi bán lẻ quy mô lớn khác, tập trung chủ yếu vào nhóm sản phẩm ICT như điện thoại và laptop, với mạng lưới hàng trăm cửa hàng trên toàn quốc và doanh thu ở mức hàng chục nghìn tỷ đồng mỗi năm. Ngoài ra, tại từng khu vực địa lý, thị trường còn có sự tham gia của các chuỗi bán lẻ điện máy quy mô vừa, vận hành mạng lưới hàng chục siêu thị và phục vụ các thị trường địa phương. Tuy nhiên, thị phần của các nhà bán lẻ này nhìn chung vẫn ở mức đơn lẻ và phân tán. Song song đó, kênh thương mại điện tử ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thị trường điện máy, khi các nền tảng trực tuyến thu hút một bộ phận người tiêu dùng nhờ sự tiện lợi và đa dạng lựa chọn. Xu hướng này thúc đẩy các nhà bán lẻ truyền thống tăng cường tích hợp kênh online, phát triển mô hình bán hàng đa kênh nhằm đáp ứng hành vi mua sắm ngày càng linh hoạt của khách hàng. Nhìn chung, thị trường đang do nhóm dẫn đầu nắm phần lớn – DMX chiếm khoảng 35–40% thị phần điện máy tùy ngành hàng[6], phần còn lại phân tán giữa nhiều nhà bán lẻ khác. Kết quả kinh doanh năm 2025 cho thấy sự bứt phá khi DMX mang về 109.479 tỷ đồng doanh thu thuần hợp nhất, tăng trưởng 17,3% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 7.269 tỷ đồng, giúp DMX củng cố vị thế dẫn đầu và nằm trong nhóm Công ty bán lẻ hiệu quả hàng đầu Việt Nam.

Trên thị trường hiện nay, số lượng doanh nghiệp niêm yết hoặc đại chúng có mô hình tương đồng trực tiếp với DMX là tương đối hạn chế, đặc biệt trong phân khúc bán lẻ điện máy quy mô lớn. Do đó, Công ty lựa chọn các công ty như trình bày dưới đây cho mục đích so sánh và tham khảo.

Ngoài CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT) và CTCP Thế giới số (DGW), Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET) là tập đoàn dịch vụ đa ngành với mảng phân phối điện thoại, điện máy cho các chuỗi bán lẻ như (Điện Máy Xanh, Nguyễn Kim, MediaMart và Điện Máy Chợ Lớn) chiếm 75.8% tổng doanh thu và đạt 16.545 tỷ đồng trong năm 2025. Danh mục của công ty bao gồm các thương hiệu điện thoại, thiết bị điện tử, điện lạnh và điện gia dụng như Apple, Samsung, Dell, Lenovo, Asus, LG, Hitachi, Casper, AOC, Philips.

CTCP Dịch vụ phân phối Tổng hợp Dầu khí (PSD) là công ty chuyên thực hiện hoạt động phân phối điện thoại và điện máy tiêu dùng trong hệ sinh thái Petrosetco. Toàn bộ doanh thu đến từ hoạt động phân phối điện thoại thông minh, điện lạnh, và điện gia dụng vào các chuỗi bán lẻ. Trong

[4] *https://cafef.vn/dien-may-xanh-truoc-ipo-dung-o-dau-tren-thi-truong-dien-may-188251215203245592.chn*
[5] *https://www.dnse.com.vn/senses/tin-tuc/the-gioi-di-ong-ang-nam-50-thi-phan-iphone-tai-viet-nam-35115787*
[6] *https://www.dnse.com.vn/senses/tin-tuc/the-gioi-di-ong-ang-nam-50-thi-phan-iphone-tai-viet-nam-35115787*

năm 2025, PSD đạt doanh thu 7.819 tỷ đồng, với doanh thu mảng điện máy tăng 46% so với năm 2024.

Mặc dù PET và PSD là hai doanh nghiệp hoạt động theo mô hình bán buôn, trong khi DMX vận hành theo mô hình bán lẻ, các doanh nghiệp này đều tham gia vào thị trường điện thoại và điện máy tại Việt Nam. Do đó, Công ty cho rằng các doanh nghiệp này có mức độ tương đồng nhất định với DMX về phạm vi thị trường hoạt động và cùng chịu tác động bởi các yếu tố thị trường, ngành và vĩ mô tương tự.

Vị thế của DMX so với các doanh nghiệp cùng ngành trên thị trường

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công ty	Mã chứng khoán	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh	Chưa có	17.800.572	56.916.238	109.479.188	5.801.785
2	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	5.139.071	23.714.236	51.082.868	984.240
3	CTCP Thế giới số	DGW	3.472.366	11.259.355	26.631.546	554.897
4	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	PET	2.658.539	13.417.520	21.815.238	350.014
5	CTCP Dịch vụ phân phối Tổng hợp Dầu khí	PSD	716.644	4.671.304	7.819.398	143.098

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2025 của các Công ty

10.7.2 Triển vọng phát triển của ngành

Kinh tế vĩ mô thuận lợi, thu nhập người dân tăng ổn định đang tạo nền tảng cho ngành bán lẻ điện máy phục hồi và tăng trưởng bền vững trong trung hạn. Việt Nam đã bước vào nhóm các nước có thu nhập trung bình cao với GDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt khoảng 5.000 USD (gấp 1,4 lần năm 2020)[7]. Quy mô nền kinh tế dự kiến vượt 510 tỷ USD, tăng trưởng GDP giữ vững mục tiêu trên 7%/năm[8]. Thu nhập cải thiện và tầng lớp trung lưu mở rộng (dân số thành thị chiếm khoảng 41% năm 2025) giúp cải thiện sức mua tiêu dùng, đặc biệt ở các mặt hàng điện thoại, điện máy. Thống kê cho thấy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2025 đạt 7,0 triệu tỷ đồng (khoảng 270 tỷ USD), tăng 9,2% so với 2024[9]. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng

[7] *https://vietnamfinance.vn/quy-mo-nen-kinh-te-dat-510-ty-usd-gdp-binh-quan-dau-nguoi-uoc-dat-5000-usd-d134358.html*
[8] *https://laodong.vn/thoi-su/du-kien-nam-2025-kinh-te-viet-nam-vuot-qua-muc-thu-nhap-trung-binh-thap-1549945.ldo*
[9] *https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/*

hóa (bao gồm điện thoại, điện máy) tăng 8,0% và chiếm ~76% tổng mức bán lẻ[10], phản ánh xu hướng tiêu dùng hồi phục rõ rệt sau đại dịch. Bước sang 2025, đà tăng trưởng vẫn tích cực với doanh thu bán lẻ 11 tháng đầu năm 2025 tăng ~9,1% so cùng kỳ[11]. Sự ổn định kinh tế vĩ mô – lạm phát kiểm soát quanh 3-4%, tỷ giá ổn định – đã củng cố niềm tin người tiêu dùng, khuyến khích chi tiêu cho cả hàng hóa thiết yếu lẫn sản phẩm công nghệ. Chính phủ đặt trọng tâm vào việc duy trì ổn định kinh tế, kiểm soát lạm phát hợp lý và đảm bảo các cân đối lớn (ngân sách, cán cân thương mại…), tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân mạnh dạn đầu tư, mua sắm[12]. Những yếu tố này đều là bệ đỡ quan trọng giúp thị trường bán lẻ nói chung và ngành điện thoại và điện máy nói riêng phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Thị trường điện thoại, điện máy bước vào giai đoạn phát triển mới: Sau giai đoạn "bùng nổ" khoảng 2015–2020, thị trường bán lẻ điện thoại, điện máy hiện đã bớt tăng nóng và chuyển sang trạng thái ổn định hơn. Nhu cầu sắm mới các sản phẩm điện máy cơ bản (như TV, tủ lạnh, máy giặt) tại thành thị chủ yếu đến từ nhu cầu thay thế, nâng cấp. Tuy nhiên, tại nông thôn và thị trấn nhỏ, tỷ lệ sở hữu các thiết bị hiện đại còn thấp, là dư địa để các nhà bán lẻ khai phá. Theo số liệu của Bộ Công Thương, khu vực nông thôn, miền núi hiện chiếm trên 60% dân số nhưng doanh thu bán lẻ chỉ khoảng 20% tổng mức; vì vậy định hướng đến 2030 là ưu tiên phát triển thị trường bán lẻ ở nông thôn, vùng sâu vùng xa[13]. Các doanh nghiệp bán lẻ điện thoại, điện máy đã và đang mở rộng độ phủ về huyện, xã để đón đầu nhu cầu này – đây cũng là chiến lược mà DMX từng tiên phong và thu được thành công lớn giai đoạn 2015–2020[14].

Chính sách phát triển thị trường bán lẻ đến 2030 vừa được Chính phủ ban hành cũng vạch ra triển vọng tích cực cho ngành. Ngày 21/10/2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050", đặt mục tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 11–11,5%/năm đến 2030[15]. Với tốc độ này, quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam sẽ đạt khoảng 10 triệu tỷ đồng vào năm 2030 (tương đương ~400 tỷ USD), tạo không gian tăng trưởng rộng lớn cho các doanh nghiệp phân phối. Chiến lược cũng định hướng phát triển thị trường bán lẻ văn minh, hiện đại, bền vững, gắn với xu hướng chuyển đổi số[16]. Cụ thể, doanh số thương mại điện tử B2C đặt mục tiêu tăng 15–20%/năm, chiếm 15–20% tổng mức bán lẻ vào năm 2030[17]. Đây vừa là thách thức vừa là cơ hội cho ngành bán lẻ điện thoại và điện máy, theo đó các nhà bán lẻ truyền thống buộc phải phát triển kênh bán hàng online mạnh mẽ để không mất thị phần vào tay các sàn TMĐT. Đồng thời, sự phổ cập của thương

[10] *https://vneconomy.vn/tong-muc-ban-le-hang-hoa-va-doanh-thu-dich-vu-tieu-dung-nam-2025-can-moc-hon-7-trieu-ty-dong.htm*
[11] *https://kinhtedothi.vn/tong-muc-ban-le-hang-hoa-va-doanh-thu-dich-vu-tieu-dung-tang-9-1p-trong-11-thang-nam-2025.933288.html*
[12] *https://tapchicongthuong.vn/chien-luoc-phat-trien-thi-truong-ban-le-viet-nam-den-nam-2030--tam-nhin-den-nam-2050-chinh-thuc-duoc-phe-duyet-279989.htm*
[13] *https://tapchicongthuong.vn/chien-luoc-phat-trien-thi-truong-ban-le-viet-nam-den-nam-2030--tam-nhin-den-nam-2050-chinh-thuc-duoc-phe-duyet-279989.htm*
[14] *https://cafef.vn/dien-may-xanh-truoc-ipo-dung-o-dau-tren-thi-truong-dien-may-188251215203245592.chn*
[15] *https://tapchicongthuong.vn/chien-luoc-phat-trien-thi-truong-ban-le-viet-nam-den-nam-2030--tam-nhin-den-nam-2050-chinh-thuc-duoc-phe-duyet-279989.htm*
[16] *https://tapchicongthuong.vn/chien-luoc-phat-trien-thi-truong-ban-le-viet-nam-den-nam-2030--tam-nhin-den-nam-2050-chinh-thuc-duoc-phe-duyet-279989.htm*
[17] *https://tapchicongthuong.vn/chien-luoc-phat-trien-thi-truong-ban-le-viet-nam-den-nam-2030--tam-nhin-den-nam-2050-chinh-thuc-duoc-phe-duyet-279989.htm*

mại điện tử sẽ giúp mở rộng thị trường đến những địa phương chưa có điểm bán vật lý, qua đó kích thích tiêu dùng ở mọi vùng miền.

10.7.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Chiến lược kinh doanh của DMX giai đoạn 2026–2030 đã được hoạch định thể hiện trên các khía cạnh sau:

- **Định hướng tối ưu hóa vận hành để gia tăng lợi nhuận:** DMX triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tối ưu hóa vận hành, bao gồm việc đẩy mạnh xây dựng văn hóa làm chủ trong toàn bộ đội ngũ nhân sự để nuôi dưỡng tinh thần trách nhiệm, chủ động và gắn kết, áp dụng cơ chế đãi ngộ gắn với hiệu suất làm việc để nâng cao năng suất lao động và tăng tính linh hoạt trong quản trị; đồng thời điều chỉnh trọng tâm danh mục sản phẩm theo hướng ưu tiên các nhóm hàng chiến lược và có hiệu quả kinh doanh cao nhằm cải thiện chất lượng doanh thu; song song với tăng cường ứng dụng công nghệ trong vận hành và quản trị để cải thiện hiệu suất và tiết giảm chi phí. Trên cơ sở lợi thế quy mô và vị thế thị trường, DMX tối ưu điều kiện thương mại với nhà cung cấp và phân bổ lại không gian bán hàng theo hiệu quả sinh lời của từng nhóm sản phẩm. Song song đó, DMX tiếp tục nâng cấp mô hình cửa hàng theo hướng trải nghiệm, chuyển dịch từ mô hình trưng bày – lưu kho sang mô hình tập trung vào tư vấn và dịch vụ, qua đó gia tăng tỷ lệ chuyển đổi và mức độ gắn kết của khách hàng. Bên cạnh các giải pháp vận hành, DMX thúc đẩy văn hóa hợp tác "familyship" dựa trên minh bạch và lợi ích dài hạn, coi đối tác là các bên đồng hành chiến lược, qua đó nâng cao hiệu quả vận hành và xây dựng nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn.
- **Gia tăng giá trị cho khách hàng thông qua phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính và thanh toán tích hợp**: Văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm tiếp tục được duy trì và tăng cường xuyên suốt hoạt động vận hành, từ hoạch định danh mục sản phẩm, dịch vụ bán hàng đến hậu mãi, nhằm gia tăng giá trị, mức độ hài lòng và sự an tâm cho khách hàng, qua đó tạo khác biệt rõ nét so với các nhà bán lẻ khác trên thị trường. Bên cạnh hoạt động bán lẻ điện thoại - điện máy, DMX định hướng mở rộng sang các dịch vụ tài chính tiêu dùng và thanh toán tích hợp, tận dụng mạng lưới cửa hàng rộng khắp và nền tảng bán hàng đa kênh để gia tăng giá trị trên mỗi điểm bán. Công ty triển khai các giải pháp trả chậm tích hợp trực tiếp tại điểm bán thông qua hợp tác với các đối tác tài chính, qua đó hỗ trợ khả năng tiếp cận sản phẩm của khách hàng và cải thiện tỷ lệ chuyển đổi, đặc biệt đối với các sản phẩm có giá trị cao. Song song đó, DMX phát triển các dịch vụ thu hộ – chi hộ và thanh toán tiện ích, vận hành như một điểm thanh toán một cửa cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của khách hàng. Đồng thời, Công ty từng bước mở rộng vai trò như một mạng lưới đại lý dịch vụ thanh toán, cho phép thực hiện các giao dịch tài chính cơ bản tại cửa hàng, kể cả ngoài giờ hành chính. Thông qua việc tích hợp các dịch vụ tài chính và thanh toán vào hệ sinh thái bán lẻ hiện hữu, DMX đa dạng hóa nguồn doanh thu, tăng tần suất tương tác với khách hàng và nâng cao hiệu quả khai thác mạng lưới cửa hàng trong dài hạn.

- **Mở rộng hệ sinh thái dịch vụ giá trị gia tăng:** DMX đang triển khai dịch vụ sau bán hàng như một phần mở rộng trực tiếp của hoạt động bán lẻ, nhằm hỗ trợ quá trình sử dụng sản phẩm và nâng cao hiệu quả khai thác danh mục điện thoại, điện máy. Nền tảng Thợ Điện Máy Xanh cung cấp các dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo trì và bảo hành tại nhà, được tổ chức và vận hành thống nhất trên toàn hệ thống. Từ cuối năm 2025, việc tập trung toàn bộ hoạt động dịch vụ Thợ Điện Máy Xanh về CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh cho phép Công ty chuẩn hóa quy trình, kiểm soát chất lượng dịch vụ và tối ưu sự phối hợp giữa khâu bán hàng và sau bán hàng. Ngoài việc phục vụ hoạt động bán lẻ nội bộ, Thợ Điện Máy Xanh cũng định hướng phát triển thành một nền tảng dịch vụ kỹ thuật độc lập, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài và các đối tác doanh nghiệp thông qua hợp tác với các đối tác bán lẻ, chủ đầu tư bất động sản và các đơn vị phát triển hạ tầng, đồng thời cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trong vận hành và triển khai kỹ thuật cho nhà cung cấp. Cách tiếp cận này cho phép DMX khai thác hiệu quả đội ngũ kỹ thuật và hạ tầng hiện có, mở rộng quy mô doanh thu ngoài hệ sinh thái bán lẻ, đồng thời nâng cao mức độ gắn kết của khách hàng và củng cố vai trò của mảng dịch vụ hậu mãi như một động cơ tăng trưởng bổ trợ, đặc biệt trong bối cảnh biên lợi nhuận bán lẻ sản phẩm chịu áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng.
- **Phát triển và hoàn thiện ứng dụng "Quà tặng VIP" nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng:** DMX phát triển ứng dụng "Quà tặng VIP" như một nền tảng số trung tâm nhằm kết nối toàn bộ hệ sinh thái và nâng cao trải nghiệm tiêu dùng của khách hàng trên các kênh bán hàng. Ứng dụng tích hợp xuyên suốt các hoạt động từ mua sắm sản phẩm, sử dụng dịch vụ sau bán hàng đến tiếp cận các giải pháp tài chính, qua đó hình thành hành trình tiêu dùng liền mạch và nhất quán. Đồng thời, ứng dụng đóng vai trò như một đầu mối chăm sóc khách hàng tập trung, hỗ trợ tiếp nhận yêu cầu, điều phối dịch vụ và quản lý trải nghiệm sau bán hàng, giúp nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của khách hàng. Thông qua việc đồng bộ dữ liệu và tương tác trên một nền tảng thống nhất, DMX có điều kiện phân tích hành vi, thói quen và nhu cầu của khách hàng để cá nhân hóa đề xuất sản phẩm, chương trình marketing và ưu đãi phù hợp, từ đó gia tăng tần suất giao dịch, nâng cao hiệu quả marketing, tối ưu chi phí bán hàng và củng cố mối quan hệ dài hạn với khách hàng.
- **Phát triển và mở rộng thị trường nước ngoài:** DMX đã bắt đầu triển khai chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài tại Indonesia hợp tác cùng đối tác liên doanh để mở chuỗi cửa hàng bán lẻ điện máy EraBlue từ năm 2022. Indonesia được nhận định là thị trường đông dân cư, nhu cầu sử dụng đồ điện máy vẫn ở mức cao, đặc biệt là ở tệp khách hàng thu nhập vừa và thấp. Hiện tại, hầu hết các chuỗi bán lẻ điện máy hiện đại tại Indonesia tập trung chủ yếu phục vụ khách hàng thu nhập cao, và tệp khách hàng phổ thông hiện vẫn do các cửa hàng bán lẻ truyền thống nhỏ lẻ và phân mảnh phục vụ. Vì vậy, đây là cơ hội để EraBlue khai thác được một thị trường tiềm năng mô hình bán lẻ hiện đại dạng chuỗi với chất lượng dịch vụ vượt trội nhắm đến tệp khách hàng phổ thông chiếm tỷ trọng lớn ở Indonesia. Đến cuối năm 2025, EraBlue đã mở và vận hành 181 cửa hàng tại Indonesia, đánh dấu một bước quan trọng trong chiến lược toàn cầu của DMX. Sự hợp tác này không chỉ giúp DMX củng cố sự hiện

diện tại thị trường Đông Nam Á mà còn thể hiện chiến lược dài hạn của Công ty trong việc mở rộng phạm vi hoạt động và gia tăng quy mô tại các thị trường mới.

Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh hoàn toàn phù hợp với xu thế hiện đại hóa của ngành bán lẻ. DMX nỗ lực duy trì vị thế dẫn đầu trên thị trường nội địa và sẵn sàng vươn ra khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành bán lẻ Việt Nam.

10.8 Hoạt động Marketing

DMX triển khai chiến lược marketing bài bản, đồng bộ và xuyên suốt năm, đồng bộ với định hướng kinh doanh của Tập đoàn MWG. Các chương trình truyền thông được xây dựng theo mùa vụ, theo tháng và theo từng nhóm ngành hàng/sản phẩm trọng điểm điện thoại và điện máy, kết hợp linh hoạt giữa quảng cáo online và offline nhằm tối đa hóa độ phủ thương hiệu và hiệu quả chuyển đổi.

Công ty chủ động phối hợp cùng các nhà cung cấp lớn để tổ chức các chiến dịch đồng thương hiệu (co-branding) và sự kiện ra mắt sản phẩm quy mô lớn như chương trình iPhone mới, mùa cao điểm "Back to School", Tết, mùa nóng, v.v. kết hợp với các chương trình ưu đãi sâu, trả góp 0%, thu cũ đổi mới, qua đó kích thích mạnh nhu cầu mua sắm và nâng cao giá trị đơn hàng bình quân.

Bên cạnh các thiết bị điện thoại, DMX đặc biệt đẩy mạnh chiến lược marketing đối với nhóm thiết bị điện máy thiết yếu như máy lạnh, tủ lạnh, máy giặt, máy lọc nước, nồi cơm điện, quạt điện, bếp từ, v.v. Đây là nhóm ngành mang tính thiết yếu cao, có nhu cầu mua sắm ổn định và đóng góp tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của DMX. Chiến lược marketing của DMX đối với nhóm hàng này tập trung mạnh vào tính thời điểm và nhu cầu thực tiễn của người tiêu dùng thông qua các chiến dịch và sự kiện như "Combo nhà mới – sắm sửa đẳng cấp", " Ngày hội máy lọc nước" tại Gò Công, các chương trình giảm giá theo mùa, gian hàng thương hiệu, v.v. để quảng bá gần hơn đến các khách hàng tiềm năng.

Song song đó, DMX đẩy mạnh quảng cáo ngoài trời (Out-of-home hoặc OOH) trên toàn quốc, bao phủ tại các khu vực đông dân cư, trục đường chính và trung tâm thương mại, nhằm tăng độ nhận diện và củng cố vị thế thương hiệu bán lẻ điện thoại, điện máy hàng đầu tại Việt Nam.

DMX được kế thừa định hướng chiến lược Omni-channel khép kín – lợi thế cạnh tranh vượt trội từ Tập đoàn MWG. Theo đó, DMX sở hữu:

- Hệ thống cửa hàng vật lý trải rộng toàn quốc, đóng vai trò là điểm trưng bày, trải nghiệm thực tế, tư vấn trực tiếp và hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ cho khách hàng;
- Nền tảng thương mại điện tử riêng (website, ứng dụng), kết nối xuyên suốt với hệ thống cửa hàng;
- Mạng lưới kho vận và logistics nội bộ, tối ưu tồn kho và thời gian giao hàng;
- Dịch vụ giao nhận – lắp đặt – hậu mãi tự vận hành, giúp Công ty chủ động kiểm soát chất lượng dịch vụ tại mọi điểm chạm với khách hàng.

Nhờ đó, DMX không phụ thuộc vào bên thứ ba, đảm bảo trải nghiệm mua sắm liền mạch, nhất quán giữa kênh online và offline. Khách hàng có thể tìm hiểu sản phẩm online – đặt hàng – nhận

tại cửa hàng hoặc giao tận nơi – bảo hành tại điểm bán gần nhất, tạo nên trải nghiệm omnichannel thuận tiện và khác biệt.

Với lợi thế này, Công ty tiếp tục đầu tư, đổi mới công nghệ và cá nhân hóa trải nghiệm khách hàng, từ đó thúc đẩy tăng trưởng doanh số kênh online.

10.9 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

STT	Tên quyền SHTT, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	Hình dạng mô tả	Nội dung
1	thegioididong.com	thegioididong	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0173332-000
2	hình nhân		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0116773-000
3	Xmobile	Xmobile	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0149881-000
4	Điện Máy Xanh	Điện Máy XANH Điện Máy XANH	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0284041-000
5	DELITEs	Không có	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0393953-000
6	MOZARD	MOZARD	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0408371-000
7	Xmobile	Xmobile	Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0395458-000

STT	Tên quyền SHTT, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	Hình dạng mô tả	Nội dung
8	MOZARDX		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0575022-000
9	KORLEX		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0479467-000
10	ELIO, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0406371-000
11	MVW MOVE THE WORLD		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0406370-000
12	Smil Kid, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0416840-000
13	Rezo, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0470598-000
14	PUWA, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0422593-000
15	CLARI, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0421629-000

STT	Tên quyền SHTT, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	Hình dạng mô tả	Nội dung
16	DMAX, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0416820-000
17	DMAX, hình		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0564447-000
18	HYDRUS		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0446878-000
19	Delites		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0458199-000
20	TOPZONE		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0465783-000
21	AVA Nhóm 25,35		Ngày 08/09/2025, Cục Sở Hữu Trí Tuệ ban hành thông báo kết quả thẩm định nội dung số 132177/SHTT-NH cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-04117
22	AVA nhóm 18, 25,35		Ngày 23/3/2022, Cục Sở Hữu Trí Tuệ ban hành quyết định chấp nhận đơn hợp lệ hình thức với đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2022-04118
23	BEFIT		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0483551-000
24	BEFIT		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0483552-000

STT	Tên quyền SHTT, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế	Hình dạng mô tả	Nội dung
25	Điện Máy Xanh		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0549471-000
26	DELITEs		Nhãn hiệu được bảo hộ bởi Cục Sở Hữu Trí Tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-0522954-000
27	AVA Paylater		Ngày 13/06/2025 Cục Sở Hữu Trí Tuệ ban hành quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 107465/QĐ-SHTT cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2025-08592
28	Topzone		Ngày 08/10/2025 Cục Sở Hữu Trí Tuệ ban hành quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số 219526/QĐ-SHTT cho đơn đăng ký nhãn hiệu số 4-2025-42926

Nguồn: DMX

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong hai năm qua, Công ty tập trung nghiên cứu và phát triển (R&D), đặc biệt trong việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, là một trong những trụ cột quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu chi phí và cải thiện trải nghiệm khách hàng tại các chuỗi bán lẻ do Công ty sở hữu và vận hành.

Giai đoạn 2023: Củng cố nền tảng công nghệ và tự động hóa vận hành chuỗi

Trong năm 2023, DMX tập trung triển khai các giải pháp R&D nhằm chuẩn hóa và tự động hóa các khâu vận hành cốt lõi của chuỗi bán lẻ điện thoại, điện máy và thiết bị công nghệ, bao gồm:

- **Hệ thống dự báo và mua hàng bán tự động:** Ứng dụng công nghệ xử lý dữ liệu lớn (Big Data) để dự báo nhu cầu mua hàng theo ngành hàng, khu vực và từng cửa hàng, hỗ trợ công tác lập kế hoạch mua hàng, tối ưu hóa tồn kho và giảm thiểu rủi ro thiếu hụt hoặc dư thừa hàng hóa.
- **Hệ thống điều phối hàng hóa nội bộ:** Tự động phân bổ hàng hóa giữa các kho và cửa hàng trong hệ thống các chuỗi cửa hàng Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh và TopZone, giúp giảm chi phí logistics, rút ngắn thời gian luân chuyển hàng tồn kho và nâng cao độ sẵn sàng sản phẩm tại điểm bán.

- **Hoàn thiện các hệ thống ERP, CRM, POS và nền tảng báo cáo phân tích (BI):** Hỗ trợ quản trị tập trung, theo dõi hiệu quả kinh doanh theo thời gian thực và nâng cao chất lượng ra quyết định ở cả cấp điều hành và cửa hàng.

Các sáng kiến này đóng vai trò nền tảng trong việc tối ưu hóa mô hình vận hành, tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu suất lao động tại các chuỗi bán lẻ do DMX quản lý và vận hành.

Giai đoạn 2024: Mở rộng ứng dụng công nghệ tại cửa hàng và nâng cao trải nghiệm khách hàng

Trong năm 2024, DMX tiếp tục đẩy mạnh hoạt động R&D theo hướng đưa công nghệ đi sâu vào hoạt động tại điểm bán và tương tác trực tiếp với khách hàng, phù hợp với định hướng phát triển mô hình bán lẻ đa kênh (Omni-channel), cụ thể:

- **Hệ thống trưng bày hàng hóa tự động:** Ứng dụng công nghệ thị giác máy tính (Computer Vision) và cảm biến IoT để hỗ trợ nhân viên tối ưu cách sắp xếp hàng hóa trên kệ, giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận sản phẩm và nâng cao hiệu suất bán hàng.
- **Bảng giá điện tử (Electronic Shelf Label – ESL):** Cho phép cập nhật giá bán tức thời, đồng bộ trên toàn hệ thống cửa hàng, giảm thiểu sai sót thủ công và tối ưu chi phí vận hành.
- **Hệ thống quản trị quảng cáo tại cửa hàng:** Quản lý và điều phối nội dung quảng cáo theo thời gian thực, tự động điều chỉnh theo các chương trình khuyến mãi và đồng bộ với các chiến dịch tiếp thị đa kênh.
- **Hệ thống kết nối đối tác tài chính:** Tích hợp các giải pháp thanh toán, trả góp và dịch vụ tài chính tiêu dùng tại điểm bán, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng và mở rộng khả năng tiếp cận sản phẩm.
- **Hệ thống IoT tối ưu năng lượng:** Giám sát và điều chỉnh mức tiêu thụ điện năng tại cửa hàng, góp phần giảm chi phí vận hành và phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Nhìn chung, chính sách nghiên cứu và phát triển của DMX thể hiện định hướng lấy công nghệ làm nền tảng cho tăng trưởng bền vững, giúp Công ty nâng cao hiệu quả vận hành, tăng khả năng thích ứng với biến động thị trường và củng cố vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại, điện máy và sản phẩm công nghệ tại Việt Nam.

10.11 Chiến lược kinh doanh

10.11.1 Tổng quan về các chiến lược

Trong giai đoạn 5 năm tiếp theo, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục củng cố và duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực bán lẻ điện thoại – điện máy tại Việt Nam với mô hình kinh doanh đã được kiểm chứng trong hơn 20 năm hoạt động với tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bền vững. Công ty dự kiến tập trung nâng cao năng lực quản trị và cải thiện hệ thống quản lý, tối ưu hiệu quả vận hành từng cửa hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tích hợp dịch vụ, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược mở rộng ra thị trường nước ngoài.

Để thực hiện hóa các mục tiêu đề ra, Công ty xác định các trọng tâm cho kế hoạch hành động như sau:

(1) Xây dựng văn hóa làm chủ trong toàn bộ đội ngũ nhân sự đi kèm với các chính sách khuyến khích phù hợp để gia tăng sự gắn kết của người lao động và đóng góp trực tiếp vào hiệu quả kinh doanh của Công ty. Đồng thời nâng cao chất lượng danh mục sản phẩm, trải nghiệm mua hàng, và ứng dụng công nghệ

(2) Văn hóa lấy khách hàng làm trung tâm tiếp tục được duy trì và tăng cường xuyên suốt trong mọi hoạt động trong và sau khi bán hàng, tạo trải nghiệm vượt trội so với các nhà bán lẻ khác trên thị trường dựa trên hệ sinh thái dịch vụ cung cấp giải pháp tài chính và thanh toán tích hợp bán lẻ hiện hữu

(3) Chuyển dịch dịch vụ sau bán hàng thành nền tảng dịch vụ quy mô toàn quốc hỗ trợ tăng trưởng bền vững;

(4) Phát triển và hoàn thiện ứng dụng "Quà tặng VIP" nhằm đem đến trải nghiệm xuyên suốt và mang tính cá nhân hóa cho người dùng trong toàn hệ sinh thái;

(5) Tiếp tục mở rộng hoạt động tại thị trường Indonesia thông qua công ty liên doanh EraBlue, từng bước hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng tại thị trường nước ngoài.

Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh trên nền tảng hiện hữu

- Thứ nhất, Công ty áp dụng cơ chế đãi ngộ gắn với hiệu suất làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động và tối ưu hóa cấu trúc chi phí, đồng thời từng bước ứng dụng các công cụ quản trị và theo dõi hiệu quả dựa trên dữ liệu để nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý nhân sự. Theo đó, DMX từng bước chuyển dịch từ mô hình trả lương cố định sang mô hình thu nhập gắn với kết quả bán hàng và hiệu quả công việc, qua đó tạo động lực thúc đẩy năng suất và chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân sự. Cách tiếp cận này giúp đồng bộ lợi ích giữa Công ty và người lao động, tăng tính linh hoạt trong quản trị chi phí nhân sự và nâng cao khả năng thích ứng của mô hình vận hành trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- Với lợi thế về quy mô hệ thống bán lẻ và sức mua lớn, Công ty hợp tác chiến lược với các nhà sản xuất, qua đó mang đến cho khách hàng các sản phẩm chiến lược và các chương trình ưu đãi khác biệt. Trong thời gian qua, Công ty đã liên tục ký kết hợp tác và triển khai các chương trình "mở bán đặc biệt" đối với nhiều mẫu smartphone mới ra mắt trên thị trường đồng thời mở rộng hợp tác với các thương hiệu laptop uy tín và các thương hiệu điện máy lớn để phân phối các sản phẩm chiến lược góp phần đa dạng hóa danh mục sản phẩm và nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.
- Tiếp tục nâng cấp mô hình cửa hàng theo hướng trải nghiệm nhằm gia tăng hiệu quả bán hàng và củng cố giá trị thương hiệu. Theo định hướng này, các cửa hàng được chuyển dịch từ mô hình trưng bày – lưu kho sang mô hình tập trung vào tư vấn, dùng thử và dịch vụ hỗ trợ trước, trong và sau bán hàng. Thay vì cạnh tranh chủ yếu bằng các chương trình khuyến mại ngắn hạn, DMX chú trọng nâng cao trải nghiệm mua sắm và chất lượng dịch vụ, qua đó gia tăng tỷ

lệ chuyển đổi, giá trị đơn hàng và mức độ gắn kết của khách hàng. Song song đó, Công ty tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành cửa hàng, hỗ trợ dự báo nhu cầu, tối ưu tồn kho và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cửa hàng và chuỗi cung ứng.

- Cuối cùng, Công ty thúc đẩy văn hóa hợp tác "familyship" nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn. DMX coi đối tác và nhà cung cấp là các bên đồng hành chiến lược, cùng hướng tới mục tiêu lợi ích dài hạn thay vì các lợi ích ngắn hạn. Việc đề cao tính minh bạch, trách nhiệm chung và sự hợp tác chặt chẽ trong toàn bộ chuỗi giá trị giúp Công ty nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu rủi ro và tạo ra giá trị bền vững cho tất cả các bên liên quan.

Phát triển hệ sinh thái dịch vụ tài chính và thanh toán tích hợp

- Bên cạnh hoạt động bán lẻ điện thoại - điện máy, DMX định hướng mở rộng sang các dịch vụ tài chính tiêu dùng và thanh toán tích hợp nhằm gia tăng giá trị trên mỗi điểm bán và khai thác hiệu quả mạng lưới cửa hàng hiện hữu. Thông qua việc tận dụng độ phủ rộng khắp và nền tảng bán hàng đa kênh, các dịch vụ này được tích hợp trực tiếp vào hành trình mua sắm của khách hàng, góp phần mở rộng vai trò của DMX từ điểm bán lẻ sản phẩm sang điểm cung cấp dịch vụ tiêu dùng – tài chính.
- DMX triển khai các giải pháp trả chậm được tích hợp trực tiếp tại điểm bán thông qua hợp tác với các đối tác tài chính, qua đó hỗ trợ khách hàng tiếp cận sản phẩm có giá trị cao với phương thức thanh toán linh hoạt hơn. Việc tích hợp các giải pháp tài chính ngay tại điểm bán giúp cải thiện khả năng ra quyết định mua sắm, nâng cao tỷ lệ chuyển đổi và gia tăng doanh thu, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm điện thoại và điện máy.
- Song song đó, DMX phát triển các dịch vụ thu hộ – chi hộ và thanh toán tiện ích, vận hành như một điểm thanh toán một cửa cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của khách hàng. Việc cung cấp các dịch vụ thanh toán gắn với hệ sinh thái bán lẻ giúp gia tăng tần suất tương tác với khách hàng, đồng thời tạo ra nguồn doanh thu bổ trợ có tính lặp lại và ít phụ thuộc vào chu kỳ tiêu dùng điện thoại, điện máy.
- Đồng thời, DMX từng bước mở rộng vai trò như một mạng lưới đại lý dịch vụ thanh toán, cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính cơ bản tại cửa hàng, bao gồm rút tiền, nộp tiền và chuyển khoản, kể cả ngoài giờ hành chính. Cách tiếp cận này tận dụng lợi thế về thời gian hoạt động linh hoạt và độ phủ điểm bán của DMX, đáp ứng nhu cầu giao dịch tài chính thuận tiện của khách hàng tại nhiều khu vực.

Phát triển nền tảng dịch vụ hậu mãi quy mô toàn quốc

Thợ Điện Máy Xanh được DMX định hướng phát triển thành một nền tảng dịch vụ hậu mãi đa dịch vụ, quy mô lớn với khả năng phục vụ nhu cầu khách hàng trên toàn quốc, triển khai theo lộ trình từng giai đoạn nhằm mở rộng năng lực cốt lõi, phát triển các dịch vụ liền kề cho doanh nghiệp và người tiêu dùng:

- Thợ Điện Máy Xanh tập trung cung cấp các dịch vụ hậu mãi cốt lõi cho khách hàng mua sắm trong hệ sinh thái DMX, bao gồm lắp đặt, sửa chữa, bảo trì và bảo hành sau mua hàng, được

tổ chức theo mô hình một điểm tiếp xúc và triển khai trên mạng lưới cửa hàng hiện hữu cùng đội ngũ kỹ thuật viên đông đảo nhằm chuẩn hóa trải nghiệm dịch vụ, gia tăng tần suất tương tác với khách hàng sau bán hàng và nâng cao hiệu quả khai thác danh mục điện máy.

- Trên cơ sở hạ tầng vận hành đã được thiết lập, Thợ Điện Máy Xanh từng bước mở rộng cung cấp các dịch vụ kỹ thuật và hậu mãi cho khách hàng bên ngoài hệ sinh thái và các đối tác doanh nghiệp, bao gồm các dịch vụ sửa chữa điện thoại, điện máy, logistics và kho bãi cho nhà cung cấp, cũng như các dịch vụ hậu mãi, bảo trì và vận hành cho đối tác bán lẻ và các đối tác doanh nghiệp khác, qua đó gia tăng quy mô doanh thu ngoài hệ sinh thái bán lẻ nội bộ và nâng cao hiệu quả khai thác nguồn lực kỹ thuật hiện có. Thông qua việc phát triển dịch vụ hậu mãi theo hai hướng song song là phục vụ khách hàng trong hệ sinh thái và mở rộng sang khách hàng bên ngoài, Thợ Điện Máy Xanh từng bước chuyển dịch từ mô hình dịch vụ hỗ trợ bán lẻ sang nền tảng dịch vụ hậu mãi đa dịch vụ quy mô toàn quốc, đóng vai trò là động cơ tăng trưởng bổ trợ dài hạn cho DMX.

Phát triển và hoàn thiện ứng dụng "Quà tặng VIP" nhằm đem lại trải nghiệm hoàn chỉnh cho người dùng

- Ứng dụng "Quà tặng VIP" được Công ty định hướng phát triển trở thành trung tâm kết nối toàn bộ hệ sinh thái DMX, đóng vai trò là nền tảng số cốt lõi trong chiến lược tăng trưởng bền vững. Thông qua việc tích hợp các hoạt động mua sắm, giải pháp tài chính, dịch vụ sau bán hàng, đối tác liên kết và chăm sóc khách hàng trên cùng một nền tảng, ứng dụng góp phần hình thành hệ sinh thái tiêu dùng liền mạch, nhất quán và lấy khách hàng làm trung tâm.
- Ứng dụng được vận hành xuyên suốt toàn bộ hành trình tiêu dùng của khách hàng, bắt đầu từ giai đoạn mua sắm và đặt đơn hàng, tiếp cận các chương trình ưu đãi và kích hoạt khách hàng, sử dụng các giải pháp thanh toán và tài chính tiêu dùng, cho đến các dịch vụ hậu mãi như giao hàng, lắp đặt, bảo hành, bảo trì và sửa chữa. Song song đó, nền tảng đóng vai trò kết nối các đối tác dịch vụ và đối tác kinh doanh nhằm mở rộng danh mục dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đồng thời hỗ trợ triển khai các hoạt động hợp tác và phân phối dịch vụ trên quy mô rộng hơn. Trên nền tảng dữ liệu và tương tác được đồng bộ, ứng dụng tiếp tục đảm nhiệm chức năng chăm sóc và duy trì mối quan hệ với khách hàng thông qua các chương trình thành viên, chăm sóc khách hàng và cơ chế khuyến khích quay lại mua sắm, qua đó hình thành một vòng đời tiêu dùng bền vững.
- Trên nền tảng dữ liệu được đồng bộ, DMX phân tích và cá nhân hóa các đề xuất sản phẩm, chương trình marketing và ưu đãi phù hợp với từng nhóm khách hàng, qua đó tiếp cận hiệu quả hơn nhu cầu thực tế. Đồng thời, ứng dụng "Quà tặng VIP" hỗ trợ duy trì và kích hoạt tệp khách hàng hiện hữu thông qua các chương trình tri ân và ưu đãi chuyên biệt, góp phần gia tăng tần suất giao dịch, nâng cao hiệu quả marketing và củng cố mối quan hệ dài hạn với khách hàng. Cách tiếp cận dựa trên dữ liệu này giúp tối ưu phân bổ nguồn lực bán hàng và hỗ trợ định hướng tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng.

Quy trình ứng dụng "Quà tặng VIP" tiếp cận và đem lại trải nghiệm hoàn chỉnh cho người dùng

Nguồn: DMX

Tiếp tục mở rộng tại thị trường Indonesia với EraBlue

- Indonesia sở hữu tiềm năng tăng trưởng vượt trội, là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á với GDP đạt khoảng 1.404,5 tỷ USD và dân số hơn 282 triệu người (tính đến cuối năm 2024), qua đó hình thành một thị trường tiêu dùng điện thoại, điện máy có quy mô lớn và còn nhiều dư địa phát triển. Quy mô dân số đông, cơ cấu tiêu dùng đại chúng và mức độ thâm nhập điện thoại, điện máy chưa cao tạo nền tảng thuận lợi cho tăng trưởng dài hạn, đặc biệt theo mô hình mở rộng chuỗi bán lẻ đã được kiểm chứng tại các thị trường trong khu vực như Việt Nam.
- Đáng chú ý, thị trường điện máy ở Indonesia hiện vẫn còn đang ở trạng thái khá phân mảnh, với khoảng hơn 50% thị phần thuộc về các cửa hàng truyền thống[18] và chưa có chuỗi bán lẻ nào thống lĩnh thị trường, tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và năng lực vận hành.
- Trong năm 2025, EraBlue ghi nhận doanh thu 3.705 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 54 tỷ đồng với 181 cửa hàng bán lẻ. Kết quả này là sự kết hợp hiệu quả giữa năng lực vận hành và quản trị bán lẻ của DMX cùng hiểu biết địa phương và mạng lưới phân phối sâu rộng của Erajaya.
- Trong giai đoạn tiếp theo, EraBlue chỉ sẽ tiếp tục đà tăng trưởng mạnh mẽ hướng tới mục tiêu đạt 330 cửa hàng trong năm 2026 và đạt 500 cửa hàng vào năm 2027.

10.11.2 Thời gian dự kiến thực hiện

Công ty dự kiến thực hiện các chiến lược này trong 5 năm tiếp theo, giai đoạn 2026-2030.

10.11.3 Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Công ty dự kiến nguồn vốn và nguồn lực cho chiến lược kinh doanh này đến từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty. Đồng thời, Công ty dự kiến sẽ huy động đa dạng từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện chiến lược kinh doanh như sau:

[18] https://vts.com.vn/mwg-muon-bien-chuoi-dien-may-tai-indonesia-thanh-bieu-tuong-ban-le-moi-cua-dong-nam-a.html

- Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước;
- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán cổ phiếu ra công chúng; và/hoặc
- Nguồn vốn từ cổ đông chiến lược/đối tác khác (nếu có).

10.12 Trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có

11. Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

11.1 Số lượng và cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng lao động của Công ty trong hai năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết là 2024 và 2025 lần lượt là 24.139 người và 32.157 người. Bước sang quý 1/2026, tổng số lao động của Công ty đạt 34.700 người, tăng nhẹ so với cuối năm 2025.

Cơ cấu lao động của Công ty phân theo trình độ chuyên môn, tính chất hợp đồng, và theo giới tính được thể hiện trong bảng sau:

Cơ cấu lao động Công ty

Số lượng người lao động	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Theo trình độ chuyên môn			
Trên đại học	19	17	12
Đại học	3.572	4.711	4.867
Cao đẳng	3.189	5.868	6.077
Trung cấp	2.211	3.096	3.004
Trung học phổ thông	8.408	9.795	8.633
Khác/Chưa có thông tin	6.740	8.670	12.107
Theo tính chất hợp đồng			
Lao động thường xuyên	23.943	30.583	32.329
Lao động thời vụ	196	1.574	2.371
Theo giới tính			
Nam	13.088	21.378	22.542
Nữ	11.051	10.779	12.158
Tổng cộng	**24.139**	**32.157**	**34.700**

Nguồn: DMX

11.2 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Thời giờ làm việc của Công ty được quy định theo từng khối cụ thể. Đối với nhân viên văn phòng, ngày làm việc bình thường từ Thứ Hai đến Thứ Bảy, giờ làm việc từ 08:00 đến 17:00, trong đó giờ nghỉ trưa từ 12:00 đến 13:00. Đối với nhân viên khối Showroom (khối cửa hàng), làm việc theo ca căn cứ theo lịch phân công. Nhân viên Showroom phải có mặt đúng giờ để nhận bàn giao ca. Một số bộ phận đặc thù như An ninh, tài xế và các bộ phận có tính chất công việc không cố định có thể được điều chỉnh thời gian làm việc linh hoạt theo sự phân công của Trưởng bộ phận và phê duyệt của Ban Giám đốc.

Trường hợp làm thêm giờ, người lao động chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận trước của Quản lý trực tiếp và phải được ghi nhận đầy đủ bằng biểu mẫu theo quy định của Công ty làm căn cứ chi trả lương ngoài giờ.

Người lao động được nghỉ và vẫn hưởng nguyên lương trong các trường hợp:

- Bản thân kết hôn: 03 ngày
- Con kết hôn: 01 ngày
- Bố mẹ (cả bên vợ/chồng), vợ hoặc chồng, con mất: 03 ngày

Nghỉ phép năm: Người lao động làm việc đủ 12 tháng liên tục được hưởng 12 ngày phép/năm, số ngày phép được tính lũy kế theo tháng kể từ thời điểm thử việc. Mỗi 04 năm làm việc được cộng thêm 01 ngày phép thâm niên. Ngày nghỉ phép được sử dụng trong năm, không ứng trước và không quy đổi thành tiền, trừ trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động mà chưa sử dụng hết số ngày phép, khi đó sẽ được thanh toán bằng tiền. Thời gian tính phép năm từ 01/01 đến 31/12 hằng năm. Việc xin nghỉ phép phải được sự chấp thuận của Trưởng bộ phận và Phòng Nhân sự, đồng thời thực hiện đúng thời hạn thông báo theo quy định của Công ty.

Nghỉ không hưởng lương: Người lao động được nghỉ 01 ngày không hưởng lương trong các trường hợp: ông, bà nội ngoại; anh, chị, em ruột qua đời; cha hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột kết hôn. Các trường hợp nghỉ không lương khác phải được Giám đốc bộ phận phê duyệt, và người lao động chỉ được xem xét nghỉ khi đã sử dụng hết phép năm. Trường hợp người lao động làm việc và hưởng lương dưới 14 ngày trong tháng thì không tham gia đóng bảo hiểm xã hội tháng đó.

11.3 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty triển khai các chương trình đào tạo định kỳ nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ và năng lực thực thi công việc cho đội ngũ nhân sự, đáp ứng yêu cầu vận hành và phát triển hệ thống. Nội dung đào tạo bao gồm kiến thức sản phẩm, dịch vụ, chương trình kinh doanh tại cửa hàng, kỹ năng tin học văn phòng, kỹ năng trình bày, xử lý tình huống, tư duy bán hàng và làm việc với dữ liệu, cũng như đào tạo hội nhập, văn hóa doanh nghiệp và năng lực quản lý.

Hình thức đào tạo được tổ chức linh hoạt theo hình thức online, offline hoặc đào tạo trực tiếp từ Phòng Đào tạo, phù hợp với từng nhóm đối tượng như nhân viên văn phòng, nhân sự kinh doanh, nhân viên showroom và cán bộ quản lý.

Việc tham gia đào tạo là cơ sở để đánh giá năng lực, nâng cao hiệu quả công việc và định hướng phát triển nghề nghiệp lâu dài cho người lao động.

11.4 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

DMX cam kết xây dựng môi trường làm việc công bằng - minh bạch - đảm bảo quyền lợi cho người lao động, trong đó hệ thống lương, thưởng và phúc lợi được triển khai thống nhất trên toàn hệ thống, cụ thể như sau:

Tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về tiền lương

Công ty đảm bảo 100% người lao động được trả lương đúng quy định của pháp luật, tuyệt đối không có trường hợp trả lương thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước.

Chi trả lương đúng hạn

Thu nhập của người lao động được thanh toán đầy đủ và đúng thời gian quy định hoặc sớm hơn, giúp nhân viên chủ động trong kế hoạch tài chính cá nhân và an tâm công tác.

Thu nhập cạnh tranh, gắn với năng lực và đóng góp

Chính sách thu nhập được xây dựng theo hướng ghi nhận đúng năng lực, vị trí và mức độ cống hiến của từng cá nhân, đảm bảo tính cạnh tranh so với mặt bằng chung của ngành bán lẻ, qua đó tạo động lực thúc đẩy hiệu suất làm việc và sự gắn bó lâu dài.

Chính sách phúc lợi thiết thực, chăm lo toàn diện đời sống người lao động

Bên cạnh thu nhập, Công ty triển khai nhiều chính sách phúc lợi nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho nhân viên, bao gồm:

- Hỗ trợ lao động nữ về tài chính trong thời gian mang thai và sinh con, giúp người lao động yên tâm trước và sau thai sản.
- Chương trình thưởng thâm niên dành cho các cá nhân gắn bó lâu dài với Công ty.
- Chính sách mua bảo hiểm sức khỏe giá ưu đãi, kết hợp các chương trình hỗ trợ chi phí tiêm vaccine theo mùa.
- Ưu đãi mua hàng nội bộ dành riêng cho cán bộ nhân viên.
- Du lịch hằng năm và các hoạt động gắn kết tập thể nhằm tái tạo năng lượng làm việc, tăng cường sự gắn kết giữa các phòng ban.
- Phúc lợi hiếu – hỷ – tang chế, đồng hành, sẻ chia cùng người lao động trong các sự kiện quan trọng của cuộc sống.

- Các chính sách lương thưởng và phúc lợi cạnh tranh không chỉ góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng phục vụ khách hàng, mà còn là nền tảng để xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó, chuyên nghiệp và phát triển bền vững cùng Công ty.

11.5 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định và ban hành quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động cho từng đợt phát hành đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng Quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong giai đoạn 5 năm gần nhất, Công ty duy trì việc chi trả cổ tức tiền mặt ở mức 70% lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn 2021-2025 (được tính bằng tổng cổ tức tiền mặt chi trả trong giai đoạn 2021-2025 trên tổng LNST tạo ra trong giai đoạn 2021-2025), thể hiện cam kết phân phối lợi nhuận hợp lý cho cổ đông, đồng thời vẫn đảm bảo nguồn lực cho hoạt động kinh doanh và mở rộng. Tuy nhiên, chính sách cổ tức được Hội đồng Quản trị tính toán kỹ lưỡng trước khi trình Đại hội đồng cổ đông và việc chi trả cổ tức điều hành theo hướng linh hoạt và thận trọng, bám sát diễn biến kết quả kinh doanh và bối cảnh kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo tính bền vững dài hạn. Điều này được thể hiện qua các năm trong quá khứ, cụ thể như sau:

Năm 2022, mặc dù lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 13% so với năm 2021, Công ty đã chủ động giảm mức chi trả cổ tức 29%, phản ánh quan điểm thận trọng trước những bất định của môi trường kinh tế trong năm tài chính tiếp theo. Trong bối cảnh kết quả kinh doanh suy giảm của năm 2023, Công ty tiếp tục điều chỉnh mạnh cổ tức (giảm 91% so với năm 2022) nhằm bảo toàn nguồn lực tài chính. Bước sang năm 2024 và 2025, khi hoạt động kinh doanh phục hồi và tăng trưởng mạnh, Công ty đã tăng mức chi trả cổ tức đáng kể trong giai đoạn 2024–2025, qua đó bù đắp cho giai đoạn trước và đảm bảo mục tiêu cổ tức giai đoạn 2021-2025 và lợi ích cổ đông.

Trên cơ sở đó, có thể thấy Công ty theo đuổi mục tiêu cổ tức mang tính ổn định theo chu kỳ, trong đó ưu tiên cân đối giữa (i) duy trì mức chi trả hấp dẫn cho cổ đông và (ii) đảm bảo năng lực tài chính để ứng phó với biến động thị trường.

Trong thời gian tới, đặc biệt từ năm 2026 khi Công ty dự kiến trở thành công ty đại chúng, Công ty định hướng duy trì chính sách cổ tức ổn định và hấp dẫn, phù hợp với kỳ vọng của các nhà đầu tư trên thị trường vốn, qua đó góp phần nâng cao sức hấp dẫn của cổ phiếu Công ty và mở rộng tệp các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, Công ty đặt mục tiêu duy trì cổ tức tiền mặt tối thiểu 50% lợi nhuận sau thuế trong giai đoạn 2026-2030.

Tình hình chi trả cổ tức của DMX

	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
Tỷ lệ theo mệnh giá cổ phiếu	63,1%	349,5%	0,0%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	199,5% theo mệnh giá bằng Tiền mặt (*) và; 150,0% theo mệnh giá bằng phát hành cổ phiếu	-
Số tiền (đồng)	2.749.999.999.995	8.700.000.000.000 đồng cổ tức Tiền mặt và; 6.542.278.210.000 đồng cổ tức bằng phát hành cổ phiếu tính theo mệnh giá	-

Nguồn: DMX

Công ty thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 19/03/2024, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11/6/2024, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11/9/2024 và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 01/11/2024.

(*) Công ty thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt 8.700 tỷ (2024: 4.000 tỷ và 2025: 4.700 tỷ) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 17/01/2025, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 03/4/2025, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 10/7/2025, Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 01/10/2025, và Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 5/11/2025.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 03/12/2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 đồng, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 01 năm 2026*
Đến 1 năm	2.222.354.638.429	2.149.789.570.650	2.186.271.216.484
Trên 1 – 5 năm	6.210.842.143.143	5.864.629.759.677	5.947.869.590.827
Trên 5 năm	1.983.888.658.902	1.678.824.520.706	1.670.535.080.994
Tổng cộng	**10.417.085.440.474**	**9.693.243.851.033**	**9.804.675.888.305**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Công ty cam kết việc thực hiện các cam kết nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến việc đáp ứng các điều kiện niêm yết cổ phiếu của Công ty.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và việc niêm yết cổ phiếu

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh hiện đang xử lý 11 vụ việc pháp lý tại Tòa án và Cơ quan Điều tra. Các vụ việc tập trung vào hai nhóm rủi ro chính, bao gồm tranh chấp hợp đồng thương mại và thất thoát tài sản nội bộ. Qua đó, phản ánh sự chủ động và quyết liệt của Công ty trong việc bảo vệ tài sản và lợi ích thương mại.

Nhóm	Số vụ việc	Giá trị	Thuyết minh
Tranh chấp hợp đồng thương mại (Dân sự)	06	Giá trị Công ty yêu cầu thanh toán/bồi thường: **2.052.794.695 đồng** Giá trị Công ty bị yêu cầu bồi thường: **2.263.510.128 đồng**	Trong tổng số 06 vụ việc dân sự, Công ty tham gia tố tụng với tư cách Nguyên đơn trong 04 vụ việc và Bị đơn trong 02 vụ việc. Nội dung tranh chấp chủ yếu phát sinh từ việc đối tác hoặc bên cho thuê không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết, bao gồm không hoàn trả tiền đặt cọc, tiền thuê hoặc khoản bồi thường khi hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn. Căn cứ hồ sơ pháp lý hiện có, Công ty đã và đang thực hiện đầy đủ các quyền khởi kiện, phản tố nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật hiện hành.
Thất thoát Tài sản Nội bộ (Hình sự)	05	Tổng giá trị yêu cầu thu hồi: **4.928.641.562 đồng**	05 vụ án hình sự này đang trong giai đoạn điều tra và khởi tố. Các vụ việc phản ánh rủi ro thất thoát tài sản do (i) hành vi cố ý chiếm đoạt thông qua hành vi vi phạm quy trình, lạm

Nhóm	Số vụ việc	Giá trị	Thuyết minh
			dụng chức vụ của nhân viên hoặc (ii) trộm cắp từ các đối tượng bên ngoài. Công ty đã chủ động phát hiện, thu thập chứng cứ và tố cáo các đối tượng liên quan tới cơ quan điều tra.

Với quy mô hoạt động và tình hình tài chính của Công ty, giá trị của các khoản tranh chấp nêu trên tương đương khoảng 0,16% lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán. Trên cơ sở đó, các nghĩa vụ tiềm ẩn phát sinh từ các vụ việc ảnh hưởng nhỏ đến lợi nhuận và hoàn toàn nằm trong khả năng kiểm soát, xử lý của Công ty.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

Không có.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Tổng giá trị tài sản	49.472.143	56.916.238	57.327.010	15,0%
Doanh thu thuần	93.356.608	109.479.188	32.541.950	17,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.084.037	7.240.396	2.772.693	42,4%
Doanh thu hoạt động tài chính(*)	1.673.178	1.842.890	512.117	10,1%
Chi phí tài chính	(700.526)	(973.378)	(326.142)	38,9%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(337.523)	28.303	2.749	Không áp dụng
Lợi nhuận trước thuế	4.746.514	7.268.699	2.775.441	53,1%
Lợi nhuận sau thuế	3.716.571	5.801.785	2.218.567	56,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	74,0%	150,0%	0,0%	102,7%
Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	63,1%	349,5%	0,0%	454,3%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(*) Doanh thu ghi nhận chiết khấu thanh toán trong doanh thu hoạt động tài chính đến từ việc Công ty thực hiện thanh toán tiền hàng sớm cho nhà cung cấp. Chiết khấu này sẽ được cấn trừ vào công nợ của Công ty và nhà cung cấp.

Doanh thu tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026
Lãi tiền gửi. cho vay và trái phiếu	1.495.875	1.688.542	469.235
Chiết khấu thanh toán	174.721	152.032	41.726
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302	2.315	1.144
Khác	1.280	-	13
Tổng	**1.673.178**	**1.842.890**	**512.117**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính, bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ hoạt động cho vay và đầu tư trái phiếu, chiếm tỷ trọng tương đối nhỏ trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty. Cụ thể, thu nhập lãi tiền gửi, lãi từ hoạt động cho vay và đầu tư trái phiếu đạt 1.496 tỷ đồng trong năm 2024, 1.688 tỷ đồng trong năm 2025 và 469 tỷ đồng trong Quý 1/2026, tương ứng chỉ chiếm khoảng 1,60%, 1,54% và 1,44% tổng doanh thu thuần và chiếm khoảng 8,75%, 8,67% và 7,52% lợi nhuận gộp trong cùng kỳ. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính lần lượt đạt 973 tỷ đồng, 870 tỷ đồng và 186 tỷ đồng trong giai đoạn 2024 – Quý 1/2026, tương đương khoảng 20%, 12% và 7% lợi nhuận trước thuế của Công ty trong cùng kỳ. Tỷ trọng lợi nhuận từ hoạt động tài chính có xu hướng giảm chủ yếu do quy mô và hiệu quả của hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng nhanh hơn so với hoạt động đầu tư tài chính. Đồng thời, hoạt động đầu tư tài chính của Công ty được triển khai theo hướng thận trọng, chủ yếu nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng dòng tiền và nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi, thay vì là hoạt động tạo lợi nhuận trọng yếu. Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính trong quá trình triển khai và vận hành.

Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Quý 1/2026	% tăng/ (giảm) 2025-2024
Tổng giá trị tài sản	50.232.787	56.343.851	56.748.530	12,2%
Doanh thu thuần	91.100.237	107.323.240	32.435.984	17,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.338.400	7.270.056	2.723.383	36,2%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.651.587	1.811.909	500.802	9,7%
Chi phí tài chính	(729.376)	(1.032.317)	(323.829)	41,5%
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(204.300)	6.792	6.120	Không áp dụng
Lợi nhuận trước thuế	5.134.100	7.276.848	2.729.502	41,7%
Lợi nhuận sau thuế	4.104.156	5.809.935	2.180.109	41,6%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	67,0%	149,7%	0,0%	123,5%
Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	63,1%	349,5%	0,0%	454,3%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Trong năm 2024, Công ty triển khai chiến lược tái cấu trúc hệ thống cửa hàng, bao gồm việc tinh gọn mạng lưới với tổng số 221 cửa hàng được đóng. Quá trình này làm phát sinh các chi phí liên quan đến thanh lý tài sản cố định và xử lý các hạng mục vận hành không còn phù hợp. Theo đó, tổng chi phí khác trong năm 2024 ghi nhận mức tăng đáng kể, đạt 357 tỷ đồng trong năm 2024, trong đó phần lớn đến từ chi phí thanh lý tài sản cố định phát sinh là 347 tỷ đồng. Trong khi đó, thu nhập khác chỉ ghi nhận ở mức 20 tỷ đồng, không đủ bù đắp phần chi phí phát sinh. Do đó, Công ty ghi nhận lỗ khác thuần 338 tỷ đồng trong năm 2024. Khoản lỗ này mang tính chất một lần, phát sinh trong quá trình tái cấu trúc nhằm tối ưu hóa hệ thống vận hành và tạo nền tảng cho hiệu quả hoạt động trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong năm 2025, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tổng giá trị 8.700 tỷ đồng (bao gồm 4.000 tỷ đồng cho năm 2024 và 4.700 tỷ đồng thực hiện trong năm 2025), tương ứng tỷ lệ chi trả cổ tức đạt khoảng 150% trên lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2025 là 5.802 tỷ đồng. Mức chi trả cổ tức cao nêu trên được thực hiện trên cơ sở kết quả kinh doanh tích cực và xu hướng tăng trưởng rõ nét của Công ty trong giai đoạn năm 2024 - 2025, sau khi hoàn tất quá trình tái cấu trúc và định hình lại chiến lược phát triển. Cụ thể, doanh thu thuần hợp nhất năm 2025 đạt 109.479 tỷ đồng, tăng 17,3% so với năm 2024 và doanh thu thuần riêng lẻ đạt 107.323 tỷ đồng, tăng 17,8% so với cùng kỳ. Ngoài ra, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 5.802 tỷ đồng, tăng 56,1%, trong khi lợi nhuận sau thuế riêng lẻ đạt 5.809 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm trước. Từ kết quả kinh doanh tích cực, việc chi trả cổ tức cũng bù đắp cho các giai đoạn khó khăn năm 2022 và năm 2023. Tổng mức chi trả cổ tức tiền mặt trên tổng LNST của Công ty trong giai đoạn 2021-2025 đạt 70%.

Với kết quả Quý 1/2026 đạt doanh thu thuần hợp nhất 32.542 tỷ đồng, đóng góp phần lớn mảng điện thoại và điện máy lần lượt đạt 49,5%, và 41,4% doanh thu, ngoài ra, sự gia tăng chủ yếu đến từ gia tăng trong giá trị đơn hàng với động lực đến từ trình trạng thiếu hụt chip toàn cầu và sản phẩm nâng cấp thêm tính năng mới (như AI) làm giá bán tăng và khách hàng dùng giải pháp tài chính để mua các sản phẩm cao cấp hơn. Từ đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 2.219 tỷ đồng. Công ty đang bám sát tiến độ so với kế hoạch năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua với mục tiêu doanh thu thuần 122.500 tỷ đồng (doanh thu thuần Quý I/2026 đạt 26,6% tổng kế hoạch toàn năm) và lợi nhuận sau thuế 7.350 tỷ đồng (lợi nhuận sau thuế Quý I/2026 đạt 30,2% tổng kế hoạch toàn năm). Đây là tín hiệu tích cực, cho thấy Công ty có cơ sở thuận lợi để hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo đúng định hướng đã đề ra. Bên cạnh đó, tổng giá trị tài sản hợp nhất thể hiện tăng trưởng so với cuối năm 2025 khi đạt 57.327 tỷ đồng, tăng 0,7%, giúp củng cố thêm nền tảng tài chính vững chắc của Công ty.

Trên cơ sở đó, Công ty chủ động gia tăng tỷ lệ chi trả cổ tức nhằm tối ưu hóa giá trị cho cổ đông, đồng thời phản ánh năng lực tạo lợi nhuận và dòng tiền ổn định sau giai đoạn tái cấu trúc. Công ty đặt mục tiêu duy trì cổ tức tiền mặt trên 50% LNST cho giai đoạn 2026-2030.

- Các chỉ tiêu khác: Không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập *(nếu có)*: Không có

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết

Quá trình chuyển đổi số được nhà nước đẩy mạnh và chu kỳ nâng cấp thiết bị điện thoại

Thị trường điện thoại thông minh tại Việt Nam năm 2024 ghi nhận sự phục hồi đáng kể sau giai đoạn suy giảm của năm 2023, nhờ sự cộng hưởng của tiến trình chuyển đổi số quốc gia, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và sự thay đổi trong xu hướng tiêu dùng. Đây được xem là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia[19]. Theo đó, Thành phố Hồ Chí Minh tập trung đầu tư mở rộng vùng phủ sóng 5G tại các khu vực trung tâm, khu vực hành chính công, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, khu/cụm công nghiệp, v.v. phấn đấu hơn 90% phủ sóng 5G cho người dân[20]

Sau giai đoạn chững lại, doanh số điện thoại thông minh năm 2024 đạt ~4 tỷ USD, với 21,4 triệu máy bán ra. Trong năm 2024, Việt Nam chính thức cắt sóng 2G từ ngày 15/10/2025, tạo nên thay đổi lớn tại thị trường điện thoại thông minh tại Việt Nam. Xu hướng này đã góp phần đáng kể vào sự gia tăng nhu cầu đối với các dòng điện thoại thông minh hỗ trợ 4G và 5G.

Bước sang đầu năm 2025, xu hướng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập và công việc ngày càng trở nên phổ biến tại Việt Nam. Các dòng điện thoại tích hợp AI nhanh chóng thu hút sự

[19] *https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/viet-nam-tang-toc-phu-song-5g-dong-luc-moi-cho-tang-truong-gdp-va-chuyen-doi-so-1491937626*
[20] *https://vneconomy.vn/tp-ho-chi-minh-phat-trien-ha-tang-phu-song-hon-90-mang-5g-ung-dung-iot-giai-doan-2025-2027.htm*

quan tâm của người tiêu dùng và trở thành lợi thế cạnh tranh rõ rệt của các hãng sản xuất. Nhờ đó, người dùng có thể trải nghiệm nhiều tính năng nâng cao như xử lý hình ảnh thông minh, chỉnh sửa và xóa phông nền, dịch thuật theo thời gian thực, tìm kiếm thông tin nâng cao và tăng cường khả năng của trợ lý ảo, v.v.[21]

Đặc biệt, trong năm 2025, thị trường điện thoại thông minh tiếp tục sôi động khi Apple mở bán dòng sản phẩm iPhone 17 tại Việt Nam gần như đồng thời với thị trường Mỹ. Xu hướng này góp phần hạn chế tình trạng hàng xách tay, đồng thời thúc đẩy doanh số bán hàng chính ngạch thông qua các hệ thống phân phối chính thức tại Việt Nam.

Các doanh nghiệp phân phối, trong đó có DMX, đã và đang hưởng lợi rõ rệt từ những xu hướng nêu trên, khi nhu cầu nâng cấp lên các dòng sản phẩm công nghệ cao cấp ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, nhóm sản phẩm điện thoại thông minh và máy tính xách tay ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Cụ thể, trong năm 2024, doanh thu của Công ty từ nhóm sản phẩm điện thoại và máy tính xách tay tăng lần lượt 8,5% và 3,3% so với năm 2023. Tiếp tục đà tăng trưởng cùng với hưởng lợi từ chu kỳ thay mới thiết bị, doanh thu từ điện thoại và máy tính xách tay ghi nhận mức tăng trưởng cao tương ứng 23,8% và 29,4% trong năm 2025 so với năm 2024.

Mức sống người dân tại Việt Nam ngày càng tăng cao thúc đẩy nhu cầu các thiết bị điện máy hiện đại nhằm giải phóng sức lao động

Năm 2024, mức sống người dân Việt Nam có xu hướng cải thiện với thu nhập bình quân đầu người tăng 9,1% lên khoảng 5,4 triệu đồng/người/tháng, chi tiêu tăng trở lại, nhà ở và điều kiện sống được nâng cao (diện tích nhà ở bình quân 29m^2/người). Từ tháng 7/2024, lương cơ bản của người lao động Việt Nam cũng được tăng 6% so với mức trước đó[22].

Chi tiêu của người dân đã tăng trở lại sau thời gian sụt giảm do dịch bệnh Covid-19 với tốc độ tăng 6,5% so với 2022, trung bình 1 năm trong giai đoạn 2022-2024 tăng 3,2%. Nhà ở và điều kiện sống của người dân ngày càng được cải thiện[23].

Nhu cầu sử dụng thiết bị hiện đại, tích hợp tính năng thông minh và tự động để tiết kiệm thời gian và công sức ngày càng tăng, thúc đẩy xu hướng thay thế sản phẩm. Năm 2024, quy mô thị trường điện máy đạt khoảng 43.000 tỷ đồng, tăng 31% so với năm trước, trong đó 53% doanh số đến từ sản phẩm AI và IoT[24]. Đây là lĩnh vực hấp dẫn không chỉ với doanh nghiệp nội địa mà còn thu hút nhiều thương hiệu quốc tế, đặc biệt ở phân khúc trung và cao cấp. Theo Bộ Công Thương, nhóm ngành thiết bị và đồ dùng gia đình hiện đứng thứ tư trong 11 nhóm ngành tiêu dùng chính, với tốc độ tăng trưởng ấn tượng trên 10%/năm[25].

[21] *https://thanhnien.vn/nhung-thay-doi-cua-thi-truong-dien-thoai-viet-nam-trong-nam-2024-185241225113654451.htm*
[22] *https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2024/*
[23] *https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2025/05/thong-cao-bao-chi-ket-qua-khao-sat-muc-song-dan-cu-nam-2024/*
[24] *https://www.tinnhanhchungkhoan.vn/cuoc-dua-tren-thi-truong-ban-le-do-gia-dung-post368438.html*
[25] *https://trungtamwto.vn/tin-tuc/29586-thi-truong-do-gia-dung-viet-nam-tang-truong-manh-manh-dat-mau-mo-voi-cac-doanh-nghiep-noi-dia*

Bên cạnh giá cả, xu hướng người tiêu dùng trẻ ngày càng có kiến thức hơn về sản phẩm, đồng thời quan tâm đến dịch vụ và trải nghiệm mua sắm. Về dài hạn, người tiêu dùng có xu hướng lựa chọn các doanh nghiệp lớn, thương hiệu tốt và có khả năng cam kết với dịch vụ bảo hành hậu mãi.

Ảnh hưởng của thiên tai đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Tính đến thời điểm cuối năm 2024 và 2025, Công ty lần lượt có 3.047 cửa hàng và 3.020 cửa hàng trên khắp ba miền đất nước. Trong năm 2024 và 2025, Việt Nam hứng chịu các đợt bão lũ lớn làm ảnh hưởng đến người dân và hoạt động kinh doanh bình thường của các cửa hàng tại các địa phương, đồng thời làm giảm nhu cầu mua sắm của địa phương chịu ảnh hưởng của bão lũ trong ngắn hạn. Từ tháng 11/2025, thời tiết xấu với mưa bão và lũ lụt tại khu vực miền Trung/Tây Nguyên gây ảnh hưởng hoạt động kinh doanh tại một số khu vực bị ảnh hưởng, tuy nhiên, Công ty đã nhanh chóng ứng phó và khắc phục thiệt hại sau bão lũ. Tính đến hiện tại, các cửa hàng tại các khu vực bị ảnh hưởng đã hoạt động trở lại bình thường.

1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ

Các xu hướng hình thành trong năm 2025 được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì và lan tỏa trong những năm tới, nổi bật là quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ và sự dịch chuyển trong hành vi tiêu dùng từ mua sắm trực tiếp tại cửa hàng sang mua sắm trực tuyến. Những xu hướng này mở ra nhiều cơ hội cho các nhà bán lẻ quy mô lớn như DMX nhờ lợi thế về thương hiệu, độ phủ thị trường, năng lực vận hành và hệ thống bán hàng khép kín. Tuy nhiên, đây cũng đồng thời là thách thức khi hoạt động bán hàng không còn bị giới hạn bởi mặt bằng vật lý, khiến mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp có khả năng nhanh chóng thích ứng với xu hướng số hóa, xây dựng hệ thống phân phối đa kênh hiệu quả và sở hữu chuỗi cung ứng tối ưu sẽ là những bên hưởng lợi bền vững trong dài hạn.

Từ ngày 1/1/2026, Việt Nam đã chấm dứt cơ chế thuế khoán đối với hộ kinh doanh và chuyển sang phương pháp tự kê khai, tự nộp thuế theo doanh thu thực tế. Các hoạt động này giúp ổn định giá cả hàng hóa và sản phẩm minh bạch hơn, lợi thế cho các Nhà bán lẻ chuyên nghiệp như Công ty.

Bên cạnh đó, chính sách giảm 2% thuế VAT được gia hạn đến ngày 31/12/2026, đồng thời các sản phẩm công nghệ thông tin được bổ sung vào diện áp dụng thuế suất ưu đãi kể từ ngày 01/07/2025 theo Nghị định 74/2025/NĐ-CP đóng vai trò hỗ trợ quan trọng cho thị trường để kích thích tiêu dùng trong nước.

Biến đổi khí hậu cũng là một trong những biến số ảnh hưởng đến hoạt đông kinh doanh mà DMX phải có phương án phòng ngừa để giảm bớt thiệt hại, đặc biệt là khi DMX có mức độ bao phủ trên toàn quốc. Công ty nhận thấy rằng biến đổi khí hậu không chỉ là thách thức môi trường mà còn là một rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh. Để đối phó với các nguy cơ thiên tai bất ngờ và không thể kiểm soát, Công ty đã triển khai chiến lược quản trị rủi ro toàn diện như sau:

- Tăng cường năng lực ứng phó khẩn cấp: Xây dựng các kịch bản ứng phó chi tiết và tập huấn định kỳ để bảo đảm nhân sự và cơ sở hạ tầng sẵn sàng đối mặt với các tình huống khẩn cấp.
- Phát triển hệ thống quản lý rủi ro khí hậu: Tích hợp các tiêu chí rủi ro khí hậu vào quy trình quản lý doanh nghiệp, đảm bảo khả năng phục hồi nhanh chóng sau thiên tai.
- Đầu tư bảo hiểm và quỹ dự phòng: Thiết lập các quỹ dự phòng và mở rộng phạm vi bảo hiểm thiên tai để giảm thiểu tổn thất tài chính khi có sự cố xảy ra.

2. Tình hình tài chính

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

- **Báo cáo về vốn điều lệ**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Tổng số cổ phiếu đã phát hành	436.151.881	1.101.283.500	1.101.283.500
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	436.151.881	1.101.283.500	1.101.283.500
3	Vốn điều lệ (đồng)	4.361.518.810.000	11.012.835.000.000	11.012.835.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

- **Báo cáo về vốn kinh doanh**

Báo cáo về vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
A	**Nợ phải trả**	**29.955.726**	**39.115.666**	**37.307.872**
I	**Nợ ngắn hạn**	**29.955.726**	**39.115.666**	**37.307.872**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	6.325.110	9.701.594	8.598.547
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.507	210.361	192.515
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	585.548	811.242	776.657
4	Phải trả người lao động	141.425	190.068	166.991
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.109.806	3.304.054	3.290.179

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21.723	536.937	612.716
7	Phải trả ngắn hạn khác	683.194	842.798	1.412.995
8	Vay ngắn hạn	19.930.173	23.429.114	22.158.891
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	70.240	89.498	98.381
B	**Vốn chủ sở hữu**	**19.516.417**	**17.800.572**	**20.019.138**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	4.361.519	11.012.835	11.012.835
2	Vốn khác của chủ sở hữu(*)	0	1.073.331	1.073.331
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.154.898	5.714.405	7.932.972
	Tổng cộng	**49.472.143**	**56.916.238**	**57.327.010**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(*) Về khoản phụ trội hợp nhất được trình bày tại mục Vốn khác năm 2025 trên báo cáo tài chính, Công ty xin được giải trình như sau:

"Cơ sở hạch toán kế toán đối với khoản phụ trội hợp nhất kinh doanh được trình bày tại mục "Vốn khác" của Vốn chủ sở hữu tại Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Chi tiết nghiệp vụ liên quan:

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (Công ty mẹ của Công ty hoặc "MWIC") vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Theo đó, Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh ("Thợ ĐMX") đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty. Tại thời điểm mua, Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh có tài sản thuần là 100.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang") với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của MWIC) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025. Theo đó, An Khang không còn là công ty con trực tiếp của Công ty. Tại thời điểm chuyển nhượng, An Khang có tài sản thuần là 939.610.025.620 VND.

Tổng chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên được chuyển nhượng trong hai nghiệp vụ nêu trên trị giá 1.073.331.174.380 VND đã được ghi nhận như khoản phụ trội hợp nhất kinh doanh vào khoản mục "414 – Vốn khác của chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hai nghiệp vụ nói trên, sau đây được gọi chung là giao dịch chuyển nhượng. Các giao dịch này xảy ra giữa MWIC và các công ty con của MWIC ("Nhóm Công ty MWIC").

Theo Ban Tổng Giám đốc Công ty các giao dịch chuyển nhượng này phát sinh từ mục đích tái cấu trúc lại Nhóm Công ty MWIC để tập trung hóa các hoạt động kinh doanh theo hướng (i) chuyển Thợ DMX là công ty chuyên về cung cấp dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị điện tử vào Nhóm Công ty và (ii) chuyển An Khang là công ty bán lẻ dược mỹ phẩm ra khỏi Nhóm Công ty vì không thuộc hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty. Trước và sau khi được tái cơ cấu, Công ty và các công ty con của DMX đều nằm dưới sự kiểm soát chung của MWIC.

2. Phân tích về kế toán

2.1. Xác định giao dịch

Tham chiếu đến **Khoản 2, Điều 47, Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn về các hình thức tái cấu trúc tập đoàn**:

"Việc tái cấu trúc tập đoàn có thể thực hiện dưới các hình thức:

... c) Chuyển giao toàn bộ hoặc một phần vốn của một công ty con cho một (hoặc nhiều) đơn vị khác trong nội bộ tập đoàn, như việc công ty con cấp 1 bán một công ty con cấp 2 cho công ty mẹ hoặc công ty mẹ bán một công ty con cho một công ty con khác (giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung)."

*Tham chiếu đến **Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") số 11 - Hợp nhất Kinh doanh** hướng dẫn khái niệm về hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung:*

"10. Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh chịu sự kiểm soát chung là hợp nhất kinh doanh, trong đó tất cả các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh tham gia hợp nhất chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài."

Căn cứ các quy định trên và dựa vào các thông tin cụ thể của 2 giao dịch chuyển nhượng, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các giao dịch này là việc tái cấu trúc được thực hiện dưới hình thức giao dịch hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung.

2.2. Xác định hướng dẫn kế toán áp dụng

Tham chiếu đến **CMKTVN số 11 - Hợp nhất Kinh doanh**:

"11. Nhóm cá nhân có quyền kiểm soát một doanh nghiệp khác khi họ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt

động của doanh nghiệp đó, theo thoả thuận hợp đồng. Do đó, việc hợp nhất kinh doanh theo hình thức này sẽ không thuộc phạm vi áp dụng của chuẩn mực này trong trường hợp cùng một nhóm cá nhân có quyền lợi chung cao nhất chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của từng đơn vị tham gia hợp nhất nhằm đạt được lợi ích từ hoạt động của các đơn vị đó theo thoả thuận hợp đồng và quyền lợi chung cao nhất đó là lâu dài."

Tham chiếu đến **Mục 12, CMKTVN số 21-Trình bày báo cáo tài chính**:

"12. Doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán. Trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, thì doanh nghiệp phải căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý nhằm đảm bảo báo cáo tài chính cung cấp được các thông tin đáp ứng các yêu cầu sau:

a/ Thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng;

b/ Đáng tin cậy, khi:

- Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;

- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;

- Trình bày khách quan, không thiên vị;

- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;

- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

....

14. Trong trường hợp không có chuẩn mực kế toán hướng dẫn riêng, khi xây dựng các phương pháp kế toán cụ thể, doanh nghiệp cần xem xét:

a) Những yêu cầu và hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán đề cập đến những vấn đề tương tự và có liên quan;

b) Những khái niệm, tiêu chuẩn, điều kiện xác định và ghi nhận đối với các tài sản, nợ phải trả, thu nhập và chi phí được quy định trong chuẩn mực chung;

c) Những quy định đặc thù của ngành nghề kinh doanh chỉ được chấp thuận khi những qui định này phù hợp với các điểm (a) và (b) của đoạn này."

Căn cứ vào các quy định trên, tìm hiểu các CMKTVN và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp cũng như cân nhắc thông tin cụ thể của 2 giao dịch chuyển nhượng, Công ty xác định rằng:

- 2 nghiệp vụ chuyển nhượng không thuộc phạm vi hướng dẫn của các quy định kế toán tại **CMKTVN số 11**; và

- CMKTVN và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện tại chưa có hướng dẫn cụ thể cho trường hợp hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung. Do đó, Công ty cần xây dựng phương pháp kế toán phù hợp cho giao dịch này trên cơ sở tham khảo các yêu cầu và hướng dẫn kế toán có liên quan đảm bảo phản ánh đúng bản chất của giao dịch.

2.3. Chính sách kế toán của Công ty

Công ty đã cân nhắc các yếu tố sau để xác định chính sách kế toán cho giao dịch chuyển nhượng:

- Hai giao dịch chuyển nhượng được thực hiện để công ty mẹ cao nhất (MWIC) bố trí lại nguồn lực trong Nhóm Công ty phù hợp các mảng kinh doanh và không nhằm tạo ra tài sản mới hay bán ra cho bên thứ ba cũng như không có lãi hay lỗ nào phát sinh cho toàn bộ Nhóm Công ty từ giao dịch này.
- Trong bối cảnh của các giao dịch chuyển nhượng cụ thể này, sự thay đổi chỉ diễn ra trong nội bộ Nhóm Công ty MWIC (giữa Công ty và chủ sở hữu của Công ty), nên phần chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua/giá thanh lý của bên bán và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của đơn vị được nhận chuyển nhượng về/được chuyển nhượng đi không phản ánh hoạt động kinh doanh thật sự. Thay vào đó, nó chỉ là sự điều chỉnh trong cách chủ sở hữu phân bổ nguồn lực giữa các công ty trong Nhóm Công ty.

Theo đó, Công ty ghi nhận khoản phụ trội hợp nhất kinh doanh phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng vào vốn chủ sở hữu, nơi thể hiện quyền lợi của chủ sở hữu.

Theo xác nhận của Đơn vị kiểm toán E&Y tại Công văn ngày 28/03/2026 về khoản phụ trội hợp nhất trình bày tại mục vốn khác của chủ sở hữu năm 2025 như sau:

"Về việc xác nhận cơ sở hạch toán kế toán đối với khoản phụ trội hợp nhất kinh doanh được trình bày tại mục "Vốn khác" của Vốn chủ sở hữu tại bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được chúng tôi kiểm toán.

Chúng tôi xác nhận cơ sở hạch toán kế toán đối với khoản phụ trội hợp nhất kinh doanh này, như được trình bày ở Công văn số 14 – Phụ lục II, là phù hợp với các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi được cung cấp trong quá trình kiểm toán BCTC hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm 2025."

Báo cáo về vốn kinh doanh của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
A	**Nợ phải trả**	**29.630.944**	**38.523.035**	**36.747.605**
I	**Nợ ngắn hạn**	**29.630.944**	**38.523.035**	**36.747.605**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	6.158.176	9.818.045	8.637.650
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.507	190.584	146.148

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	584.027	788.136	749.584
4	Phải trả người lao động	132.002	155.621	126.801
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.081.533	2.950.957	3.049.804
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21.723	536.937	612.716
7	Phải trả ngắn hạn khác	660.361	782.867	1.365.161
8	Vay ngắn hạn	19.834.374	23.210.389	21.961.361
9	Dự phòng phải trả ngắn hạn	70.240	89.498	98.381
B	**Vốn chủ sở hữu**	**20.601.843**	**17.820.816**	**20.000.925**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	4.361.519	11.012.835	11.012.835
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.240.324	6.807.981	8.988.090
	Tổng cộng	**50.232.787**	**56.343.851**	**56.748.530**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty hợp nhất và riêng lẻ lần lượt đạt 5.714 tỷ đồng và 6.807 tỷ đồng tại cuối năm 2025, tương ứng giảm lần lượt 62,3% và 58,1% so với số dư hợp nhất và riêng lẻ tại cuối năm 2024. Biến động này chủ yếu do Công ty thực hiện chi trả cổ tức tiền mặt 8.700 tỷ (năm 2024: 4.000 tỷ và năm 2025: 4.700 tỷ) cho các cổ đông hiện hữu.

Bên cạnh đó, Công ty sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542 tỷ đồng, qua đó làm giảm tương ứng số dư lợi nhuận chưa phân phối. Việc giảm lợi nhuận chưa phân phối nêu trên được bù đắp một phần bởi lợi nhuận sau thuế của Công ty hợp nhất và Công ty riêng lẻ lần lượt đạt 5.802 tỷ đồng và 5.810 tỷ đồng, được ghi nhận trong năm 2025.

- **Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:**

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	**Tài sản ngắn hạn**	**47.063.192**	**53.565.566**	**53.656.943**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.780.128	3.578.155	3.312.679
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.463.431	20.414.245[(1)]	25.255.709

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.005.016	6.264.835 (1)	1.612.051
4	Hàng tồn kho(**)	18.445.616	22.759.102	23.054.447
5	Tài sản ngắn hạn khác	369.001	549.230	422.059
II	**Tài sản dài hạn**	**2.408.951**	**3.350.672**	**3.670.067**
1	Phải thu dài hạn	256.708	238.776	242.355
2	Tài sản cố định	1.625.231	840.473	751.597
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.942	54.109	10.252
4	Đầu tư tài chính dài hạn	242.036	1.771.159	2.002.064
5	Tài sản dài hạn khác	280.034	446.155	663.800
	Tổng cộng	**49.472.143**	**56.916.238**	**57.327.010**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(1) Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2025 (được trình bày lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.414.244.731.666	4.832.270.392.374	25.246.515.124.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.180.000.000.000	(4.180.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.649.972.498.017	(652.270.392.374)	997.702.105.643

Nguồn: BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Công ty chủ động cân đối giữa tiền mặt và các khoản đầu tư tài chính, chủ yếu là đầu tư ngắn hạn, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, qua đó cải thiện dòng tiền, lợi nhuận và gia tăng giá trị cho nhà đầu tư. Đồng thời, Công ty luôn duy trì nguồn lực tài chính chủ động và đảm bảo thanh khoản để triển khai hoạt động cốt lõi cũng như đáp ứng đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Các khoản đầu tư tài chính được Công ty lựa chọn thận trọng, phân bổ phù hợp với nhu cầu thanh khoản. Chi tiết danh mục đầu tư và đánh giá của Công ty về rủi ro liên quan được cụ thể như sau:

Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	**Ngắn hạn**	**19.463.431**	**20.414.245**	**25.255.709**
1	Tiền gửi có kỳ hạn	13.214.115	13.626.300	14.185.338
2	Đầu tư khác(*)	6.249.316	6.787.945	11.070.371
II	**Dài hạn**	**-**	**1.400.000**	**1.499.502**
1	Đầu tư khác(*)	-	1.400.000	1.499.502
	Tổng cộng	**19.463.431**	**21.814.245**	**26.755.211**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(*) Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và 2025 chủ yếu bao gồm trái phiếu doanh nghiệp và sản phẩm đầu tư khác được phân loại tại bảng bên dưới, nhờ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh duy trì ổn định, Công ty tích lũy được lượng tiền nhàn rỗi đáng kể. Do đó, với mục tiêu tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, Công ty chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư bên ngoài nhằm gia tăng thu nhập tài chính. Công ty ưu tiên lựa chọn các sản phẩm có mức độ rủi ro thấp, do các tổ chức hoạt động trong những lĩnh vực có khung pháp lý rõ ràng và minh bạch về tài chính như ngân hàng, chứng khoán, v.v. cung cấp. Chi tiết như sau:

Phân loại các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn theo kỳ hạn

Đơn vị: Triệu đồng

	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025	
	Số dư	Tỷ lệ (%)	Số dư	Tỷ lệ (%)
Ngắn hạn (3 tháng – 1 năm)	6.249.316	100,0%	6.787.945	82,9%
Dài hạn (2 năm – 7 năm)		-	1.400.000	17,1%
Tổng cộng	**6.249.316**	**100,0%**	**8.187.945**	**100,0%**

Nguồn: DMX

Phân loại các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn theo loại sản phẩm đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

Phân loại	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025	
	Số dư	Tỷ lệ (%)	Số dư	Tỷ lệ (%)
Trái phiếu				

Phân loại	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025	
	Số dư	Tỷ lệ (%)	Số dư	Tỷ lệ (%)
Ngành Ngân hàng	2.025.256	32,4%	2.844.715	34,7%
Ngành Chứng khoán	512.138	8,2%	2.276.972	27,8%
Ngành Bất động sản	843.717	13,5%	756.249	9,2%
Ngành Du lịch và nghỉ dưỡng	104.377	1,7%	300.000	3,7%
Ngành Sản xuất ô tô	505.131	8,1%	208.600	2,5%
Ngành Năng lượng	87.238	1,4%	207.271	2,5%
Các công ty đa ngành	474.221	7,6%	161.211	2,0%
Ngành Bất động sản khu công nghiệp	100.662	1,6%	102.927	1,3%
Ngành Nông nghiệp	495.936	7,9%	-	-
Ngành tiêu dùng	50.640	0,8%	-	-
Sản phẩm đầu tư khác				
Do công ty chứng khoán phát hành	1.050.000	16,8%	1.330.000	16,2%
Tổng cộng	**6.249.316**	**100,0%**	**8.187.945**	**100,0%**

Nguồn: DMX

Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày ở bảng trên bao gồm:

- Các khoản trái phiếu dài hạn nắm giữ và đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.
- Các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

Hoạt động đầu tư trái phiếu của Công ty được triển khai với mục tiêu tối ưu hóa việc sử dụng dòng tiền, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý vốn và gia tăng thu nhập tài chính ổn định. Bên cạnh đó, việc đầu tư vào các công cụ nợ có chất lượng cao giúp Công ty tạo thêm giá trị cho cổ đông, thông qua việc cải thiện lợi nhuận và tối ưu hóa cơ cấu tài sản trong khi vẫn duy trì mức độ rủi ro hợp lý. Đồng thời, thông qua việc tham gia vào thị trường trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu doanh nghiệp và các tổ chức tài chính uy tín, Công ty góp phần hỗ trợ thanh khoản và thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của nền kinh tế.

Các khoản đầu tư trái phiếu của Công ty có thể phát sinh một số rủi ro tài chính, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, và rủi ro lãi suất, đặc biệt trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp còn tiềm ẩn các biến động. Tuy nhiên, các rủi ro này được Công ty đánh giá là không cao và trong tầm kiểm soát nhờ vào việc đầu tư thận trọng kèm theo các quy tắc phòng ngừa rủi ro rõ ràng. Cụ thể, Công ty duy trì tỷ trọng đầu tư trái phiếu ở mức giới hạn dưới 15% tổng tài sản (đạt 12,6% trong năm 2024 và 14,4% trong năm 2025), qua đó hạn chế tác động tiêu cực tiềm tàng đến tình hình tài chính tổng thể.

Về rủi ro tín dụng, Công ty lựa chọn trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín, có lịch sử tài chính lành mạnh và khả năng trả nợ ổn định, qua đó giảm thiểu nguy cơ mất vốn hoặc chậm thanh toán. Đồng thời, danh mục đầu tư được tập trung chủ yếu vào trái phiếu ngắn hạn (kỳ hạn dưới 1 năm), giúp hạn chế rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất.

Trong năm 2025, Công ty có mở rộng đầu tư trái phiếu dài hạn, tuy nhiên tỷ trọng vẫn được kiểm soát ở mức hợp lý (chiếm khoảng 17% danh mục trái phiếu). Các khoản đầu tư dài hạn này chỉ tập trung vào trái phiếu do các ngân hàng và công ty chứng khoán phát hành, là các tổ chức có mức độ tín nhiệm cao và chịu sự giám sát chặt chẽ, qua đó đảm bảo chất lượng danh mục.

Việc phân bổ danh mục trái phiếu theo lĩnh vực cũng được Công ty lựa chọn theo hướng thận trọng và có chọn lọc. Cụ thể, Công ty ưu tiên đầu tư vào các tổ chức phát hành có nền tảng tài chính vững mạnh và dòng tiền ổn định, trong đó nhóm ngân hàng và công ty chứng khoán chiếm tỷ trọng chủ đạo trong danh mục. Tỷ trọng của nhóm này đã tăng từ 57% trong năm 2024 lên 79% trong năm 2025, phản ánh định hướng nâng cao chất lượng tín dụng và tính an toàn của danh mục đầu tư.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đa dạng hóa ngành nghề và chủ động giảm mức độ tập trung vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao hơn. Cụ thể, tỷ trọng trái phiếu bất động sản đã giảm từ 14% xuống 9% trong cùng giai đoạn, qua đó hạn chế rủi ro chu kỳ và cải thiện tính thanh khoản của danh mục.

Trên cơ sở này, Công ty duy trì cách tiếp cận đầu tư trái phiếu theo hướng thận trọng, ưu tiên bảo toàn vốn và đảm bảo thanh khoản, đồng thời tận dụng hiệu quả nguồn vốn nhàn rỗi để gia tăng thu nhập tài chính trong phạm vi rủi ro chấp nhận được.

(**) Biến động hàng tồn kho 2025 tăng mạnh do Công ty chủ động gia tăng quy mô hàng tồn kho và mở rộng hoạt động mua hàng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng cao tại các ngành hàng trọng điểm, bao gồm nhóm sản phẩm điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay, v.v

Trong năm 2025, giá trị hàng tồn kho tăng chủ yếu gắn với chiến lược chủ động đảm bảo nguồn cung nhằm đáp ứng nhu cầu tại các ngành hàng trọng điểm, đặc biệt là nhóm sản phẩm công nghệ cao như điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay. Nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm này được thúc đẩy bởi xu hướng nâng cấp thiết bị, sự ra mắt các dòng sản phẩm mới cũng như chu kỳ thay thế thiết bị, qua đó kéo theo nhu cầu dự trữ hàng hóa ở mức cao hơn để đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời. Ngoài ra, nhu cầu đối với các sản phẩm điện máy thường gia tăng vào các giai đoạn cao điểm trong năm (như dịp lễ, Tết hoặc mùa nắng nóng), dẫn đến việc Công ty cần chuẩn bị trước nguồn hàng để đảm bảo khả năng đáp ứng thị trường và phát triển doanh thu.

Kết quả cho thấy vòng quay hàng tồn kho năm 2025 có sự cải thiện nhờ tốc độ tiêu thụ nhanh của các sản phẩm chính như điện thoại di động, thiết bị điện tử, gia dụng, máy tính xách tay, v.v. Tăng từ 4,2 vòng quay năm 2024 lên 4,4 vòng quay năm 2025, tương đương với việc thời gian lưu kho bình quân được rút ngắn, cho thấy hàng hóa được tiêu thụ nhanh hơn và dòng vốn lưu động được quay vòng hiệu quả hơn. Trong khi đó, mặt hàng phụ kiện vì đặc thù sản phẩm có giá trị thấp hơn, danh mục đa dạng và cần liên tục cập nhật theo sản phẩm mới nên số ngày tồn kho của nhóm sản phẩm này thường lâu hơn so với các sản phẩm chủ lực của Công ty.

Hàng tồn kho tại 31/12/2024 và 31/12/2025 và 31/03/2026 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng (giảm) 25/24
Điện thoại di động	6.308.559	10.436.900	9.079.371	65%
Thiết bị điện tử	5.642.434	5.455.503	6.201.895	-3%
Thiết bị gia dụng	2.987.823	3.278.784	3.475.420	10%
Máy tính xách tay	1.394.857	2.038.788	2.695.952	46%
Phụ kiện	1.135.937	1.332.468	1.394.358	17%
Máy tính bảng	246.874	381.398	332.680	54%
Đồng hồ mắt kính	183.440	181.715	202.069	-1%
Vật tư lắp đặt	-	99.658	218.083	Không áp dụng
Dược phẩm	430.955	-	-	Không áp dụng
Vitamin và thực phẩm chức năng	114.364	-	-	Không áp dụng
Mỹ phẩm	42.490	-	-	Không áp dụng
Trang thiết bị y tế cá nhân	30.178	-	-	Không áp dụng
Hàng hóa khác	350.802	163.481	203.651	-53%
Tổng cộng	**18.868.714**	**23.368.696**	**23.803.479**	24%
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.098)	(609.594)	(749.032)	44%
Giá trị thuần	**18.445.616**	**22.759.102**	**23.054.447**	23%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Công ty đánh giá rủi ro liên quan đến hàng tồn kho, bao gồm các mặt hàng có tính chất đặc thù, được kiểm soát ở mức thấp. Đánh giá này dựa trên những yếu tố sau:

- Chất lượng tiêu thụ hàng hóa duy trì tích cực gắn liền với đà tăng trưởng mạnh tại các ngành hàng công nghệ chủ lực như điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay, phản ánh nhu cầu thị trường thực tế. Các yếu tố như chu kỳ nâng cấp thiết bị, xu hướng công nghệ mới và hoạt động bán hàng theo mùa đã hỗ trợ sức mua, qua đó giúp hàng hóa được tiêu thụ với tốc độ tốt.
- Hiệu quả bán hàng và năng lực triển khai tại điểm bán đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tốc độ luân chuyển hàng tồn kho. Đội ngũ bán hàng, kết hợp với các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và định hướng danh mục sản phẩm phù hợp với từng tập khách hàng, đã góp phần chuyển hóa hàng tồn kho thành doanh thu trong thời gian ngắn, hạn chế rủi ro tồn đọng hoặc giảm giá trị.
- Công ty sở hữu hệ thống quản trị hàng tồn kho tương đối hoàn thiện, bao gồm việc ứng dụng các công cụ dự báo nhu cầu, hệ thống ERP và cơ chế điều phối hàng hóa nội bộ, qua đó tối ưu hóa phân bổ tồn kho theo khu vực và điểm bán. Đồng thời, Công ty thực hiện kiểm soát vòng đời sản phẩm và đánh giá định kỳ để trích lập dự phòng khi cần thiết.

Trên cơ sở các yếu tố nêu trên, mặc dù quy mô hàng tồn kho tăng theo chiến lược kinh doanh, Công ty vẫn duy trì khả năng kiểm soát rủi ro hiệu quả, đặc biệt đối với các nhóm sản phẩm có đặc thù trong ngành bán lẻ thiết bị công nghệ.

Về biến động trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 2024 chủ yếu đến từ mặt hàng phụ kiện. Vòng quay hàng tồn kho của mặt hàng phụ kiện trong năm 2024 là 2,8 vòng thấp hơn nhiều so với vòng quay hàng tồn kho của toàn Công ty trong năm 2024 là 4,2. Đây là nhóm sản phẩm có vòng đời ngắn, chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng tiêu dùng và tốc độ đổi mới sản phẩm chính như điện thoại, laptop, điện máy, v.v., do đó có rủi ro về lỗi thời, chậm luân chuyển, dẫn đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tăng trong năm 2024.

Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm 2024 (Hợp nhất)

	31/12/2023 (Chưa kiểm toán)	31/12/2024 (Đã kiểm toán)
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)	(362.054)	(204.449)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(204.449)	(423.098)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	362.054	204.449
Số dư cuối năm	**(204.449)**	**(423.098)**

Nguồn: BCTC hợp nhất 2023 và 2024 của Công ty

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
I	**Tài sản ngắn hạn**	**45.902.381**	**52.547.391**	**52.643.317**

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.754.806	3.403.398	3.196.851
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.102.381	19.899.245 (1)	24.626.681
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.936.885	6.066.737 (1)	1.587.874
4	Hàng tồn kho	17.799.510	22.644.526	22.824.036
5	Tài sản ngắn hạn khác	308.800	533.486	407.876
II	**Tài sản dài hạn**	**4.330.406**	**3.796.460**	**4.105.212**
1	Phải thu dài hạn	249.489	238.569	242.148
2	Tài sản cố định	1.432.228	773.989	688.924
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.942	54.109	10.252
4	Đầu tư tài chính dài hạn	2.365.056	2.291.403	2.513.296
5	Tài sản dài hạn khác	278.692	438.389	650.593
	Tổng cộng	**50.232.787**	**56.343.851**	**56.748.530**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

(i) Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

Khoản mục	31/12/2025 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2025 (được trình bày lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.899.244.731.666	4.696.319.967.713	24.595.564.699.379
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.055.000.000.000	(4.055.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.612.883.874.634	(641.319.967.713)	971.563.906.921

Nguồn: BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 5 năm
- Phương tiện vận tải : 6 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 – 8 năm
- Phần mềm máy tính : 4 năm
- Quyền sử dụng đất : Vô thời hạn

Công ty cam kết việc thực hiện thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi theo quy định của pháp luật.

2.1.3 Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty trong hai năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại như sau:

Mức lương bình quân của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	31/03/2026
Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	18.349.434	19.199.966	21.677.421

Nguồn: DMX

Mức lương bình quân của người lao động của Công ty trong năm 2024, năm 2025 lần lượt là: 18,3 triệu đồng/người/tháng và 19,2 triệu đồng/người/tháng. Trong Quý 1/2026, mức lương bình quân của người lao động là 21,7 triệu đồng/người/tháng.

Căn cứ theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động áp dụng từ ngày 01/07/2022, mức lương tối thiểu tại Việt Nam dao động từ 3,25 triệu đồng/người/tháng đến 4,68 triệu đồng/người/tháng.

Căn cứ theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu của người lao động làm việc theo hợp đồng lao động áp dụng từ ngày 01/07/2024, mức lương bình quân tối thiểu tại Việt Nam dao động trong khoảng 3,45 triệu đồng/người/tháng đến 4,96 triệu đồng/người/ tháng.

Căn cứ theo số liệu của Cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người tại Việt Nam năm 2024 và 2025 lần lượt là 5,4 triệu đồng/người/tháng và 5,9 triệu đồng/người/tháng[26].

Theo đó, mức lương bình quân của người lao động trong Công ty trong giai đoạn hai năm gần nhất và đến hiện tại cao hơn mức tối thiểu được quy định bởi pháp luật.

2.1.4 Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Tổng các khoản phải thu và cho vay	5.261.724	6.503.611	1.854.406	23,6%
Tổng số nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay)	29.955.726	39.115.666	37.307.872	30,6%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Tình hình công nợ của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Tổng các khoản phải thu và cho vay	5.186.373	6.305.306	1.830.022	21,6%
Tổng số nợ phải trả (bao gồm dư nợ vay)	29.630.944	38.523.035	36.747.605	30,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

[26] *https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/ho-tro-phap-luat/chinh-sach-moi/102644/thong-ke-thu-nhap-binh-quan-cua-nguoi-lao-dong-nam-2025*

2.1.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	**5.005.017**	**6.264.834**	**1.612.051**	**25,2%**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	241.769	394.564	293.386	63,2%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.626	40.298	27.494	428,5%
Phải thu về cho vay ngắn (*)	3.198.000	4.180.000	-	30,7%
Phải thu ngắn hạn khác	1.557.622	1.649.972	1.291.171	5,9%
Các khoản phải thu dài hạn	**256.708**	**238.776**	**242.355**	**-7,0%**
Phải thu dài hạn khác	256.708	238.776	242.355	-7,0%
Tổng các khoản phải thu	**5.261.724**	**6.503.611**	**1.854.406**	**23,6%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(*) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 và 2025 chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay đối với nhóm công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, lần lượt chiếm 76,5% và 95,2% tổng dư nợ cho vay ngắn hạn tại từng thời điểm. Bên cạnh đó, Công ty cũng phát sinh các khoản cho vay đối với một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, tuy nhiên tỷ trọng không đáng kể, tương ứng chiếm 23,5% năm 2024 và 4,8% năm 2025. Chi tiết cơ cấu theo phân loại theo loại công ty được trình bày như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Phân loại	Tại 31/12/2024		Biến động trong năm 2025		Tại 31/12/2025	
	Số dư	Tỷ lệ (%)	Tăng	Giảm	Số dư	Tỷ lệ (%)
Cho vay các công ty cổ phần chứng khoán	2.448.000	76,5%	6.397.600	(4.865.600)	3.980.000	95,2%
Cho vay công ty ngành dịch vụ tài chính	750.000	23,5%	-	(550.000)	200.000	4,8%
Tổng cộng	**3.198.000**	**100,0%**	**6.397.600**	**(5.415.600)**	**4.180.000**	**100,0%**

Nguồn: DMX

Tại thời điểm 31/12/2024 và 31/12/2025, số dư các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty lần lượt đạt 3.180 tỷ đồng (tương đương 3,4% doanh thu thuần) và 4.180 tỷ đồng (tương đương

3,8% doanh thu thuần). Các khoản cho vay này chủ yếu được cấp cho các công ty chứng khoán – nhóm đối tác có nhu cầu vốn ngắn hạn cao và khả năng quay vòng nhanh với kỳ hạn dưới 12 tháng, phù hợp với chiến lược quản trị thanh khoản linh hoạt của Công ty. Đồng thời, đây cũng là công cụ tối ưu hóa nguồn tiền và đa dạng hóa nguồn doanh thu tài chính ngoài việc đầu tư trái phiếu.

Bên cạnh lợi ích về hiệu quả sử dụng vốn, hoạt động cho vay ngắn hạn có thể phát sinh một số rủi ro, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro tập trung đối tác. Tuy nhiên, các rủi ro này được đánh giá ở mức thấp và trong tầm kiểm soát, nhờ định hướng triển khai thận trọng và cơ chế quản trị chặt chẽ.

Cụ thể, Công ty cho vay các công ty chứng khoán hoạt động trong hành lang pháp lý vững chắc, chịu sự giám sát của cơ quan quản lý và tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn tài chính và thanh khoản. Đây là nhóm đối tác có quy trình nghiệp vụ rõ ràng, dòng tiền luân chuyển nhanh và khả năng thu hồi vốn cao, qua đó giảm thiểu đáng kể rủi ro tín dụng.

Đồng thời, Công ty cũng chú trọng kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn đối tác phù hợp, bao gồm đánh giá năng lực tài chính, theo dõi liên tục tình hình hoạt động của bên vay nhằm bảo vệ quyền lợi của Công ty. Việc duy trì kỳ hạn cho vay ngắn cũng giúp tăng tính linh hoạt trong điều phối dòng tiền, hạn chế rủi ro biến động thị trường và đảm bảo khả năng thu hồi vốn kịp thời.

Trên cơ sở đó, danh mục cho vay ngắn hạn không chỉ mang lại lợi suất cạnh tranh và ổn định, mà còn được quản trị theo hướng an toàn, kiểm soát rủi ro hiệu quả, phù hợp với khẩu vị rủi ro và chiến lược quản lý vốn tổng thể của Công ty.

Các khoản phải thu của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Các khoản phải thu ngắn hạn	**4.936.884**	**6.066.738**	**1.587.874**	**22,9%**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	242.858	379.183	286.626	56,1%
Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.159	19.671	27.009	174,8%
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.148.000	4.055.000	-	28,8%
Phải thu ngắn hạn khác	1.538.867	1.612.884	1.274.238	4,8%
Các khoản phải thu dài hạn	**249.489**	**238.569**	**242.148**	**-4,4%**
Phải thu dài hạn khác	249.489	238.569	242.148	-4,4%
Tổng các khoản phải thu	**5.186.373**	**6.305.307**	**1.830.022**	**21,6%**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty không có khoản phải thu quá hạn nào.

Tổng các khoản phải thu của Công ty hợp nhất đạt 6.504 tỷ đồng tại cuối năm 2025, tăng 21,6% từ mức 5.262 tỷ đồng tại cuối năm 2024. Biến động tăng này chủ yếu đến từ:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 153 tỷ đồng (tương ứng tăng trưởng 56,1% so với cùng kỳ), đạt 379 tỷ đồng tại cuối năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty ghi nhận các khoản phải thu ngắn hạn đạt 131 tỷ đồng từ việc bán hàng hoá cho Công ty TNHH Thương mại Avakids (một công ty liên quan là công ty con của MWG) nhằm phục vụ mục đích chuyển dịch hàng hoá liên quan tới hoạt động vận hành của thương hiệu Avakids do quyết định tái cấu trúc của Công ty mẹ MWG.
- Phải thu về cho vay ngắn hạn tăng 982 tỷ đồng (tương ứng tăng trưởng 28,8% so với cùng kỳ), đạt 4.180 tỷ đồng tại cuối năm 2025, chủ yếu do Công ty thực hiện cho vay với các đối tác nhằm tối ưu hoá nguồn tiền hiệu hữu, gia tăng nguồn thu từ lãi vay và đồng thời củng cố quan hệ hợp tác phục vụ định hướng phát triển kinh doanh dài hạn.
- Phải thu ngắn hạn khác tăng 92 tỷ đồng (tương ứng tăng trưởng 4,8% so với cùng kỳ), đạt 1.613 tỷ đồng tại cuối năm 2025. Biến động này chủ yếu đến từ 178 tỷ đồng gia tăng từ lãi tiền gửi và cho vay đạt 652 tỷ đồng trong năm 2025, tương ứng tăng trưởng 37,6% từ 474 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Mức tăng này được bù trừ bởi mức giảm 110 tỷ đồng từ các khoản phải thu khác từ nhà cung cấp liên quan đến các khoản chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán, dẫn đến số dư phải thu khác từ các nhà cung cấp đạt 923 tỷ đồng tại cuối năm 2025, giảm so với 1.034 tỷ đồng tại cuối năm 2024.

Tổng các khoản phải thu của Công ty hợp nhất đạt 1.854 tỷ đồng tại ngày 31/03/2026, giảm so với mức 6.504 tỷ đồng tại cuối năm 2025. Biến động giảm này chủ yếu đến từ việc phân loại lại số tiền Phải thu về cho vay ngắn hạn sang khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo quy định mới tại Thông tư 99 (số dư các khoản phải thu cho vay được phân loại lại tại 31/12/2025 là 4.180 tỷ đồng và số dư tại 31/3/2026 là 4.403 tỷ đồng)

2.1.6 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Nợ phải trả				
1. Nợ phải trả ngắn hạn	**29.955.726**	**39.115.666**	**37.307.872**	**30,6%**
Phải trả người bán ngắn hạn	6.325.110	9.701.594	8.598.547	53,4%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.507	210.361	192.515	137,7%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	585.548	811.242	776.657	38,5%

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Phải trả người lao động	141.425	190.068	166.991	34,4%
Chi phí phải trả ngắn (*)	2.109.806	3.304.054	3.290.179	56,6%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21.723	536.937	612.716	2371,7%
Phải trả ngắn hạn khác	683.194	842.798	1.412.995	23,4%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.930.173	23.429.114	22.158.891	17,6%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	70.240	89.498	98.381	27,4%
2. Nợ phải trả dài hạn	-	-	-	**0,0%**
Tổng cộng	**29.955.726**	**39.115.666**	**37.307.872**	**30,6%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

(*) Chi phí phải trả ngắn hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

	31/12/2023 (chưa kiểm toán)	31/12/2024 (Đã kiểm toán)	31/12/2025 (Đã kiểm toán)	31/03/2026	% Tăng giảm 23/24	% Tăng giảm 25/24
Thưởng nhân viên	375.221	1.539.706	2.479.282	2.338.005	310%	61%
Chi phí tiếp thị quảng cáo	109.088	224.958	365.570	429.801	106%	63%
Chi phí hỗ trợ lãi suất	77.444	118.427	172.645	199.539	53%	46%
Các khoản phải trả nhân viên	18.735	81.764	80.137	95.757	336%	-2%
Chi phí lãi vay	42.248	55.468	73.960	83.162	31%	33%
Chi phí tiện ích	64.794	51.253	65.782	91.546	-21%	28%
Khác	30.372	38.230	66.677	52.368	26%	74%
Tổng	**717.902**	**2.109.806**	**3.304.054**	**3.290.179**	**194%**	**57%**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025, BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Năm 2024, Công ty ghi nhận sự phục hồi rõ nét so với năm 2023 với kết quả kinh doanh khả quan hơn, thể hiện qua Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng trưởng 176% so với cùng kỳ. Kết quả này nhờ

vào sự thành công của chiến lược tái cấu trúc lại Công ty. Theo đó, Công ty thực hiện đóng cửa các cửa hàng hoạt động không hiệu quả, đồng thời gia tăng hiệu quả hoạt động và doanh số bán hàng của từng cửa hàng thông qua việc quản trị nhân sự, và tối ưu chi phí vận hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chủ động gia tăng đầu tư cho các hoạt động tiếp thị và quảng cáo nhằm thúc đẩy nhận diện thương hiệu và kích cầu tiêu dùng, đặc biệt trong các mùa bán hàng cao điểm trong năm. Đồng thời, chi phí thưởng cho nhân viên vào cuối năm 2024 tăng so với 2023 thể hiện việc ghi nhận đóng góp của đội ngũ nhân sự trong việc đối với các kết quả kinh doanh vượt trội đạt được trong năm 2024 và tạo động lực cho tăng trưởng trong các năm tiếp theo.

Chi phí thưởng tại thời điểm cuối năm 2025 tiếp tục tăng so với năm 2024 nhờ Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực sau quá trình tái cấu trúc thành công trong năm trước, thể hiện qua Lợi nhuận sau thuế hợp nhất tăng trưởng 56,1% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục gia tăng đầu tư cho các hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu và các chương trình kích cầu bán hàng nhằm mở rộng thị phần và thúc đẩy doanh thu trong các mùa bán hàng cao điểm.

(**) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Vay ngắn hạn	Tại 31/12/2024		Biến động trong năm 2025		Tại 31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng thương mại cổ phần	9.115.201	9.115.201	38.371.042	(38.268.469)	9.217.775	9.217.775
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	10.814.971	10.814.971	44.024.213	(41.566.089)	13.273.095	13.273.095
Ngân hàng nước ngoài	-	-	2.049.700	(1.111.455)	938.245	938.245
Tổng cộng	**19.930.173**	**19.930.173**	**84.444.955**	**(80.946.013)**	**23.429.114**	**23.429.114**

Nguồn: DMX

Số dư vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thời hạn vay tại các ngân hàng này trong khoảng từ 3 tháng đến 6 tháng.

Tất cả các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Nhóm Công ty được nêu đều không có tài sản đảm bảo và được sử dụng với mục đích bổ sung vốn lưu động.

(***) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tại 31/12/2025 bao gồm các gói bảo hành mở rộng, bảo dưỡng dài hạn mới được triển khai trong năm 2025. Bắt đầu từ năm 2025, Công ty giới thiệu các

gói bảo hành mở rộng bán kèm theo sản phẩm. Theo đó, phần giá trị dịch vụ bảo hành tương ứng với các nghĩa vụ thực hiện trong tương lai được ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện và sẽ được phân bổ dần vào doanh thu theo thời gian cung cấp dịch vụ.

Việc triển khai các gói bảo hành mở rộng này dẫn đến số dư doanh thu chưa thực hiện tại thời điểm cuối năm 2025 tăng đáng kể so với năm 2024. Điều này phản ánh sự thay đổi trong mô hình kinh doanh của Công ty theo hướng gia tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ hậu mãi, đồng thời giúp cải thiện khả năng dự báo dòng tiền và tạo nguồn doanh thu ổn định trong các kỳ tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu VND

Chi tiết	Số dư tại cuối năm (đồng)		Thông tin về sản phẩm/dịch vụ cung cấp
	31/12/2024	31/12/2025	
Gói bảo dưỡng máy lọc nước	21.723	195.987	Dịch vụ bảo dưỡng mở rộng
Gói bảo hành sản phẩm điện máy	-	172.913	Dịch vụ bảo hành mở rộng
Gói vệ sinh Máy lạnh	-	147.006	Dịch vụ vệ sinh máy lạnh
Gói bảo hành Đồ gia dụng khác	-	20.469	Dịch vụ bảo hành mở rộng
Gói bảo hành điện thoại	-	561	Dịch vụ bảo hành mở rộng
Tổng	**21.723**	**536.937**	

Nguồn: DMX

Ghi chú:

- Các sản phẩm điện máy bao gồm tủ lạnh, tủ đông, tủ mát, máy giặt, máy sấy, máy lạnh, v.v

Các sản phẩm đồ gia dụng khác bao gồm máy lọc nước, máy nước nóng, máy rửa chén, v.v

Các khoản phải trả của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Nợ phải trả				
1. Nợ phải trả ngắn hạn	**29.630.943**	**38.523.034**	**36.747.605**	**30,0%**
Phải trả người bán ngắn hạn	6.158.176	9.818.045	8.637.650	59,4%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	88.507	190.584	146.148	115,3%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	584.027	788.136	749.584	34,9%

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026	% Tăng/(giảm) 2025-2024
Phải trả người lao động	132.002	155.621	126.801	17,9%
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.081.533	2.950.957	3.049.804	41,8%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21.723	536.937	612.716	2371,7%
Phải trả ngắn hạn khác	660.361	782.867	1.365.161	18,6%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19.834.374	23.210.389	21.961.361	17,0%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	70.240	89.498	98.381	27,4%
2. Nợ phải trả dài hạn	-	-	-	**0,0%**
Tổng cộng	**29.630.944**	**38.523.035**	**36.747.605**	**30,0%**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025, BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Trong năm 2025, tổng nợ phải trả hợp nhất của Công ty đạt 39.116 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 30,6% so với mức 29.956 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng của các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và vay nợ ngắn hạn, phản ánh nhu cầu vốn lưu động gia tăng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh mở rộng trong kỳ. Cụ thể:

- Phải trả người bán ngắn hạn đạt 9.702 tỷ đồng tại cuối năm 2025, tăng 53,4% so với mức 6.325 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2024. Biến động này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty chủ động gia tăng quy mô hàng tồn kho và mở rộng hoạt động mua hàng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng cao tại các ngành hàng trọng điểm, bao gồm nhóm sản phẩm điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay, v.v. Theo đó, các khoản phải trả đối với nhà cung cấp tăng tương ứng tại thời điểm cuối kỳ.
- Chi phí phải trả ngắn hạn ghi nhận 3.304 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 56,6% so với mức 2.110 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Mức tăng này chủ yếu liên quan đến chi phí thưởng cho người lao động theo cơ chế lương khoán do Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực trong năm 2025, cụ thể chi phí thưởng đạt 2.479 tỷ đồng tại cuối năm 2025, tăng 61,0% so với cùng kỳ cuối năm 2024 là 1.540 tỷ đồng.
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn từ các ngân hàng đạt 23.429 tỷ đồng tại ngày 31/12/2025, tăng 17,6% so với 19.930 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024. Sự gia tăng này chủ yếu nhằm tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động, đặc biệt là phục vụ việc gia tăng hàng tồn kho và mở rộng quy mô nhập hàng trong bối cảnh Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh tại các ngành hàng chủ lực.

Đánh giá rủi ro đối với khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn gia tăng và có tỷ trọng cao trong nợ phải trả (chiếm 60% trong năm 2025) nhằm phục vụ nhu cầu vốn lưu động, các rủi ro liên quan được Công ty đánh giá ở mức thấp và trong tầm kiểm soát. Cụ thể như sau:

- Rủi ro tái cấp vốn được giảm thiểu nhờ Công ty duy trì quan hệ tín dụng ổn định với nhiều ngân hàng và hạn mức tín dụng linh hoạt.

- Rủi ro lãi suất có thể chịu tác động khi mặt bằng lãi suất tăng, ảnh hưởng này được đánh giá là không đáng kể nhờ (i) khả năng tiếp cận nguồn vốn với chi phí cạnh tranh của Công ty, và (ii) chi phí lãi vay kiểm soát hợp lý so với quy mô doanh thu (chiếm 13% trong năm 2025) và lợi nhuận trước thuế (chiếm 0,9% trong năm 2025). Đồng thời, Công ty chủ động theo dõi diễn biến lãi suất thị trường và điều chỉnh cơ cấu vay phù hợp khi cần thiết.
- Rủi ro lệch pha dòng tiền do nợ vay ngắn hạn chủ yếu được sử dụng để tài trợ vốn lưu động: Rủi ro này về cơ bản được giảm thiểu thông qua hiệu quả quản trị vốn lưu động. Công ty duy trì vòng quay hàng tồn kho ở mức hợp lý và hệ số thanh toán nhanh trong năm 2025 được kiểm soát ở mức 0,8 lần so với 1,0 lần năm 2024.

Mặc dù quy mô vay nợ gia tăng, Công ty vẫn duy trì các chỉ số thanh khoản và cơ cấu vốn ở mức an toàn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2024 và 2025 lần lượt đạt 1,6 lần và 1,4 lần. Đồng thời, hệ số nợ trên tổng tài sản duy trì ở mức thấp, lần lượt đạt 0,6 lần và 0,7 lần tại cuối năm 2024 và 2025. Các chỉ số này cho thấy Công ty vẫn kiểm soát tốt đòn bẩy tài chính, với rủi ro liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn ở mức thấp.

- **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn. Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ bao gồm lãi và gốc, đảm bảo uy tín của Công ty. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này.

Tại ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2024, 31/12/2025, và thời điểm của Bản cáo bạch này, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả.

2.1.7 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc kê khai và nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại thời điểm kết thúc 31/03/2026

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.317	784.059	(780.265)	599.112
Thuế giá trị gia tăng	196.590	3.721.188	(3.801.959)	115.820
Thuế thu nhập cá nhân	17.975	134.772	(92.293)	60.454
Khác	1.360	5.880	(5.968)	1.272
Tổng cộng	**811.242**	**4.645.899**	**(4.680.485)**	**776.657**

Nguồn: BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/03/2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.726	771.137	(760.231)	591.631
Thuế giá trị gia tăng	191.451	3.662.081	(3.742.121)	111.411
Thuế thu nhập cá nhân	14.600	109.495	(78.825)	45.270
Khác	1.360	5.880	(5.968)	1.272
Tổng cộng	**788.137**	**4.548.593**	**(4.587.145)**	**749.584**

Nguồn: BCTC riêng lẻ Q1/2026 của Công ty

Tại thời điểm kết thúc 31/12/2025

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	420.389	1.677.424	(1.502.495)	595.317
Thuế giá trị gia tăng	180.003	14.554.360	(14.537.773)	196.590
Thuế thu nhập cá nhân	9.132	340.801	(331.958)	17.975
Khác	630	20.164	(19.434)	1.360
Tổng cộng	**610.154**	**16.592.748**	**(16.391.660)**	**811.242**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2025 của Công ty

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.208	1.638.903	(1.461.385)	580.726
Thuế giá trị gia tăng	172.557	14.332.986	(14.314.092)	191.451

Thuế thu nhập cá nhân	7.633	284.843	(277.876)	14.600
Khác	630	20.154	(19.424)	1.360
Tổng cộng	**584.028**	**16.276.886**	**(16.072.777)**	**788.137**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2025 của Công ty

Tại thời điểm kết thúc 31/12/2024

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.214	1.226.421	(932.427)	403.208
Thuế giá trị gia tăng	213.103	13.027.615	(13.066.810)	173.908
Thuế thu nhập cá nhân	14.975	155.638	(162.842)	7.771
Khác	1.241	16.585	(17.164)	662
Tổng cộng	**338.533**	**14.426.259**	**(14.179.243)**	**585.549**

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 của Công ty

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty (Riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.214	1.226.421	(932.427)	403.208
Thuế giá trị gia tăng	175.393	12.644.584	(12.647.420)	172.557
Thuế thu nhập cá nhân	14.721	150.808	(157.895)	7.634
Khác	1.202	15.688	(16.260)	630
Tổng cộng	**300.530**	**14.037.501**	**(13.754.002)**	**584.029**

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 của Công ty

2.1.8 Trích lập, sử dụng các quỹ

Không có

2.1.9 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ

Không có

2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,6	1,4
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,0	0,8
2. Cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,6	0,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,5	2,2
3. Năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,9	2,1
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	2,1	2,2
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,2	4,4
4. Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,0%	5,3%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	7,8%	10,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	19,5%	31,1%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	3.409	5.268

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025 của Công ty

Ghi chú: ROE và ROA năm 2024 được tính toán dựa trên số đầu kỳ của năm 2024 chưa kiểm toán

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính hợp nhất của Công ty

- **Về khả năng thanh toán**

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty (hợp nhất) có sự giảm nhẹ trong năm 2025 cụ thể như sau:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,6 xuống còn 1,4
- Hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,0 xuống còn 0,8

Nguyên nhân chính của biến động này đến chủ yếu do Công ty chủ động gia tăng hàng tồn kho và mở rộng quy mô mua hàng nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng ở các ngành hàng trọng điểm.

Cụ thể, nhóm sản phẩm Apple gồm điện thoại, máy tính bảng và máy tính xách tay ghi nhận tăng trưởng nổi bật, trong đó ngành hàng điện thoại Apple tăng khoảng 52%. Ngoài ra đối với ngành hàng máy tính xách tay, chu kỳ thay thế mới cùng xu hướng AI laptop và các chương trình bán hàng theo mùa đã hỗ trợ tăng trưởng tích cực trong năm. Việc gia tăng quy mô kinh doanh dẫn đến hàng tồn kho điện thoại di động tăng khoảng 65%, trong khi tồn kho máy tính xách tay tăng khoảng 46% so với cuối năm trước. Đồng thời, số dư phải trả nhà cung cấp lớn tăng đáng kể, trong đó khoản phải trả đối với Apple tăng khoảng 63% và Samsung tăng khoảng 225%. Chi phí phải trả cũng tăng khoảng 61%, chủ yếu do gia tăng lương và thưởng cho nhân viên dựa vào kết quả kinh doanh 2025 tích cực.

- **Về cơ cấu vốn**

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	31/03/2026
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,53	2,20	1,86
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,61	0,69	0,65

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất 2024 và 2025 và BCTC hợp nhất Q1/2026 của Công ty

Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty tăng từ 1,5 lần trong năm 2024 lên 2,2 lần trong năm 2025 chủ yếu xuất phát từ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh. Theo đó, Công ty gia tăng quy mô hàng tồn kho nhằm đáp ứng kế hoạch kinh doanh và nhu cầu thị trường, dẫn đến số dư các khoản phải trả tăng lên để tài trợ cho hoạt động mua hàng trong kỳ.
Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu của Công ty giảm trong năm 2025 do Công ty thực hiện chính sách chi trả cổ tức tiền mặt ở mức cao cho cổ đông. Cụ thể, tỷ lệ chi trả cổ tức trên lợi nhuận năm 2025 đạt 150%, trong khi mức chi trả cổ tức trên mệnh giá cổ phiếu năm 2024 là 74%. Việc duy trì chính sách cổ tức cao đã làm giảm quy mô vốn chủ sở hữu, qua đó góp phần làm hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tăng trong năm 2025.

Sự biến động của hệ số Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu trong năm 2025 cũng xuất phát từ thay đổi trong cấu trúc nguồn vốn do tác động của việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt với giá trị lớn. Cụ thể, sau giai đoạn ưu tiên giữ lại lợi nhuận để củng cố nền tảng tài chính, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bổ sung trong năm 2025 nhằm tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông hiện hữu. Việc giảm quy mô Vốn chủ sở hữu sau chi trả làm thay đổi hệ số nợ một cách tương đối, tuy nhiên tỷ trọng Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 vẫn duy trì ở mức hợp lý và tương đồng với các doanh nghiệp cùng ngành. Đồng thời, dòng tiền từ hoạt

động kinh doanh luôn được duy trì ổn định, đảm bảo tốt năng lực thanh toán của Công ty đối với các nghĩa vụ tài chính trong ngắn và dài hạn.

Bên cạnh đó, Công ty chủ động sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn từ các tổ chức tín dụng để bổ sung vốn lưu động Công ty thông qua việc thanh toán các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ cho các nhà cung cấp, nhằm tận dụng ưu thế về lãi suất vay ngắn hạn tại thời điểm đó. Tuy nhiên sang Quý 1/2026, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đã giảm từ 2,20 xuống còn 1,86, việc giảm tỷ lệ đòn bẩy này đến từ hai yếu tố chính (1) vốn chủ sở hữu tăng lên từ kết quả hoạt động kinh doanh Quý 1/2026 và (2) Công ty chủ động điều chỉnh tỷ lệ nợ vay xuống trong bối cảnh lãi suất thị trường trong giai đoạn này đang tăng cao.
Về kế hoạch giảm hệ số đòn bẩy nợ sau IPO, toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán (khoảng 14.360 tỷ đồng) sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản vay ngắn hạn hiện hữu tại các tổ chức tín dụng trong năm 2026. Công ty dự kiến sẽ dùng số tiền huy động này để trả theo phương án sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua và 7 ngân hàng được HĐQT thông qua với số tiền phân bổ đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Về kế hoạch dài hạn hơn, Công ty với lợi thế về quy mô và mối quan hệ lâu năm với các ngân hàng, Công ty dự kiến tiếp tục sử dụng linh hoạt các nguồn nợ vay có lãi suất thấp để tối ưu chi phí sử dụng vốn, gia tăng lợi nhuận hoạt động và tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông.

- **Về năng lực hoạt động**

Với các điều kiện kinh doanh thuận lợi, Công ty trong năm 2025 ghi nhận các cải thiện đáng kể trong năng lực hoạt động, cụ thể các Hệ số hoạt động như sau:

- Vòng quay tổng tài sản: Tăng từ 1,9 vòng quay năm 2024 lên 2,1 vòng quay năm 2025.
- Vòng quay vốn lưu động: Tăng từ 2,1 vòng quay năm 2024 lên 2,2 vòng quay năm 2025.
- Vòng quay hàng tồn kho:

Trong năm 2025, giá trị hàng tồn kho tăng chủ yếu gắn với chiến lược chủ động đảm bảo nguồn cung nhằm đáp ứng nhu cầu tại các ngành hàng trọng điểm, đặc biệt là nhóm sản phẩm công nghệ cao như điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay. Nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm này được thúc đẩy bởi xu hướng nâng cấp thiết bị, sự ra mắt các dòng sản phẩm mới cũng như chu kỳ thay thế thiết bị, qua đó kéo theo nhu cầu dự trữ hàng hóa ở mức cao hơn để đảm bảo khả năng đáp ứng kịp thời. Ngoài ra, nhu cầu đối với các sản phẩm điện máy thường gia tăng vào các giai đoạn cao điểm trong năm (như dịp lễ, Tết hoặc mùa nắng nóng), dẫn đến việc Công ty cần chuẩn bị trước nguồn hàng để đảm bảo khả năng đáp ứng thị trường và phát triển doanh thu.

Kết quả cho thấy vòng quay hàng tồn kho năm 2025 có sự cải thiện nhờ tốc độ tiêu thụ nhanh của các sản phẩm chính như điện thoại di động, thiết bị điện tử, gia dụng, máy tính xách tay, v.v. tăng từ 4,2 vòng quay năm 2024 lên 4,4 vòng quay năm 2025, tương đương với việc thời gian lưu kho bình quân được rút ngắn, cho thấy hàng hóa được tiêu thụ nhanh hơn và dòng vốn lưu động được quay vòng hiệu quả hơn. Trong khi đó, mặt hàng phụ kiện vì đặc thù sản phẩm

có giá trị thấp hơn, danh mục đa dạng và cần liên tục cập nhật theo sản phẩm mới nên số ngày tồn kho của nhóm sản phẩm này thường lâu hơn so với các sản phẩm chủ lực của Công ty.

- **Về khả năng sinh lời**

  Công ty là một trong các doanh nghiệp dẫn đầu ngành bán lẻ điện thoại, điện máy và độ phủ cửa hàng rộng khắp lãnh thổ Việt Nam. Nhờ đó, Công ty có các lợi thế rõ rệt về quy mô, giúp cải thiện biên lợi nhuận và khả năng sinh lời, cụ thể như sau:

  - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Tăng từ 4,0% năm 2024 lên 5,3% năm 2025.
  - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Tăng từ 7,8% năm 2024 lên 10,9% năm 2025.
  - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Tăng từ 19,5% năm 2024 lên 31,1% năm 2025.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,5	1,4
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,9	0,8
2. Cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,6	0,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,4	2,2
3. Năng lực hoạt động		
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,9	2,0
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	2,1	2,2
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,2	4,4
4. Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,5%	5,4%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	8,5%	10,9%

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	20,6%	30,2%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ 2024 và 2025 của Công ty

Nhận xét về các chỉ tiêu tài chính riêng lẻ của Công ty

- **Về khả năng thanh toán:**

  Trong giai đoạn 2024-2025, tỷ lệ thanh toán ngắn hạn của Công ty (riêng lẻ) giảm từ 1,5 xuống 1,4. Tuy nhiên, Công ty vẫn duy trì được tỷ lệ này trên 1,0 thể hiện đảm bảo khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

  Tỷ lệ thanh toán nhanh giảm nhẹ từ 0,9 xuống 0,8 do Công ty tăng cường hàng tồn kho.

- **Về cơ cấu vốn**

  Về cơ cấu vốn, tỷ lệ nợ trên tổng tài sản của Công ty (riêng lẻ) sẽ tăng từ 0,6 lên 0,7, đồng thời tỷ lệ Nợ/ Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 1,4 lên 2,2.

  Nguyên nhân chính đến từ việc Công ty tăng nợ phải trả cho nhà cung cấp để tăng hàng tồn kho, và việc chi trả cổ tức tiền mặt cao trong năm của năm 2025.

- **Về năng lực hoạt động**

  Các hệ số đánh giá năng lực hoạt động của Công ty (riêng lẻ) cũng ghi nhận sự cải thiện, cụ thể như sau:

  - Vòng quay tổng tài sản: Tăng từ 1,9 vòng quay năm 2024 lên 2,0 vòng quay năm 2025.
  - Vòng quay vốn lưu động: Tăng từ 2,1 vòng quay năm 2024 lên 2,2 vòng quay năm 2025.
  - Vòng quay hàng tồn kho: Tăng từ 4,2 vòng quay năm 2024 lên 4,4 vòng quay năm 2025.

- **Về khả năng sinh lời**

  Với các lợi thế rõ rệt về quy mô, giúp cải thiện biên lợi nhuận và khả năng sinh lời, cụ thể như sau:

  - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Tăng từ 4,5% năm 2024 lên 5,4% năm 2025.
  - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Tăng từ 8,5% năm 2024 lên 10,9% năm 2025.
  - Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): Tăng từ 20,6% năm 2024 lên 30,2% năm 2025.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

3.1 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2024:

"***Ý kiến của Kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".

"Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng kèm theo, thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán. Theo đó, chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo kiểm toán độc lập đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với báo cáo tài chính riêng trước đó của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này"

Theo Công văn ngày 28/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến trả lời về Vấn đề cần nhấn mạnh trên như sau:

"Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của DMX, Công ty sẽ triển khai phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") và nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lên HOSE vào năm 2026.

Theo các quy định hiện hành, Công ty có trách nhiệm nộp các tài liệu theo yêu cầu của HOSE, trong đó bao gồm các BCTC đã được kiểm toán trong 02 năm gần nhất (là năm 2024 và 2025). Ngoài ra, căn cứ vào Điều 20 của Luật chứng khoán 2019 và Điều 1, Khoản 3 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP, các BCTC dùng để nộp hồ sơ chào bán chứng khoán và đăng ký niêm yết phải được ký bởi tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán ("UBCK") để thực hiện kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán ("KTV Chấp thuận").

Tại thời điểm chúng tôi thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán cho BCTC riêng của Công ty cho năm 2024, Công ty chưa có kế hoạch IPO như trên. Do đó, báo cáo kiểm toán của

chúng tôi đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 đã được ký bởi kiểm toán viên hành nghề chưa phải là KTV Chấp thuận.

Nhằm mục đích tuân thủ quy định liên quan đến hồ sơ IPO, Ban Tổng Giám đốc DMX đã phát hành lại BCTC riêng cho năm 2024 đề ngày 12 tháng 2 năm 2026. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết và phát hành báo cáo kiểm toán cho BCTC riêng được phát hành lại này vào ngày 12 tháng 2 năm 2026 được ký bởi KTV Chấp thuận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã trình bày lý do về nội dung phát hành lại BCTC này tại Thuyết minh số 2.1 của BCTC riêng. Chúng tôi cho rằng thông tin này là quan trọng đối với người sử dụng BCTC của Công ty. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam ("CMKiTVN") số 706 – Vấn đề cần nhấn mạnh ("CMKiTVN 706"), chúng tôi đã bổ sung đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" để lưu ý người đọc đến thuyết minh về việc phát hành lại BCTC riêng trong BCTC. Cũng theo CMKiTVN 706, ý kiến của kiểm toán viên không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề được nhấn mạnh."

Căn cứ pháp lý để Công ty phát hành lại báo cáo tài chính (BCTC) riêng 2024 đã kiểm toán:

Căn cứ tại Chuẩn mực kiểm toán 560: Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán ban hành kèm theo Thông tư 214/2012/TT-BTC Ban hành Hệ thống Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam ngày 06/12/2012, những sự việc mà kiểm toán viên biết được sau ngày công bố báo cáo tài chính thì Kiểm toán viên phải thảo luận và thống nhất về việc thay đổi với Ban Giám đốc và Ban Quản trị của Công ty. Nếu Ban Giám đốc quyết định thay đổi BCTC, Kiểm toán viên sẽ phải thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết và sửa đổi báo cáo kiểm toán hoặc phát hành báo cáo kiểm toán mới theo quy định tại Chuẩn mực kiểm toán.

Ngoài ra, Kiểm toán viên phải đưa vào báo cáo kiểm toán sửa đổi hoặc báo cáo kiểm toán mới đoạn "Vấn đề cần nhấn mạnh" hoặc đoạn "Vấn đề khác" đề cập đến phần thuyết minh báo cáo tài chính mà thuyết minh đó giải thích rõ lý do phải sửa đổi báo cáo tài chính đã công bố và báo cáo kiểm toán đã phát hành trước đây.

Đối với trường hợp của DMX, Công ty chưa có kế hoạch IPO và niêm yết tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính năm 2024, vì vậy sự kiện ĐHĐCĐ của Công ty thông qua định hướng thực hiện phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đăng ký niêm yết căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/12/2025 được xem là sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán 2024 là ngày 31/3/2025.

Xét vì Báo cáo tài chính riêng lẻ 2024 đã phát hành vào ngày 31/3/2025 chưa được ký bởi kiểm toán viên được chấp thuận để ký BCTC cho công ty đại chúng do tại thời điểm đó Công ty chưa có định hướng IPO và niêm yết, và nhằm mục đích tuân thủ quy định liên quan đến hồ sơ IPO theo định hướng được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 27/02/2026, Ban Giám đốc DMX đã rà soát và thực hiện phát hành lại BCTC riêng cho năm 2024 kiểm toán theo đúng quy định tại Điều 20 Luật Chứng khoán 2019 và Điều 1 Khoản 3 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP.

Theo đó, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết và phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán cho BCTC riêng được phát hành lại

này vào ngày 12/02/2026, được ký bởi kiểm toán viên được chấp thuận, thay thế cho BCTC riêng 2024 kiểm toán đã phát hành trước đó vào ngày 31/03/2025.

Theo Thông báo phát hành lại báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ký ngày 12/02/2026, Công ty xác nhận các thông tin tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ tại báo cáo tài chính riêng phát hành lại vào ngày 12 tháng 02 năm 2026 không thay đổi so với báo cáo tài chính riêng đã phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025.

3.2 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024:

*"**Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất."

"Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán."

Theo Công văn ngày 28/03/2026 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Tổ chức kiểm toán đã có ý kiến trả lời về Vấn đề khác trên như sau:

"Chúng tôi đã được yêu cầu thực hiện việc kiểm toán BCTC hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào tháng 12 năm 2025. BCTC hợp nhất của Nhóm Công ty năm 2024 là BCTC hợp nhất năm đầu tiên được kiểm toán. Do đó các số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong BCTC hợp nhất năm 2024 (số dư đầu kỳ hay dữ liệu tương ứng) chưa được kiểm toán.

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với số dư đầu kỳ theo các quy định của CMKiTVN số 510 - Kiểm toán năm đầu tiên ("CMKiTVN 510") để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về việc số dư đầu kỳ có chứa đựng sai sót gây ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính kỳ hiện tại hay không.

Theo quy định tại CMKiTVN số 710 - Thông tin so sánh ("CMKiTVN 710"), chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán về tổng thể BCTC năm 2024 trong đó có dữ liệu tương ứng mà không đưa ra ý kiến kiểm toán về các dữ liệu tương ứng này.

Cũng theo CMKiTVN 710 đoạn 14 "Nếu báo cáo tài chính kỳ trước không được kiểm toán, kiểm toán viên phải trình bày rõ tại đoạn "Vấn đề khác" trong báo cáo kiểm toán là dữ liệu tương ứng (báo cáo tài chính kỳ trước) chưa được kiểm toán." Hướng dẫn này cũng phù hợp theo yêu cầu của CMKiTVN 706. Theo đó, chúng tôi đã bổ sung đoạn "Vấn đề khác" trong báo cáo kiểm toán tuân thủ yêu cầu của CMKiTVN 710 và CMKiTVN 706. Ý kiến của kiểm toán viên không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề khác."

3.3 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng".*

3.4 Ý kiến của Tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức đã thực hiện báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025: *"Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất".*

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026		Quý 1/2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước	Thực hiện	% đạt được so với kế hoạch năm 2026
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	109.479	122.500	11,9%	32.542	26,6%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	5.802	7.350	26,7%	2.219	30,2%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026		Quý 1/2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước	Thực hiện	% đạt được so với kế hoạch năm 2026
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	5,3%	6,0%	13,2%	6,8%	Không áp dụng
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31,1%	37,0%	18,9%	18,4%	Không áp dụng
Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	349,5%	40,0% (*)	-88,6%	0%	Không áp dụng

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025 và BCTC hợp nhất Quý 1/2026 của Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026

(*) Tỷ lệ cổ tức năm 2026 được tính trên kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt (tổng mức cổ tức tối đa 5.123.135.600.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 và dựa trên giả định Công ty chào bán thành công 179.500.400 cổ phiếu theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27/02/2026.

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: ĐHĐCĐ của Công ty đã thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026 tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026.

4.1 Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Cơ sở xây dựng kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2026:

Kế hoạch năm 2026 của DMX được xây dựng với mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 122.500 tỷ đồng (tăng 11,9% so với năm 2025) và lợi nhuận sau thuế đạt 7.350 tỷ đồng (tăng 26,3% so với năm 2025). Mức tăng trưởng này được hỗ trợ đồng thời bởi sự phục hồi thuận lợi của ngành bán lẻ điện thoại, điện máy, xu hướng cải thiện cơ cấu sản phẩm theo hướng giá trị cao hơn và các sáng kiến nâng cao hiệu quả vận hành của Công ty.

Về tăng trưởng doanh thu, Công ty kỳ vọng thị trường điện thoại và điện máy tiếp tục duy trì đà phục hồi nhờ ba yếu tố chính. Thứ nhất, chu kỳ thay mới thiết bị điện tử sau giai đoạn COVID đang bước vào giai đoạn cao điểm sau khoảng 4–5 năm sử dụng, qua đó hỗ trợ tăng trưởng sản lượng tự nhiên của ngành. Thứ hai, giá bán trung bình (ASP) dự kiến tiếp tục cải thiện khoảng 10–15% so với cùng kỳ nhờ xu hướng người tiêu dùng dịch chuyển lên các dòng sản phẩm cao cấp hơn, tích hợp nhiều tính năng mới như trí tuệ nhân tạo (AI), đồng thời tình trạng thiếu hụt chip trên thị trường toàn cầu tiếp tục hỗ trợ mặt bằng giá bán. Thứ ba, nhu cầu tiêu dùng điện thoại,

điện máy trong nước được đánh giá duy trì ổn định và ít chịu tác động trực tiếp từ biến động kinh tế toàn cầu; đồng thời các chính sách tăng cường minh bạch hóa thị trường bán lẻ được kỳ vọng sẽ tạo lợi thế cho các doanh nghiệp có quy mô lớn, năng lực vận hành và hệ thống phân phối rộng như DMX.

Ngoài các động lực tăng trưởng nền tảng, hoạt động kinh doanh năm 2026 còn được hỗ trợ bởi các yếu tố mùa vụ quan trọng như mùa Tết, mùa nóng, World Cup 2026, mùa tựu trường, chu kỳ ra mắt các dòng điện thoại chủ lực ("flagship") Android và iPhone 18, cùng mùa mua sắm cuối năm. Song song đó, Công ty tiếp tục triển khai các chiến lược bán hàng trọng tâm gồm "Gõ cửa từng nhà", "Bỏ nhỏ lấy to" và "Giải phóng tài chính", kết hợp với chiến dịch tái định vị thương hiệu "TheNextDMX" hướng đến nhóm khách hàng Gen Z nhằm mở rộng tệp khách hàng và gia tăng giá trị đơn hàng.

Về lợi nhuận, kế hoạch năm 2026 được kỳ vọng tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng doanh thu nhờ sự cải thiện đồng thời về cơ cấu doanh thu, hiệu quả vận hành và đóng góp ngày càng lớn từ các mảng dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần được kỳ vọng cải thiện được dẫn dắt bởi ba nhóm nhân tố chính: (i) Về giá vốn, Công ty đã chủ động tích lũy hàng tồn kho ở mức giá thuận lợi trong giai đoạn 2024 - 2025 thông qua chính sách đặt hàng sớm 6–12 tháng, đồng thời duy trì chiết khấu thương mại ưu đãi nhờ quy mô thu mua lớn, qua đó bảo vệ biên lợi nhuận gộp trước biến động giá linh kiện trong năm 2026; (ii) Về vận hành, cơ chế lương thưởng gắn với hiệu suất giúp chi phí nhân sự linh hoạt hơn, ứng dụng dữ liệu lớn trong quản trị tồn kho giảm hàng chậm luân chuyển và nâng vòng quay vốn lưu động, trong khi cải tiến mô hình cửa hàng theo hướng trải nghiệm cải thiện tỷ lệ chuyển đổi và giá trị đơn hàng; (iii) Về cơ cấu doanh thu, tỷ trọng các mảng dịch vụ biên cao (Thợ Điện Máy Xanh, dịch vụ hậu mãi) dự kiến tiếp tục đẩy mạnh mở rộng quy mô và cải thiện đòn bẩy vận hành.

Thách thức lớn mà Công ty nhận diện được và hướng giải quyết:

Trong bối cảnh thị trường thiết bị điện tử chịu ảnh hưởng từ biến động nguồn cung linh kiện toàn cầu, Công ty vẫn có thể chịu tác động nhất định từ biến động giá đầu vào của các sản phẩm công nghệ mua từ nhà cung cấp trong từng giai đoạn. Để giảm thiểu thách thức này, Công ty áp dụng chiến lược lập kế hoạch mua hàng và dự báo nhu cầu dài hạn, với chu kỳ đặt hàng sớm với các nhà sản xuất, thường trước từ 6 đến 12 tháng. Cách tiếp cận này giúp Công ty chủ động hơn trong việc ổn định giá mua, đảm bảo và kiểm soát nguồn cung cho toàn bộ chuỗi cửa hàng trong hệ thống.

Đối với kênh bán hàng online, với tỷ trọng hiện nay là 5,6% trong năm 2025 và 6,0% trong 3 tháng đầu năm 2026, Công ty nhận diện một số thách thức nhất định liên quan đến hành vi tiêu dùng đặc thù của nhóm sản phẩm điện tử và điện máy. Cụ thể, do giá trị sản phẩm cao và yêu cầu trải nghiệm thực tế trước khi mua, mức độ chấp nhận mua sắm trực tuyến đối với nhóm hàng này hiện vẫn thấp hơn so với các ngành hàng tiêu dùng nhanh. Điều này đặt ra thử thách đối với Công ty trong việc xây dựng niềm tin thương hiệu trên môi trường trực tuyến, đồng thời nâng cao khả năng truyền thông và hướng dẫn khách hàng về trải nghiệm mua sắm online. Trong trường hợp không

triển khai hiệu quả các giải pháp này, tốc độ tăng trưởng doanh thu từ kênh online có thể không đạt kỳ vọng. Tuy nhiên, Công ty đánh giá với nền tảng thương hiệu sẵn có, hệ thống vận hành đồng bộ và kinh nghiệm quản lý khách hàng đa kênh, các thách thức này có thể được kiểm soát và từng bước nâng cấp trong tương lai.

4.1.1 Yếu tố kinh tế vĩ mô và các chính sách hỗ trợ việc đạt kế hoạch 2026

4.1.1.1 Kinh tế vĩ mô

Trong năm 2026, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tăng trưởng cao, với mục tiêu GDP phấn đấu từ 10%[31] trở lên và CPI bình quân khoảng 4,5%[31] theo Nghị quyết 244/2025/QH15 của Quốc hội thông qua. Môi trường vĩ mô tích cực này được kỳ vọng sẽ củng cố niềm tin người tiêu dùng, hạn chế xu hướng thắt chặt chi tiêu và khuyến khích mua sắm các sản phẩm có giá trị cao như điện thoại, điện máy.

Bên cạnh đó, Quốc hội cũng đặt mục tiêu GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.400–5.500 USD[27] trong năm 2026, qua đó phản ánh triển vọng thu nhập của người Việt Nam ngày càng được cải thiện cũng như sự mở rộng của tầng lớp trung lưu, đặc biệt tại các khu vực đô thị. Đây là những yếu tố nền tảng quan trọng, tạo cơ sở để kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty có tính khả thi cao.

4.1.1.2 Bối cảnh và tiềm năng của ngành điện thoại và điện máy tại Việt Nam

Thị trường điện máy tại Việt Nam đang trong giai đoạn mở rộng nhanh, với quy mô thị trường dự báo tăng từ khoảng 10 tỷ USD lên khoảng 15 tỷ USD trong giai đoạn 2025-2030[28], tương ứng tốc độ tăng trưởng kép 8,2% giai đoạn 2025-2030 và dự kiến xếp thứ 2 trong các thị trường Đông Nam Á về quy mô vào năm 2030. Động lực tăng trưởng thị trường điện máy tại Việt Nam đến từ việc mở rộng tệp khách hàng và gia tăng chi tiêu trên một hộ gia đình. Khi mức sống ngày càng được cải thiện và nâng cấp nhờ tăng trưởng kinh tế, nhiều hộ gia đình có xu hướng sẵn sàng lựa chọn sản phẩm ở các phân khúc cao với nhiều tiện ích hiện đại. Quá trình đô thị hóa cũng giúp người tiêu dùng tiếp cận các kênh bán lẻ hiện đại một cách thuận tiện hơn. Cùng với đó, xu hướng nâng cấp tính năng và nâng cấp chất lượng sản phẩm khiến giá trị các mặt hàng điện máy tăng dần trong tương lai.

Thị trường Việt Nam hiện đã đạt mức độ thâm nhập cao ở nhóm đồ điện máy thiết yếu (tủ lạnh đạt 88%, máy giặt đạt 87%, tivi đạt 84%) nên tăng trưởng tiêu dùng đang có sự dịch chuyển sang chu kỳ thay mới và nâng cấp, mở rộng sang các nhóm đồ điện máy tiện nghi, tiện ích còn nhiều dư địa thâm nhập (điều hòa 78%, lò nướng/ lò vi sóng 54%, máy hút bụi 46%, máy rửa bát 16%[29]) Ở mảng thiết bị điện thoại, tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh ở mức cao khi 92%[30] người sử dụng internet tại Việt Nam sở hữu điện thoại thông minh. Do đó, dư địa tăng trưởng chủ yếu đến từ nhu cầu mua sắm các thiết bị bổ trợ, chuyên dụng và từ chu kỳ thay thế thiết bị mới.

---

[27] *https://baochinhphu.vn/quoc-hoi-thong-qua-nghi-quyet-ve-ke-hoach-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-nam-2026-102251113085124372.htm*
[28] *https://www.expertmarketresearch.com/reports/vietnam-consumer-electronics-market*
[29] *Nguồn: Statista*
[30] *Nguồn: Global Digital Insight*

Khả năng chi trả cũng là một chất xúc tác quan trọng đối với tăng trưởng thị trường điện máy khi thống kê cho thấy 74%[31] người tiêu dùng cân nhắc lựa chọn mua trả góp hoặc sử dụng tài chính tiêu dùng khi mua các sản phẩm này. Quy mô tín dụng hàng tiêu dùng lâu bền đã đạt 23,6[36] nghìn tỷ đồng năm 2024 với mức tăng trưởng kép 15,4% giai đoạn 2020-2024. Nhờ đó, người tiêu dùng có thể tiếp cận các sản phẩm có giá trị cao hơn, thúc đẩy nhu cầu nâng cấp lên phân khúc tốt hơn và tạo thêm động lực tăng trưởng cho thị trường trong các năm tới.

4.1.1.3 Các chính sách hỗ trợ

Quyết định số 2326/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường bán lẻ Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đặt mục tiêu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 11–11,5%/năm[37] đến năm 2030, đồng thời định hướng phát triển thị trường bán lẻ theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững, gắn với thương mại điện tử và chuyển đổi số. Theo đó, chiến lược nhấn mạnh vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy hiện đại hóa và số hóa hoạt động bán lẻ thông qua phát triển thương mại điện tử và hạ tầng chuỗi cung ứng. Đây là bệ đỡ quan trọng giúp các doanh nghiệp bán lẻ trong nước xây dựng và triển khai kế hoạch tăng trưởng theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững trong năm 2026.

Ngoài ra, định hướng ưu tiên phát triển thị trường ở nông thôn, vùng sâu vùng xa đến 2030 – trong bối cảnh khu vực này chiếm trên 60% dân số nhưng doanh thu bán lẻ mới đạt khoảng 20% - mở ra nhiều dư địa tăng trưởng rõ rệt cho các doanh nghiệp mở rộng độ phủ về huyện, xã và các vùng nông thôn, đón đầu nhu cầu sở hữu thiết bị hiện đại còn thấp.

4.1.2 Kế hoạch hành động của Công ty

Trong bối cảnh môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi, Công ty đã nhanh chóng xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động, tận dụng đà phục hồi của thị trường bán lẻ điện thoại, điện máy, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, qua đó hướng tới đạt được kế hoạch kinh doanh đề ra trong năm 2026.

Kế hoạch năm 2026 được Công ty xây dựng theo hướng linh hoạt và được ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh các nội dung cần thiết, theo sát diễn biến thị trường, nhằm đảm bảo kế hoạch được triển khai một cách hiệu quả nhất và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Chiến lược tăng trưởng của Công ty trong tương lai được triển khai theo hướng đa dạng, tập trung vào năm trụ cột chính: (1) Tối ưu hóa hiệu quả vận hành để gia tăng lợi nhuận; (2) Mở rộng hệ sinh thái tiêu dùng – tài chính (3) Tăng cường mở rộng dịch vụ sau bán hàng; (4) Tích hợp toàn bộ hệ sinh thái DMX vào siêu ứng dụng Quà tặng VIP; và (5) Mở rộng hoạt động tại thị trường Indonesia. Các chiến lược cụ thể như sau:

[31] *Nguồn: FiinGroup*

4.1.2.1 Tối ưu hóa hiệu quả vận hành để gia tăng lợi nhuận

Thứ nhất, Công ty tiến hành áp dụng cơ chế chia sẻ lợi nhuận gắn với hiệu suất làm việc của nhân viên, chuyển cơ chế đãi ngộ nhân viên từ lương cố định sang thu nhập theo kết quả nhằm thúc đẩy năng suất bán hàng, gắn liền lợi ích của Công ty và nhân viên, đồng thời khiến cơ cấu chi phí trở nên linh hoạt và tối ưu hơn. Thứ hai, Công ty từng bước nâng cao tỷ trọng danh mục sản phẩm chiến lược giúp tăng đóng góp doanh thu từ những sản phẩm có biên lợi nhuận tốt. Trên cơ sở quy mô hoạt động lớn, DMX hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp để triển khai các chương trình bán hàng đặc biệt, qua đó mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, thúc đẩy doanh số, đồng thời tối ưu hiệu quả kinh doanh cho các bên. Thứ ba, Công ty tiếp tục nâng cấp trải nghiệm cửa hàng, chuyển từ mô hình kho bãi sang mô hình trải nghiệm nhằm tối ưu hóa trải nghiệm cho khách hàng. Thiết kế cửa hàng được cải tiến với không gian rộng rãi hơn, các khu vực trưng bày sản phẩm được bố trí hợp lý và lựa chọn các thương hiệu phù hợp, nhằm tạo sự kết nối mạnh mẽ với khách hàng. Đồng thời, Công ty cũng tập trung vào việc xây dựng chiến lược không chỉ qua giá cả mà còn qua việc nâng cao giá trị thương hiệu và tối ưu tỷ lệ chuyển đổi mua hàng dựa trên trải nghiệm khách hàng. Thứ tư, Công ty định hướng đẩy mạnh chuyển đổi số và công nghệ hiện đại làm động lực then chốt để tối ưu hiệu suất, tập trung khai thác dữ liệu lớn nhằm dự báo và quản trị tồn kho chính xác, đồng thời tích hợp tự động hóa để giảm tác vụ thủ công, kiểm soát chặt chẽ chi phí vận hành và bảo vệ biên lợi nhuận trước mọi biến động thị trường. Cuối cùng, Công ty thúc đẩy văn hóa hợp tác ("familyship") thông qua việc xây dựng quan hệ hợp tác trên tinh thần mục tiêu đạt lợi ích chung, coi đối tác là những người đồng hành lâu dài, đồng thời đề cao tính minh bạch và trách nhiệm chung nhằm tạo ra giá trị bền vững cho tất cả các bên.

4.1.2.2 Mở rộng hệ sinh thái tiêu dùng – tài chính

Từ mô hình chuỗi bán lẻ truyền thống, Công ty đang dần chuyển mình, từng bước phát triển trở thành một nền tảng điểm chạm tiêu dùng – tài chính tích hợp, thông qua việc mở rộng các dịch vụ thanh toán, tài chính tiêu dùng và bảo hiểm trực tiếp trên toàn bộ mạng lưới bán lẻ trên toàn quốc. Cụ thể, Công ty triển khai các giải pháp tài chính tiêu dùng như trả chậm áp dụng trực tiếp tại các điểm bán với quy trình phê duyệt nhanh chóng và tỷ lệ phê duyệt cao, hợp tác với các tổ chức cho vay tiêu dùng lớn, giúp gia tăng khả năng tiếp cận tài chính và gia tăng mức độ mua hàng của khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai vận hành nền tảng thanh toán "một điểm đến" cho các dịch vụ tiện ích và chi tiêu thiết yếu như thanh toán hóa đơn điện, nước, internet, viễn thông, v.v. với quy mô giao dịch lớn và tần suất sử dụng cao. Đồng thời, thông qua mô hình đại lý dịch vụ thanh toán hợp tác với các tổ chức tài chính, Công ty triển khai cung cấp đại lý dịch vụ thanh toán cơ bản như rút tiền, gửi tiền và chuyển khoản ngay tại cửa hàng, qua đó mở rộng độ phủ tài chính và gia tăng lưu lượng giao dịch. Cuối cùng, các gói bảo hành và bảo hiểm được tích hợp xuyên suốt từ các điểm bán hàng đến những dịch vụ sau bán hàng, cho phép kích hoạt ngay lập tức khi mua thiết bị, góp phần nâng cao giá trị dịch vụ và doanh thu trên mỗi khách hàng.

4.1.2.3 Mở rộng dịch vụ sau bán hàng - Thợ Điện Máy Xanh

Trong tương lai, Công ty tiếp tục triển khai mở rộng Thợ Điện Máy Xanh nền tảng dịch vụ sau bán hàng - nhằm tạo ra nguồn doanh thu dịch vụ và mở rộng lợi nhuận dài hạn ngoài mảng bán lẻ. Với hơn 3.000 cửa hàng trên toàn quốc, tệp khách hàng lớn và lặp lại, cùng đội ngũ nhân sự dịch vụ được chuẩn hóa và hệ thống hạ tầng chuyên biệt (bao gồm đội xe, kho bãi và nền tảng công nghệ phát triển), Thợ Điện Máy Xanh hình thành một nền tảng dịch vụ toàn diện, bao phủ từ giao hàng, lắp đặt, kho vận, bảo hành, sửa chữa đến hỗ trợ dịch vụ gia tăng tại nhà và các giải pháp dành cho doanh nghiệp, đồng thời duy trì quan hệ hợp tác dài hạn với nhiều đối tác và thương hiệu lớn trong hệ sinh thái.

4.1.2.4 Tích hợp toàn bộ hệ sinh thái DMX vào siêu ứng dụng Quà tặng VIP

Ứng dụng Quà tặng VIP được phát triển theo định hướng hệ sinh thái mở, không chỉ là một ứng dụng thương mại điện tử đơn thuần mà còn kết hợp mua sắm, dịch vụ tài chính và các tiện ích khác. Ứng dụng tập trung tạo trải nghiệm mua sắm liền mạch trong hệ sinh thái, đồng thời phân tích hành vi người dùng để tạo ra các trải nghiệm cá nhân hóa cho người dùng, qua đó thúc đẩy chi tiêu trên ứng dụng. Quà tặng VIP cũng thống nhất các chương trình hội viên và tích điểm trên toàn hệ thống, giúp tăng tương tác với khách hàng cả trước và sau mua hàng, từ đó tận dụng hiệu quả lượng truy cập và mở rộng doanh thu.

4.1.2.5 Mở rộng hoạt động tại thị trường Indonesia

EraBlue là chiến lược giúp Công ty mở rộng sang thị trường Indonesia còn nhiều dư địa tăng trưởng, thông qua việc nhân rộng mô hình bán lẻ điện máy đã được kiểm chứng trong bối cảnh thị trường còn phân mảnh. Với sự kết hợp giữa năng lực quản lý vận hành hiệu quả từ DMX và hiểu biết sâu sắc về thị trường địa phương của đối tác Erajaya, EraBlue dự kiến tập trung mở rộng mạng lưới cửa hàng mô hình nhỏ gọn, dễ nhân rộng nhưng vẫn được kiểm soát chặt chẽ về hiệu quả, đồng thời tập trung gia tăng chất lượng dịch vụ sau bán hàng và các lựa chọn giải pháp tài chính linh hoạt nhằm thu hút và giữ chân khách hàng.

4.2 Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở vai trò của đơn vị tư vấn chuyên nghiệp, Vietcap đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích hoạt động kinh doanh cũng như đánh giá triển vọng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới.

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đề ra được xây dựng trên cơ sở có cân nhắc giữa điều kiện thị trường, năng lực vận hành thực tế và định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp. Công ty hiện sở hữu hệ thống bán lẻ quy mô lớn với các chuỗi TopZone, Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh, cùng kinh nghiệm vận hành, năng lực quản trị hàng tồn kho và độ nhận diện thương hiệu cao trên thị trường. Đây là những yếu tố hỗ trợ tích cực cho khả năng duy trì doanh thu và hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

Tuy nhiên, Tổ chức tư vấn cũng lưu ý rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố khách quan của môi trường kinh doanh và xu hướng tiêu dùng.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô còn tiềm ẩn biến động, sức mua tiêu dùng có thể phục hồi chậm, mặt bằng lãi suất và chi phí vận hành vẫn ở mức cao, trong khi áp lực cạnh tranh trong ngành bán lẻ ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, đặc thù mô hình bán lẻ quy mô lớn cũng khiến Công ty chịu tác động nhất định từ biến động chuỗi cung ứng, tốc độ luân chuyển hàng tồn kho và khả năng thích ứng với thay đổi trong hành vi tiêu dùng.

Mặc dù vậy, với nền tảng hoạt động đã được xây dựng trong nhiều năm, vị thế thương hiệu trên thị trường cùng định hướng quản trị thận trọng và linh hoạt, Tổ chức tư vấn nhận thấy Công ty đã có sự chủ động trong việc nhận diện các rủi ro trọng yếu và xây dựng các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm hạn chế các tác động bất lợi có thể phát sinh.

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Tổ chức tư vấn đánh giá kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty là có khả thi. Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC), PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC (PHÓ GIÁM ĐỐC), KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

"Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó."

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh lần đầu ngày 02/01/2007, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Công ty chỉ có một (1) cổ đông lớn.

2.1 Thông tin chung về cổ đông lớn

2.1.1 Cổ đông lớn là cá nhân

Công ty không có cổ đông lớn là cá nhân.

2.1.2 Đối với cổ đông lớn là tổ chức

Tại ngày 26/02/2026, danh sách cổ đông là tổ chức nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty như sau:

Tên cổ đông:	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động ("MWG")

Năm thành lập:	2009
Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 16/01/2009 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 36 ngày 23/12/2025
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 222 Yersin, phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ (31/12/2025):	14.696.931.770.000 đồng
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Vũ Đăng Linh (Tổng Giám đốc)
Người đại diện vốn tại DMX theo ủy quyền:	Ông Nguyễn Đức Tài đại diện cho 1.089.775.600 cổ phần, tương đương 98,955% số cổ phần có quyền biểu quyết tại DMX

Nguồn: MWG

2.2 Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ hiện tại

Chi tiết số cổ phần của các cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

STT	Tên cổ đông	Hiện tại		Dự kiến sau đợt chào bán(*)	
		Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động ("MWG")	1.089.775.600	98,955%	1.089.775.600	85,087%

Nguồn: DMX

Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn hiện đang nắm giữ cổ phần của DMX:

STT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với MWG	Hiện tại		Dự kiến sau đợt chào bán(*)	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	248.632	0,023%	1.248.632	0,097%
2	Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	209.300	0,019%	209.300	0,016%
3	Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên HĐQT	1.833.098	0,166%	3.833.098	0,299%
4	Ông Trần Văn Hoàng	Người quản lý của công ty con của MWG – Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Thiện Tâm và Công ty TNHH Một Thành	372.200	0,034%	372.200	0,029%

STT	Tên cổ đông	Mối quan hệ với MWG	Hiện tại		Dự kiến sau đợt chào bán(*)	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
		Viên Đầu Tư An Nhi				
5	Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng	145.100	0,013%	145.100	0,011%
6	Bà Lê Thị Thu Trang	Người được UQCBTT và Người QTCT	96.600	0,009%	96.600	0,008%
7	Ông Trịnh Quang Khải	Người có liên quan của người nội bộ của MWG - Lê Thị Thu Trang	68.500	0,006%	68.500	0,005%

Nguồn: DMX

(*) Số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt chào bán của cổ đông lớn sẽ phụ thuộc vào số lượng Cổ Phiếu chào bán thành công của đợt chào bán và số lượng cổ phiếu của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn tham gia mua trong đợt chào bán này. Số liệu được tính toán dựa trên số cổ phần hiện tại của cổ đông lớn và người có liên quan đến cổ đông lớn và tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau đợt chào bán là 1.280.783.900 cổ phiếu.

2.3 Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

2.3.1 Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông

- Không có.

2.3.2 Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với người có liên quan của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với MWG	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch trong Qúy 1/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty Cổ phần Thương	Công ty con gián	01/2025/HĐNT/BHX	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	120	-	Không có	Hội đồng Quản trị

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với MWG	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch trong Qúy 1/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
mại Bách Hóa Xanh	tiếp của MWG	/TGDĐ /KT							
		01012025/HĐNT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	226.241	76.720	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/012025/TGDĐ-BHX/2025/KT	02/01/2025	Bán dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	23.048	5.762	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con gián tiếp của MWG	01/2025/HĐNT/TGDĐ-BHX/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	18.380	5.973	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con gián tiếp của MWG	02/012025/TGDĐ-BHTT/2025KT	02/01/2025	Mua dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	1.801.640	508.849	Không có	Hội đồng Quản trị
		03/012025/HĐNT/TGDĐ-BHTT/2025/KT							
		01/012025/HĐMB/TT-TGDĐ	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	440.347	67.053	Không có	Hội đồng Quản trị

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với MWG	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch trong Qúy 1/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
		012025/TGDĐ-BHTT/2025/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa và dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	32.422	8.121	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con trực tiếp của MWG	01/CNTT-TGDD/2025/KT	02/01/2025	Cung cấp dịch vụ ERP, quản lý hóa đơn, POS…	Hợp đồng nguyên tắc	452.341	138.456	Không có	Hội đồng Quản trị
Công Ty TNHH Thương Mại AVAKids	Công ty con gián tiếp của MWG	190/2026/HĐNT/ĐMX-AVAKIDS	01/12/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	373.105	11.132	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/122025/HĐNT-ĐMX-AVA	25/12/2025	Bán TSCĐ	Hợp đồng nguyên tắc	53.821	17.128	Không có	Hội đồng Quản trị
		012026/HDNT-ĐMX-AVK	01/01/2026	Thuê mặt bằng	Hợp đồng nguyên tắc	-	13.343	Không có	Hội đồng Quản trị
Ông Robert Alan Willett	Ông Robert Alan Willett là thành viên HĐQT của MWG	Hợp đồng dịch vụ ngày 27/02/2026	27/02/2026	Cung cấp ý kiến tư vấn về hoạt động kinh doanh và các vấn đề khác cho Công	1.250 triệu đồng cùng các chi phí phát sinh tối đa 750	Chưa thực hiện	312,5	Không có	Hội đồng Quản trị

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với MWG	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch trong Quý 1/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
				ty theo yêu cầu	triệu đồng				

Nguồn: DMX

2.3.3 Các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Đăng Ký Niêm Yết với người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông và những người có liên quan của họ

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông lớn (Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) là ông Nguyễn Đức Tài. Ông Nguyễn Đức Tài không có hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với DMX.

Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa những người có liên quan của ông Nguyễn Đức Tài với DMX được trình bày chi tiết ở Mục VII.3.1.1 bên dưới.

2.4 Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Cổ đông lớn được nhận cổ tức hằng năm theo Phương án được ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Ngoài lợi ích nêu trên, cổ đông lớn không có lợi ích liên quan nào khác đối với Tổ chức đăng ký niêm yết.

2.5 Cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng

3.1 Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị
2	Ông Vũ Đăng Linh	Phó chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
3	Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc
4	Ông Robert A.Willett	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
6	Ông Võ Hà Trung Tín	Thành Viên Hội Đồng Quản Trị độc lập

Nguồn: DMX

3.1.1 Ông Nguyễn Đức Tài – Chủ tịch HĐQT

- Họ tên: Nguyễn Đức Tài
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Thạc sĩ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến 2004	S-Fone	Trưởng bộ phận Phát triển Chiến lược
Từ 2007 đến tháng 5/2014	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Tổng Giám đốc
Từ tháng 5/2014 đến 3/2019	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Tổng Giám đốc
Từ 2017 đến 03/2022	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành viên HĐQT
Từ tháng 12/2021 đến 2024	Công ty Cổ phần 4K Farm	Chủ tịch HĐQT
Từ 2021 đến 2024	Công ty cổ phần Logistics Toàn Tín	Chủ tịch HĐQT
Từ 2021 đến 2024	Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành viên HĐQT
Từ 3/2022 đến 3/2025	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 5/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Chủ tịch HĐQT
Từ 2014 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ 2014 đến nay	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Chủ tịch HĐTV

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2019 đến nay	Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Chủ tịch Quỹ
Từ tháng 5/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ 3/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành viên HĐQT
Từ 5/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chủ tịch HĐQT

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 5/2014 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Chủ tịch HĐQT
Từ 2014 đến nay	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Chủ tịch HĐTV
Từ 2019 đến nay	Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Chủ tịch Quỹ[32]
Từ tháng 5/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thành viên HĐQT
Từ 5/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chủ tịch HĐQT

Nguồn: DMX

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 248.632 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,023% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 248.632 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,023%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 1.089.775.600 cổ phần (đại diện cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động), chiếm tỷ lệ 98,955%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Nguyễn Đức Tài là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Nguyễn Đức Tài là Chủ tịch

[32] Theo Luật Doanh nghiệp 2020, khoản 6 điều 4: "Công ty bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh", do đó, Quỹ từ thiện không phải là Công ty theo định nghĩa của Luật Doanh nghiệp

HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) là cổ đông lớn của Công ty, sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%

– Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

▪ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Nguyễn Đức Tài và người có liên quan của ông Nguyễn Đức Tài:

+ Giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (ông Nguyễn Đức Tài là người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động tại DMX): Xem tại Mục VII-2.3 ở trên

+ Giữa Công ty với ông Nguyễn Đức Tài và người có liên quan khác của ông Nguyễn Đức Tài:

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Nguyễn Đức Tài	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Ông Nguyễn Đức Tài là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	01/2025/HĐNT/BHX/TGDĐ/KT	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	120	-	Không có	Hội đồng Quản trị
		01012025/HĐNT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	226.241	76.720	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/012025/TGDĐ-BHX/2025/KT	02/01/2025	Bán dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	23.048	5.762	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Ông Nguyễn Đức Tài là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	01/2025/HĐNT/TGDĐ-BHX/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	18.380	5.973	Không có	Hội đồng Quản trị

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	0	627.065.392
2025	0	1.983.806.874
Quý 1/2026	0	0

Nguồn: DMX

– Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3.1.2 Ông Vũ Đăng Linh – Phó Chủ tịch HĐQT

– Họ tên: Ông Vũ Đăng Linh

– Năm sinh: 1975

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: Thạc sĩ

– Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 7/1997 đến 6/2002	Công ty Liên doanh Thép Vingal	Kế toán tổng hợp
Từ tháng 7/2002 đến 10/2004	Công ty Liên doanh Thép Vingal	Kế toán trưởng
Từ tháng 11/2004 đến 4/2006	Công ty Liên doanh Giao nhận Vận tải Trimax	Kế toán trưởng
Từ tháng 5/2006 đến 3/2008	Công ty Cổ phần Newviet Dairy	Kế toán trưởng
Từ tháng 4/2008 đến 11/2011	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Kế toán trưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 12/2011 đến 12/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Phó Giám đốc Tài chính
Từ tháng 4/2013 đến 5/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc Tài chính
Từ 2016 đến 3/2025	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Giám đốc Tài chính
Từ tháng 3/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 4/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Tổng Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật
Từ tháng 4/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Tổng Giám Đốc và kiêm đại diện theo pháp luật
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Phó chủ tịch HĐQT
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Phó chủ tịch HĐQT
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Phó chủ tịch HĐQT

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 3/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 4/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Tổng Giám Đốc kiêm Thành viên HĐQT
Từ tháng 4/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Tổng Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật
Từ 4/2025 đến nay	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chủ tịch HĐTV
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Phó chủ tịch HĐQT
Từ 5/2025 đến nay	Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Phó chủ tịch HĐQT

Nguồn: DMX

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 209.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,019% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 209.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,019%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Vũ Đăng Linh là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Vũ Đăng Linh là Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) là cổ đông lớn của Công ty, sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Vũ Đăng Linh và người có liên quan của ông Vũ Đăng Linh:

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Vũ Đăng Linh	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Ông Vũ Đăng Linh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	01/2025/HĐNT/BHX/TGDĐ/KT	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	120	-	Không có	Hội đồng Quản trị
		01012025/HĐNT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	226.241	76.720	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/01202 5/TGDĐ-BHX/2025/KT	02/01/2025	Bán dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	23.048	5.762	Không có	Hội đồng Quản trị

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Vũ Đăng Linh	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công Ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Ông Vũ Đăng Linh là Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	02/012025/TGDĐ-BHTT/2025KT 03/012025/HĐNT/TGDĐ-BHTT/2025/KT	02/01/2025	Mua dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	1.801.640	508.849	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/012025/HĐMB/TT-TGDĐ	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	440.347	67.053	Không có	Hội đồng Quản trị
		012025/TGDĐ-BHTT/2025/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa và dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	32.422	8.121	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Ông Vũ Đăng Linh là Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	01/2025/HĐNT/TGDĐ-BHX/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	18.380	5.973	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH MTV Công	Ông Vũ Đăng Linh là Chủ tịch	01/CNTT-TGDD/	02/01/2025	Cung cấp dịch vụ	Hợp đồng	452.341	138.456	Không có	Hội đồng

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Vũ Đăng Linh	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	2025/KT		ERP, quản lý hóa đơn, POS …	nguyên tắc				quản trị

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	1.711.436.506	0
2025	1.835.700.000	0
Quý 1/2026	0	0

Nguồn: DMX

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3.1.3 Ông Đoàn Văn Hiếu Em – Thành viên HĐQT

- Họ tên: Ông Đoàn Văn Hiếu Em
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế Toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 3/2007 đến 11/2007	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Kế toán ERP
Từ tháng 12/2007 đến 12/2008	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Phân tích Kinh Doanh
Từ tháng 1/2009 đến 3/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Trưởng Ngành hàng điện thoại
Từ tháng 4/2012 đến 5/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc Ngành hàng viễn thông di động
Từ tháng 6/2017 đến 8/2018	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc ngành hàng điện thoại, điện máy và điện gia dụng
Từ tháng 9/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Tổng Giám đốc
Từ tháng 3/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Thành viên HĐQT
Từ tháng 11/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Thành viên HĐQT
Từ tháng 12/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thành viên HĐQT
Từ tháng 7/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Chủ tịch công ty & Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Thương Mại AVAKids	Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thiện Tâm	Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Chủ tịch công ty & Tổng Giám đốc

Nguồn: DMX

– Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

– Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ tháng 3/2019 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Thành viên HĐQT
Từ tháng 12/2021 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thành viên HĐQT
Từ tháng 7/2022 đến nay	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật
Từ tháng 5/2025 đến nay	Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Chủ tịch HĐQT
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Chủ tịch công ty & Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Thương Mại AVAKids	Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thiện Tâm	Tổng Giám đốc
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công Ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Chủ tịch công ty & Tổng Giám đốc

Nguồn: DMX

– Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 1.833.098 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,166% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.833.098 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,166%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Đoàn Văn Hiểu Em là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Đoàn Văn Hiểu Em là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) là cổ đông lớn của Công ty, sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%

– Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Đoàn Văn Hiểu Em và người có liên quan của ông Đoàn Văn Hiểu Em:

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Đoàn Văn Hiếu Em	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Ông Đoàn Văn Hiếu Em là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	02/012025/TGDĐ-BHTT/2025KT 03/012025/HĐNT/TGDĐ-BHTT/2025/KT	02/01/2025	Mua dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	1.801.640	508.849	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/012025/HĐMB/TT-TGDĐ	02/01/2025	Mua hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	440.347	67.053	Không có	Hội đồng Quản trị
		012025/TGDĐ-BHTT/2025/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa và dịch vụ	Hợp đồng nguyên tắc	32.422	8.121	Không có	Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Ông Đoàn Văn Hiếu Em là Thành viên Hội đồng Quản trị và	01/2025/HĐNT/TGDĐ-BHX/KT	02/01/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	18.380	5.973	Không có	Hội đồng Quản trị

Đối tác thực hiện giao dịch	Mối quan hệ với ông Đoàn Văn Hiếu Em	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/12/2025 (triệu đồng)	Giá trị giao dịch tính đến 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
	Tổng Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma								
Công Ty TNHH Thương Mại AVAKids	Ông Đoàn Văn Hiếu Em là Tổng Giám đốc Công Ty TNHH Thương Mại AVAKids	190/2026/HĐNT/ĐMX-AVAKIDS	01/12/2025	Bán hàng hóa	Hợp đồng nguyên tắc	373.105	11.132	Không có	Hội đồng Quản trị
		01/122025/HĐNT - ĐMX - AVA	25/12/2025	Bán TSCĐ	Hợp đồng nguyên tắc	53.821	17.128	Không có	Hội đồng Quản trị
		012026/HDNT - ĐMX-AVK	01/01/2026	Thuê mặt bằng	Hợp đồng nguyên tắc	-	13.343	Không có	Hội đồng Quản trị

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	0	0
2025	0	0
Quý 1/2026	1.511.367.757	0

Nguồn: DMX

– Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3.1.4 Ông Robert Alan Willett – Thành viên HĐQT

– Họ tên: Ông Robert Alan Willett

– Năm sinh: 1946

– Quốc tịch: Vương Quốc Anh

– Trình độ học vấn: Thạc sĩ

– Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1968 đến 1977	Marks & Spencer Ltd	Quản lý Điều hành Cửa hàng và Phát triển Hàng hóa
Từ 1978 đến 1985	Gateway Corporation	Tổng Giám đốc
Từ 1985 đến 1990	The LittleWoods Organization	Giám đốc Điều hành
Từ 1990 đến 1994	Kingfisher PLC	Giám đốc Vận hành Thương Mại
Từ tháng 1/1994 đến 2/2001	Accenture PLC Global Retail Practice	Đối tác Điều hành Toàn cầu mảng Tư vấn Bán lẻ và Thành viên Ban Điều Hành
Từ tháng 3/2001 đến 1/2010	Best Buy PLC	Tổng Giám đốc – hoạt động kinh doanh quốc tế và Giám đốc CNTT
Từ tháng 8/2011 đến 3/2015	MetaPack Ltd.	Chủ tịch HĐQT không điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 12/2011 đến 3/2016	Houseology	Chủ tịch HĐQT không điều hành
Từ tháng 8/2012 đến 3/2016	Eagle Eye Solutions plc	Chủ tịch HĐQT không điều hành
Từ tháng 8/2012 đến 12/2017	Mekong Capital	Cố vấn về Tối ưu hóa Giá trị doanh nghiệp
Từ tháng 3/2013 đến 12/2020	Bảo tàng máy tính quốc gia	Thành viên Ban Quản trị
Từ tháng 8/2013 đến 12/2020	Anatwine Ltd.	Chủ tịch HĐQT không điều hành
Từ tháng 4/2018 đến 5/2020	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Cố vấn và Thành viên Hội đồng Quản trị
Từ tháng 3/2011 đến 4/2026	Zynstra Ltd.	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ 08/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Cố vấn và Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ tháng 1/2011 đến nay	Công ty Purple Wifi Ltd.	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ tháng 3/2005 đến nay	Công ty Gilda & Pearl.	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ tháng 11/2025 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Thành viên HĐQT không điều hành

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT không điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
Từ 8/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	Cố vấn và Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ tháng 1/2011 đến nay	Công ty Purple Wifi Ltd.	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành
Từ tháng 3/2005 đến nay	Công ty Gilda & Pearl.	Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành

Nguồn: DMX

- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động (ông Robert Alan Willett là Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di động) là cổ đông lớn của Công ty, sở hữu 1.089.775.600 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,955%.

Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Robert Alan Willett và người có liên quan của ông Robert Alan Willett:

Đối tác thực hiện giao dịch	Số Hợp đồng	Ngày ký	Loại giao dịch	Giá trị giao dịch hợp đồng (triệu đồng)	Giá trị giao dịch hợp đồng tại 31/03/2026 (triệu đồng)	Điều khoản quan trọng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Ông Robert Alan Willett	Hợp đồng dịch vụ ngày 27/02/2026	27/02/2026	Cung cấp ý kiến tư vấn về hoạt động kinh doanh và các vấn đề khác cho Công ty theo yêu cầu	1.250 triệu đồng cùng các chi phí phát sinh tối đa 750 triệu đồng	312,5	Không có	Hội đồng Quản trị

Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	0	0
2025	0	0
Quý 1/2026	0	0

Nguồn: DMX

– Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.1.5 Ông Đỗ Tuấn Anh – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ tên: Ông Đỗ Tuấn Anh
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, và Cử nhân Luật
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 1/2001 đến 5/2002	Công ty TNHH Thương mại Anh Minh	Nhân viên
Từ tháng 6/2002 đến 1/2003	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đông Nam	Nhân viên
Từ tháng 1/2003 đến 3/2007	Công ty Tân Gia Viễn	Trưởng phòng Kinh doanh
Từ tháng 3/2007 đến 12/2021	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc Cung ứng
Từ tháng 1/2022 đến 12/2023	Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Tổng Giám đốc
Từ tháng 01/2024 đến 1/2026	Hoạt động độc lập	Không đảm nhiệm chức vụ điều hành tại tổ chức nào
Từ 1/2026 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Đỗ Tuấn Anh và người có liên quan của ông Đỗ Tuấn Anh: Không có
- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Lợi ích khác (đồng)
2024	0	0
2025	0	0
Quý 1/2026	0	0

Nguồn: DMX

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3.1.6 Ông Võ Hà Trung Tín– Thành viên HĐQT độc lập

- Họ tên: Ông Võ Hà Trung Tín
- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Trung cấp
- Năng lực chuyên môn: Trung cấp Hóa phân tích
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 7/2005 đến tháng 6/2007	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Nhân viên bán hàng
Từ tháng 7/2007 đến tháng 5/2008	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Quản lý siêu thị

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 6/2008 đến thàng 12/2009	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Quản lý khu vực (ASM)
Từ tháng 1/2010 đến thàng 2/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc bán hàng khu vực (RSM)
Từ tháng 3/2016 đến tháng 3/2019	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Giám đốc bán hàng cấp cao
Từ tháng 4/2019 đến 1/2026	Hoạt động độc lập	Không đảm nhiệm chức vụ điều hành tại tổ chức nào
Từ 1/2026 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với ông Võ Hà Trung Tín và người có liên quan của ông Võ Hà Trung Tín: Không có

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	0	0
2025	0	0
Quý 1/2026	0	0

Nguồn: DMX

– Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

3.2 Ủy ban kiểm toán

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Tuấn Anh	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán
2	Ông Võ Hà Trung Tín	Thành Viên Ủy ban Kiểm toán

Nguồn: DMX

3.2.1 Ông Đỗ Tuấn Anh – Chủ tịch Ủy ban kiểm toán

- Xem mục 3.1.5

3.2.2 Ông Võ Hà Trung Tín – Thành viên Ủy ban kiểm toán

- Xem mục 3.1.6

3.3 Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc

Nguồn: DMX

3.3.1 Ông Đoàn Văn Hiểu Em – Tổng Giám đốc

- Xem mục 3.1.3

3.4 Bà Võ Thị Phương Thảo – Kế toán trưởng

– Họ tên: Võ Thị Phương Thảo

– Năm sinh: 1983

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2007 đến 2013	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	Trợ lý Kiểm toán, Kiểm toán viên
Từ tháng 1/2018 đến 8/2024	Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Kế toán trưởng
Từ tháng 10/2013 đến 12/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Trưởng phòng kế toán
Từ tháng 1/2026 đến nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Kế toán trưởng

Nguồn: DMX

- Chức vụ đang nắm giữ tại chức đăng ký niêm yếtTổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần đang nắm giữ: 18.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% đưa về VĐL, trong đó:
  - Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002%
  - Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
  - Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
  - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với bà Võ Thị Phương Thảo và người có liên quan của bà Võ Thị Phương Thảo: Không có
  - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác *(tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá), v.v.)* trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết và đến thời điểm hiện tại:

Năm	Thù lao, tiền thưởng (đồng)	Cổ tức (đồng)
2024	851.893.154	0
2025	839.206.755	0
Quý 1/2026	208.320.000	0

Nguồn: DMX

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có

VIII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng là 179.500.400 (Bằng chữ: một trăm bảy mươi chín triệu năm trăm nghìn bốn trăm) cổ phiếu, tương đương 16,2992% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu được Tổ chức đăng ký niêm yết phát hành mới: 179.500.400 cổ phiếu, tương đương 16,2992% (*) số lượng cổ phiếu đang lưu hành, và

- Số lượng cổ phiếu được chào bán thuộc sở hữu của cổ đông hiện hữu: 0 cổ phiếu, tương đương 0% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

(*) Tỷ lệ này được làm tròn lên từ số thập phân 179.500.400 / 1.101.283.500 ≈ 16,29919998%

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.795.004.000.000 (Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm chín mươi lăm tỷ, không trăm linh bốn triệu).

5. Giá chào bán dự kiến

80.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng là mức giá do HĐQT quyết định dựa trên nguyên tắc xác định giá đã được ĐHĐCĐ của Công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 như sau:

- Không thấp hơn Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, được xác định là 16.163 đồng;
- Nằm trong khoảng giá từ 90% đến 110% Giá trị định giá của cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam phát hành.

Giá trị định giá cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá 223/2026/65 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam phát hành ngày 27/02/2026 là 83.000 đồng/ cổ phiếu

Theo đó, HĐQT công ty đã ban hành Quyết định Hội đồng Quản trị số 07/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 thông qua mức giá chào bán là 80.000 đồng/ cổ phiếu, đảm bảo tuân thủ nguyên tắc xác định giá nêu trên.

7. Phương thức phân phối

Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.

Phương thức phân phối

Cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư sẽ được phân phối thông qua đại lý phân phối được chỉ định là:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2007 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Trách nhiệm chung của đại lý phân phối:

- Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư. Tổ chức nhận đăng ký mua Cổ Phiếu là các công ty chứng khoán được lựa chọn và đã được UBCKNN cấp Giấy phép thực hiện nghiệp vụ kinh doanh môi giới chứng khoán theo Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu;
- Hướng dẫn nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu của Tổ chức đăng ký niêm yết;
- Gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua Cổ Phiếu của nhà đầu tư cho Tổ chức đăng ký niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán; và
- Các công việc khác có liên quan để quá trình chào bán diễn ra thành công.

Nguyên tắc phân phối Cổ Phiếu

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh sẽ thực hiện phân phối Cổ Phiếu một cách công khai, công bằng và minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Đại lý phân phối sẽ không phải cam kết số lượng bán tối thiểu hay bán tối đa và đại lý phân phối sẽ được chào bán cho nhà đầu tư theo số lượng mà Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được phép phát hành.

Phương án xử lý số lượng Cổ Phiếu đăng ký mua vượt số lượng Cổ Phiếu được phép chào bán

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua lớn hơn số lượng cổ phiếu được phép chào bán, cổ phiếu sẽ được phân phối tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ hoàn trả lại tiền cho nhà đầu tư (nếu có) theo quy định tại Hướng dẫn thực hiện đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu"). Việc phân phối cổ phiếu đảm bảo nguyên tắc phân phối theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Chứng Khoán và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài. Sau khi kết thúc thời gian đăng ký mua Cổ Phiếu, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh sẽ tổng hợp danh sách nhà đầu tư đăng ký mua, và do đó nhà đầu tư sẽ được phân bổ theo đúng một tỷ lệ phân bổ công bằng theo quy định của pháp luật liên quan.

Phương án cổ phiếu lẻ, cổ phiếu chưa phân phối hết

Nếu còn cổ phiếu chưa phân phối hết sau khi kết thúc đợt chào bán (bao gồm cả số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ) ("Cổ Phiếu Cần Phân Phối") thì số Cổ Phiếu Cần Phân Phối đó sẽ được xử lý theo cách thức chào bán tiếp cho các nhà đầu tư với các điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư, giá chào bán không được thuận lợi hơn các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu và đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

- Tiêu chí xác định nhà đầu tư: Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, nhà đầu tư được lựa chọn theo các tiêu chí do HĐQT xây dựng như sau:
  - Các tổ chức, các nhân trong và ngoài nước mong muốn và có năng lực tài chính để sở hữu cổ phiếu của Tổ chức đăng ký niêm yết; hoặc
  - Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Tổ chức đăng ký niêm yết.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối: Giá chào bán Cổ Phiếu Cần Phân Phối không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu.
- Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, và đảm bảo tuân thủ phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 và điều kiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- Trong trường hợp hết thời gian phân phối Cổ Phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu số Cổ Phiếu Cần Phân Phối vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu chưa được phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng Cổ Phiếu chào bán theo đúng số lượng Cổ Phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.
- Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT sẽ thực hiện các thủ tục để xin gia hạn thời gian chào bán Cổ Phiếu (nếu cần thiết).

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Số lượng đăng ký mua

Tối thiểu 100 (một trăm) Cổ Phiếu/ nhà đầu tư và tối đa không quá 64.039.195 Cổ Phiếu/ nhà đầu tư (không quá 5% vốn điều lệ của Công ty dự kiến sau đợt chào bán). Số lượng cổ phiếu đăng ký là bội số của 100 (một trăm) Cổ Phiếu.

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong bản thông báo chào bán Cổ Phiếu ra công chúng ("Bản Thông Báo Chào Bán") và đảm bảo thời hạn đăng ký mua cổ phiếu cho cổ đông tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

Phương thức thanh toán

Chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ chức đăng ký niêm yết theo thông tin tại Tiểu mục 11 Mục VIII của Bản Cáo Bạch này.

Phương thức đăng ký mua cổ phiếu

Theo thông báo tại Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối dự kiến: trong vòng 90 ngày (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN xem xét gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình chào bán cổ phiếu ra công chúng dự kiến như sau:

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
Ngày Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực	D
Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện công bố thông tin về đợt chào bán, bao gồm việc công bố Bản Thông Báo Chào Bán trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp	D+1 đến D+3
Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua Cổ Phiếu	D+4 đến D+32
Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua cổ phiếu dự kiến	D+4

Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư	D+23
Tổ chức đăng ký niêm yết thông báo kết quả đăng ký đặt mua cho nhà đầu tư	D+24 đến D+25
Nhà đầu tư hoàn thành việc nộp tiền đăng ký đặt mua cổ phiếu theo thông báo kết quả đăng ký đặt mua của Tổ chức đăng ký niêm yết	D+26 đến D+32
Tổ chức đăng ký niêm yết ban hành quyết định về việc xử lý số Cổ Phiếu Cần Phân Phối và triển khai phân phối số cổ phiếu này (nếu có)	D+33 đến tối đa D+91
Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả đợt chào bán	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán
Tổ chức đăng ký niêm yết hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày Tổ chức đăng ký niêm yết nhận được xác nhận của UBCKNN về kết quả đợt chào bán cổ phiếu
Thời gian chuyển giao Cổ Phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú: Sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng, Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ thông báo về thời gian phân phối cụ thể của đợt chào bán tại Bản Thông Báo Chào Bán và Hướng Dẫn Đặt Mua Cổ Phiếu

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Toàn bộ Cổ Phiếu chào bán (không bao gồm Cổ Phiếu Cần Phân Phối) sẽ được chuyển nhượng tự do. Số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối trong đợt chào bán được HĐQT phân phối tiếp (trừ trường hợp xử lý cổ phiếu lẻ) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa do Công ty mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình

Tên tài khoản	:	Cong ty Co phan Dau tu Dien May Xanh

Số tài khoản	:	1064212435
Ngân hàng	:	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Tân Bình
Loại tiền tài khoản	:	VND

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ trong trường hợp việc phân phối Cổ Phiếu không đáp ứng điều kiện tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổ chức đăng ký niêm yết được bán cho ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn, hoặc các trường hợp khác được quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán.

Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua Cổ Phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ: Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu, Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ.

Phương thức thu hồi cổ phiếu đã phát hành

- Đối với cổ phiếu đã được nhà đầu tư lưu ký: Công ty sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và các thành viên lưu ký (Công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản chứng khoán và lưu ký cổ phiếu Công ty) để thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu theo quy định của VSDC.
- Đối với cổ phiếu chưa được nhà đầu tư lưu ký: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục thu hồi cổ phiếu tại trụ sở của Công ty Cổ phần Đầu Tư Điện Máy Xanh (vào các ngày làm việc trong tuần) theo thông báo của Công ty về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu nêu trên.

Phương thức hoàn trả tiền mua cổ phiếu

- Tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện chuyển khoản toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của nhà đầu tư về tài khoản ngân hàng của NĐT do đại lý phân phối cung cấp trong Danh Sách NĐT (Đại lý phân phối căn cứ thông tin NĐT cung cấp trong Giấy Đăng Ký Mua).

Các điều khoản cam kết bồi thường cho nhà đầu tư nếu không tuân thủ trong thời hạn nêu trên:

Trong trường hợp quá thời hạn hoàn trả toàn bộ tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư, Tổ chức đăng ký niêm yết sẽ phải chịu lãi chậm trả tính trên số tiền trả chậm tính từ ngày đến hạn thanh toán cho đến khi toàn bộ số tiền chậm trả và lãi chậm trả đã được thanh toán toàn bộ cho nhà đầu

tư. Lãi chậm trả là 100% lãi suất tiền gửi bình quân 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng TMCP tại Việt Nam là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) tính trên số ngày chậm trả tương ứng. Lãi suất này được xác định tại ngày đến hạn thanh toán.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo thông tin tại Tiểu mục 9, Phần V của Bản Cáo Bạch này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 49,0% (bốn mươi chín phần trăm).

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26/02/2026, Tổ chức đăng ký niêm yết có tỷ lệ sở hữu nước ngoài là 0%. Do đó, Tổ chức đăng ký niêm yết không giới hạn nhà đầu tư nước ngoài đặt mua Cổ Phiếu phát hành ra công chúng. Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết việc chào bán đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật.

15. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

Thu nhập từ cổ tức

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.
- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiền hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân

chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

15.2 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 (sau đây gọi chung là "Luật Thuế TNDN 2008") thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.
- Tổ chức nước ngoài: Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. Thông tin về các cam kết

16.1 Cam kết của cổ đông lớn

Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động, với tư cách là cổ đông lớn nắm giữ 98,955% cam kết nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết tối thiểu 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

16.2 Các cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết

Cam kết về việc thực hiện niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán

Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết triển khai thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán và niêm yết toàn bộ số Cổ Phiếu được phân phối thành công tại HOSE trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán Cổ Phiếu theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tổ chức đăng ký niêm yết không đáp ứng đủ điều kiện về việc niêm yết Cổ Phiếu, Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch Cổ Phiếu trên hệ thống giao dịch UPCoM theo quy định pháp luật.

Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán

Tại thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết:

- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích như được quy định tại Điểm (e) Khoản 3 Điều 15 Luật Chứng Khoán;

- Việc phát hành Cổ Phiếu hoặc xử lý Cổ Phiếu Cần Phân Phối (nếu có) đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh như được quy định tại Điều 139 Nghị Định 155;
- Tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 về việc xử lý cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, không nộp tiền mua;
- Tuân thủ quy định về giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định tại Điều 293 Nghị Định 155;
- Việc phân phối Cổ Phiếu đáp ứng quy định về việc đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ, công ty con như được quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh Nghiệp;
- Đáp ứng đầy đủ cơ cấu thành viên HĐQT áp dụng đối với công ty niêm yết. Đồng thời, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, thành viên Ủy ban Kiểm toán, và Ban Tổng Giám đốc của Tổ chức đăng ký niêm yết đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

17. Thông tin về các chứng khoán được chào bán, phát hành trong cùng đợt:

Không có

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

IX. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

1. Mục đích chào bán

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán nhằm tăng cường tính minh bạch và uy tín của công ty, qua đó củng cố niềm tin từ nhà đầu tư và khách hàng, giúp nâng cao thương hiệu và tạo sự tín nhiệm trong ngành. Việc này giúp công ty tiếp cận dễ dàng hơn các nguồn vốn, phục vụ cho chiến lược tăng trưởng và mở rộng quy mô, đồng thời tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường. Bên cạnh đó, việc niêm yết cổ phiếu cũng giúp công ty nâng cao năng lực tài chính, sử dụng nguồn vốn thu được để trả nợ vay, từ đó cải thiện khả năng thanh khoản và tối ưu hóa dòng tiền, qua đó tăng cường khả năng linh hoạt trong vận hành và phân bổ vốn cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án dài hạn.

2. Phương án khả thi

Không áp dụng.

3. Thông tin về tình hình triển khai dự án

Không áp dụng.

X. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tổng số tiền Công ty dự kiến thu được từ đợt chào bán là 14.360.032.000.000 đồng (*). Tổng số tiền còn lại từ đợt chào bán sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán (phí tư vấn, phí kiểm toán sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán, phí phân phối chứng khoán …)(**) sẽ được sử dụng theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thực tế còn lại, phù hợp với tiến độ của các hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ[33] (đồng)	Tỷ lệ % tương ứng	Tiến độ giải ngân
Thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn với các tổ chức tín dụng, cụ thể:				
1	Với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 758/TBN-KDN/25NH ngày 25/08/2025	3.990.000.000.000	27,79%	Trong năm 2026
2	Với Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo	2.240.000.000.000	15,60%	Trong năm 2026

[33] Số tiền dự kiến phân bổ trước khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ[33] (đồng)	Tỷ lệ % tương ứng	Tiến độ giải ngân
	Hợp đồng tín dụng hợp vốn ngày 24/11/2024			
3	Với Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM150685 ngày 14/04/2015	2.150.000.000.000	14,97%	Trong năm 2026
4	Với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 337876.25.103.232552.TD ngày 25/09/2025	1.990.000.000.000	13,86%	Trong năm 2026
5	Với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/5067112/HĐTD ngày 21/07/2025	1.410.000.000.000	9,82%	Trong năm 2026
6	Với Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội theo Thư chào Tín Dụng ngày 02/07/2018	1.550.000.000.000	10,79%	Trong năm 2026
7	Với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HNI-25-5767-132 ngày 22/09/2025	1.030.032.000.000	7,17%	Trong năm 2026
	Tổng cộng	**14.360.032.000.000**	**100%**	

Nguồn: Nghị quyết 07/NQ/HĐQT/ĐMX-2026

(*) Giả định tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 179.500.400 cổ phiếu với giá chào bán là 80.000 đồng/cổ phiếu;

(**) Các loại chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào hợp đồng thực tế với các bên cung cấp dịch vụ thứ ba và biểu phí, lệ phí do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thực hiện chào bán.

Trong trường hợp Công ty huy động không đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch nêu trên thì số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán sẽ được phân bổ theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thu được thực tế còn lại sau khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán.

Trong năm 2025, Công ty phát sinh các khoản nợ vay ngắn hạn tại 07 ngân hàng được nêu trong

Phương án sử dụng vốn (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình; Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội; Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam); Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2; Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hà Nội) với tổng giá trị xấp xỉ 54.084,7 tỷ đồng và đã trả nợ vay trong năm với tổng giá trị xấp xỉ 50.914,2 tỷ đồng.

Các khoản nợ vay ngắn hạn phát sinh tại 07 ngân hàng trên được dùng để bổ sung vốn lưu động Công ty thông qua việc thanh toán các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ cho các nhà cung cấp. Để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh cũng như duy trì mức tăng trưởng hàng năm, Công ty phải duy trì thường xuyên, liên tục các khoản vay nợ hạn mức với các ngân hàng này.

Các khoản nợ vay ngắn hạn với mỗi ngân hàng sẽ bao gồm một hoặc nhiều khế ước nhận nợ (hoặc giấy nhận nợ hoặc đơn xin vay vốn) tương ứng với từng lần giải ngân của ngân hàng cho Công ty. Do tính chất quay vòng liên tục của việc mua - bán hàng và vốn lưu động, nên thời hạn của các khoản vay cho mỗi lần giải ngân thường dao động từ 3 (ba) tháng đến 6 (sáu) tháng. Số dư nợ vay theo các khế ước nhận nợ của mỗi hợp đồng vay sẽ thay đổi liên tục do việc thanh toán khoản nợ cũ và sau đó, giải ngân khoản nợ mới để tiếp tục cho việc mua hàng mới và tài trợ vốn lưu động của Công ty. Do đó, số dư nợ vay ngắn hạn tại 07 ngân hàng trên tùy từng thời điểm có thể cao hơn hoặc thấp hơn số tiền dự kiến phân bổ để trả nợ vay ngắn hạn cho các ngân hàng này theo Phương án sử dụng vốn của đợt chào bán. Tuy nhiên, các khoản nợ vay ngắn hạn phát sinh hàng năm lớn hơn rất nhiều so với số tiền dự kiến phân bổ để trả nợ vay ngắn hạn đó. Bên cạnh đó, theo kế hoạch kinh doanh năm 2026 đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua, doanh thu năm 2026 dự kiến tăng trưởng 11,9% so với năm 2025, theo đó nhu cầu vốn lưu động của Công ty dự kiến cũng tăng trưởng tương ứng.

Công ty cam kết sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán để trả số dư nợ vay phát sinh theo các hợp đồng cấp hạn mức tín dụng tương ứng tại 07 ngân hàng nêu trên theo đúng Phương án sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 07/NQ/HĐQT/DMX-2026.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, Hội đồng Quản trị được quyết định các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty, (ii) điều chỉnh tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn (iii) huy động từ nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, và (iv) huy động nguồn vốn từ (các) cổ đông chiến lược/đối tác khác (nếu có) để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị Định 155 và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

XI. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Mã cổ phiếu (dự kiến)

DMX

4. Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết

Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết là 1.101.283.500 (Bằng chữ: Một tỷ một trăm lẻ một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm) cổ phiếu

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký niêm yết

Theo quy định tại Điều 109, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Các cổ đông sáng lập không bị hạn chế chuyển nhượng do đã thỏa mãn điều kiện 03 năm từ khi thành lập.

Danh sách các cá nhân và tổ chức bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 109 Nghị định 155/2020/NĐ-CP chi tiết như sau:

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ đông lớn	1.089.775.600	98,955%	1.089.775.600	544.887.800
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	248.632	0,023%	248.632	124.316

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng từ ngày niêm yết	Hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo
3	Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	209.300	0,019%	209.300	104.650
4	Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên HĐQT	1.833.098	0,166%	1.833.098	916.549
5	Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	18.000	0,002%	18.000	9.000
TỔNG CỘNG			**1.091.875.330**	**99,165%**	**1.089.776.076**	**544.888.955**

Nguồn: DMX

Danh sách các cá nhân bị hạn chế chuyển nhượng theo thỏa thuận khác của Tổ chức đăng ký niêm yết:

- Ngày bắt đầu hạn chế chuyển nhượng: 16/12/2025
- Ngày kết thúc hạn chế chuyển nhượng: 15/06/2027

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết đến ngày 15/06/2027
1	Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	1.833.098	0,166%	1.833.098
2	Quách Vĩnh Nam	CBNV	467.700	0,042%	467.700
3	Đoàn Trung Hiếu	CBNV	467.700	0,042%	467.700
4	Trần Văn Hoàng	CBNV	372.200	0,034%	372.200
5	Phùng Ngọc Tuyên	CBNV	335.000	0,030%	335.000
6	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	CBNV	297.300	0,027%	297.300
7	Hoàng Hữu Hưng	CBNV	292.900	0,027%	292.900
8	Trương Hồng Hoàng	CBNV	260.500	0,024%	260.500
9	Đỗ Thị Thái Thanh	CBNV	232.400	0,021%	232.400
10	Nguyễn Văn Chung	CBNV	231.900	0,021%	231.900
11	Võ Thị Kim Phụng	CBNV	225.000	0,020%	225.000
12	Lê Tiến Định	CBNV	224.800	0,020%	224.800
13	Nguyễn Thị Yến Mi	CBNV	218.100	0,020%	218.100

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết đến ngày 15/06/2027
14	Lê Thụy Sơn Ca	CBNV	213.600	0,019%	213.600
15	Phạm Minh Thắng	CBNV	211.300	0,019%	211.300
16	Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	209.300	0,019%	209.300
17	Trần Thị Hoàng Yến	CBNV	201.800	0,018%	201.800
18	Trần Thị Kim Oanh	CBNV	188.800	0,017%	188.800
19	Nguyễn Hữu Quốc Cường	CBNV	184.400	0,017%	184.400
20	Lê Văn Nhật	CBNV	179.700	0,016%	179.700
21	Lê Hoang Hiếu	CBNV	179.200	0,016%	179.200
22	Nguyễn Đức Minh	CBNV	178.800	0,016%	178.800
23	Trần Đức Tín	CBNV	172.000	0,016%	172.000
24	Nguyễn Thị Lý	CBNV	169.500	0,015%	169.500
25	Hà Bửu Tân	CBNV	168.000	0,015%	168.000
26	Nguyễn Minh Tâm	CBNV	166.000	0,015%	166.000
27	Trần Nguyên Trực	CBNV	164.000	0,015%	164.000
28	Võ Lê Giang	CBNV	157.600	0,014%	157.600
29	Hoàng Khánh Chi	Giám đốc chăm sóc khách hàng	146.100	0,013%	146.100
30	Lý Trần Kim Ngân	CBNV	145.100	0,013%	145.100
31	Huỳnh Văn Tốt	CBNV	135.700	0,012%	135.700
32	Lê Thảo Trang	CBNV	112.200	0,010%	112.200
33	Ngô Tố Mỳ	CBNV	108.400	0,010%	108.400
34	Lương Đình Quí	CBNV	107.000	0,010%	107.000
35	Lê Hoài Sang	CBNV	103.600	0,009%	103.600
36	Nguyễn Thị Mộng Vân	CBNV	100.000	0,009%	100.000
37	Nguyễn Bá Tín	CBNV	100.000	0,009%	100.000
38	Lê Thị Thu Trang	CBNV	96.600	0,009%	96.600
39	Nguyễn Ngọc Huy	CBNV	90.000	0,008%	90.000
40	Lê Minh Tú	CBNV	80.000	0,007%	80.000
41	Trịnh Quang Khải	CBNV	68.500	0,006%	68.500
42	La Ngọc Bảo Trân	CBNV	65.000	0,006%	65.000

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết đến ngày 15/06/2027
43	Nguyễn Đình Quỳnh	CBNV	65.000	0,006%	65.000
44	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng	CBNV	65.000	0,006%	65.000
45	Nguyễn Phát Đạt	CBNV	65.000	0,006%	65.000
46	Đỗ Thanh Tuấn	CBNV	65.000	0,006%	65.000
47	Mai Xuân Đức	CBNV	55.000	0,005%	55.000
48	Phạm Hoàng Nhân	CBNV	55.000	0,005%	55.000
49	Huỳnh Tấn Phong	CBNV	50.000	0,005%	50.000
50	Nguyễn Tấn Lực	CBNV	40.000	0,004%	40.000
51	Phạm Thành Công	CBNV	40.000	0,004%	40.000
52	Nguyễn Trần Thanh Trúc	CBNV	40.000	0,004%	40.000
53	Nguyễn Vũ Trường	CBNV	30.000	0,003%	30.000
54	Đào Ngọc Duy Vương	CBNV	30.000	0,003%	30.000
55	Lê Anh Tú	CBNV	25.300	0,002%	25.300
56	Phan Văn Khánh	CBNV	25.300	0,002%	25.300
57	Phạm Đức Hoàng	CBNV	25.300	0,002%	25.300
58	Nguyễn Thị Hoa	CBNV	25.000	0,002%	25.000
59	Hồng Thị Bạch Yến	CBNV	23.900	0,002%	23.900
60	Tống Văn Dũng	CBNV	23.000	0,002%	23.000
61	Trần Thị Mỹ Linh	CBNV	23.000	0,002%	23.000
62	Phạm Nguyên Vũ	CBNV	22.900	0,002%	22.900
63	Võ Hoàng Tuấn	CBNV	22.900	0,002%	22.900
64	Võ Phước Song	CBNV	22.900	0,002%	22.900
65	Võ Kỳ Nguyên	CBNV	22.900	0,002%	22.900
66	Phan Hữu Tiến	CBNV	22.000	0,002%	22.000
67	Võ Hoàng Oanh	CBNV	20.000	0,002%	20.000
68	Tạ Hữu Phước	CBNV	20.000	0,002%	20.000
69	Phạm Minh Trung	CBNV	19.000	0,002%	19.000
70	Hoàng Nữ Trà My	CBNV	18.000	0,002%	18.000
71	Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	18.000	0,002%	18.000
72	Trần Minh Thuận	CBNV	15.200	0,001%	15.200

STT	Tên	Chức vụ/ Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phiếu cam kết đến ngày 15/06/2027
73	Lê Tiến Thành	CBNV	15.200	0,001%	15.200
74	Nguyễn Hùng	CBNV	15.200	0,001%	15.200
75	Nguyễn Hữu Phúc	CBNV	15.000	0,001%	15.000
76	Huỳnh Thị Bích Nga	CBNV	15.000	0,001%	15.000
77	Trần Minh Hưng	CBNV	15.000	0,001%	15.000
78	Nguyễn Thành Bảo Lộc	CBNV	14.000	0,001%	14.000
79	Vũ Nguyễn Thùy Linh	CBNV	14.000	0,001%	14.000
80	Võ Thụy Sơn Thảo	CBNV	14.000	0,001%	14.000
81	Huỳnh Lê Phúc Thịnh	CBNV	13.000	0,001%	13.000
82	Đỗ Hoàng Tùng	CBNV	12.000	0,001%	12.000
83	Lâm Mạnh Quân	CBNV	12.000	0,001%	12.000
84	Lê Minh Châu	CBNV	12.000	0,001%	12.000
85	Đặng Thanh Phong	CBNV	12.000	0,001%	12.000
86	Nguyễn Phi	CBNV	12.000	0,001%	12.000
87	Nguyễn Thu Hà	CBNV	12.000	0,001%	12.000
88	Tạ Thị Bích Hậu	CBNV	12.000	0,001%	12.000
89	Mai Vi Anh	CBNV	12.000	0,001%	12.000
90	Đặng Hoàng Tuyển	CBNV	12.000	0,001%	12.000
91	Đoàn Phan Trung Kiên	CBNV	10.000	0,001%	10.000
Tổng cộng			**10.903.798**	**1,0%**	**10.903.798**

5. Phương pháp tính giá

Tại Báo cáo thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Chất lượng Việt Nam ("VIVC"), VIVC dựa trên số liệu thu thập từ thị trường để xác định các tỷ số thị trường (P/S, EV/S, EV/EBITDA, P/E, P/B) của các doanh nghiệp so sánh như sau:

Mô tả các doanh nghiệp cùng ngành

Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Quốc gia	Hoạt động chính
CTCP Đầu tư Thế giới Di	MWG	HOSE	Việt Nam	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động là một trong những nhà bán lẻ lớn nhất Việt Nam

Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	Sàn giao dịch	Quốc gia	Hoạt động chính
động (Chỉ tham khảo)				với các chuỗi Thế Giới Di Động, Điện Máy Xanh và Bách Hóa Xanh. Công ty hoạt động đa ngành trong lĩnh vực bán lẻ hàng tiêu dùng và điện tử.
CTCP Thế Giới Số	DGW	HOSE	Việt Nam	CTCP Thế Giới Số là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối sản phẩm công nghệ và hàng tiêu dùng tại Việt Nam. Công ty cung cấp dịch vụ phát triển thị trường cho các thương hiệu quốc tế và không trực tiếp bán lẻ đến người tiêu dùng cuối cùng.
CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	HOSE	Việt Nam	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ với hai chuỗi chính là FPT Shop (sản phẩm công nghệ) và Nhà thuốc Long Châu (dược phẩm). Mảng dược phẩm hiện đóng vai trò động lực tăng trưởng chủ đạo.
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HTL	HOSE	Việt Nam	CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long là đại lý phân phối xe tải và xe thương mại, đặc biệt là thương hiệu Hino. Công ty đồng thời cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và kinh doanh phụ tùng.
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	HOSE	Việt Nam	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận là doanh nghiệp sản xuất và bán lẻ trang sức hàng đầu Việt Nam. Công ty sở hữu chuỗi cửa hàng rộng khắp và mô hình tích hợp từ sản xuất đến phân phối.

Nguồn: VIVC

Tỷ số thị trường doanh nghiệp cùng ngành

Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	EV/S	EV/EBIT	EV/EBITDA	P/E	P/S	P/B
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (Chỉ tham khảo)	MWG	1,0	22,2	17,5	28,8	0,8	3,9
CTCP Thế Giới Số	DGW	0,4	18,1	16,5	26,7	0,3	2,5
CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	0,6	24,8	19,0	34,1	0,5	5,3

Tên doanh nghiệp	Mã chứng khoán	EV/S	EV/EBIT	EV/EBITDA	P/E	P/S	P/B
CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	HTL	0,5	16,7	14,7	20,8	0,4	1,7
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	1,1	10,5	10,3	12,3	0,9	2,6
Trung bình		**0,6**	**17,6**	**15,1**	**23,5**	**0,5**	**3**
Trung vị		**0,6**	**17,4**	**15,6**	**23,8**	**0,5**	**2,6**

Nguồn: VIVC

Theo đó, giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh theo phương pháp tỷ số bình quân là 97.868.169.299.841 đồng (tương đương 88.867 đồng/cổ phiếu).

Tỷ số P/E	
P/E	23.5x
Lợi nhuận sau thuế (điều chỉnh) 12 tháng gần nhất	4.324.969.428.449
Giá trị vốn chủ sở hữu theo tỷ số P/E	**101.544.153.869.481**
Tỷ số EV/S	
EV/S	0.6x
Doanh thu thuần 12 tháng gần nhất	109.479.188.452.846
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.578.154.917.657
Giá trị tài sản phi hoạt động khác	27.091.950.404.037
Nợ có chi phí sử dụng vốn	23.429.114.317.650
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-
Giá trị cổ phần ưu đãi	-
Giá trị vốn chủ sở hữu theo tỷ số EV/S	76.433.597.536.074
Tỷ số EV/EBITDA	
EV/EBITDA	15.1x
EBITDA (điều chỉnh) của doanh nghiệp 12 tháng gần nhất	7.163.736.384.462
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.578.154.917.657
Giá trị tài sản phi hoạt động khác	27.091.950.404.037
Nợ có chi phí sử dụng vốn	23.429.114.317.650
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-

Giá trị cổ phần ưu đãi	-
Giá trị vốn chủ sở hữu theo tỷ số EV/EBITDA	115.626.756.493.966
Phương pháp tỷ số bình quân	97.868.169.299.841
Số lượng cổ phần đang lưu hành	1.101.283.500
Giá trị bình quân mỗi cổ phiếu	88.867

Nguồn: VIVC

Theo kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Chất lượng Việt Nam theo Chứng thư thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026. Theo đó, dựa trên cơ sở thông tin thị trường, hồ sơ tài liệu do Công ty cung cấp và các bên liên quan cung cấp, độ tin cậy cũng như mức độ sẵn có của các dữ liệu các thông tin thu thập được kết hợp với phương pháp thẩm định giá được áp dụng, Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định Chất lượng Việt Nam đã trình bày kết quả như sau:

Tài sản thẩm định giá	Giá trị vốn chủ sở hữu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
Phương pháp thẩm định giá	Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do doanh nghiệp (FCFF)
Thời điểm thẩm định giá	31/12/2025
Giá trị thẩm định giá	91.407.027.372.617 đồng (tương đương 83.000 đồng/cổ phiếu)
Làm tròn **(bằng chữ)**	91.407.027.000.000 đồng *(Chín mươi mốt nghìn, bốn trăm lẻ bảy tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu đồng)*

Căn cứ theo nguyên tắc tính giá tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 như sau:

- Không thấp hơn Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, được xác định là 16.163 đồng; và
- Nằm trong khoảng giá từ 90% đến 110% Giá trị định giá của cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam phát hành.

Giá chào bán lần đầu ra công chúng thông qua tại Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 là 80.000 đồng/ cổ phiếu.

Công ty xác định giá niêm yết ngày giao dịch đầu tiên bằng với giá chào bán lần đầu ra công chúng để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì DMX đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công Ty thực hiện theo quy định của Luật số 48/2024/QH15 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Công ty thường xuyên cập nhật khuôn khổ pháp lý và chính sách thuế liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành. Đối với hoạt động đầu tư tài chính, Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan về ghi nhận, kê khai và xuất hóa đơn. Cụ thể, đối với khoản thu nhập từ lãi cho vay, Công ty đều thực hiện xuất hóa đơn theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 4, Nghị định 181/2025/NĐ-CP đối với hoạt động cho vay của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng. Trên cơ sở này, Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về thuế và kiểm soát phù hợp nhằm hạn chế rủi ro phát sinh đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, cũng như các hoạt động đầu tư tài chính. Đợt thanh tra thuế gần nhất của công ty được thực hiện cho năm tài chính 2023 và 2024.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác như: Thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, v.v. Công Ty đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành tại Việt Nam. Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7.2. Đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Điều 16, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hướng dẫn thực hiện thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) quy định:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần x Thuế suất 0,1%

Thu nhập từ cổ tức:

Theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm), thu nhập của cá nhân từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

- Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiền hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

- Cá nhân là cán bộ nhân viên được thưởng bằng cổ phiếu theo kế hoạch phát hành cổ phần thưởng cho người lao động (ESOP) chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công.

7.3. Đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008, Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12, Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 (sau đây gọi chung là "Luật Thuế TNDN 2008") thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

- Tổ chức nước ngoài: Theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức:

Được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

Trụ sở chính:

Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex – Tài Nguyên, số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-28) 3914 3209

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tầng 16, Tòa nhà Doji, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-28) 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội:

Tầng 6, Tòa nhà số 109 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP, A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One), Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)

Điện thoại : (84-28) 8882 6868 Fax : (84-24) 6278 2688

Ý kiến của Tổ chức tư vấn về việc đăng ký niêm yết

Trên cơ sở các thông tin mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap đã thu thập được về Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap có một số nhận định như sau: Công ty có những thế mạnh nhất định như hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành, đội ngũ Ban quản trị, cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm, có chuyên môn cao. Bên cạnh đó, định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển của ngành.

Khối lượng chào bán đợt này là 179.500.400 cổ phiếu, là đợt chào bán có quy mô tương tự so với quy mô của các đợt chào bán của các doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán Việt Nam gần đây. Với vị thế hiện tại của Công ty, Tổ chức tư vấn đánh giá việc hoàn thành đợt chào bán này là khả thi.

2. Đại lý phân phối

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

Trụ sở chính:

Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP.HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Website: www.vietcap.com.vn

3. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Ernst & Young Vietnam

Tầng 20, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3824 5252 Fax: (84-28) 3824 5250

Website: www.ey.com

4. Tổ chức kiểm toán báo cáo về vốn điều lệ đã góp

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 24 5678 3999

Website: https://uhy.vn/

XIII. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

XIV. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 05 năm 2026

Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỨC TÀI	ĐOÀN VĂN HIẾU EM

KẾ TOÁN TRƯỞNG	CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN
VÕ THỊ PHƯƠNG THẢO	ĐỖ TUẤN ANH

Đại diện tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

TỔNG GIÁM ĐỐC

TÔN MINH PHƯƠNG

XV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất

2. Phụ lục II : - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27/02/2026 phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán;

- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 sửa đổi bổ sung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27/02/2026;
- Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 02/3/2026 về việc triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán và việc niêm yết chứng khoán;
- Nghị quyết HĐQT số 07/NQ/HDQT/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026 sửa đổi bổ sung Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 02/3/2026;

3. Phụ lục III : - Điều lệ của Tổ chức đăng ký niêm yết;

4. Phụ lục IV : - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;

- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025;
- Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026;
- Báo cáo kiểm toán vốn điều lệ đã góp của Tổ chức đăng ký niêm yết cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 tới ngày 31/01/2026.

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 22 Tháng 12 Năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0303217354

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 33, ngày 19 tháng 12 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DIEN MAY XANH INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DMX JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *028-38125960* Số Fax:

Thư điện tử: Website: *www.thegioididong.com/www.dienmayxanh.com*

3. Vốn điều lệ: 11.012.835.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười một nghìn không trăm mười hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.101.283.500

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

M.S.D.N:0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

* Họ, chữ đệm và tên: ĐOÀN VĂN HIẾU EM Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *15/12/1984* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *082084026905*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *L6-25.02, Số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

KT TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Lê Thị Hồng Nga

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 27 tháng 02 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*
- *Điều Lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty") như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm; và*
- *Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 27/02/2026 số 02/BBH/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2025 đã được nêu tại Tờ trình.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2024 và 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

Điều 3. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Phương Án Chào Bán"), chi tiết như sau:

I. Phương án chào bán

Stt	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
2	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
3	Loại cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu
5	Vốn điều lệ hiện tại	11.012.835.000.000 đồng

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

Stt	Phương án	Nội dung
6	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.101.283.500 cổ phiếu
7	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
8	Tỷ lệ chào bán dự kiến	Tối đa 16,2992% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành
9	Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến	Tối đa 179.500.400 cổ phiếu
10	Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá	Tối đa 1.795.004.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm chín mươi lăm tỷ, không trăm linh bốn triệu đồng)*
11	Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	Tối đa 12.807.839.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai nghìn tám trăm linh bảy tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu đồng)*
12	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	Tối đa 1.280.783.900 cổ phiếu
13	Hình thức chào bán	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
14	Đối tượng chào bán	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh và không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền mua theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty
15	Giá chào bán	Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") quyết định giá chào bán mỗi cổ phiếu và đảm bảo nguyên tắc xác định giá chào bán mỗi cổ phiếu không thấp hơn: - Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, được xác định là 16.163 đồng; và

Stt	Phương án	Nội dung
		- Giá trị định giá cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam phát hành.
16	Phương thức phân phối	Thực hiện phân phối thông qua đại lý phân phối. Ủy quyền cho HĐQT toàn quyền lựa chọn phương thức phân phối phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu của Công ty tại thời điểm chào bán
17	Thời gian chào bán dự kiến	Dự kiến trong năm 2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. Thời điểm chào bán cụ thể do HĐQT quyết định phù hợp với Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan
18	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thông qua Phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty
19	Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết	Đối với toàn bộ cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán (bao gồm số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, số cổ phiếu nhà đầu tư đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ), ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật. Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp cổ phiếu chưa phân phối hết, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT (i) xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết và (ii) quyết định giá chào bán cho các nhà đầu tư này với điều kiện giá chào bán không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu. Số cổ phiếu chưa phân phối hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư), và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 và điều kiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh Nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu

Stt	Phương án	Nội dung
		có), nếu số lượng cổ phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng cổ phiếu không phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.
20	Hạn chế chuyển nhượng	Toàn bộ cổ phiếu chào bán (không bao gồm số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán ban đầu được HĐQT phân phối tiếp theo Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết nói trên) sẽ được tự do chuyển nhượng; và Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán ban đầu được HĐQT phân phối tiếp theo Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết nêu tại Mục 19 ở trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư)
21	Hủy bỏ đợt chào bán	Đợt chào bán sẽ bị hủy bỏ trong các trường hợp được quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán 2019
22	Phương án hoàn trả tiền cho nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu trong trường hợp đợt chào bán bị hủy bỏ	Trong trường hợp UBCKNN quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng Khoán, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN có quyết định hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán Cổ Phiếu trên 01 (một) tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 (ba) số liên tiếp và thu hồi số Cổ Phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ

II. Mục đích chào bán

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán với các mục đích sau:

- tăng tính minh bạch, uy tín và thương hiệu của Công ty;
- tăng khả năng tiếp cận đa dạng các nguồn vốn, phục vụ chiến lược tăng trưởng của Công ty;
- nâng cao năng lực tài chính của Công ty, trả nợ vay, bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền Tổ chức phát hành dự kiến thu được từ đợt chào bán sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán (phí tư vấn, phí kiểm toán sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán, phí phân phối chứng khoán …) sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn với các tổ chức tín dụng. Thời gian giải ngân dự kiến trong năm 2026.

Phụ thuộc vào số tiền thực tế Tổ chức phát hành thu được từ đợt chào bán sau khi trừ đi các khoản chi phí và lệ phí liên quan, ĐHĐCĐ ủy quyền và giao cho HĐQT căn cứ vào tình hình cụ thể của Công ty để xây dựng Phương án sử dụng vốn chi tiết, quyết định việc phân bổ số tiền thu được đợt chào bán, thứ tự ưu tiên sử dụng vốn và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm cả việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tạm thời nhàn rỗi do chưa đến thời hạn giải ngân theo kế hoạch sử dụng vốn để gửi tiết kiệm ngân hàng, đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông và tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị Định 155 và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho mục đích sử dụng nêu trên, Hội đồng quản trị được quyết định các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty và/hoặc (ii) điều chỉnh tiến độ triển khai phương án sử dụng vốn để đảm bảo cho mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

IV. Thông qua việc đăng ký chứng khoán tập trung, đăng ký niêm yết cổ phiếu

Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua việc toàn bộ cổ phiếu của Công ty sẽ được đăng ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HOSE") sau khi kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Phương Án Chào Bán và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có hiệu lực tại từng thời điểm. Trong trường hợp sau khi kết thúc Đợt Chào Bán mà Công ty đáp ứng các điều kiện trở thành Công ty đại chúng nhưng không đáp ứng điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty cam kết sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành theo quy định pháp luật.

V. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định, tổ chức và triển khai thực hiện các công việc sau, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Bổ sung và/hoặc điều chỉnh phương án chào bán tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm chào bán hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để thực hiện

thành công việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng;

- Phê duyệt phương án chào bán chi tiết và lựa chọn thời điểm cụ thể để thực hiện phương án chào bán này nhằm xin chấp thuận/ đăng ký với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và triển khai việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng trên thực tế;
- Quyết định số lượng cổ phiếu mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu, tối đa của đợt chào bán, đảm bảo phù hợp theo các quy định pháp luật hiện hành;
- Quyết định nội dung cụ thể, việc đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phù hợp với phương án chào bán và quy định pháp luật chứng khoán;
- Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, giải trình chi tiết hồ sơ chào bán phù hợp với tình hình thực tế hoặc theo đề nghị của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm triển khai phương án chào bán đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
- Xây dựng và quyết định phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận của UBCKNN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật;
- Lập và quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết cho số tiền thu được từ đợt chào bán; thay đổi phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tùy theo tình hình hoạt động thực tiễn của Công ty tại thời điểm chào bán, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật. Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán, HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
- Quyết định chi tiết Phương án xử lý đối với số cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) theo quy định pháp luật;
- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN;
- Triển khai phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo lên ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán); sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký tập trung cổ phiếu của Công ty tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch

Upcom ("Đăng Ký và Niêm Yết") trong thời gian quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (i) Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) Làm việc và giải trình với các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền về hồ sơ Đăng Ký và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết; và (iii) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà HĐQT thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công thủ tục Đăng Ký và Niêm Yết;

- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, HĐQT được toàn quyền quyết định và tổ chức triển khai thực hiện (i) các công việc và thủ tục cần thiết khác nhằm đảm bảo đợt chào bán được thực hiện thành công; (ii) các công việc, thủ tục, thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật; (iii) công việc, thủ tục Đăng Ký và Niêm Yết; và (iv) các công việc, thủ tục khác phát sinh từ và/hoặc liên quan đến đợt chào bán, Đăng Ký Và Niêm Yết cổ phiếu Công ty.
- Hội đồng quản trị được giao, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc Công ty chủ động quyết định, ban hành các hồ sơ, tài liệu và tổ chức triển khai thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu trên

Điều 4. Thông qua phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2025, cụ thể:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng mức cổ tức: Tối đa 3.200 tỷ đồng
- Phương thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt
- Thời gian chi trả: Thực hiện sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết này
- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị: Quyết định mức chi trả (tổng mức cổ tức không quá 3.200 tỷ đồng) và tỷ lệ chi trả cụ thể, lựa chọn thời điểm chốt danh sách và thực hiện mọi thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất việc chi trả.

Điều 5. Thông qua kế hoạch và định hướng kinh doanh năm tài chính 2026 và 2027:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026		Năm 2027	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/ giảm so với năm trước	Kế hoạch	% tăng/ giảm so với năm trước

Doanh thu thuần	109.479	122.500	11,9%	135.000	10,2%
Lợi nhuận sau thuế	5.802	7.350	26,7%	8.472	15,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,3%	6,0%	13,2%	6,3%	4,6%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31,1%	37,0%	18,9%	34,8%	-5,9%
Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	349,5%	25,0% (*)	-92,9%	28,7% (**)	14,8%

(*) Tỷ lệ cổ tức năm 2026 được tính trên kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt (tổng mức cổ tức tối đa 3.200 tỷ đồng) từ nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và dựa trên giả định Công ty chào bán thành công 179.500.400 cổ phiếu theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết này.

(**) Tỷ lệ cổ tức năm 2027 được ước tính dựa trên kế hoạch chi trả 50% lợi nhuận sau thuế của năm 2026 và dựa trên giả định Công ty chào bán thành công 179.500.400 cổ phiếu theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết này.

Điều 6. Thông qua định hướng nghiên cứu các công cụ khuyến khích dài hạn cho nhân sự chủ chốt nhằm đồng bộ lợi ích của đội ngũ chủ chốt với chiến lược tăng trưởng và giá trị dài hạn của Công ty, ví dụ như công cụ quyền chọn mua cổ phiếu (stock options) hoặc các hình thức tương đương phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Thông qua thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán năm 2026.

ĐHĐCĐ thông qua thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban kiểm toán năm 2026 như sau:

7.1 Tổng thù lao cho các thành viên HĐQT không tham gia điều hành năm 2026 là 0 đồng.

7.2 Thù lao cho các thành viên trong Ủy ban Kiểm toán cho năm 2026 là 0 đồng.

Điều 8. Thông qua lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm 2026.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2026 là một trong 4 công ty kiểm toán sau:

- Công ty TNHH KPMG (KPMG).
- Công ty TNHH PwC (Việt Nam) (PwC).
- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y).
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Điều 9. Thông qua việc ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định thực hiện các công việc đã nêu ở trên; và ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc Công ty chủ động quyết định, ban hành các hồ sơ, tài liệu và tổ chức triển khai thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu trên.

Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*
- *Điều Lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty") như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;*
- *Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên ngày 27/02/2026 số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ("Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026");*
- *Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường ngày 17/03/2026 số 03/BBH/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Khoản 15 Mục I "Phương án chào bán" của Điều 3 Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 với nội dung như sau:

Giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("HĐQT") quyết định giá chào bán mỗi cổ phiếu và đảm bảo nguyên tắc xác định giá chào bán mỗi cổ phiếu như sau:

- Không thấp hơn Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, được xác định là 16.163 đồng; và
- Nằm trong khoảng giá từ 90% đến 110% Giá trị định giá cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 223/2026/65 ngày 27/02/2026 do Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Giám định chất lượng Việt Nam phát hành.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Điều 4 của Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 với nội dung như sau:

Thông qua phương án chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2025, cụ thể:

M.S.D.N: 0303217354 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH - P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng mức cổ tức: Tối đa 4.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt
- Thời gian chi trả: Thực hiện sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 và trước ngày 31/12/2026.

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị: Quyết định mức chi trả (tổng mức cổ tức tối đa 4.000 đồng/cổ phiếu), tỷ lệ chi trả cụ thể, số lần chi trả, thời điểm chốt danh sách cho từng lần chi trả và thực hiện mọi thủ tục pháp lý liên quan để hoàn tất việc chi trả.

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi Điều 5 của Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 với nội dung như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026		Năm 2027	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/ giảm so với năm trước	Kế hoạch	% tăng/ giảm so với năm trước
Doanh thu thuần	109.479	122.500	11,9%	135.000	10,2%
Lợi nhuận sau thuế	5.802	7.350	26,7%	8.472	15,3%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,3%	6,0%	13,2%	6,3%	4,6%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	31,1%	38,9%	25%	37,9%	-2,4%
Tỷ lệ cổ tức (% trên mệnh giá cổ phiếu)	349,5%	40,0%(*)	-88,6%	30,0%(**)	-25,0%

(*) Tỷ lệ cổ tức năm 2026 được tính trên kế hoạch chi trả cổ tức tiền mặt (tổng mức cổ tức tối đa 5.123.135.600.000 đồng) từ nguồn lợi nhuận giữ lại chưa phân phối tại ngày 31/12/2025 căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán và dựa trên giả định Công ty chào bán thành công 179.500.400 cổ phiếu theo Phương án chào bán đã được

thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026.

(**) Tỷ lệ cổ tức năm 2027 được ước tính dựa trên kế hoạch chi trả 52,3% lợi nhuận sau thuế kế hoạch của năm 2026 và dựa trên giả định Công ty chào bán thành công 179.500.400 cổ phiếu theo Phương án chào bán đã được thông qua tại Điều 3 của Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026.

Điều 4. Ngoài các nội dung đã sửa đổi, bổ sung nêu trên, các nội dung khác tại Nghị quyết số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 giữ nguyên và không thay đổi.

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều Lệ của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh ("Công ty") như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;*
- *Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27/02/2026;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị ngày 02/3/2026 số 04/BBH/HĐQT/ĐMX-2026.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc triển khai chi tiết Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Phương Án Chào Bán"), chi tiết như sau:

I. Phương án chào bán

Stt	Phương án	Nội dung
1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
2	Tên cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
3	Loại cổ phiếu chào bán	Cổ phiếu phổ thông
4	Mệnh giá	10.000 đồng/ cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

Stt	Phương án	Nội dung
5	Vốn điều lệ hiện tại	11.012.835.000.000 đồng
6	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.101.283.500 cổ phiếu
7	Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
8	Tỷ lệ chào bán	16,2992% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành
9	Số lượng cổ phiếu chào bán	179.500.400 cổ phiếu
10	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	1.795.004.000.000 đồng *(Bằng chữ: Một nghìn bảy trăm chín mươi lăm tỷ, không trăm linh bốn triệu đồng)*
11	Vốn điều lệ dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	12.807.839.000.000 đồng *(Bằng chữ: Mười hai nghìn tám trăm linh bảy tỷ, tám trăm ba mươi chín triệu đồng)*
12	Số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến sau khi kết thúc đợt chào bán	1.280.783.900 cổ phiếu
13	Hình thức chào bán	Chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
14	Đối tượng chào bán	Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh và không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền mua theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
15	Giá chào bán	83.000 đồng/cổ phiếu
16	Phương thức phân phối	Thực hiện phân phối thông qua đại lý phân phối được chỉ định là: **Công ty Cổ phần chứng khoán Vietcap** - Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/11/2007 - Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
17	Số lượng cổ phiếu mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua	Tối thiểu 100 cổ phiếu, tối đa không quá 64.039.195 cổ phiếu (tương đương 5% vốn điều lệ dự kiến của Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán) và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phiếu. Trong trường hợp tổng khối lượng đặt mua vượt quá

Stt	Phương án	Nội dung
		tổng số lượng cổ phiếu chào bán, Công ty sẽ phân phối hết số cổ phiếu được phép chào bán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Số cổ phiếu nhà đầu tư được phân phối sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống.
18	Thời gian chào bán dự kiến	Trong năm 2026, sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.
19	Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết	Đối với toàn bộ cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán (bao gồm số cổ phiếu nhà đầu tư không đăng ký mua, số cổ phiếu nhà đầu tư đã đăng ký mua nhưng không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ), HĐQT tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư khác theo quy định pháp luật, tuân thủ Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp cổ phiếu chưa phân phối hết, HĐQT quyết định: (i) Tiêu chí nhà đầu tư được mua cổ phiếu chưa phân phối hết như sau: - Các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước mong muốn và có năng lực tài chính để sở hữu cổ phiếu Công ty; và/hoặc - Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công ty (ii) giá chào bán không thấp hơn giá đã chào bán cho các nhà đầu tư đã đăng ký tham gia đợt chào bán ban đầu. Số cổ phiếu chưa phân phối hết khi chào bán tiếp sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư), và đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều 42 Nghị Định 155 và điều kiện theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh Nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp hết thời gian phân phối cổ phiếu theo quy định pháp luật, bao gồm cả thời gian gia hạn (nếu có), nếu số lượng cổ phiếu vẫn không được phân phối hết cho các nhà đầu tư khác, HĐQT sẽ hủy số lượng cổ phiếu không phân phối hết này và điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt chào bán.
20	Hạn chế chuyển nhượng	Toàn bộ cổ phiếu chào bán (không bao gồm số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán ban đầu được HĐQT phân phối tiếp theo Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết nói trên) sẽ

Stt	Phương án	Nội dung
		được tự do chuyển nhượng; và Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán ban đầu được HĐQT phân phối tiếp theo Phương án xử lý trong trường hợp cổ phiếu chưa phân phối hết nêu tại Mục 19 ở trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày kết thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư)
21	Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định của pháp luật là 49%. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty (Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 27/02/2026) là 0%. HĐQT cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo đợt chào bán đáp ứng tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật, cụ thể như sau: - HĐQT sẽ phối hợp với các cổ đông hiện hữu (trong trường hợp cổ đông thực hiện chuyển nhượng cổ phần Công ty cho các nhà đầu tư nước ngoài) và đại lý phân phối (trong quá trình thực hiện phân phối cổ phiếu của đợt chào bán) để đảm bảo các giao dịch chuyển nhượng của cổ đông và/hoặc quá trình phân phối cổ phiếu của đợt chào bán không làm vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định; - Đối với toàn bộ cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán, HĐQT sẽ quyết định phân phối tiếp cho các nhà đầu tư trong nước và/hoặc nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài sau khi thực hiện phân phối tiếp không làm vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định
22	Tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán	Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap

II. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Tổng số tiền Tổ chức phát hành dự kiến thu được từ đợt chào bán là 14.898.533.200.000 đồng(*). Tổng số tiền còn lại từ đợt chào bán sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán (phí tư vấn, phí kiểm toán sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán, phí phân phối chứng khoán …)(**) sẽ được sử dụng theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thực tế còn lại, phù hợp với tiến độ của các hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ[1] (đồng)	Tỷ lệ % tương ứng	Tiến độ giải ngân
Thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn với các tổ chức tín dụng, cụ thể:				
1	Với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 758/TBN-KDN/25NH ngày 25/08/2025	3.990.000.000.000	26,78%	Trong năm 2026
2	Với Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn ngày 24/11/2024	2.240.000.000.000	15,04%	Trong năm 2026
3	Với Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM150685 ngày 14/04/2015	2.150.000.000.000	14,43%	Trong năm 2026
4	Với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 337876.25.103.232552.TD ngày 25/09/2025	1.990.000.000.000	13,36%	Trong năm 2026
5	Với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành	1.410.000.000.000	9,46%	Trong năm 2026

[1] Số tiền dự kiến phân bổ trước khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán

	phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/5067112/HĐTD ngày 21/07/2025			
6	Với Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội theo Thư chào Tín Dụng ngày 02/07/2018	1.550.000.000.000	10,40%	Trong năm 2026
7	Với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HNI-25-5767-132 ngày 22/09/2025	1.568.533.200.000	10,53%	Trong năm 2026
	Tổng cộng	**14.898.533.200.000**	**100%**	

(*) Giả định tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 179.500.400 cổ phiếu với giá chào bán là 83.000 đồng/cổ phiếu;

(**) Các loại chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào hợp đồng thực tế với các bên cung cấp dịch vụ thứ ba và biểu phí, lệ phí do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thực hiện chào bán.

Trong trường hợp Công ty huy động không đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch nêu trên thì số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán sẽ được phân bổ theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thu được thực tế còn lại sau khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, Hội đồng quản trị được quyết định các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty và/hoặc (ii) điều chỉnh tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị Định 155 và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

III. Thông qua việc đăng ký chứng khoán tập trung, đăng ký niêm yết cổ phiếu

HĐQT thông qua việc triển khai nộp hồ sơ đăng ký niêm yết đến Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh ("HOSE") đồng thời với việc với chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định của Điều 111a Nghị định số 155 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 38 Điều 1 Nghị định số 245 ("Điều 111a"). Trong trường hợp Công ty không đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 111a hoặc sau khi kết thúc đợt chào bán mà Công ty đáp ứng các điều kiện trở thành Công ty đại chúng mà không đáp ứng điều kiện về việc niêm yết cổ phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty sẽ triển khai thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tổ chức, vận hành theo quy định pháp luật. HĐQT thông qua đăng ký, lưu ký cổ phiếu tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") sau khi kết thúc đợt chào bán.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết sẽ thực hiện các thủ tục nêu trên trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán.

IV. Ủy quyền

HĐQT giao/ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng Giám đốc:

- Quyết định thời điểm chào bán cụ thể;
- Quyết định nội dung cụ thể, việc đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận, văn bản cam kết và tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu trong danh mục hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng phù hợp với phương án chào bán và quy định pháp luật chứng khoán;
- Đề xuất phương án xử lý số cổ phần không phân phối hết để HĐQT quyết định;
- Quyết định nội dung và thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo kết quả đợt chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Quyết định, thực hiện các thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty (bao gồm cả thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ sau khi kết thúc đợt chào bán); sửa đổi/bổ sung điều khoản quy định về mức vốn điều lệ, số cổ phiếu lưu hành trong Điều lệ của Công ty và các thủ tục/công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên với các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đơn vị liên quan;
- Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến việc đăng ký tập trung cổ phiếu của Công ty tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết hoặc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán ("Đăng Ký và Niêm Yết") trong thời gian quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau: (i) Quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu nộp cho các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) Làm việc và giải trình với các cơ quan/tổ chức có thẩm quyền về hồ sơ Đăng Ký và Niêm Yết và các vấn đề khác liên quan đến việc Đăng Ký và Niêm Yết; và (iii) Quyết định và thực hiện các công việc khác mà Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc thấy cần thiết nhằm thực hiện thành công thủ tục Đăng Ký và Niêm Yết;

- Quyết định những vấn đề khác và thực hiện những công việc khác mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng Giám đốc thấy là cần thiết để triển khai thực hiện (i) các công việc và thủ tục cần thiết khác nhằm đảm bảo đợt chào bán được thực hiện thành công; (ii) các công việc, thủ tục, thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật; (iii) công việc, thủ tục Đăng Ký và Niêm Yết; và (iv) các công việc, thủ tục khác phát sinh từ và/hoặc liên quan đến đợt chào bán, Đăng Ký Và Niêm Yết cổ phiếu Công ty; và
- Ký kết các hồ sơ, tài liệu và chứng từ cần thiết để thực hiện các nội dung công việc nêu trên.

Điều 2. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2026 là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y).

Điều 3. Thông qua giao dịch và hợp đồng tư vấn với người nội bộ Ông Robert Alan Willett (thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty) với các nội dung chủ yếu như sau:

- Mức phí dịch vụ tư vấn là 1.250.000.000 (một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) và ngân sách Công ty chi trả cho toàn bộ chi phí máy bay, đi lại, lưu trú, ăn uống và các chi phí cá nhân khác phát sinh có liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn tối đa là 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).
- Thời hạn hợp đồng: từ 01/03/2026 đến ngày 31/12/2026.
- Phạm vi dịch vụ: Cung cấp ý kiến tư vấn về hoạt động kinh doanh và các vấn đề khác cho Công ty theo yêu cầu.
- Các nội dung khác: Giao và ủy quyền cho Tổng Giám đốc của Công ty thực hiện và quyết định.

Điều 4. Thông qua Quy chế Công bố thông tin theo tài liệu đính kèm.

Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận liên quan có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DIỆN MÁY XANH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 07/NQ/HĐQT/ĐMX-2026	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Căn cứ:

- *Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều Lệ của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh ("Công ty") như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;*
- *Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026 số 02/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 27/02/2026;*
- *Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường năm 2026 số 03/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026;*
- *Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 02/3/2026 ("Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026");*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị số 03/BBH/HĐQT/ĐMX-2026 ngày 17/03/2026;*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Khoản 15 Mục I "Phương án chào bán" của Điều 1 Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 với nội dung như sau:

Giá chào bán: 80.000 đồng/cổ phiếu.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Mục II "Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán" của Điều 1 Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 với nội dung như sau:

Tổng số tiền Tổ chức phát hành dự kiến thu được từ đợt chào bán là 14.360.032.000.000 đồng (*). Tổng số tiền còn lại từ đợt chào bán sau khi trừ các khoản chi phí, lệ phí liên quan

M.S.D.N:0303217354-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu

đến đợt chào bán (phí tư vấn, phí kiểm toán sử dụng vốn, lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán, phí phân phối chứng khoán ...)(**) sẽ được sử dụng theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thực tế còn lại, phù hợp với tiến độ của các hoạt động kinh doanh của Công ty, chi tiết như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ[1] (đồng)	Tỷ lệ % tương ứng	Tiến độ giải ngân
Thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn với các tổ chức tín dụng, cụ thể:				
1	Với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 758/TBN-KDN/25NH ngày 25/08/2025	3.990.000.000.000	27,79%	Trong năm 2026
2	Với Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn ngày 24/11/2024	2.240.000.000.000	15,60%	Trong năm 2026
3	Với Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM150685 ngày 14/04/2015	2.150.000.000.000	14,97%	Trong năm 2026
4	Với Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 337876.25.103.232552.TD ngày 25/09/2025	1.990.000.000.000	13,86%	Trong năm 2026

[1] Số tiền dự kiến phân bổ trước khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền dự kiến phân bổ[1] (đồng)	Tỷ lệ % tương ứng	Tiến độ giải ngân
Thanh toán các khoản nợ vay ngắn hạn với các tổ chức tín dụng, cụ thể:				
5	Với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/5067112/HĐTD ngày 21/07/2025	1.410.000.000.000	9,82%	Trong năm 2026
6	Với Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh Hà Nội theo Thư chào Tín Dụng ngày 02/07/2018	1.550.000.000.000	10,79%	Trong năm 2026
7	Với Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HNI-25-5767-132 ngày 22/09/2025	1.030.032.000.000	7,17%	Trong năm 2026
	Tổng cộng	**14.360.032.000.000**	**100%**	

(*) Giả định tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công là 179.500.400 cổ phiếu với giá chào bán là 80.000 đồng/cổ phiếu;

(**) Các loại chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán có thể thay đổi tùy thuộc vào hợp đồng thực tế với các bên cung cấp dịch vụ thứ ba và biểu phí, lệ phí do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành tại thời điểm thực hiện chào bán.

Trong trường hợp Công ty huy động không đủ số tiền dự kiến theo kế hoạch nêu trên thì số tiền thu được thực tế từ đợt chào bán sẽ được phân bổ theo tỷ lệ % tương ứng với số tiền thu được thực tế còn lại sau khi trừ chi phí, lệ phí liên quan đến đợt chào bán.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán:

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ nguồn vốn dự kiến theo kế hoạch cho các mục đích nêu trên, Hội đồng quản trị được quyết định các phương án bao gồm nhưng không giới hạn bởi: (i) sử dụng nguồn vốn tự có của Công ty và/hoặc (ii) điều chỉnh tiến độ triển khai các mục đích sử dụng vốn để đảm bảo cho các mục đích kinh doanh đã được hoạch định.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, HĐQT bảo đảm thực hiện tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị Định 155 và báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Điều 3. Ngoài các nội dung đã sửa đổi, bổ sung nêu trên, các nội dung khác tại Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2026 giữ nguyên và không thay đổi.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận liên quan có nghĩa vụ thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

M.S.D.N: 0303217354 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐỨC TÀI

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 27 tháng 2 năm 2026

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

M.S.D.N: 0303217354 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiểu Em

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **5**
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **5**
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY **6**
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY **7**
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 16
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **16**
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 16
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu 17
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác 18
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần 18
Điều 9. Thu hồi cổ phần chưa thanh toán đầy đủ 18
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT **19**
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 19
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **19**
Điều 11. Quyền của cổ đông 19
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 21
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 16. Thay đổi các quyền của cổ phần ưu đãi 26
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 28
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 28
Điều 20. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 31
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 32
Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 34
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 35
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ **35**
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 35
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 37
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị 40
Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 41
Điều 28. Ủy ban kiểm toán 45
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY **45**
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý 45
Điều 30. Cán bộ Quản lý 45
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc 46
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty 47
IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC **48**
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng 48

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 48
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 49
X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 50
Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 50
XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 50
Điều 37. Công nhân viên và công đoàn 50
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 51
Điều 38. Phân phối lợi nhuận 51
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN 51
Điều 39. Tài khoản ngân hàng 51
Điều 40. Năm tài chính 52
Điều 41. Chế độ kế toán 52
XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 52
Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 52
Điều 43. Báo cáo thường niên 53
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY 53
Điều 44. Kiểm toán 53
XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 53
Điều 45. Dấu của doanh nghiệp 53
XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY 53
Điều 46. Giải thể và chấm dứt hoạt động 53
Điều 47. Gia hạn hoạt động 54
Điều 48. Thanh lý 54
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 54
Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ 55
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 55
Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 55
XX. NGÀY HIỆU LỰC 55
Điều 51. Ngày hiệu lực 55

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 19 tháng 01 năm 2026 ("**Ngày hiệu lực**"). Bản Điều lệ này có đầy đủ hiệu lực và áp dụng từ Ngày hiệu lực, sửa đổi và thay thế toàn bộ điều lệ, phụ lục đã ban hành trước Ngày hiệu lực.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" được quy định trong Điều lệ này là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh, tên viết tắt là DMX JSC;

b. "Công ty Con" là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (a) Công ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; hoặc (b) Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp đó;

c. "Vốn Điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

d. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi tại từng thời điểm);

e. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi tại từng thời điểm);

f. "Ngày Thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;

g. "Nghị định 155" có nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi tại từng thời điểm);

h. "Thành viên Ban Giám đốc" có nghĩa là Tổng giám đốc, (các) Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

i. "Cán bộ Quản lý" có nghĩa là các vị trí quản lý khác trong Công ty do Tổng Giám đốc bổ nhiệm;;

j. "Người Có Liên Quan" là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức thuộc một trong các trường hợp được quy định theo Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán đang được áp dụng;

k. "Thời hạn Hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

l. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; và

m. "Tỷ lệ sở hữu nước ngoài" là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần tính trên vốn điều lệ của tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trong Công ty.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh
- Tên tiếng Anh: Dien May Xanh Investment Joint Stock Company
- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh
- Tên viết tắt: DMX JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: 128 Trần Quang Khải, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 028-38125960
- Địa chỉ email: investor@dienmayxanh.com
- Website: www.dmx.vn

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trong phạm vi tối đa mà pháp luật hiện hành cho phép, Hội đồng quản trị của Công ty có quyền thay đổi trụ sở hoặc mở văn phòng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác của Công ty tại Việt Nam hoặc bất kỳ nơi nào khác theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 46 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 47 Điều lệ này, Thời hạn Hoạt động của Công ty bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập vì mục đích thu lợi nhuận và tham gia vào các hoạt động kinh doanh nêu tại Khoản 2 Điều 3 Điều lệ này và các hoạt động kinh doanh khác vào từng thời điểm theo quy định của pháp luật.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4740 *(Chính)*
2.	Quảng cáo	7310
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4652
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
5.	Hoạt động viễn thông khác chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông. Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet (trừ dịch vụ truy cập, truy nhập internet)	6190
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4649
7.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810

9.	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật).	8292
10.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống loại có chứa cồn và không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4633
11.	Bán buôn thực phẩm (trừ bán buôn lúa gạo, đường mía, đường củ cải) (không hoạt động tại trụ sở)	4632
12.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4621
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5229
15.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật)	6619
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý xổ số, đại lý, môi giới (trừ môi giới bất động sản; phát hành xổ số kiến thiết va thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4610
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng - Đoàn thể)	8559
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4641

19.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
20.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4659
22.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cơ sở dịch vụ kính thuốc, hoạt động đo thị lực, mài, lắp kính phục vụ cho bán lẻ mắt kính	8699
23.	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4690
24.	Bán lẻ lương thực (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4721
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn bếp ga và các phụ kiện có liên quan (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn và thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4679
26.	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4651
27.	Bán lẻ thực phẩm (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện	4722

	quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
28.	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
29.	Bán lẻ đồ uống Chi tiết: bán lẻ đồ uống, rượu, bia và đồ uống không chứa cồn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4723
30.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và hoạt động quỹ hưu trí) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước)	6499
31.	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4790
32.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4759
33.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3314
34.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (điện mặt trời dưới 1 MW) (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3511
35.	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	3312
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện	4771

	quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
37.	Lập trình máy tính khác	6219
38.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng Chi tiết: Bán lẻ đồ điện máy gia dụng, điện thoại di động, thiết bị tin học, viễn thông đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4774
39.	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử	6211
40.	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông Chi tiết: Dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6210
41.	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính	6220
42.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi Chi tiết: Bán lẻ trò chơi và đồ chơi được làm từ mọi chất liệu (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội) (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4763
43.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4661
44.	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác	6290
45.	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4781
46.	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9531

47.	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6390
48.	Bán lẻ tổng hợp khác trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở); (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4719
49.	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng Chi tiết: Quản lý hoạt động văn phòng, hành chính như lễ lân, dịch vụ nhân sự và chuyển phát thư, hệ thống sổ sách cho người khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng	8210
50.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4673
51.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4672
52.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm	4761
53.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9522
54.	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4711
55.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4751

56.	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4663
57.	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9521
58.	Bán lẻ mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4783
59.	Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9529
60.	Hoạt động các trang mạng xã hội và hoạt động phân phối nội dung khác Chi tiết: Thiết lập mạng xã hội (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận))	6039
61.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
62.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hàng hóa (trừ vận tải hàng hóa đường hàng không; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; Dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5231
63.	Hoạt động dịch vụ trung gian cho vận tải hành khách (trừ vận tải hành khách đường hàng không; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải đường hàng không; Dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải; Dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải; Dịch vụ khảo sát, xây	5232

	dựng và phát hành hải đồ vùng nước, cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải; Dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng; dịch vụ thông tin điện tử hàng hải; Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	
64.	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Sản xuất điện (điện mặt trời dưới 1MW) (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3512
65.	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác)	9532
66.	Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự trong gia đình, văn phòng, cửa hàng; thảm, đệm và thiết bị chiếu sáng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4642
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4762
68.	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông (Không bao gồm sửa chữa, bảo dưỡng tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác	9510
69.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4753
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4752
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ)	4773

	(trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	
72.	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo từ dữ liệu do khách hàng cung cấp; Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web; Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động) cho khách hàng; Hoạt động phân tích thông tin của khách hàng cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu. (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức và dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)	6310
73.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
74.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
75.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tổng đài điện thoại; Dịch vụ trả lời điện thoại; Dịch vụ trung tâm chăm sóc khách hàng (Call Center) (trừ hoạt động báo chí và hoạt động thu thập tin tức dưới mọi hình thức; trừ dịch vụ thăm dò ý kiến công chúng (thăm dò dư luận)	8220
76.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Loại trừ dịch vụ thăm dò dư luận	7320
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giới thiệu, tư vấn hỗ trợ khách hàng tham gia các chương trình chăm sóc khách hàng, khuyến mãi và chương trình xúc tiến khác của nhà sản xuất	8299
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
80.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
82.	Xây dựng công trình điện (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền của Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
83.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224

84.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4653
85.	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính viễn thông (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của Luật Bưu chính và dịch vụ bưu chính công ích; không bao gồm hoạt động phát hành báo chí)	5310
86.	Chuyển phát Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ chuyển phát (Courier services) (trừ dịch vụ bưu chính công ích)	5320
87.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
88.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác Chi tiết: Hoạt động đại lý thanh toán (căn cứ theo điều 2 chương I và điều 4 chương II của thông tư 07/2024/TT-NHNN và các quy định pháp luật khác được áp dụng)	6419

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **11.012.835.000.000 đồng** (mười một nghìn không trăm mười hai tỷ tám trăm ba mươi lăm triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **1.101.283.500** (một tỷ một trăm lẻ một triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào Ngày hiệu lực đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 (hai mươi) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ khi pháp luật có quy định khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c. Cổ phần chào bán để (i) thực hiện chuyển đổi khoản vay, trái phiếu chuyển đổi hay các chứng khoán có chức năng chuyển đổi thành cổ phần do Công ty phát hành, (ii) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công ty đã cam kết, hoặc (iii) thực hiện các cam kết khác của Công ty;

d. Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành; hoặc

e. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật hoặc được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức văn bản phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu dưới hình thức dữ liệu điện tử sẽ tuân theo quy định của pháp luật liên quan. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu chứng nhận cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra đề nghị bằng văn bản cho Công ty với nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp kèm theo bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và phải thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc cấp chứng nhận cổ phiếu mới cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu của Công ty và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật.

3. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết; mất năng lực hành vi dân sự; hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản hợp pháp của cổ đông đó sẽ là người/những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc được hưởng lợi đối với số cổ phần liên quan; và quy định này không được hiểu là có việc miễn trừ trách nhiệm của cổ đông đã chết khỏi mọi nghĩa vụ gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

Điều 9. Thu hồi cổ phần chưa thanh toán đầy đủ

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp theo quy định pháp luật.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh và thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ theo mức lãi suất cơ bản được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị; và
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Công ty, trừ trường hợp các nội dung này đã được Công ty công bố trên trang thông tin điện tử hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác mà cổ đông có thể tiếp cận được;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp; và

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện

bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và

d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

4. Ngoài các quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước ít nhất 10 (mười) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua thiết bị điện tử có kết nối mạng (theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ này), hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

Cổ đông có thể ủy quyền thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký, cam kết mua theo quy định.

4. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

5. Cung cấp chính xác địa chỉ liên lạc (địa chỉ cư trú, thư điện tử (email)) và số điện thoại khi đăng ký mua cổ phần.

6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản 8 Điều 12 Điều lệ này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

9. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm của Công ty. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo bán niên hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 1/2 (một phần hai) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản và bên cạnh các nội dung khác theo quy định của pháp luật, phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan; và

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này; và

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;

b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; và

d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm, kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty, và định hướng phát triển của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

b. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; Bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

d. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

e. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

g. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

h. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

i. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;

j. Quyết định giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

k. Công ty mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

l. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;

m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán;

n. Quyết định việc tạo lập các loại cổ phần, quyền lợi, quyền ưu đãi và đặc quyền của mỗi loại cổ phần, và số lượng cổ phần được phát hành đối với mỗi loại, bao gồm các chương trình thưởng Cổ phần, mua Cổ phần hoặc quyền chọn mua Cổ phần dành cho nhân viên;

o. Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền khác cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

p. Quyết định giao dịch đầu tư, giao dịch mua lại cổ phần hoặc chứng khoán khác của bất kỳ công ty nào khác hoặc việc đầu tư vào sở hữu bất động sản với mỗi giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

q. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

r. Ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155; và

t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người Có Liên Quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; và

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người Có Liên Quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền thì cổ đông đó phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Người được ủy quyền của cổ đông không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp; và

c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

2. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 15 Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; hoặc

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền của cổ phần ưu đãi

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) tham dự họp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó tham dự họp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; và

g. Các công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng văn bản qua bưu điện hoặc qua thư điện tử hoặc qua tin nhắn theo thông tin chính xác mà cổ đông cung cấp, đồng thời thông báo phải công bố trên phương tiện thông tin theo quy định của pháp luật. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử chứa toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết; và

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; hoặc

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng thiết bị điện tử có kết nối mạng với điều kiện mỗi cổ đông phải nghe được những cổ đông khác có mặt trực tiếp tại Đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe rõ những gì cổ đông này nói. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp này, không phụ thuộc vào Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.

3. Trường hợp không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Điều lệ này trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập họp huỷ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba phải được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trực tiếp hoặc trực tuyến trên cơ sở thông tin đã được xác thực (KYC) và thẩm tra tư cách cổ đông hợp lệ; việc đăng ký cổ đông tham gia được thực hiện liên tục cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt hoặc truy cập vào hệ thống đăng ký hết trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Khi hoàn tất thủ tục đăng ký, cổ đông được cấp Thẻ biểu quyết (nếu dự họp trực tiếp) hoặc quyền truy cập hệ thống biểu quyết (nếu dự họp trực tuyến/trực tiếp) có thể hiện thông tin định danh và số phiếu biểu quyết của mình. Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng cách chọn một trong ba phương án: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến trong Thẻ biểu quyết hoặc thông qua hệ thống biểu quyết. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu (dạng vật lý hoặc dữ liệu điện tử) thể hiện ý kiến của cổ đông được gửi lại hoặc được hệ thống biểu quyết ghi nhận thành công trong thời hạn quy định tại Quy chế/Chương trình họp. Đại hội bầu Ban kiểm phiếu để thực hiện hoặc giám sát việc kiểm phiếu. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp thay mặt Chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cho cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đó hoàn thành việc đăng ký không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc trong vòng 15 (mười lăm) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu, thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ trong vòng 30 (ba mươi) phút sau thời điểm cuộc họp dự kiến bắt đầu, thành viên Hội đồng quản trị có mặt và có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

7. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

8. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

9. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; hoặc

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

10. Chủ toạ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

11. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, và/hoặc cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp, người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; hoặc

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể:

a. Thông báo cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội"); và

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điểm a Khoản 10 Điều 19 Điều lệ này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Khoản 10 Điều 19 Điều lệ này.

14. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

15. Thành viên Hội đồng quản trị, cho dù người này không là cổ đông, có quyền tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 20. Điều kiện để quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Các nghị quyết được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và 4 Điều 20, Khoản 8 Điều 21 và Điều 16 Điều lệ này:

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và 4 Điều 20, Khoản 8 Điều 21 và Khoản 2 Điều 16 Điều lệ này, nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Quyết định giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f. Xem xét và quyết định các biện pháp xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;

g. Mua lại hơn 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

i. Quyết định giao dịch đầu tư, giao dịch mua lại cổ phần hoặc chứng khoán khác của bất kỳ công ty nào khác hoặc việc đầu tư vào sở hữu bất động sản với mỗi giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật); và

j. Các vấn đề nêu tại Điểm b và d Khoản 5 Điều 5; Khoản 1 Điều 16; và Khoản 2 Điều 47 Điều lệ này.

3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty bao gồm:

a. Việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại được chào bán;

c. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

d. Quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn giao dịch đầu tư, bán, chuyển nhượng, cho thuê, hoặc định đoạt tài sản của Công ty (không phải là việc bán các sản phẩm mà Công ty kinh doanh) mà khi tổng hợp với các giao dịch trước đó có cùng bản chất như vậy trong bất kỳ thời hạn 12 (mười hai) tháng nào (nếu có) mà giá thị trường hợp lý hoặc giá trị trong giao dịch được đề nghị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

e. Xem xét và quyết định các biện pháp vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và/hoặc các cổ đông của Công ty;

f. Phát hành quyền chọn mua và quyền chọn bán cho các cổ phần của Công ty; và

g. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi đến địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử (email) hoặc số điện thoại đã đăng ký của từng cổ đông có quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem

xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là người ký và/hoặc gửi phiếu lấy ý kiến, phiếu lấy ý kiến phải được gửi cùng văn bản ủy quyền, bản sao có chứng thực giấy tờ pháp lý của người được ủy quyền.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết/quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; và

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết, quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu, hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 51% (năm mươi mốt phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Nghị quyết này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 22. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (theo quyết định của chủ tọa cuộc họp) và có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có) đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý ưu tiên áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản họp (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 20 và Khoản 9 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết/quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị và ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 05 (năm) người, không vượt quá 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 04 (bốn) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 04 (bốn) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải có các tiêu chuẩn và các điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không có tiền án, tiền sự và không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không đồng thời là:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, trưởng phòng/ban, Kế toán trưởng và Người Có Liên Quan của những người đó của bất cứ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ các Công ty Con của Công ty; hoặc
- Là cổ đông hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng cổ phần phổ thông (hoặc tổng phần vốn góp) trở lên của bất kỳ công ty nào đang cạnh tranh với Công ty ngoại trừ các Công ty Con của Công ty;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; và

e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật .

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị; thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để quyết định, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ nhân danh Công ty trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Thành viên Ban Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác của Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Phê chuẩn và chỉ đạo chiến lược, kế hoạch hành động chính, chính sách quản lý rủi ro, ngân sách và xác lập các mục tiêu hoạt động theo Điểm b Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này;

b. Xem xét và đề xuất các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của Công ty để đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông quyết định;

c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định thù lao, lương, thưởng hoặc các lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Tổng giám đốc cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Tổng giám đốc;

e. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc các trái phiếu kèm chứng quyền mà cho phép người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước;

g. Quyết định giá chào bán trái phiếu chuyển đổi, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi và các điều khoản và điều kiện cụ thể của từng loại trái phiếu, cổ phần, các chứng khoán chuyển đổi đó trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác (bao gồm các Thành viên Ban Giám đốc) trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

l. Xem xét và trình báo cáo tài chính thường niên lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Quyết định việc ký kết bất kỳ một hoặc một nhóm hợp đồng, bao gồm nhưng không giới hạn hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu và hợp đồng khác (không phải là các giao dịch quy định theo các Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 và Điểm n Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này) mà giá trị cộng dồn của (các) hợp đồng đó của Công ty có trị giá hoặc có khả năng dẫn đến chi phí mà Công ty phải trả bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất của Công ty gần nhất được kiểm toán;

n. Quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn bất kỳ việc bán tài sản nào của Công ty (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j và m Khoản 2 Điều 14 và Điểm e Khoản 4 Điều 25 Điều lệ này) với giá thị trường hợp lý hoặc giá trị giao dịch dự kiến vượt quá 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính năm của Công ty gần nhất được kiểm toán (xác định tổng giá trị tài sản theo nguyên tắc giá trị thấp hơn giữa báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất theo quy định pháp luật);

o. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ thích hợp của công ty;

p. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r. Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo tài chính và kế toán của Công ty, kể cả công tác kiểm toán độc lập và đảm bảo các hệ thống kiểm soát phù hợp được thiết lập, đặc biệt là các hệ thống giám sát rủi ro, kiểm soát tài chính, và giám sát việc tuân thủ pháp luật; và

s. Quyết định việc phát hành trái phiếu, trái phiếu được bảo đảm và các chứng khoán nợ khác của Công ty, trừ trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

t. Quyết định phương án huy động vốn, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu, và phương án trả nợ gốc, lãi trái phiếu.

u. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, trong phạm vi tối đa được pháp luật cho phép, cũng như những quyền và nghĩa vụ khác được pháp luật quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các Công ty Con, chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty (ngoại trừ việc thành lập chi nhánh làm cửa hàng bán lẻ, các cửa hàng bán lẻ trực thuộc một chi nhánh, văn phòng, kho bãi tại Việt Nam sẽ giao cho Tổng giám đốc quyết định) trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam cũng như việc đầu tư vào các công ty khác (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này) phù hợp với kế hoạch phát triển của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;

b) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng/giao dịch của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm không giới hạn các giao dịch mua, bán, sáp nhập, chia tách công ty và/hoặc đầu tư liên doanh, cho vay và các giao dịch khác)

c) Quyết định việc chỉ định, ủy quyền và chấm dứt ủy quyền đối với đại diện thương mại, Luật sư và các đại diện theo ủy quyền khác của Công ty tham gia hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông ở công ty khác;

d) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% (mười phần trăm) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này);

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài (trừ các giao dịch quy định tại Điểm j, m và p Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này);

f) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

g) Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) mỗi loại cổ phần;

h) Quyết định mức giá mua lại cổ phần hoặc thu hồi cổ phần của Công ty; và

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, Thành viên Ban Giám Đốc và những Cán bộ Quản lý khác trong năm tài chính..

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ này quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới, Thành viên Ban Giám Đốc và các Cán bộ Quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định . Khoản thù lao này được chia cho

các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty Con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc của Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;

g) Kiến nghị Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng. Thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Kế toán trưởng;

h) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng giám đốc, các Thành viên Ban Giám Đốc khác hoặc Cán bộ Quản lý khác trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ này, quy chế quản trị nội bộ của Công ty, và/hoặc các quy chế khác được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị ban hành để hạn chế những tổn thất cho Công ty và sau đó phai báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định chính thức về việc đình chỉ quyết định liên quan của Tổng giám đốc, các Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó; và

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 15 (mười lăm)

ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Cán bộ Quản lý khác;

b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị; hoặc

c. Đề nghị của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; (những) người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 Điều lệ này có có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 9 Điều 27 Điều lệ này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, thiết bị điện tử có kết nối mạng hoặc các phương tiện thông tin điện tử khác khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp và phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Hình thức tham dự này được xem như đích thân tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện; hoặc

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu một thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên này có thể ủy quyền cho một người đại diện cho mình bằng văn bản (có thể là hoặc không phải là một thành viên Hội đồng quản trị khác) để dự họp và biểu quyết trong cuộc họp đó với điều kiện là việc ủy quyền đó phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Người đại diện có thể được ủy quyền tham dự một cuộc họp Hội đồng quản trị cụ thể hoặc bất kỳ cuộc họp Hội đồng quản trị nào cho đến khi có thông báo khác của thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền. Mỗi văn bản chỉ định đại diện phải được gửi hoặc giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị tại trụ sở Công ty trước khi bắt đầu cuộc họp Hội đồng quản trị. Mỗi người đại diện sẽ có một phiếu bầu cho mỗi thành viên mà người này đại diện và một phiếu bầu riêng của mình nếu người đại diện cũng đồng thời là một thành viên Hội đồng quản trị.

10. Trong trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị có thể cho phép người khác tham dự cuộc họp để phiên dịch, cố vấn, và hỗ trợ tư vấn tại các cuộc họp Hội đồng quản trị với điều kiện là những người đó phải cam kết tuân theo những yêu cầu bảo mật theo quy định của Công ty.

11. Hội đồng quản trị có quyền thành lập các tiểu ban trực thuộc để thực hiện các công việc do Hội đồng quản trị giao. Thành viên các tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. Tiểu ban chỉ có chức năng giúp việc cho Hội đồng quản trị, không có quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

12. Việc thực thi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban

Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này và quy chế nội bộ về quản trị công ty.

13. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

14. Biểu quyết.

a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 14 Điều 27 Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 14 Điều 27 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; và

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 34 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

15. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

16. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết, quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50% (năm mươi phần trăm)). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

17. Các nghị quyết, quyết định được thông qua trong một cuộc họp thông qua hội nghị trực tuyến, thiết bị điện tử có kết nối mạng hoặc các phương tiện thông

tin điện tử khác theo quy định tại Khoản 8 Điều 27 Điều lệ này được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

18. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp.

19. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có họ, tên và chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 28. Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có ít nhất 02 (hai) thành viên, số lượng và thành viên cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, đồng thời Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán không phải là Thành viên Ban Giám đốc hoặc Cán bộ Quản lý của Công ty. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị thông qua và ban hành quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán của Công ty.

3. Ủy ban kiểm toán thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy chế hoạt động được Hội đồng quản trị thông qua và theo quy định pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự chịu sự giám sát, lãnh đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc và/hoặc các Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ.

Điều 30. Cán bộ Quản lý

1. Theo quyết định của Tổng giám đốc và phù hợp với cơ cấu tổ chức do Hội đồng quản trị phê duyệt, Công ty được tuyển dụng Cán bộ Quản lý cần thiết, với số

lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Cán bộ Quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng đối với những Cán bộ Quản lý do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 04 (bốn) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

c. Quyết định số lượng Cán bộ Quản lý theo cơ cấu tổ chức được Hội đồng Quản trị phê duyệt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các Cán bộ Quản lý này, và quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Cán bộ Quản lý đó;

d. Quyết định số lượng người lao động, việc tuyển dụng lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính;

h. Quyết định những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự

kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Uỷ nhiệm, uỷ quyền và bổ nhiệm các Cán bộ Quản lý trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. Người được uỷ nhiệm, uỷ quyền và bổ nhiệm phải thực hiện nhiệm vụ được giao của mình và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ được giao đó. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc vẫn là người chịu trách nhiệm cuối cùng trước Hội đồng quản trị; và

k. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với vai trò là quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng giám đốc cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 (một) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là 05 (năm) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, hoặc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

g. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này; và

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm chức danh Thư ký Công ty.

IX. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những Người Có Liên Quan của những người này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác có nghĩa vụ (a) công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan và (b) thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị (i) tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và (ii) các giao dịch giữa Công ty, Công ty Con với chính đối tượng đó hoặc với những Người Có Liên Quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

3. Công ty chỉ cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác không phải là cổ đông của Công ty và những Người Có Liên Quan tới các thành viên nêu trên khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Phụ thuộc vào Điểm m Khoản 2 Điều 14 Điều lệ này, hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác hoặc những Người Có Liên Quan đến họ không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác đó hoặc những Người Có Liên Quan đến họ đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác đó hoặc những Người Có Liên Quan đến họ đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan; hoặc

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hay Đại hội đồng cổ đông cho phép thực hiện.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác và những Người Có Liên Quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu (a) người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền, hoặc (b) người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện (i) người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và (ii) không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc, Cán bộ Quản lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong

các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong trường hợp người đó:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích cao nhất của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp; và

b. Không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được tra cứu sổ sách và hồ sơ trong phạm vi quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này theo quy định tại Điểm e và f Khoản 2 và Điểm b Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này (tùy trường hợp áp dụng), trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ do đại diện được uỷ quyền của cổ đông gửi phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc 01 (một) bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Thành viên Ban Giám đốc của Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XI. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 37. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 38. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Trong phạm vi Luật Doanh nghiệp quy định, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phần.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phần và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phần được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 41. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền khác ban hành.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia phù hợp với quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 42. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập và công bố bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các phụ lục, thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 43. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 44. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty được thành lập tại Việt Nam của các đơn vị sau đây: PriceWaterhouseCoopers, Ernst & Young, KPMG, và Deloitte để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVI. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 45. Dấu của doanh nghiệp

1. Tổng Giám đốc quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty (bao gồm dấu cho Chi nhánh nếu có) và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban Giám đốc và Cán bộ Quản lý sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 46. Giải thể và chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Khi kết thúc Thời hạn Hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn mà không có quyết định gia hạn khác;

b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

c. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 47. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc Thời hạn Hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn Hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 48. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc Thời hạn Hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về Ngày Thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty; và

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d trên đây được phân chia cho các cổ đông. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác giữa:

a. Cổ đông với Công ty; hoặc

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Giám đốc hoặc Cán bộ Quản lý khác của Công ty, thì

các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày thông tin, các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải và giải quyết tranh chấp tại trọng tài hoặc Tòa án. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 50. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 51. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương, 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Điện Máy Xanh nhất trí thông qua vào Ngày hiệu lực cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành 03 (ba) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 (một) bản nộp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. 02 (hai) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc.

(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật ở trang tiếp theo)

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty được ký dưới đây./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
Người Đại Diện Theo Pháp Luật

ĐOÀN VĂN HIẾU EM

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH QUYỂN 2/2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303217354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007 và do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19/12/2025)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định số 618 /QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 27 tháng 07 năm 2026)

Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày: 03/08/2026 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Địa chỉ	:	128 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số điện thoại	:	028 3812 5960
Website	:	www.dmx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ	:	Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số fax	:	+84 28 3914 3209
Số điện thoại	:	+84 28 3914 3588
Website	:	www.vietcap.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Đoàn Văn Hiểu Em

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 028 3812 5960

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 42

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiểu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH P. TÂN ĐỊNH HỒ CHÍ MINH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Ben Nghe Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (ENG): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vn_vi

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được kiểm toán.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**47.063.191.892.772**	**42.189.953.366.083**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.780.128.276.727***	***4.139.929.685.549***
111	1. Tiền		3.580.128.276.727	3.569.861.411.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***19.463.430.958.687***	***15.742.181.273.443***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.463.430.958.687	15.742.181.273.443
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***5.005.016.206.176***	***3.600.944.215.409***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	241.768.864.731	298.857.679.542
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.625.724.817	16.957.267.892
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.198.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.557.621.616.628	2.113.211.570.337
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***18.445.615.872.295***	***18.238.043.618.563***
141	1. Hàng tồn kho		18.868.713.558.233	18.442.492.515.483
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***369.000.578.887***	***468.854.573.119***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	274.785.229.426	310.030.195.860
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	94.214.349.461	143.251.383.739
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	1.000.000	15.572.993.520
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.408.951.274.697**	**4.237.591.135.973**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***256.707.860.908***	***324.827.012.847***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	256.707.860.908	315.582.039.518
220	***II. Tài sản cố định***		***1.625.231.472.209***	***3.062.528.496.166***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.561.763.906.070	2.993.708.260.365
222	Nguyên giá		9.938.145.643.754	10.789.824.684.113
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.376.381.737.684)	(7.796.116.423.748)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	63.467.566.139	68.820.235.801
228	Nguyên giá		90.297.772.827	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.830.206.688)	(21.477.537.026)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***4.941.859.483***	***2.901.089.795***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***242.035.797.830***	***746.632.252.729***
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	242.035.797.830	286.632.252.729
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***280.034.284.267***	***100.702.284.436***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	26.054.627.592	43.199.790.471
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		49.472.143.167.469	46.427.544.502.056

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**29.955.725.943.070**	**27.873.959.220.523**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***29.955.725.943.070***	***25.984.509.220.523***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.325.109.928.640	5.457.040.214.493
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	88.981.737.206
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	585.548.459.406	338.532.122.289
314	4. Phải trả người lao động		141.425.441.000	160.097.227.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.109.806.224.937	717.902.028.329
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	683.193.526.335	737.353.676.846
320	8. Vay ngắn hạn	21	19.930.172.643.525	18.416.666.409.682
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	***II. Nợ dài hạn***		***-***	***1.889.450.000.000***
338	1. Vay dài hạn	21	-	1.889.450.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**19.516.417.224.399**	**18.553.585.281.533**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***19.516.417.224.399***	***18.553.585.281.533***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	22.1	4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.361.518.810.000*	*4.361.518.810.000*
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.1	-	3.739.030.306
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	15.154.898.414.399	14.188.327.441.227
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*11.438.327.441.232*	*12.842.826.235.418*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*3.716.570.973.167*	*1.345.501.205.809*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**49.472.143.167.469**	**46.427.544.502.056**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	94.240.556.174.175	87.776.539.363.119
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	93.356.607.723.985	86.822.142.993.475
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(76.267.199.511.301)	(72.403.597.338.351)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.089.408.212.684	14.418.545.655.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.673.177.566.415	1.707.166.695.280
22	7. Chi phí tài chính	25	(700.525.805.609)	(1.082.011.569.400)
23	- *Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(698.026.126.670)*	*(1.079.340.781.938)*
24	8. Phần lỗ trong công ty liên doanh		(44.596.454.899)	-
25	9. Chi phí bán hàng	26, 28	(10.476.983.983.071)	(12.106.242.047.179)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26, 28	(2.456.442.534.973)	(933.421.452.736)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.084.037.000.547	2.004.037.281.089
31	12. Thu nhập khác		19.561.273.875	25.533.291.460
32	13. Chi phí khác	27	(357.083.845.173)	(230.283.672.260)
40	14. Lỗ khác		(337.522.571.298)	(204.750.380.800)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		4.746.514.429.249	1.799.286.900.289
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	8.521	3.085
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	8.521	3.085

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.746.514.429.249**	**1.799.286.900.289**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
03	Dự phòng (hoàn nhập các khoản dự phòng)		220.952.651.591	(165.930.068.134)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.104.545.913.764)	(1.305.206.744.891)
06	Chi phí lãi vay	25	698.026.126.670	1.079.340.781.938
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**5.647.159.696.069**	**2.856.330.024.460**
09	Giảm các khoản phải thu		332.280.519.604	580.300.892.931
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(426.288.336.665)	4.011.323.151.278
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.270.686.564.790	(3.302.470.753.718)
12	Giảm chi phí trả trước		52.414.720.963	125.916.897.642
14	Tiền lãi vay đã trả		(700.748.020.023)	(1.095.134.298.420)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**6.243.078.429.249**	**2.357.297.032.409**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(75.317.052.553)	(316.883.339.058)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		22.045.328.209	7.356.066.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(36.083.817.752.133)	(27.504.613.656.928)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		30.805.730.737.856	18.221.485.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(105.597.412.729)
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.854.318.533.160	893.148.723.318
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(3.477.040.205.461)**	**(8.805.103.942.799)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	72.369.835.479.230	69.600.847.575.387
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(72.745.779.245.387)	(62.188.354.104.759)
36	Cổ tức đã trả	22.1	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(3.125.943.766.152)**	**7.212.483.470.833**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần thuần trong năm**		**(359.905.542.364)**	**764.676.560.443**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.139.929.685.549**	**3.374.884.397.308**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	4	**3.780.128.276.727**	**4.139.929.685.549**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139 (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.897).

Cơ cấu tổ chức

Nhóm Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên doanh đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty:

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	
				Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	99,99	99,99
(2) MWG (Cambodia) Co., Ltd *(*)*	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Ngưng hoạt động	100	100
Công ty liên doanh					
(3) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thu.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn thì không tính khấu hao.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Nhóm Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ* (tiếp theo)

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.17 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ .

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Tiền mặt	254.936.869.384	690.488.404.507
Tiền gửi ngân hàng	3.264.205.303.902	2.485.297.643.987
Tiền đang chuyển	60.986.103.441	394.075.363.105
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	**3.780.128.276.727**	**4.139.929.685.549**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	13.214.114.712.329	13.120.937.575.725
Đầu tư khác *(ii)*	6.249.316.246.358	2.621.243.697.718
TỔNG CỘNG	**19.463.430.958.687**	**15.742.181.273.443**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đầu tư khác hạn thể hiện các khoản trái phiếu nắm giữ và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Phải thu khách hàng	226.617.206.822	284.029.140.774
- *Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	*82.179.250.662*	*199.794.423.211*
- *Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	*59.659.077.990*	*26.813.575.632*
- *Khác*	*84.778.878.170*	*57.421.141.931*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	15.151.657.909	14.828.538.768
TỔNG CỘNG	**241.768.864.731**	**298.857.679.542**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.512.486.009	16.137.038.680
TỔNG CỘNG	**7.625.724.817**	**16.957.267.892**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Phải thu từ các nhà cung cấp *(i)*	1.033.855.581.408	1.212.650.244.199
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*177.001.918.901*	*57.480.162.078*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*123.491.899.918*	*154.622.689.360*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	*95.772.412.644*	*200.572.240.839*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*78.168.874.253*	*96.902.946.152*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*76.666.694.500*	*86.026.845.242*
- *Khác*	*482.753.781.192*	*617.045.360.528*
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	473.574.535.117	832.018.042.107
Phải thu từ bên liên quan (*Thuyết minh số 30)*	31.135.618.662	48.045.850.062
Khác	19.055.881.441	20.497.433.969
TỔNG CỘNG	**1.557.621.616.628**	**2.113.211.570.337**

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.610.449
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.477.887.428
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Dược phẩm	430.955.064.491	485.534.305.999
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ, mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Vitamin và thực phẩm chức năng	114.364.004.984	180.432.225.826
Mỹ phẩm	42.489.932.374	72.970.752.535
Trang thiết bị y tế cá nhân	30.178.422.899	37.202.860.965
Hàng hóa khác	350.801.936.157	472.891.070.531
TỔNG CỘNG	**18.868.713.558.233**	**18.442.492.515.483**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
GIÁ TRỊ THUẦN	**18.445.615.872.295**	**18.238.043.618.563**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

VND

		Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Số dư đầu năm (chưa kiểm toán)		(204.448.896.920)	(362.053.661.404)
Cộng:	Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ:	Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.404
Số dư cuối năm		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Ngắn hạn	**274.785.229.426**	**310.030.195.860**
Chi phí thuê cửa hàng	263.916.355.612	286.129.915.743
Công cụ, dụng cụ	3.481.921.978	4.345.055.339
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.845.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	**26.054.627.592**	**43.199.790.471**
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	3.842.218.515	14.156.742.317
Khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	**300.839.857.018**	**353.229.986.331**

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	9.469.648.080.826	296.532.644.251	1.023.643.959.036	10.789.824.684.113
Mua trong năm	5.824.149.008	-	6.136.944.600	11.961.093.608
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(771.517.012.997)	(1.527.228.600)	(100.376.092.052)	(873.420.333.649)
Khác	(111.397.733)	-	86.806.083	(24.591.650)
Số cuối năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Trong đó:				
- *Đã khấu hao hết*	*5.011.954.251.358*	*106.116.661.426*	*747.745.538.556*	*5.865.816.451.340*
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	(6.723.058.417.124)	(192.881.793.488)	(880.176.213.136)	(7.796.116.423.748)
Khấu hao trong năm	(969.186.939.946)	(34.013.327.703)	(77.763.598.554)	(1.080.963.866.203)
Thanh lý	416.939.743.156	1.058.825.004	82.699.984.107	500.698.552.267
Phân loại lại	28.566.883	-	(28.566.883)	-
Số cuối năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	2.746.589.663.702	103.650.850.763	143.467.745.900	2.993.708.260.365
Số cuối năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Thương hiệu*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)* và số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	-	(10.772.197.700)	(10.705.339.326)	(21.477.537.026)
Hao mòn trong năm	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	25.998.878.500	-	42.821.357.301	68.820.235.801
Số cuối năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	*Số cuối năm*	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
		VND	*VND*
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	242.035.797.830	286.632.252.729

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND *Era Blu*
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)* và số cuối năm	286.632.252.729
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	-
Phần lỗ từ công ty liên doanh trong năm	(44.596.454.899)
Số cuối năm	(44.596.454.899)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm *(chưa kiểm toán)*	286.632.252.729
Số cuối năm	242.035.797.830

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290	5.399.379.883.359	5.399.379.883.359
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*494.430.598.816*	*494.430.598.816*	*139.020.442.642*	*139.020.442.642*
- *Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam*	*368.233.274.979*	*368.233.274.979*	*234.769.239.766*	*234.769.239.766*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam*	*330.376.839.713*	*330.376.839.713*	*337.324.152.646*	*337.324.152.646*
- *Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*328.278.198.699*	*328.278.198.699*	*98.858.065.553*	*98.858.065.553*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam*	*319.793.975.590*	*319.793.975.590*	*374.086.979.559*	*374.086.979.559*
- *Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	*307.039.995.338*	*307.039.995.338*	*147.460.522.918*	*147.460.522.918*
- *Khác*	*3.958.929.686.155*	*3.958.929.686.155*	*4.067.860.480.275*	*4.067.860.480.275*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	218.027.359.350	218.027.359.350	57.660.331.134	57.660.331.134
TỔNG CỘNG	**6.325.109.928.640**	**6.325.109.928.640**	**5.457.040.214.493**	**5.457.040.214.493**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	143.251.383.739	14.785.385.139.928	(14.834.422.174.206)	94.214.349.461
Khác	15.572.993.520	758.307.949	(16.330.301.469)	1.000.000
TỔNG CỘNG	**158.824.377.259**	**14.786.143.447.877**	**(14.850.752.475.675)**	**94.215.349.461**
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.213.830.951	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254
Thuế giá trị gia tăng	213.102.991.048	13.027.615.458.842	(13.066.809.578.315)	173.908.871.575
Thuế thu nhập cá nhân	14.974.750.671	155.637.639.641	(162.842.046.119)	7.770.344.193
Thuế khác	1.240.549.619	16.585.442.507	(17.164.482.742)	661.509.384
TỔNG CỘNG	**338.532.122.289**	**14.426.259.159.782**	**(14.179.242.822.665)**	**585.548.459.406**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Thưởng nhân viên	1.539.705.905.611	375.220.914.647
Chi phí tiếp thị quảng cáo	224.958.196.974	109.087.969.621
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	81.764.402.600	18.734.705.984
Chi phí lãi vay	55.467.614.302	42.248.256.967
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Khác	38.230.447.272	30.372.429.911
TỔNG CỘNG	**2.109.806.224.937**	**717.902.028.329**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Thu hộ cước phí	421.731.560.848	575.274.027.527
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	66.866.726.070	49.522.560.143
Nhận ký quỹ	21.240.000.000	21.728.005.685
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	64.704.294.729	24.049.787.803
TỔNG CỘNG	**683.193.526.335**	**737.353.676.846**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*665.974.220.408*	*718.466.193.846*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*17.219.305.927*	*18.887.483.000*

21. VAY

VND

	Số đầu năm (chưa kiểm toán)	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**18.416.666.409.682**	**72.077.435.479.230**	**(70.563.929.245.387)**	**19.930.172.643.525**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 21.1)*	18.416.666.409.682	72.077.435.479.230	(70.563.929.245.387)	19.930.172.643.525
Vay dài hạn	**1.889.450.000.000**	**292.400.000.000**	**(2.181.850.000.000)**	**-**
Vay dài hạn bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**20.306.116.409.682**	**72.369.835.479.230**	**(72.745.779.245.387)**	**19.930.172.643.525**
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ				
Vay ngắn hạn	*18.416.666.409.682*			*19.930.172.643.525*
Vay dài hạn	*1.889.450.000.000*			-

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	19.930.172.643.525	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Chênh lệch tỷ giá*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước *(chưa kiểm toán)*				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	2.018.724.567	13.042.836.235.213	17.406.373.769.780
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	1.345.501.205.809	1.345.501.205.809
Chênh lệch tỷ giá	-	1.720.305.739	-	1.720.305.739
Chia cổ tức	-	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Năm nay				
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức *(i)*	-	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	19.516.417.224.399

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Chi tiết vốn đã góp*

Cổ đông	*Số cuối năm*		*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	**436.151.881**	**100,00**	**436.151.881**	**100,00**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Tổng doanh thu	**94.240.556.174.175**	**87.776.539.363.119**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*93.699.151.069.492*	*87.183.597.001.610*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*541.405.104.683*	*592.942.361.509*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(883.948.450.190)**	**(954.396.369.644)**
Hàng bán bị trả lại	*(883.948.450.190)*	*(954.396.369.644)*
Doanh thu thuần	**93.356.607.723.985**	**86.822.142.993.475**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*92.815.202.619.302*	*86.229.200.631.966*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*541.405.104.683*	*592.942.361.509*

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.495.875.026.170	1.533.873.933.307
Chiết khấu thanh toán	174.720.514.674	170.384.310.761
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.673.382.716
Khác	1.279.993.957	1.235.068.496
TỔNG CỘNG	**1.673.177.566.415**	**1.707.166.695.280**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.267.199.511.301	72.403.597.338.351

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Chi phí lãi vay	698.026.126.670	1.079.340.781.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.462
TỔNG CỘNG	**700.525.805.609**	**1.082.011.569.400**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Chi phí bán hàng	**10.476.983.983.071**	**12.106.242.047.179**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.677.407.059	6.245.776.046.361
Chi phí nhân viên	3.759.056.713.675	4.275.293.334.672
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.086.144.209.649	1.446.572.143.594
Khác	172.105.652.688	138.600.522.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2.456.442.534.973**	**933.421.452.736**
Chi phí nhân viên	1.892.183.682.291	491.671.069.627
Chi phí dịch vụ mua ngoài	507.349.064.478	427.072.537.264
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	2.635.739.462
Khác	56.737.461.988	12.042.106.383
TỔNG CỘNG	**12.933.426.518.044**	**13.039.663.499.915**

27. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Thanh lý tài sản cố định	346.732.657.507	227.192.237.649
Khác	10.351.187.666	3.091.434.611
TỔNG CỘNG	**357.083.845.173**	**230.283.672.260**

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	76.267.199.511.301	72.403.597.338.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.967.026.471.537	6.672.848.583.625
Chi phí nhân viên	5.651.240.395.966	4.766.964.404.299
Chi phí khấu hao, hao mòn *(Thuyết minh số 13 và 14)*	1.086.316.535.865	1.449.207.883.056
Chi phí khác	228.843.114.676	150.642.628.936
TỔNG CỘNG	**89.200.626.029.345**	**85.443.260.838.266**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Chi phí thuế TNDN	1.231.137.391.667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.226.420.618.792	393.496.576.363
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(196.477.162.710)	60.289.118.117
TỔNG CỘNG	**1.029.943.456.082**	**453.785.694.480**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.746.514.429.249**	**1.799.286.900.289**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	949.302.885.850	359.857.380.058
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ từ các công ty con	73.688.330.722	88.181.107.307
Lỗ từ công ty liên doanh	8.919.290.980	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.679.187.472	3.876.421.147
Phân bổ lãi từ giao dịch mua rẻ	1.070.533.933	1.070.533.933
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí thuế TNDN ước tính	**1.029.943.456.082**	**453.785.694.480**

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*	*Năm nay*	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Các khoản chi phí phải trả	144.812.651.110	-	144.812.651.110	(30.116.274.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804	(31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513	(1.665.060.697)
Dự phòng chi phí khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829	3.099.299.272
Lợi nhuận chưa thực hiện	4.344.639.602	-	4.344.639.602	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852	(86.129.395)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***253.979.656.675***	***57.502.493.965***		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại			***196.477.162.710***	***(60.289.118.117)***

29.4 *Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản lỗ tính thuế ước tính còn lại để chuyển lỗ như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*	*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma					
2019	2024	5.947.497.325	-	(5.947.497.325)	-
2020	2025	6.437.846.862	-	-	6.437.846.862
2022	2027	306.214.502.293	-	-	306.214.502.293
2023	2028	342.942.200.944	-	-	342.942.200.944
2024	2029	347.656.048.632	-	-	347.656.048.632
TỔNG CỘNG		1.009.198.096.056	-	(5.947.497.325)	1.003.250.598.731

Các khoản lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế, chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm ("CIRM JSC")	Công ty cùng Tập đoàn
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000	1.726.350.000.000
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.729.549.593.544	1.582.206.929.077
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000
	Mua dịch vụ	10.976.934.322	5.978.807.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	159.512.587.353
	Mua dịch vụ	23.664.451.617	-
	Chi phí điện	7.499.534.260	-
	Bán tài sản cố định	1.812.709.581	273.481.835
	Mua tài sản cố định	1.152.583.342	2.217.870.330
	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	80.299.356.385	120 564.793.840
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Mua dịch vụ	-	228.680.753.622
	Bán dịch vụ	-	29.167.061.703
	Mua hàng hóa	-	310.090.998
	Bán tài sản cố định	-	45.895.059

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244
		15.151.657.909	**14.828.538.768**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê Chi hộ	14.119.569.377 3.674.261.934	- 29.733.662.164
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	11.245.323
		31.135.618.662	**48.045.850.062**
Phải trả người bán ngắn hạn			
CIRM JSC	Mua dịch vụ Mua công cụ, dụng cụ	153.304.334.357 2.123.687.956	16.597.691 24.489.888
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.719.498.474	52.048.094.585
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa Mua dịch vụ	5.473.324.841 406.513.722	4.268.254.321 714.988.980
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669
		218.027.359.350	**57.660.331.134**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		17.219.305.927	**18.887.483.000**
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	1.889.450.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		**2.563.329.660**	**2.452.542.076**

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước (chưa kiểm toán)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	3.716.570.973.167	1.345.501.205.809
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	436.151.881	436.151.881
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	8.521	3.085

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (chưa kiểm toán)*
Đến 1 năm	2.222.354.638.429	2.595.903.014.351
Từ 1 đến 5 năm	6.210.842.143.143	7.875.749.115.006
Trên 5 năm	1.983.888.658.902	3.311.001.462.136
TỔNG CỘNG	**10.417.085.440.474**	**13.782.653.591.493**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm: điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác; và
- Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm: dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	*Ngành hàng dược mỹ phẩm*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Năm nay				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877	-	93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	6.537.037	(15.346.240.705)	-
Tổng cộng doanh thu	**91.100.237.041.776**	**2.271.716.922.914**	**(15.346.240.705)**	**93.356.607.723.985**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phần lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.899)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				196.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				**3.716.570.973.167**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	48.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				**49.472.143.167.469**
Nợ phải trả của bộ phận	29.647.026.070.697	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				**29.955.725.943.070**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Điện thoại di động, máy tính và thiết bị điện tử	*Khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Năm trước (chưa kiểm toán)				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	84.622.414.485.269	2.199.728.508.206	-	86.822.142.993.475
Giữa các bộ phận	17.637.269.262	63.807.851	(17.701.077.113)	-
Tổng cộng doanh thu	**84.640.051.754.531**	**2.199.792.316.057**	**(17.701.077.113)**	**86.822.142.993.475**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	13.937.051.816.458	481.493.838.666	-	14.418.545.655.124
Chi phí không phân bổ				(13.039.663.499.915)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				1.378.882.155.209
Doanh thu hoạt động tài chính				1.707.166.695.280
Chi phí tài chính				(1.082.011.569.400)
Lỗ khác				(204.750.380.800)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				1.799.286.900.289
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(393.496.576.363)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(60.289.118.117)
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				**1.345.501.205.809**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 (chưa kiểm toán)				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	44.906.906.577.574	1.520.637.924.482		46.427.544.502.056
Tài sản không phân bổ				-
Tổng tài sản				**46.427.544.502.056**
Nợ phải trả của bộ phận	27.614.395.911.035	259.563.309.488		27.873.959.220.523
Tổng nợ phải trả				**27.873.959.220.523**

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Võ Thị Phương Thảo	Đoàn Văn Hiếu Em
Người lập kiêm Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 28-02-2026
Số: 025505-02/SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHU KIM TÂM

Đoàn Nhật Tâm

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., và 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiểu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được phát hành cho mục đích nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng đồng thời với đăng ký niêm yết cổ phiếu gửi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") được lập ngày 12 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã phát hành báo cáo tài chính riêng kèm theo, thay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán. Theo đó, chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán độc lập này để thay thế cho báo cáo kiểm toán độc lập đã được phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với báo cáo tài chính riêng trước đó của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3213-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**45.902.380.724.646**	**41.016.117.093.927**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.754.805.560.503***	***4.073.920.767.399***
111	1. Tiền		3.554.805.560.503	3.503.852.493.449
112	2. Các khoản tương đương tiền		200.000.000.000	570.068.273.950
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***19.102.380.958.687***	***15.647.181.273.443***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.102.380.958.687	15.647.181.273.443
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***4.936.884.751.500***	***3.545.013.315.088***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	242.858.186.035	291.537.851.179
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.159.329.837	15.744.370.116
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	3.148.000.000.000	1.171.917.697.638
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.538.867.235.628	2.065.813.396.155
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***17.799.509.595.546***	***17.433.879.428.706***
141	1. Hàng tồn kho		18.222.607.281.484	17.638.328.325.626
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***308.799.858.410***	***316.122.309.291***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	268.727.941.201	297.603.858.519
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		40.071.917.209	18.518.450.772
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.330.406.226.155**	**5.748.166.166.096**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***249.488.689.910***	***309.422.171.367***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	9.244.973.329
216	2. Phải thu dài hạn khác	12	249.488.689.910	300.177.198.038
220	***II. Tài sản cố định***		***1.432.227.787.469***	***2.646.141.319.712***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.406.228.908.969	2.620.142.441.212
222	Nguyên giá		9.622.024.554.678	10.248.716.048.819
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.215.795.645.709)	(7.628.573.607.607)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***4.941.859.483***	***2.901.089.795***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	4.941.859.483	2.901.089.795
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***2.365.056.004.466***	***2.695.056.004.466***
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	2.780.912.391.737	2.619.066.671.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	286.632.252.729	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	(702.488.640.000)	(670.642.920.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	460.000.000.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***278.691.884.827***	***94.645.580.756***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	24.712.228.152	37.143.086.791
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	253.979.656.675	57.502.493.965
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**50.232.786.950.801**	**46.764.283.260.023**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**29.630.943.884.937**	**27.516.596.459.061**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***29.630.943.884.937***	***25.627.146.459.061***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.158.175.789.117	5.205.737.222.466
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		88.506.854.304	86.685.444.326
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	584.027.449.484	300.529.184.706
314	4. Phải trả người lao động		132.002.387.000	144.962.054.798
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.081.533.490.879	685.303.284.281
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		21.723.198.012	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	660.361.365.396	751.320.974.856
320	8. Vay ngắn hạn	21.1	19.834.373.683.834	18.384.672.489.290
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		70.239.666.911	67.935.804.338
330	***II. Nợ dài hạn***		-	***1.889.450.000.000***
338	1. Vay dài hạn		-	1.889.450.000.000
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**20.601.843.065.864**	**19.247.686.800.962**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***22.1***	***20.601.843.065.864***	***19.247.686.800.962***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.361.518.810.000	4.361.518.810.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.361.518.810.000*	*4.361.518.810.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.240.324.255.864	14.886.167.990.962
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*12.136.167.990.967*	*13.160.411.985.698*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*4.104.156.264.897*	*1.725.756.005.264*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**50.232.786.950.801**	**46.764.283.260.023**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.984.185.491.966	85.545.372.009.196
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(883.948.450.190)	(954.396.369.644)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	91.100.237.041.776	84.590.975.639.552
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 29	(74.466.066.849.425)	(70.620.538.673.123)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.634.170.192.351	13.970.436.966.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.651.587.260.364	1.701.046.568.633
22	7. Chi phí tài chính	25	(729.376.295.214)	(1.145.527.375.933)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(695.030.896.275)*	*(1.074.878.904.251)*
25	8. Chi phí bán hàng	26	(9.817.744.811.062)	(11.279.425.689.962)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(2.400.236.185.298)	(883.616.849.008)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.338.400.161.141	2.362.913.620.159
31	11. Thu nhập khác	28	19.192.653.348	24.957.567.448
32	12. Chi phí khác	28	(223.493.093.510)	(208.329.487.863)
40	13. Lợi nhuận khác	28	(204.300.440.162)	(183.371.920.415)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.134.099.720.979	2.179.541.699.744
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.226.420.618.792)	(393.496.576.363)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	30.1	196.477.162.710	(60.289.118.117)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.104.156.264.897	1.725.756.005.264

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tông lợi nhuận kế toán trước thuế**		**5.134.099.720.979**	**2.179.541.699.744**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	994.223.949.422	1.317.964.110.584
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		252.798.371.591	(97.952.383.914)
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(104.133.542)	(368.727.798)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.255.427.459.061)	(1.332.187.818.942)
06	Chi phí lãi vay	25	695.030.896.275	1.074.878.904.251
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**5.820.621.345.664**	**3.141.875.783.925**
09	Giảm các khoản phải thu		251.139.153.256	581.693.352.832
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(584.278.955.858)	4.056.439.879.466
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		2.311.722.882.391	(3.203.461.162.309)
12	Giảm chi phí trả trước		41.306.775.957	111.670.989.013
14	Tiền lãi vay đã trả		(697.703.416.908)	(1.090.443.893.525)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(932.426.715.489)	(818.968.881.764)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**6.210.381.069.013**	**2.778.806.067.638**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(73.706.337.363)	(207.521.821.752)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		20.162.822.027	7.348.159.690
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(35.447.767.752.133)	(27.409.613.656.928)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.485.730.737.856	18.211.685.675.908
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con		(161.845.720.000)	(724.074.462.729)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.000.000.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.837.574.645.613	893.108.109.131
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(3.339.851.604.000)**	**(9.219.067.996.680)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	71.945.209.169.190	69.364.661.211.322
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(72.384.957.974.646)	(61.837.641.673.029)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	22	(2.749.999.999.995)	(200.009.999.795)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(3.189.748.805.451)**	**7.327.009.538.498**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(319.219.340.438)**	**886.747.609.456**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**4.073.920.767.399**	**3.186.804.430.145**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		104.133.542	368.727.798
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**3.754.805.560.503**	**4.073.920.767.399**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và theo GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Công ty có hai (2) công ty con là Công ty MWG (Cambodia) Co., Ltd. và Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu trong MWG (Cambodia) Co., Ltd., 99,99% phần vốn chủ sở hữu trong An Khang.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 22.367 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 26.745 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 12 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Báo cáo tài chính riêng này được lập đểthay thế cho báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phát hành trước đây vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, cho mục đích giúp Công ty tuân thủ các quy định liên quan đến việc đăng ký công ty đại chúng và chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo quy định pháp luật về chứng khoán.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản* (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính riêng của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh riêng thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	253.640.822.336	688.706.230.286
Tiền gửi ngân hàng	3.242.417.073.848	2.431.308.853.278
Tiền đang chuyển	58.747.664.319	383.837.409.885
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	200.000.000.000	570.068.273.950
TỔNG CỘNG	**3.754.805.560.503**	**4.073.920.767.399**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	12.903.064.712.329	13.065.937.575.725
Đầu tư khác *(ii)*	6.199.316.246.358	2.581.243.697.718
TỔNG CỘNG	**19.102.380.958.687**	**15.647.181.273.443**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu bên khác	226.617.206.822	275.384.637.494
- *Công ty Tài Chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	*82.179.250.662*	*199.794.423.211*
- *Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	*59.659.077.990*	*26.813.575.632*
- *Khác*	*84.778.878.170*	*48.776.638.651*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	16.240.979.213	16.153.213.685
TỔNG CỘNG	**242.858.186.035**	**291.537.851.179**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	3.720.667.458	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Và Dịch Vụ Hữu Nghĩa	709.403.702	820.229.212
Công ty TNHH Sài Gòn CPA	683.167.648	-
Khác	2.046.091.029	14.924.140.904
TỔNG CỘNG	**7.159.329.837**	**15.744.370.116**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên thứ ba), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu nhà cung cấp *(i)*	1.023.969.243.621	1.171.471.124.933
- *Công Ty TNHH Apple Việt Nam*	*177.001.918.901*	*57.480.162.078*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*123.491.899.918*	*154.622.689.360*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	*95.772.412.644*	*200.572.240.839*
- *Công Ty Cổ Phần Thế Giới Số*	*78.168.874.253*	*96.902.946.152*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*76.666.694.500*	*86.026.845.242*
- *Khác*	*472.867.443.405*	*575.866.241.262*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	31.224.723.432	48.123.680.198
Phải thu lãi tiền gửi	465.479.191.828	827.685.946.213
Các khoản khác	18.194.076.747	18.532.644.811
TỔNG CỘNG	**1.538.867.235.628**	**2.065.813.396.155**

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Điện thoại di động	6.308.558.749.355	5.623.974.514.129
Thiết bị điện tử	5.642.433.998.542	5.791.135.171.256
Thiết bị gia dụng	2.987.823.278.813	3.702.475.527.588
Máy tính xách tay	1.394.857.344.900	952.381.256.823
Phụ kiện	1.135.937.046.238	752.359.819.674
Máy tính bảng	246.873.698.461	141.086.706.363
Đồng hồ và mắt kính	183.440.081.019	230.045.847.634
Hàng hóa khác	322.683.084.156	444.869.482.159
TỔNG CỘNG	**18.222.607.281.484**	**17.638.328.325.626**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
GIÁ TRỊ THUẦN	**17.799.509.595.546**	**17.433.879.428.706**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

		Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm		(204.448.896.920)	(362.053.661.406)
Cộng:	Dự phòng trích lập trong năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Trừ:	Hoàn nhập dự phòng trong năm	204.448.896.920	362.053.661.406
Số cuối năm		(423.097.685.938)	(204.448.896.920)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**268.727.941.201**	**297.603.858.519**
Chi phí thuê cửa hàng	258.309.167.896	275.772.939.734
Công cụ, dụng cụ	3.031.821.469	2.275.694.007
Chi phí thiết kế cửa hàng	1.845.561.507	973.028.523
Khác	5.541.390.329	18.582.196.255
Dài hạn	**24.712.228.152**	**37.143.086.791**
Chi phí thiết kế cửa hàng	12.510.473.848	19.790.796.692
Chi phí thuê cửa hàng	7.677.687.318	8.989.182.285
Công cụ, dụng cụ	2.499.819.075	8.100.038.637
Chi phí khác	2.024.247.911	263.069.177
TỔNG CỘNG	**293.440.169.353**	**334.746.945.310**

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.945.857.476.919	296.532.644.251	1.006.325.927.649	10.248.716.048.819
Mua mới	5.083.764.962	-	6.104.074.600	11.187.839.562
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.532.033.332	-	1.272.758.000	9.804.791.332
Thanh lý	(555.586.576.559)	(1.527.228.600)	(90.570.319.876)	(647.684.125.035)
Số cuối năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*5.006.325.387.509*	*106.116.661.426*	*747.714.560.556*	*5.860.156.609.491*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(6.560.996.034.526)	(192.881.793.488)	(874.695.779.593)	(7.628.573.607.607)
Khấu hao trong năm	(885.041.195.893)	(34.013.327.703)	(75.169.425.826)	(994.223.949.422)
Thanh lý	327.278.728.111	1.058.825.004	78.664.358.205	407.001.911.320
Số cuối năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	2.384.861.442.393	103.650.850.763	131.630.148.056	2.620.142.441.212
Số cuối năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và cuối năm	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

16.1 *Đầu tư vào công ty con*

Tên công ty	*Địa điểm*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Tỷ lệ sở hữu	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*
			(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
MWG (Cambodia) Co., Ltd *(i)*	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	100,00	702.488.640.000	(702.488.640.000)	100,00	670.642.920.000	(670.642.920.000)
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma *(ii)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	99,99	2.078.423.751.737	-	99,99	1.948.423.751.737	-
TỔNG CỘNG				**2.780.912.391.737**	**(702.488.640.000)**		**2.619.066.671.737**	**(670.642.920.000)**

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

16.1 *Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

(i) MWG (Cambodia) Co., Ltd. là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Thương mại và Luật Doanh nghiệp, Luật Dân sự và Hình sự của Vương quốc Campuchia theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 00020766 do Bộ Thương mại của Vương quốc Campuchia cấp ngày 26 tháng 10 năm 2016. TGDĐ Cambodia có trụ sở chính tại Số 8, Đường 245, Xã Sangkat Toule Bassac I, Quận Khan Chamkamon, Thủ đô Phnôm Pênh, Vương quốc Campuchia.

Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

(ii) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314587300 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 8 năm 2017. Công ty sau đó cũng nhận được các GCNĐKDN điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 vào ngày 18 tháng 9 năm 2024.

16.2 *Đầu tư vào công ty liên doanh*

		Ngày 31 tháng 12 năm 2024			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
	Hoạt động kinh doanh	*Số tiền*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Số tiền*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*
		VND	*VND*	*%*	*VND*	*VND*	*%*
PT Era Blu Elektronik	Kinh doanh thiết bị điện tử	286.632.252.729	-	45	286.632.252.729	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả người bán	5.943.240.953.220	5.149.298.265.688
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*494.430.598.816*	*139.020.442.642*
- *Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam*	*368.233.274.979*	*234.769.239.766*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*330.376.839.713*	*337.324.152.646*
- *Chi Nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*328.278.198.699*	*98.858.065.553*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba*	*319.793.975.590*	*374.086.979.559*
- *Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	*307.039.995.338*	*147.460.522.918*
- *Khác*	*3.795.088.070.085*	*3.817.778.862.604*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	*214.934.835.897*	56.438.956.778
TỔNG CỘNG	**6.158.175.789.117**	**5.205.737.222.466**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng*	*Giảm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.213.830.951	1.226.420.618.792	(932.426.715.489)	403.207.734.254
Thuế giá trị gia tăng	175.392.802.116	12.644.584.191.441	(12.647.420.313.786)	172.556.679.771
Thuế thu nhập cá nhân	14.720.559.385	150.807.518.497	(157.895.207.269)	7.632.870.613
Khác	1.201.992.254	15.688.204.524	(16.260.031.932)	630.164.846
TỔNG CỘNG	**300.529.184.706**	**14.037.500.533.254**	**(13.754.002.268.476)**	**584.027.449.484**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thưởng nhân viên	1.521.285.418.010	353.337.348.301
Chi phí tiếp thị quảng cáo	220.288.299.910	103.602.236.401
Chi phí hỗ trợ lãi suất	118.426.634.122	77.444.151.629
Các khoản phải trả nhân viên	76.992.803.097	18.699.126.044
Chi phí lãi vay	55.361.378.288	42.092.648.233
Chi phí tiện ích	51.253.024.056	64.793.599.570
Chi phí vận chuyển	7.382.232.358	8.569.062.808
Khác	30.543.701.038	16.765.111.295
TỔNG CỘNG	**2.081.533.490.879**	**685.303.284.281**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thu hộ cước phí	420.467.346.267	569.795.789.534
Phiếu mua hàng	108.650.944.688	50.838.045.000
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	64.517.277.611	48.605.942.235
Nhận ký quỹ	20.995.000.000	21.600.000.000
Lãi vay bên liên quan	-	15.941.250.688
Khác	45.730.796.830	44.539.947.399
TỔNG CỘNG	**660.361.365.396**	**751.320.974.856**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*638.424.407.104*	*709.665.642.566*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*21.936.958.292*	*41.655.332.290*

21. VAY

VND

	Số đầu năm	*Thu từ đi vay*	*Trả nợ vay*	*Số cuối năm*
Ngắn hạn	**18.384.672.489.290**	**71.652.809.169.190**	**(70.203.107.974.646)**	**19.834.373.683.834**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 21.1)*	18.384.672.489.290	71.652.809.169.190	(70.203.107.974.646)	19.834.373.683.834
Dài hạn	**1.889.450.000.000**	**292.400.000.000**	**(2.181.850.000.000)**	**-**
Vay dài hạn bên liên quan	1.889.450.000.000	292.400.000.000	(2.181.850.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**20.274.122.489.290**	**71.945.209.169.190**	**(72.384.957.974.646)**	**19.834.373.683.834**

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	19.834.373.683.834	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2025 đến ngày 25 tháng 4 năm 2025

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	13.360.421.985.493	17.721.940.795.493
Lợi nhuận thuần trong năm	-	1.725.756.005.264	1.725.756.005.264
Chia cổ tức	-	(200.009.999.795)	(200.009.999.795)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Năm nay:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức *(i)*	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 2.749.999.999.995 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 19 tháng 3 năm 2024; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 6 năm 2024; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 11 tháng 9 năm 2024 và 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2024 ngày 1 tháng 11 năm 2024.

22.2 *Chi tiết vốn đã góp*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	435.910.240	99,94	435.910.240	99,94
Các cá nhân	241.641	0,06	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	**436.151.881**	**100,00**	**436.151.881**	**100,00**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**91.984.185.491.966**	**85.545.372.009.196**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*91.442.773.850.246*	*84.952.397.282.464*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*541.411.641.720*	*592.974.726.732*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(883.948.450.190)**	**(954.396.369.644)**
Hàng bán bị trả lại	*(883.948.450.190)*	*(954.396.369.644)*
Doanh thu thuần	**91.100.237.041.776**	**84.590.975.639.552**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*90.558.825.400.056*	*83.998.000.912.820*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*541.411.641.720*	*592.974.726.732*

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.475.367.891.228	1.530.736.291.722
Chiết khấu thanh toán	173.637.343.565	168.653.754.684
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.302.031.614	1.656.522.227
Khác	1.279.993.957	-
TỔNG CỘNG	**1.651.587.260.364**	**1.701.046.568.633**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	695.030.896.275	1.074.878.904.251
Dự phòng tổn thất đầu tư	31.845.720.000	67.977.684.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	90.577.797	-
Khác	2.409.101.142	2.670.787.463
TỔNG CỘNG	**729.376.295.214**	**1.145.527.375.933**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.280.173.606.311	5.995.511.891.717
Chi phí nhân viên	3.482.154.917.142	3.942.259.239.488
Chi phí khấu hao và hao mòn	994.051.623.206	1.317.720.329.216
Chi phí khác	61.364.664.403	23.934.229.541
TỔNG CỘNG	**9.817.744.811.062**	**11.279.425.689.962**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	1.861.933.544.132	465.415.148.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	495.572.137.749	411.128.891.525
Chi phí khấu hao và hao mòn	172.326.216	243.781.368
Chi phí khác	42.558.177.201	6.829.028.058
TỔNG CỘNG	**2.400.236.185.298**	**883.616.849.008**

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**19.192.653.348**	**24.957.567.448**
Chi phí khác	**223.493.093.510**	**208.329.487.863**
Lỗ từ thanh lý tài sản	219.940.432.167	205.896.632.470
Các khoản khác	3.552.661.343	2.432.855.393
LỖ KHÁC THUẦN	**204.300.440.162**	**183.371.920.415**

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	74.466.066.849.425	70.620.538.673.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.775.745.744.060	6.406.640.783.242
Chi phí nhân viên	5.344.088.461.274	4.407.674.387.545
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 13 và 14)*	994.223.949.422	1.317.964.110.584
Chi phí khác	103.922.841.604	30.763.257.599
TỔNG CỘNG	**86.684.047.845.785**	**82.783.581.212.093**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.231.137.391.667	392.696.324.328
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
	1.226.420.618.792	393.496.576.363
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(196.477.162.710)	60.289.118.117
TỔNG CỘNG	**1.029.943.456.082**	**453.785.694.480**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**5.134.099.720.979**	**2.179.541.699.744**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.026.819.944.196	435.908.339.949
Các điều chỉnh		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích (thừa) thiếu trong những năm trước	(4.716.772.875)	800.252.035
Chi phí không được trừ	1.471.140.761	3.481.565.652
Dự phòng đầu tư nước ngoài	6.369.144.000	13.595.536.844
Chi phí thuế TNDN ước tính	**1.029.943.456.082**	**453.785.694.480**

30.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí phải trả	144.812.651.110	-	144.812.651.110	(30.116.274.400)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	84.619.537.188	40.889.779.384	43.729.757.804	(31.520.952.897)
Dự phòng chi phí bảo hành	14.047.933.382	13.587.160.869	460.772.513	(1.665.060.697)
Dự phòng khấu hao	6.175.722.101	3.099.299.272	3.076.422.829	3.099.299.272
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4.344.639.602	-	4.344.639.602	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(20.826.708)	(73.745.560)	52.918.852	(86.129.395)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***253.979.656.675***	***57.502.493.965***		
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại			***196.477.162.710***	***(60.289.118.117)***

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm ("CIRM JSC")	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức	2.748.476.418.927	199.899.193.902
	Thanh toán vay	2.181.850.000.000	-
	Vay	292.400.000.000	999.600.000.000
	Lãi vay	79.322.775.940	237.895.991.666
CIRM JSC	Mua dịch vụ	1.705.838.285.052	1.566.333.182.612
	Mua hàng hóa	463.353.422.465	342.977.334.396
	Bán hàng hóa và dịch vụ	30.716.400.000	24.217.656.691
	Bán tài sản cố định	636.753.358	410.577.535
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	488.665.818.561	399.653.248.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	232.836.788.855	215.436.353.648
	Bán dịch vụ	22.451.542.601	157.744.087.353
	Bán tài sản cố định	762.957.282	273.481.835
	Mua tài sản cố định	21.111.349	2.217.870.330
	Mua hàng hóa	594.444	593.291.822
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Góp vốn	130.000.000.000	-
	Bán hàng hóa	15.339.604.308	17.604.838.958
	Mua tài sản cố định	1.714.125.708	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	80.299.356.385	120.564.793.840
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	31.845.720.000	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	15.055.043.664	14.724.762.524
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	1.089.321.304	1.324.674.917
CIRM JSC	Bán hàng hóa	96.614.245	103.776.244
		16.240.979.213	**16.153.213.685**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Cho thuê Chi hộ	14.119.569.377 3.674.261.934	- 29.733.663.841
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	8.092.456.265	11.651.666.649
CIRM JSC	Dịch vụ khác	4.333.954.056	6.649.275.926
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	915.377.030	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	89.104.770	78.344.915
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Chi hộ	-	10.728.867
		31.224.723.432	**48.123.680.198**
Phải trả người bán ngắn hạn			
CIRM JSC	Mua dịch vụ	153.304.334.357	16.597.691
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	56.012.713.892	51.418.025.597
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.473.324.841	4.268.254.321
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	144.462.807	148.173.500
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thuê cửa hàng	-	587.905.669
		214.934.835.897	**56.438.956.778**

D
HC
PH
MI

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	16.586.301.424	75.747.241
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	4.717.652.365	22.767.849.290
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	620.202.279	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	12.802.224	2.870.485.070
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Lãi vay	-	15.941.250.689
		21.936.958.292	**41.655.332.290**
Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Vay	-	1.889.450.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	230.080.000
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.711.436.506	1.075.834.076
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	584.280.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	851.893.154	562.348.000
TỔNG CỘNG		**2.563.329.660**	**2.452.542.076**

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	2.138.748.458.710	2.451.301.826.798
Từ 1 đến 5 năm	5.981.249.192.600	7.363.282.427.529
Trên 5 năm	1.949.689.552.190	3.226.742.074.004
TỔNG CỘNG	**10.069.687.203.500**	**13.041.326.328.331**

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động thành Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Võ Thị Phương Thảo	Đoàn Văn Hiếu Em
Người lập kiêm Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 28-02-2026
002596-02 /SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 2 năm 2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHU KIM TÂM

Nguyễn Thị Quý

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 46

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0303217354 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH P. TÂN ĐỊNH TP. HỒ CHÍ MINH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255/HN-25

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**53.565.566.103.895**	**47.063.191.892.772**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	*4*	***3.578.154.917.657***	***3.780.128.276.727***
111	1. Tiền		3.558.154.917.657	3.580.128.276.727
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***20.414.244.731.666***	***19.463.430.958.687***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.414.244.731.666	19.463.430.958.687
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***6.264.835.281.364***	***5.005.016.206.176***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	394.564.407.242	241.768.864.731
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	40.298.376.105	7.625.724.817
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.180.000.000.000	3.198.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.649.972.498.017	1.557.621.616.628
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***22.759.101.620.225***	***18.445.615.872.295***
141	1. Hàng tồn kho		23.368.695.775.234	18.868.713.558.233
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***549.229.552.983***	***369.000.578.887***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	340.599.769.383	274.785.229.426
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	208.629.783.600	94.214.349.461
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	18	-	1.000.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.350.671.762.515**	**2.408.951.274.697**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***238.775.502.397***	***256.707.860.908***
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.775.502.397	256.707.860.908
220	***II. Tài sản cố định***		***840.472.791.325***	***1.625.231.472.209***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	814.473.912.825	1.561.763.906.070
222	Nguyên giá		9.454.539.360.453	9.938.145.643.754
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.640.065.447.628)	(8.376.381.737.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	63.467.566.139
228	Nguyên giá		36.771.076.200	90.297.772.827
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(26.830.206.688)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***54.108.981.914***	***4.941.859.483***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***1.771.159.064.528***	***242.035.797.830***
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	16	371.159.064.528	242.035.797.830
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***446.155.422.351***	***280.034.284.267***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	26.054.627.592
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	433.735.079.015	253.979.656.675
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**56.916.237.866.410**	**49.472.143.167.469**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**39.115.666.255.903**	**29.955.725.943.070**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***39.115.666.255.903***	***29.955.725.943.070***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.701.594.456.166	6.325.109.928.640
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	210.360.563.142	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	811.242.325.898	585.548.459.406
314	4. Phải trả người lao động		190.067.856.206	141.425.441.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	3.304.053.527.878	2.109.806.224.937
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	842.798.429.389	683.193.526.335
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.429.114.317.650	19.930.172.643.525
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**17.800.571.610.507**	**19.516.417.224.399**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23***	***17.800.571.610.507***	***19.516.417.224.399***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.012.835.000.000*	*4.361.518.810.000*
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.073.331.174.380	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.714.405.436.127	15.154.898.414.399
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*4.612.620.204.399*	*11.438.327.441.232*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.101.785.231.728*	*3.716.570.973.167*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**56.916.237.866.410**	**49.472.143.167.469**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	110.387.157.888.454	94.240.556.174.175
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(907.969.435.608)	(883.948.450.190)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	109.479.188.452.846	93.356.607.723.985
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 29	(89.992.477.524.267)	(76.267.199.511.301)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.486.710.928.579	17.089.408.212.684
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	1.842.889.655.874	1.673.177.566.415
22	7. Chi phí tài chính	26	(973.377.602.687)	(700.525.805.609)
23	- *Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(970.038.874.515)*	*(698.026.126.670)*
24	8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh		24.351.079.198	(44.596.454.899)
25	9. Chi phí bán hàng	27, 29	(9.960.990.653.627)	(10.476.983.983.071)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 29	(3.179.187.654.912)	(2.456.442.534.973)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.240.395.752.425	5.084.037.000.547
31	12. Thu nhập khác		41.993.570.273	19.561.273.875
32	13. Chi phí khác	28	(13.690.616.919)	(357.083.845.173)
40	14. Lãi (lỗ) khác		28.302.953.354	(337.522.571.298)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		7.268.698.705.779	4.746.514.429.249
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(1.638.902.794.566)	(1.226.420.618.792)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	171.989.320.515	196.477.162.710
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	5.268	3.409
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	5.268	3.409

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.268.698.705.779**	**4.746.514.429.249**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	775.210.194.149	1.086.316.535.865
03	Dự phòng		205.754.863.290	220.952.651.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.707.522.809.174)	(1.104.545.913.764)
06	Chi phí lãi vay	26	970.038.874.515	698.026.126.670
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**7.512.122.696.587**	**5.647.159.696.069**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(40.254.576.400)	332.280.519.604
10	Tăng hàng tồn kho		(5.020.792.722.687)	(426.288.336.665)
11	Tăng các khoản phải trả		5.029.401.100.314	2.270.686.564.790
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(50.175.336.438)	52.414.720.963
14	Tiền lãi vay đã trả		(952.184.628.079)	(700.748.020.023)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.016.731.367.885**	**6.243.078.429.249**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(126.099.723.642)	(75.317.052.553)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		60.406.749.261	22.045.328.209
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(33.723.305.970.369)	(36.083.817.752.133)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		30.521.492.197.390	30.805.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(204.771.087.500)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.977.546.976.380	
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.506.801.236.958	1.854.318.533.160
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**12.070.378.478**	**(3.477.040.205.461)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	84.226.229.694.440	72.369.835.479.230
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	22	(80.866.099.911.845)	(72.745.779.245.387)
36	Cổ tức đã trả	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(5.230.832.237.405)**	**(3.125.943.766.152)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần thuần trong năm**		**(202.030.491.042)**	**(359.905.542.364)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**3.780.128.276.727**	**4.139.929.685.549**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	4	**3.578.154.917.657**	**3.780.128.276.727**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chủ yếu trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 32.157 (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 24.139).

Cơ cấu tổ chức

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	
				Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh *(*)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	99,99978	-
(2) Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma *(**)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ dược phẩm	Đang hoạt động	-	99,999994
(3) MWG (Cambodia) Co., Ltd *(***)*	Phnôm Pênh, Campuchia	Quản lý đầu tư	Giải thể	-	100
Công ty liên doanh					
(4) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma ("An Khang") với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

(***) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Đồng hồ, mắt kính	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vật tư lắp đặt	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thu.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh* (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua/ giá thanh lý của bên bán và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất).

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa tương tự.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ .

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	254.143.283.239	254.936.869.384
Tiền gửi ngân hàng	3.270.924.090.558	3.264.205.303.902
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	60.986.103.441
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	20.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.578.154.917.657**	**3.780.128.276.727**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn	**20.414.244.731.666**	**20.414.244.731.666**	**19.463.430.958.687**	**19.463.430.958.687**
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	13.626.300.000.000	13.626.300.000.000	13.214.114.712.329	13.214.114.712.329
Đầu tư khác *(ii)*	6.787.944.731.666	6.787.944.731.666	6.249.316.246.358	6.249.316.246.358
				-
Dài hạn	**1.400.000.000.000**	**1.400.000.000.000**	-	-
Đầu tư khác *(iii)*	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	**21.814.244.731.666**	**21.814.244.731.666**	**19.463.430.958.687**	**19.463.430.958.687**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu khách hàng	233.388.024.089	226.617.206.822
- *Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	*87.192.506.673*	*59.659.077.990*
- *Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	*80.463.411.137*	*82.179.250.662*
- *Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	*6.119.673.829*	-
- *Khác*	*59.612.432.450*	*84.778.878.170*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	161.176.383.153	15.151.657.909
TỔNG CỘNG	**394.564.407.242**	**241.768.864.731**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH SIS Equipment Limited	16.065.732.453	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	11.290.331.762	3.720.667.458
Công ty TNHH Supply Chain (Vietnam)	4.008.674.298	-
Công ty TNHH TM Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	1.123.223.090	-
Khác	7.810.414.502	3.905.057.359
TỔNG CỘNG	**40.298.376.105**	**7.625.724.817**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ các nhà cung cấp *(i)*	923.425.890.174	1.033.855.581.408
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*293.014.411.725*	*177.001.918.901*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	*80.700.216.538*	*95.772.412.644*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*76.710.001.156*	*123.491.899.918*
- *Công ty TNHH Panasonic*	*42.565.091.432*	*35.126.516.454*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*37.284.502.503*	*76.666.694.500*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*34.802.828.518*	*78.168.874.253*
- *Khác*	*358.348.838.302*	*447.627.264.738*
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	652.270.392.374	473.574.535.117
Khác	74.276.215.469	50.191.500.103
TỔNG CỘNG	**1.649.972.498.017**	**1.557.621.616.628**
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên khác	*1.609.369.815.051*	*1.526.485.997.966*
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*40.602.682.966*	*31.135.618.662*

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.455.502.863.780	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ, mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Vật tư lắp đặt	99.657.560.121	-
Dược phẩm	-	430.955.064.491
Vitamin và thực phẩm chức năng	-	114.364.004.984
Mỹ phẩm	-	42.489.932.374
Trang thiết bị y tế cá nhân	-	30.178.422.899
Hàng hóa khác	163.480.901.138	350.801.936.157
TỔNG CỘNG	**23.368.695.775.234**	**18.868.713.558.233**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
GIÁ TRỊ THUẦN	**22.759.101.620.225**	**18.445.615.872.295**

10. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**340.599.769.383**	**274.785.229.426**
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	263.916.355.612
Công cụ, dụng cụ	38.244.291.996	3.481.921.978
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	24.176.325.301	1.845.561.507
Khác	31.444.873.091	5.541.390.329
Dài hạn	**12.420.343.336**	**26.054.627.592**
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.423	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	3.842.218.515
Khác	1.332.449.407	2.024.247.911
TỔNG CỘNG	**353.020.112.719**	**300.839.857.018**

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.712.375.852.436	295.005.415.651	930.764.375.667	9.938.145.643.754
Mua trong năm	31.279.267.150	-	3.333.033.483	34.612.300.633
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Tăng do mua công ty con	9.410.734.443	66.152.043.843	729.023.115	76.291.801.401
Thanh lý	(281.555.915.644)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(359.626.831.578)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(325.130.148.676)	-	(8.337.649.580)	(333.467.798.256)
Số cuối năm	8.221.877.694.621	360.538.843.439	872.122.822.393	9.454.539.360.453
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*5.704.877.185.241*	*144.172.271.108*	*779.571.524.595*	*6.628.620.980.944*
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(7.275.277.047.031)	(225.836.296.187)	(875.268.394.466)	(8.376.381.737.684)
Khấu hao trong năm	(711.033.751.349)	(28.715.798.947)	(30.107.974.191)	(769.857.524.487)
Tăng do mua công ty con	(2.212.352.875)	(7.392.474.809)	(203.225.229)	(9.808.052.913)
Thanh lý	217.746.483.520	618.616.055	75.484.637.683	293.849.737.258
Giảm do chuyển nhượng công ty con	216.541.178.683	-	5.590.951.515	222.132.130.198
Số cuối năm	(7.554.235.489.052)	(261.325.953.888)	(824.504.004.688)	(8.640.065.447.628)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.437.098.805.405	69.169.119.464	55.495.981.201	1.561.763.906.070
Số cuối năm	667.642.205.569	99.212.889.551	47.618.817.705	814.473.912.825

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Thương hiệu*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.998.878.500	10.772.197.700	53.526.696.627	90.297.772.827
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	(53.526.696.627)	(53.526.696.627)
Số cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	-	36.771.076.200
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	-	*10.772.197.700*	-	*10.772.197.700*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	(10.772.197.700)	(16.058.008.988)	(26.830.206.688)
Hao mòn trong năm	-	-	(5.352.669.662)	(5.352.669.662)
Giảm do chuyển nhượng công ty con	-	-	21.410.678.650	21.410.678.650
Số cuối năm	-	(10.772.197.700)	-	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.998.878.500	-	37.468.687.639	63.467.566.139
Số cuối năm	25.998.878.500	-	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
		VND	*VND*
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	371.159.064.528	242.035.797.830

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND *Era Blu*
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm	286.632.252.729
Tăng trong năm	104.772.187.500
Số cuối năm	391.404.440.229
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Số đầu năm	(44.596.454.899)
Phần lãi từ công ty liên doanh trong năm	24.351.079.198
Số cuối năm	(20.245.375.701)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	242.035.797.830
Số cuối năm	371.159.064.528

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	9.633.273.278.640	9.633.273.278.640	6.107.082.569.290	6.107.082.569.290
- *Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	*997.223.502.161*	*997.223.502.161*	*460.712.788.052*	*460.712.788.052*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*756.976.130.250*	*756.976.130.250*	*131.287.827.660*	*131.287.827.660*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*666.723.063.260*	*666.723.063.260*	*494.430.598.816*	*494.430.598.816*
- *Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*542.129.799.607*	*542.129.799.607*	*328.278.198.699*	*328.278.198.699*
- *Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam*	*511.561.974.100*	*511.561.974.100*	*368.233.274.979*	*368.233.274.979*
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*463.897.487.034*	*463.897.487.034*	*283.926.664.042*	*283.926.664.042*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam*	*431.237.672.191*	*431.237.672.191*	*319.793.975.590*	*319.793.975.590*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam*	*306.843.068.741*	*306.843.068.741*	*330.376.839.713*	*330.376.839.713*
- *Khác*	*4.956.680.581.296*	*4.956.680.581.296*	*3.390.042.401.739*	*3.390.042.401.739*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 31)*	68.321.177.526	68.321.177.526	218.027.359.350	218.027.359.350
TỔNG CỘNG	**9.701.594.456.166**	**9.701.594.456.166**	**6.325.109.928.640**	**6.325.109.928.640**

17.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Giảm do chuyển nhượng công ty con*	*Tăng do mua công ty con*	*Số cuối năm*
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	94.214.349.461	17.354.857.206.611	(17.196.345.628.158)	(47.563.519.235)	3.467.374.921	208.629.783.600
Khác	1.000.000	-	-	(1.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	**94.215.349.461**	**17.354.857.206.611**	**(17.196.345.628.158)**	**(47.564.519.235)**	**3.467.374.921**	**208.629.783.600**
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	-	14.592.121.721	595.317.485.129
Thuế giá trị gia tăng	173.908.871.575	14.695.239.248.609	(14.677.294.015.665)	(403.204.341)	5.139.204.438	196.590.104.616
Thuế thu nhập cá nhân	7.770.344.193	292.507.414.170	(285.406.926.549)	(270.811.884)	3.374.567.285	17.974.587.215
Thuế khác	661.509.384	20.837.515.363	(20.130.833.072)	(8.042.737)	-	1.360.148.938
TỔNG CỘNG	**585.548.459.406**	**16.647.486.972.708**	**(16.444.216.940.698)**	**(682.058.962)**	**23.105.893.444**	**811.242.325.898**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thưởng nhân viên	2.479.282.385.291	1.539.705.905.611
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	224.958.196.974
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	81.764.402.600
Chi phí lãi vay	73.959.748.135	55.467.614.302
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Khác	66.677.492.044	38.230.447.272
TỔNG CỘNG	**3.304.053.527.878**	**2.109.806.224.937**

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phiếu mua hàng	401.754.944.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	421.731.560.848
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	73.516.016.766	66.866.726.070
Nhận ký quỹ	68.929.297.668	21.240.000.000
Khác	44.872.915.705	64.704.294.729
TỔNG CỘNG	**842.798.429.389**	**683.193.526.335**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*837.354.009.915*	*665.974.220.408*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	*5.444.419.474*	*17.219.305.927*

22. VAY

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Tăng do mua công ty con*	*Giảm do chuyển nhượng công ty con*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 22.1)*	19.930.172.643.525	84.226.229.694.440	(80.866.099.911.845)	218.724.988.327	(79.913.096.797)	23.429.114.317.650
Trong đó:						
Số có khả năng trả nợ						
Vay ngắn hạn	*19.930.172.643.525*					*23.429.114.317.650*

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	23.429.114.317.650	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Chênh lệch tỷ giá*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Vốn khác*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	3.739.030.306	14.188.327.441.227	-	18.553.585.281.533
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.716.570.973.167	-	3.716.570.973.167
Chênh lệch tỷ giá	-	(3.739.030.306)	-	-	(3.739.030.306)
Chia cổ tức	-	-	(2.749.999.999.995)	-	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Năm nay					
Số đầu năm	4.361.518.810.000	-	15.154.898.414.399		19.516.417.224.399
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	5.801.785.231.728	-	5.801.785.231.728
Chia cổ tức *(i)*	-	-	(8.700.000.000.000)	-	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu *(ii)*	6.542.278.210.000	-	(6.542.278.210.000)	-	-
Góp vốn bằng tiền *(iii)*	109.037.980.000	-	-	-	109.037.980.000
Phụ trội hợp nhất *(iv)*	-	-	-	1.073.331.174.380	1.073.331.174.380
Số cuối năm	11.012.835.000.000	-	5.714.405.436.127	1.073.331.174.380	17.800.571.610.507

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000.000) cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 10 tháng 7 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

(iv) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Theo đó, Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025. Theo đó, An Khang không còn là công ty con trực tiếp của Công ty.

Các nghiệp vụ chuyển nhượng trên được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì cả Công ty và các công ty con trước và sau khi được tái cơ cấu đều dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động. Theo đó, nghiệp vụ thanh lý An Khang và nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ như được trình bày tại Thuyết minh 3.11 nêu trên. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá chuyển nhượng/ giá phí hợp nhất kinh doanh với giá trị là 1.073.331.174.380 VND được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất ở mục vốn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 *Chi tiết vốn đã góp*

Cổ đông	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98.955	435.910.240	99.94
Các cá nhân	11.507.900	1.045	241.641	0.06
TỔNG CỘNG	**1.101.283.500**	**100.00**	**436.151.881**	**100.00**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**110.387.157.888.454**	**94.240.556.174.175**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*109.691.248.450.687*	*93.699.151.069.492*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*695.909.437.767*	*541.405.104.683*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(907.969.435.608)**	**(883.948.450.190)**
Hàng bán bị trả lại	*(907.969.435.608)*	*(883.948.450.190)*
Doanh thu thuần	**109.479.188.452.846**	**93.356.607.723.985**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*108.783.279.015.079*	*92.815.202.619.302*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*695.909.437.767*	*541.405.104.683*

24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	1.688.542.075.035	1.495.875.026.170
Chiết khấu thanh toán	152.032.478.019	174.720.514.674
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
TỔNG CỘNG	**1.842.889.655.874**	**1.673.177.566.415**

25. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí mua hàng và cung cấp dịch vụ	89.992.477.524.267	76.267.199.511.301

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	970.038.874.515	698.026.126.670
Khác	3.338.728.172	2.499.678.939
TỔNG CỘNG	**973.377.602.687**	**700.525.805.609**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**9.960.990.653.627**	**10.476.983.983.071**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.916.538.430.739	5.459.677.407.059
Chi phí nhân viên	2.937.379.216.938	3.759.056.713.675
Chi phí khấu hao và hao mòn	775.064.968.744	1.086.144.209.649
Khác	332.008.037.206	172.105.652.688
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**3.179.187.654.912**	**2.456.442.534.973**
Chi phí nhân viên	2.698.643.340.323	1.892.183.682.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	469.936.059.085	507.349.064.478
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.225.405	172.326.216
Khác	10.463.030.099	56.737.461.988
TỔNG CỘNG	**13.140.178.308.539**	**12.933.426.518.044**

28. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thanh lý tài sản cố định	6.037.584.111	346.732.657.507
Khác	7.653.032.808	10.351.187.666
TỔNG CỘNG	**13.690.616.919**	**357.083.845.173**

29. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	89.992.477.524.267	76.267.199.511.301
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.386.474.489.824	5.967.026.471.537
Chi phí nhân viên	5.636.022.557.261	5.651.240.395.966
Chi phí khấu hao, hao mòn *(Thuyết minh số 13 và 14)*	775.210.194.149	1.086.316.535.865
Chi phí khác	342.471.067.305	228.843.114.676
TỔNG CỘNG	**103.132.655.832.806**	**89.200.626.029.345**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(171.989.320.515)	(196.477.162.710)
TỔNG CỘNG	**1.466.913.474.051**	**1.029.943.456.082**

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.268.698.705.779**	**4.746.514.429.249**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.453.739.741.156	949.302.885.850
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ từ các công ty con	22.591.965.919	73.688.330.722
(Lãi) lỗ từ công ty liên doanh	(4.870.215.840)	8.919.290.980
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	4.242.893.609	1.679.187.472
Doanh thu không chịu thuế	(4.188.860.191)	-
Chi phí phân bổ thương hiệu	1.070.533.933	1.070.533.933
Lỗ chuyển nhượng công ty con	(13.096.730.347)	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN ước tính	**1.466.913.474.051**	**1.029.943.456.082**

30.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Các khoản chi phí phải trả	184.384.575.082	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng chi phí khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***433.735.079.015***	***253.979.656.675***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***171.989.320.515***	***196.477.162.710***

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Zynstra Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Purple Wifi Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000
	Vay	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561
	Mua dịch vụ	4.859.720.750	10.976.934.322
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855
	Bán dịch vụ	23.048.400.000	22.451.542.601
	Mua tài sản cố định	4.737.859.924	1.152.583.342
	Bán tài sản cố định	3.736.005.676	1.812.709.581
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444
	Mua dịch vụ	-	23.664.451.617
	Chi phí điện	-	7.499.534.260
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385
Công ty TNHH Thương Mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.314.359.885	15.055.043.664
	Bán dịch vụ	9.926.884.800	-
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	-
	Bán dịch vụ	1.982.128.055	
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	-	96.614.245
		161.176.383.153	**15.151.657.909**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế giới Di động	Tạm ứng cổ tức	20.634.327.611	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-
	Cho thuê	2.074.355.898	14.119.569.377
	Chi hộ	428.418.548	3.674.261.934
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265
Công ty TNHH Đầu Tư Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	-	4.333.954.056
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030
		40.602.682.966	**31.135.618.662**

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.798.323.713	56.719.498.474
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	5.108.951.223	5.473.324.841
	Mua dịch vụ	-	406.513.722
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	-
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thuê cửa hàng	1.842.334	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	-	153.304.334.357
	Mua công cụ, dụng cụ	-	2.123.687.956
		68.321.177.526	**218.027.359.350**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	3.586.085.196	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	1.840.887.467	-
	Mua vật dụng, thiết bị	13.302.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	4.144.811	12.802.224
Cổng ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ Công ty	-	620.202.279
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424
		5.444.419.474	**17.219.305.927**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154
TỔNG CỘNG		**2.674.906.755**	**2.563.329.660**

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	5.801.785.231.728	3.716.570.973.167
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(*)*	1.101.283.500	1.090.379.702
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	5.268	3.409

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	2.149.789.570.650	2.222.354.638.429
Từ 1 đến 5 năm	5.864.629.759.677	6.210.842.143.143
Trên 5 năm	1.678.824.520.706	1.983.888.658.902
TỔNG CỘNG	**9.693.243.851.033**	**10.417.085.440.474**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành các sản phẩm này; và
- Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm kinh doanh dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	*Ngành hàng dược mỹ phẩm*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Năm nay				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	107.304.831.302.466	2.174.357.150.380	-	109.479.188.452.846
Giữa các bộ phận	18.408.240.373	-	(18.408.240.373)	-
Tổng cộng doanh thu	**107.323.239.542.839**	**2.174.357.150.380**	**(18.408.240.373)**	**109.479.188.452.846**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	19.075.913.356.076	410.797.572.503	-	19.486.710.928.579
Chi phí không phân bổ				(13.140.178.308.539)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				6.346.532.620.040
Doanh thu hoạt động tài chính				1.842.889.655.874
Chi phí tài chính				(973.377.602.687)
Phần lãi trong công ty liên doanh				24.351.079.198
Lỗ khác				28.302.953.354
Lợi nhuận kế toán trước thuế				7.268.698.705.779
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.638.902.794.566)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				171.989.320.515
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				5.801.785.231.728
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	56.936.483.242.111	-	-	56.936.483.242.111
Tài sản không phân bổ				(20.245.375.701)
Tổng tài sản				**56.916.237.866.410**
Nợ phải trả của bộ phận	39.115.666.255.903	-	-	39.115.666.255.903
Tổng nợ phải trả				**39.115.666.255.903**

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	*Ngành hàng dược mỹ phẩm*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	91.084.897.338.108	2.271.710.385.877	-	93.356.607.723.985
Giữa các bộ phận	15.339.703.668	6.537.037	(15.346.240.705)	-
Tổng cộng doanh thu	**91.100.237.041.776**	**2.271.716.922.914**	**(15.346.240.705)**	**93.356.607.723.985**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	16.634.170.192.351	455.238.020.333	-	17.089.408.212.684
Chi phí không phân bổ				(12.933.426.518.044)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				4.155.981.694.640
Doanh thu hoạt động tài chính				1.673.177.566.415
Chi phí tài chính				(700.525.805.609)
Phần lỗ trong công ty liên doanh				(44.596.454.899)
Lỗ khác				(337.522.571.298)
Lợi nhuận kế toán trước thuế				4.746.514.429.249
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.226.420.618.792)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				196.477.162.710
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				**3.716.570.973.167**
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	48.153.184.772.990	1.363.554.849.378	-	49.516.739.622.368
Tài sản không phân bổ				(44.596.454.899)
Tổng tài sản				**49.472.143.167.469**
Nợ phải trả của bộ phận	29.647.026.070.697	308.699.872.373	-	29.955.725.943.070
Tổng nợ phải trả				**29.955.725.943.070**

35. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Võ Thị Phương Thảo Người lập kiêm Kế toán trưởng	Đoàn Văn Hiếu Em Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 28 -02- 2026
Số CT: 002594 - 02 /SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHU KIM TÂM

Nguyễn Thị Quý

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 37

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 5 tháng 11 năm 2025 miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	miễn nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiểu Em.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future with confidence

Số tham chiếu: 12840339/68619255-25

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 2 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3021-2024-004-1

Nguyễn Minh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 6455-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**52.547.391.181.642**	**45.902.380.724.646**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.403.397.507.734***	***3.754.805.560.503***
111	1. Tiền		3.383.397.507.734	3.554.805.560.503
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	200.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***19.899.244.731.666***	***19.102.380.958.687***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	19.899.244.731.666	19.102.380.958.687
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***6.066.736.913.128***	***4.936.884.751.500***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	379.182.509.097	242.858.186.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	19.670.529.397	7.159.329.837
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4.055.000.000.000	3.148.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1.612.883.874.634	1.538.867.235.628
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***22.644.526.000.391***	***17.799.509.595.546***
141	1. Hàng tồn kho		23.254.120.155.400	18.222.607.281.484
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***533.486.028.723***	***308.799.858.410***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	328.323.620.044	268.727.941.201
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		205.162.408.679	40.071.917.209
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.796.459.687.903**	**4.330.406.226.155**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***238.569.002.397***	***249.488.689.910***
216	1. Phải thu dài hạn khác	12	238.569.002.397	249.488.689.910
220	***II. Tài sản cố định***		***773.989.042.837***	***1.432.227.787.469***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	747.990.164.337	1.406.228.908.969
222	Nguyên giá		9.378.247.559.052	9.622.024.554.678
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.630.257.394.715)	(8.215.795.645.709)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***54.108.981.914***	***4.941.859.483***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	54.108.981.914	4.941.859.483
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***2.291.403.340.229***	***2.365.056.004.466***
251	1. Đầu tư vào các công ty con	16.1	499.998.900.000	2.780.912.391.737
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	16.2	391.404.440.229	286.632.252.729
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16.1	-	(702.488.640.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.400.000.000.000	-
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***438.389.320.526***	***278.691.884.827***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	12.420.343.336	24.712.228.152
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	425.968.977.190	253.979.656.675
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**56.343.850.869.545**	**50.232.786.950.801**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**38.523.034.983.359**	**29.630.943.884.937**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***38.523.034.983.359***	***29.630.943.884.937***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	9.818.045.442.335	6.158.175.789.117
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	190.583.985.818	88.506.854.304
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	788.136.432.454	584.027.449.484
314	4. Phải trả người lao động		155.620.813.000	132.002.387.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	2.950.957.104.342	2.081.533.490.879
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	536.936.718.444	21.723.198.012
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	782.867.096.513	660.361.365.396
320	8. Vay ngắn hạn	22	23.210.389.329.323	19.834.373.683.834
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		89.498.061.130	70.239.666.911
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**17.820.815.886.186**	**20.601.843.065.864**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***23.1***	***17.820.815.886.186***	***20.601.843.065.864***
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	4.361.518.810.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.012.835.000.000*	*4.361.518.810.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.807.980.886.186	16.240.324.255.864
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*5.698.046.045.864*	*12.136.167.990.967*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*1.109.934.840.322*	*4.104.156.264.897*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**56.343.850.869.545**	**50.232.786.950.801**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	24.1	**108.231.208.978.447**	**91.984.185.491.966**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	24.1	**(907.969.435.608)**	**(883.948.450.190)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	24.1	**107.323.239.542.839**	**91.100.237.041.776**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	25, 30	**(88.247.326.186.763)**	**(74.466.066.849.425)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**19.075.913.356.076**	**16.634.170.192.351**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	24.2	**1.811.909.118.359**	**1.651.587.260.364**
22	**7. Chi phí tài chính**	26	**(1.032.317.409.062)**	**(729.376.295.214)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(963.495.029.153)*	*(695.030.896.275)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	27	**(9.438.044.684.329)**	**(9.817.744.811.062)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	28	**(3.147.403.940.405)**	**(2.400.236.185.298)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**7.270.056.440.639**	**5.338.400.161.141**
31	**11. Thu nhập khác**	29	**20.217.645.168**	**19.192.653.348**
32	**12. Chi phí khác**	29	**(13.425.771.434)**	**(223.493.093.510)**
40	**13. Lợi nhuận (lỗ) khác**	29	**6.791.873.734**	**(204.300.440.162)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.276.848.314.373**	**5.134.099.720.979**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	31.1	**(1.638.902.794.566)**	**(1.226.420.618.792)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	31.1	**171.989.320.515**	**196.477.162.710**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**5.809.934.840.322**	**4.104.156.264.897**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.276.848.314.373**	**5.134.099.720.979**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	707.557.241.718	994.223.949.422
03	Dự phòng		205.754.863.290	252.798.371.591
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(57.131.972)	(104.133.542)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.587.041.135.286)	(1.255.427.459.061)
06	Chi phí lãi vay	26	963.495.029.153	695.030.896.275
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**7.566.557.181.276**	**5.820.621.345.664**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(198.242.089.700)	251.139.153.256
10	Tăng hàng tồn kho		(5.031.512.873.916)	(584.278.955.858)
11	Tăng các khoản phải trả		5.245.690.799.823	2.311.722.882.391
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(47.303.794.027)	41.306.775.957
14	Tiền lãi vay đã trả		(946.150.343.337)	(697.703.416.908)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(1.461.385.165.412)	(932.426.715.489)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**5.127.653.714.707**	**6.210.381.069.013**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(107.727.110.289)	(73.706.337.363)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		59.467.850.582	20.162.822.027
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(33.214.305.970.369)	(35.447.767.752.133)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		30.110.442.197.390	30.485.730.737.856
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(604.771.087.500)	(161.845.720.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.010.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		1.482.721.595.249	1.837.574.645.613
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(264.172.524.937)**	**(3.339.851.604.000)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	23.1	109.037.980.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	22	83.635.790.812.961	71.945.209.169.190
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(80.259.775.167.472)	(72.384.957.974.646)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.1	(8.700.000.000.000)	(2.749.999.999.995)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(5.214.946.374.511)**	**(3.189.748.805.451)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**(351.465.184.741)**	**(319.219.340.438)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**3.754.805.560.503**	**4.073.920.767.399**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		57.131.972	104.133.542
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**3.403.397.507.734**	**3.754.805.560.503**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 24.494 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 22.367).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 2 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	254.143.283.239	253.640.822.336
Tiền gửi ngân hàng	3.096.166.680.635	3.242.417.073.848
Tiền đang chuyển	33.087.543.860	58.747.664.319
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	20.000.000.000	200.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.403.397.507.734**	**3.754.805.560.503**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn	**19.899.244.731.666**	**19.899.244.731.666**	**19.102.380.958.687**	**19.102.380.958.687**
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000	12.903.064.712.329	12.903.064.712.329
Đầu tư khác *(ii)*	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666	6.199.316.246.358	6.199.316.246.358
Dài hạn	**1.400.000.000.000**	**1.400.000.000.000**	-	-
Đầu tư khác *(iii)*	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	**21.299.244.731.666**	**21.299.244.731.666**	**19.102.380.958.687**	**19.102.380.958.687**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu bên khác	230.145.702.414	226.617.206.822
- *Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	*87.192.506.673*	*59.659.077.990*
- *Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	*80.463.411.137*	*82.179.250.662*
- *Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	*6.119.673.829*	-
- *Khác*	*56.370.110.775*	*84.778.878.170*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	149.036.806.683	16.240.979.213
TỔNG CỘNG	**379.182.509.097**	**242.858.186.035**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	11.290.331.762	3.720.667.458
Công ty TNHH SCT Supply Chain (Vietnam)	4.008.674.298	-
Khác	4.371.523.337	3.438.662.379
TỔNG CỘNG	**19.670.529.397**	**7.159.329.837**

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu nhà cung cấp *(i)*	923.425.890.174	1.023.969.243.621
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*293.014.411.725*	*177.001.918.901*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	*80.700.216.538*	*95.772.412.644*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*76.710.001.156*	*123.491.899.918*
- *Công ty TNHH Panasonic*	*42.565.091.432*	*35.126.516.454*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*37.284.502.503*	*76.666.694.500*
- *Công ty Cổ Phần Thế Giới Số*	*34.802.828.518*	*78.168.874.253*
- *Khác*	*358.348.838.302*	*437.740.926.951*
Phải thu lãi tiền gửi	641.319.967.713	465.479.191.828
Các khoản khác	48.138.016.747	49.418.800.179
TỔNG CỘNG	**1.612.883.874.634**	**1.538.867.235.628**
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	*1.589.290.147.241*	*1.507.642.512.196*
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*23.593.727.393*	*31.224.723.432*

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Điện thoại di động	10.436.899.938.796	6.308.558.749.355
Thiết bị điện tử	5.440.584.804.067	5.642.433.998.542
Thiết bị gia dụng	3.278.784.040.474	2.987.823.278.813
Máy tính xách tay	2.038.788.415.621	1.394.857.344.900
Phụ kiện	1.332.468.453.657	1.135.937.046.238
Máy tính bảng	381.398.358.512	246.873.698.461
Đồng hồ và mắt kính	181.715.243.135	183.440.081.019
Hàng hóa khác	163.480.901.138	322.683.084.156
TỔNG CỘNG	**23.254.120.155.400**	**18.222.607.281.484**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
GIÁ TRỊ THUẦN	**22.644.526.000.391**	**17.799.509.595.546**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(423.097.685.938)	(204.448.896.920)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	423.097.685.938	204.448.896.920
Số cuối năm	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**328.323.620.044**	**268.727.941.201**
Chi phí thuê cửa hàng	246.734.278.995	258.309.167.896
Công cụ, dụng cụ	30.613.951.287	3.031.821.469
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	21.119.645.276	6.959.800.062
Khác	29.855.744.486	427.151.774
Dài hạn	**12.420.343.336**	**24.712.228.152**
Chi phí thuê cửa hàng	7.597.948.480	7.677.687.318
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.518.804.422	12.510.473.848
Công cụ, dụng cụ	971.141.026	2.499.819.075
Chi phí khác	1.332.449.408	2.024.247.911
TỔNG CỘNG	**340.743.963.380**	**293.440.169.353**

12. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Số đầu năm	8.403.886.698.654	295.005.415.651	923.132.440.373	9.622.024.554.678
Mua mới	13.612.368.083	-	2.627.319.197	16.239.687.280
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	75.497.904.912	-	23.086.339.587	98.584.244.499
Thanh lý	(280.530.011.471)	(618.616.055)	(77.452.299.879)	(358.600.927.405)
Số cuối năm	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*5.704.877.185.241*	*144.172.271.108*	*779.571.524.595*	*6.628.620.980.944*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(7.118.758.502.308)	(225.836.296.187)	(871.200.847.214)	(8.215.795.645.709)
Khấu hao trong năm	(650.256.872.843)	(28.715.798.947)	(28.584.569.928)	(707.557.241.718)
Thanh lý	216.992.238.974	618.616.055	75.484.637.683	293.095.492.712
Số cuối năm	(7.552.023.136.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	1.285.128.196.346	69.169.119.464	51.931.593.159	1.406.228.908.969
Số cuối năm	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm và cuối năm	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm và cuối năm	25.998.878.500	-	25.998.878.500

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

16.1 *Đầu tư vào công ty con*

Tên công ty	*Địa điểm*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
			Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*
			(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm) *(i)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma *(ii)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ thuốc và dược phẩm	-	-	-	99,999994	2.078.423.751.737	-
MWG (Cambodia) Co., Ltd *(iii)*	Campuchia	Thương mại sản phẩm điện tử	-	-	-	100,00	702.488.640.000	(702.488.640.000)
TỔNG CỘNG				**499.998.900.000**	**-**		**2.780.912.391.737**	**(702.488.640.000)**

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

(ii) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 201.294.010 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,999994%) của An Khang với giá chuyển nhượng là 2.012.940.100.000 VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm (bên liên quan) vào ngày 25 tháng 12 năm 2025.

(iii) Vào tháng 1 năm 2025, MWG (Cambodia) Co., Ltd đã chính thức chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục giải thể.

16.2 Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Số tiền	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Số tiền*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*
	VND	*VND*	*%*	*VND*	*VND*	*%*
PT Era Blu Elektronik	391.404.440.229	-	45	286.632.252.729	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.031.250 USD tương đương 104.772.187.500 VND vào PT Era Blu Elektronik.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656	5.943.240.953.220	5.943.240.953.220
- *Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	*997.223.502.161*	*997.223.502.161*	*460.712.788.052*	*460.712.788.052*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*756.976.130.250*	*756.976.130.250*	*131.287.827.660*	*131.287.827.660*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*666.723.063.260*	*666.723.063.260*	*494.430.598.816*	*494.430.598.816*
- *Chi Nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*542.129.799.607*	*542.129.799.607*	*328.278.198.699*	*328.278.198.699*
- *Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam*	*511.561.974.100*	*511.561.974.100*	*368.233.274.979*	*368.233.274.979*
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*454.259.048.400*	*454.259.048.400*	*283.926.664.042*	*283.926.664.042*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba*	*431.237.672.191*	*431.237.672.191*	*319.793.975.590*	*319.793.975.590*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*306.843.068.741*	*306.843.068.741*	*330.376.839.713*	*330.376.839.713*
- *Khác*	*4.905.511.088.946*	*4.905.511.088.946*	*3.226.200.785.669*	*3.226.200.785.669*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 32)*	245.580.094.679	245.580.094.679	214.934.835.897	214.934.835.897
TỔNG CỘNG	**9.818.045.442.335**	**9.818.045.442.335**	**6.158.175.789.117**	**6.158.175.789.117**

17.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Số dư thể hiện các khoản trả trước theo hợp đồng mua bán từ khách hàng.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	403.207.734.254	1.638.902.794.566	(1.461.385.165.412)	580.725.363.408
Thuế giá trị gia tăng	172.556.679.771	14.332.985.760.324	(14.314.091.539.917)	191.450.900.178
Thuế thu nhập cá nhân	7.632.870.613	284.843.021.084	(277.875.871.767)	14.600.019.930
Khác	630.164.846	20.154.299.546	(19.424.315.454)	1.360.148.938
TỔNG CỘNG	**584.027.449.484**	**16.276.885.875.520**	**(16.072.776.892.550)**	**788.136.432.454**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thưởng nhân viên	2.157.062.672.016	1.521.285.418.010
Chi phí tiếp thị quảng cáo	365.569.840.291	220.288.299.910
Chi phí hỗ trợ lãi suất	172.645.066.666	118.426.634.122
Các khoản phải trả nhân viên	80.136.953.905	76.992.803.097
Chi phí lãi vay	72.706.064.104	55.361.378.288
Chi phí tiện ích	65.782.041.546	51.253.024.056
Chi phí vận chuyển	8.471.523.316	7.382.232.358
Khác	28.582.942.498	30.543.701.038
TỔNG CỘNG	**2.950.957.104.342**	**2.081.533.490.879**

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phiếu mua hàng	401.625.744.500	108.650.944.688
Thu hộ cước phí	253.725.254.750	420.467.346.267
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	66.344.240.957	64.517.277.611
Nhận ký quỹ	22.215.000.000	20.995.000.000
Khác	38.956.856.306	45.730.796.830
TỔNG CỘNG	**782.867.096.513**	**660.361.365.396**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*777.111.492.267*	*638.424.407.104*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	*5.755.604.246*	*21.936.958.292*

22. VAY NGẮN HẠN

VND

	Số đầu năm	*Thu từ đi vay*	*Trả nợ vay*	*Số cuối năm*
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 22.1)*	19.834.373.683.834	83.635.790.812.961	(80.259.775.167.472)	23.210.389.329.323
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ				
Vay ngắn hạn	*19.834.373.683.834*			*23.210.389.329.323*

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	23.210.389.329.323	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	14.886.167.990.962	19.247.686.800.962
Lợi nhuận thuần trong năm	-	4.104.156.264.897	4.104.156.264.897
Chia cổ tức	-	(2.749.999.999.995)	(2.749.999.999.995)
Số cuối năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Năm nay:			
Số đầu năm	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong năm	-	5.809.934.840.322	5.809.934.840.322
Chia cổ tức *(i)*	-	(8.700.000.000.000)	(8.700.000.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu *(ii)*	6.542.278.210.000	(6.542.278.210.000)	-
Góp vốn bằng tiền *(iii)*	109.037.980.000	-	109.037.980.000
Số cuối năm	11.012.835.000.000	6.807.980.886.186	17.820.815.886.186

(i) Trong năm, Công ty đã trả cổ tức với giá trị 8.700.000.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (2024: 4.000.000.000.000 VND và 2025: 4.700.000.000.000 VND) cho các cổ động hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 17 tháng 1 năm 2025; 02/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 3 tháng 4 năm 2025; 03/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 10 tháng 07 năm 2025; 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2025 ngày 1 tháng 10 năm 2025 và 06/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 5 tháng 11 năm 2025.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 654.227.821 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tổng giá trị 6.542.278.210.000 VND, được trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, vào ngày 9 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 4.361.518.810.000 VND lên 10.903.797.020.000 VND.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 10.903.798 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các nhà đầu tư riêng lẻ với tổng giá trị là 109.037.980.000 VND. Theo đó, vào ngày 19 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 33 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 10.903.797.020.000 VND lên 11.012.835.000.000 VND.

23.2 *Chi tiết vốn đã góp*

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	435.910.240	99,94
Các cá nhân	11.507.900	1,045	241.641	0,06
TỔNG CỘNG	**1.101.283.500**	**100,00**	**436.151.881**	**100,00**

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 *Chi tiết vốn đã góp* (tiếp theo)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

24. DOANH THU

24.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**108.231.208.978.447**	**91.984.185.491.966**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*107.535.299.540.680*	*91.442.773.850.246*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*695.909.437.767*	*541.411.641.720*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(907.969.435.608)**	**(883.948.450.190)**
Hàng bán bị trả lại	*(907.969.435.608)*	*(883.948.450.190)*
Doanh thu thuần	**107.323.239.542.839**	**91.100.237.041.776**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*106.627.330.105.072*	*90.558.825.400.056*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*695.909.437.767*	*541.411.641.720*

24.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	1.658.562.371.134	1.475.367.891.228
Chiết khấu thanh toán	151.031.644.405	173.637.343.565
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.315.102.820	1.302.031.614
Khác	-	1.279.993.957
TỔNG CỘNG	**1.811.909.118.359**	**1.651.587.260.364**

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	88.247.326.186.763	74.466.066.849.425

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	963.495.029.153	695.030.896.275
Lỗ do chuyển nhượng công ty con	65.483.651.737	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	31.845.720.000
Khác	3.338.728.172	2.499.678.939
TỔNG CỘNG	**1.032.317.409.062**	**729.376.295.214**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.788.373.724.490	5.280.173.606.311
Chi phí nhân viên	2.703.699.576.460	3.482.154.917.142
Chi phí khấu hao và hao mòn	707.412.016.313	994.051.623.206
Chi phí khác	238.559.367.066	61.364.664.403
TỔNG CỘNG	**9.438.044.684.329**	**9.817.744.811.062**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nhân viên	2.672.303.861.045	1.861.933.544.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	464.560.831.210	495.572.137.749
Chi phí khấu hao và hao mòn	145.225.405	172.326.216
Chi phí khác	10.394.022.745	42.558.177.201
TỔNG CỘNG	**3.147.403.940.405**	**2.400.236.185.298**

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**20.217.645.168**	**19.192.653.348**
Chi phí khác	**13.425.771.434**	**223.493.093.510**
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	6.037.584.111	219.940.432.167
Các khoản khác	7.388.187.323	3.552.661.343
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	**6.791.873.734**	**(204.300.440.162)**

30. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	88.247.326.186.763	74.466.066.849.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.252.934.555.700	5.775.745.744.060
Chi phí nhân viên	5.376.003.437.505	5.344.088.461.274
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 13 và 14)*	707.557.241.718	994.223.949.422
Chi phí khác	248.953.389.811	103.922.841.604
TỔNG CỘNG	**100.832.774.811.497**	**86.684.047.845.785**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN	1.631.478.648.754	1.231.137.391.667
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.638.902.794.566	1.226.420.618.792
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(171.989.320.515)	(196.477.162.710)
TỔNG CỘNG	**1.466.913.474.051**	**1.029.943.456.082**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**7.276.848.314.373**	**5.134.099.720.979**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.455.369.662.875	1.026.819.944.196
Các điều chỉnh		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	7.424.145.812	(4.716.772.875)
Chi phí không được trừ	4.119.665.364	1.471.140.761
Dự phòng đầu tư nước ngoài	-	6.369.144.000
Chi phí thuế TNDN ước tính	**1.466.913.474.051**	**1.029.943.456.082**

31.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Chi phí phải trả	176.618.473.257	144.812.651.110	31.805.822.147	144.812.651.110
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	121.918.831.002	84.619.537.188	37.299.293.814	43.729.757.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	107.387.343.689	4.344.639.602	103.042.704.087	4.344.639.602
Dự phòng chi phí bảo hành	17.899.612.226	14.047.933.382	3.851.678.844	460.772.513
Dự phòng khấu hao	2.156.143.410	6.175.722.101	(4.019.578.691)	3.076.422.829
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(11.426.394)	(20.826.708)	9.400.314	52.918.852
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***425.968.977.190***	***253.979.656.675***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***171.989.320.515***	***196.477.162.710***

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
	Cổ tức bằng cổ phiếu	6.538.653.600.000	-
	Nhận chuyển nhượng công ty con	99.998.900.000	-
	Thanh toán vay	-	2.181.850.000.000
	Vay	-	292.400.000.000
	Lãi vay	-	79.322.775.940
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.012.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	1.801.639.651.850	1.705.838.285.052
	Mua hàng hóa	440.346.829.083	463.353.422.465
	Bán hàng hóa và dịch vụ	32.421.685.242	30.716.400.000
	Bán tài sản cố định	1.259.122.225	636.753.358
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	452.340.775.083	488.665.818.561
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	226.241.503.519	232.836.788.855
	Dịch vụ cho thuê	23.048.400.000	22.451.542.601
	Mua tài sản cố định	4.483.537.422	21.111.349
	Bán tài sản cố định	1.461.772.181	762.957.282
	Mua hàng hóa	120.281.659	594.444
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	18.380.327.091	15.339.604.308
	Phiếu mua hàng	1.411.164.500	-
	Mua tài sản cố định	254.606.758	1.714.125.708
	Góp vốn	-	130.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	373.104.733.014	-
	Bán tài sản cố định	53.820.619.761	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	7.619.203.821	80.299.356.385
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Góp vốn	-	31.845.720.000

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	130.837.206.774	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	16.047.910.932	15.055.043.664
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.115.803.639	1.089.321.304
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	35.885.338	96.614.245
		149.036.806.683	**16.240.979.213**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	6.912.000.817	-
	Cho thuê	2.074.355.898	14.119.569.377
	Chi hộ	428.418.548	3.674.261.934
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.573.719.423	8.092.456.265
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	3.015.479.418	4.333.954.056
	Chi hộ	609.892.620	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	2.940.100.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	39.760.669	89.104.770
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi hộ	-	915.377.030
		23.593.727.393	**31.224.723.432**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	177.977.072.387	153.304.334.357
	Mua hàng hóa	459.076.755	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	61.047.259.724	56.012.713.892
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	4.682.783.222	5.473.324.841
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	1.412.060.256	144.462.807
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	1.842.335	-
		245.580.094.679	**214.934.835.897**

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	3.586.085.196	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	1.840.887.467	4.717.652.365
Thợ Điện Máy Xanh	Chi hộ	324.700.765	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Chi hộ	3.930.818	12.802.224
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Chi hộ	-	620.202.279
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua thiết bị	-	16.586.301.424
		5.755.604.246	**21.936.958.292**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.835.700.000	1.711.436.506
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	-	-
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	839.206.755	851.893.154
TỔNG CỘNG		**2.674.906.755**	**2.563.329.660**

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đến 1 năm	2.147.588.199.450	2.138.748.458.710
Từ 1 đến 5 năm	5.857.334.365.277	5.981.249.192.600
Trên 5 năm	1.678.410.700.706	1.949.689.552.190
TỔNG CỘNG	**9.683.333.265.433**	**10.069.687.203.500**

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Võ Thị Phương Thảo Người lập kiêm Kế toán trưởng	Đoàn Văn Hiếu Em Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2026

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 28-02-2026
Số CT: 002595-Q02 /SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG CHU KIM TÂM

Nguyễn Thị Quỷ

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày ngày 31 tháng 3 năm 2026

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	8 - 35

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiếu Em.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**52.643.317.430.552**	**52.547.391.181.642**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.196.850.711.158***	***3.403.397.507.734***
111	1. Tiền		3.196.850.711.158	3.383.397.507.734
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***24.626.681.104.010***	***24.595.564.699.379***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	24.626.681.104.010	24.595.564.699.379
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.587.873.567.976***	***1.370.416.945.415***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	286.626.289.203	379.182.509.097
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	27.009.338.163	19.670.529.397
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.274.237.940.610	971.563.906.921
140	***IV. Hàng tồn kho***	***9***	***22.824.035.706.960***	***22.644.526.000.391***
141	1. Hàng tồn kho		23.573.068.063.271	23.254.120.155.400
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
160	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***407.876.340.448***	***533.486.028.723***
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	306.373.017.099	328.323.620.044
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.503.323.349	205.162.408.679
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**4.105.212.418.174**	**3.796.459.687.903**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***242.148.183.417***	***238.569.002.397***
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.148.183.417	238.569.002.397
220	***II. Tài sản cố định***		***688.923.665.716***	***773.989.042.837***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	662.924.787.216	747.990.164.337
222	Nguyên giá		9.397.087.785.495	9.378.247.559.052
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.734.162.998.279)	(8.630.257.394.715)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
250	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***10.251.876.574***	***54.108.981.914***
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	10.251.876.574	54.108.981.914
260	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***2.513.296.097.484***	***2.291.403.340.229***
261	1. Đầu tư vào các công ty con	15.1	499.998.900.000	499.998.900.000
262	2. Đầu tư vào công ty liên doanh	15.2	513.794.797.484	391.404.440.229
265	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000
270	***V. Tài sản dài hạn khác***		***650.592.594.983***	***438.389.320.526***
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.880.821.743	12.420.343.336
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	647.711.773.240	425.968.977.190
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**56.748.529.848.726**	**56.343.850.869.545**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**36.747.605.324.527**	**38.523.034.983.359**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***36.747.605.324.527***	***38.523.034.983.359***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	8.637.650.032.093	9.818.045.442.335
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	146.147.672.870	190.583.985.818
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	749.583.867.594	788.136.432.454
315	4. Phải trả người lao động		126.801.363.088	155.620.813.000
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.049.803.506.860	2.950.957.104.342
319	6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	19	612.715.630.272	536.936.718.444
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.365.160.720.117	782.867.096.513
321	8. Vay ngắn hạn	21	21.961.361.103.173	23.210.389.329.323
322	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		98.381.428.460	89.498.061.130
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**22**	**20.000.924.524.199**	**17.820.815.886.186**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.012.835.000.000*	*11.012.835.000.000*
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.988.089.524.199	6.807.980.886.186
420a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước*		*6.807.980.886.186*	*5.698.046.045.864*
420b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*2.180.108.638.013*	*1.109.934.840.322*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**56.748.529.848.726**	**56.343.850.869.545**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.675.056.046.133	24.839.869.272.850
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(239.072.502.856)	(197.955.061.033)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	32.435.983.543.277	24.641.914.211.817
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24, 28	(26.213.574.825.407)	(20.228.279.234.929)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.222.408.717.870	4.413.634.976.888
22	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	500.802.094.173	429.064.823.220
23	7. Chi phí tài chính	25	(323.829.330.014)	(200.837.695.020)
24	- *Trong đó: Chi phí đi vay*		*(322.270.011.669)*	*(279.378.983.204)*
25	8. Chi phí bán hàng	26	(2.588.743.367.185)	(2.000.251.904.609)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(1.087.255.542.639)	(758.859.830.858)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.723.382.572.205	1.882.750.369.621
31	11. Thu nhập khác		6.293.620.934	6.109.624.448
32	12. Chi phí khác		(173.738.786)	(2.669.520.976)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		6.119.882.148	3.440.103.472
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.729.502.454.353	1.886.190.473.093
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(771.136.612.392)	(380.292.182.958)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.1	221.742.796.052	2.102.682.734
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.180.108.638.013	1.508.000.972.869

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.729.502.454.353**	**1.886.190.473.093**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13	134.073.624.287	188.583.194.862
03	Dự phòng		148.321.568.632	11.990.839.619
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(913.927.127)	(48.240.903)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(458.500.560.036)	(382.110.172.612)
06	Chi phí đi vay	25	322.270.011.669	200.056.207.264
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.874.753.171.778**	**1.904.662.301.323**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(117.376.718.249)	(316.952.159.695)
10	Tăng hàng tồn kho		(318.947.907.871)	(611.888.566.984)
11	Tăng các khoản phải trả		(462.523.318.220)	2.226.186.021.848
12	(Tăng) giảm Chi phí chờ phân bổ		31.490.124.538	(2.380.025.636)
14	Chi phí đi vay đã trả		(312.463.479.121)	(216.972.008.069)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(760.231.252.362)	(415.064.214.814)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**934.700.620.493**	**2.567.591.347.973**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(116.208.978.265)	(24.589.934.831)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		18.152.613.100	810.669.433
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		(6.885.819.208.219)	(8.247.009.382.680)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn		6.794.778.235.150	6.054.581.527.697
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.390.357.255)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		418.354.577.443	284.616.507.898
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**106.866.881.954**	**(1.931.590.612.483)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	21.899.652.103.930	17.460.104.406.287
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(23.148.680.330.080)	(19.642.079.844.340)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		-	(500.000.000.005)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.249.028.226.150)**	**(2.681.975.438.058)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(207.460.723.703)**	**(2.045.974.702.568)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**3.403.397.507.734**	**3.754.805.560.503**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		913.927.127	48.240.903
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**3.196.850.711.158**	**1.708.879.098.838**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 – 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 24.067 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 24.494).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề Ngày 21 tháng 4 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành và áp dụng*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ khi phát sinh.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có quyền đồng kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tiền mặt	249.458.185.607	254.143.283.239
Tiền gửi ngân hàng	2.905.160.878.332	3.096.166.680.635
Tiền đang chuyển	42.231.647.219	33.087.543.860
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.196.850.711.158**	**3.403.397.507.734**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND ở tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị có thể thu hồi*
Ngắn hạn	**24.626.681.104.010**	**24.626.681.104.010**	**24.595.564.699.379**	**24.595.564.699.379**
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	13.720.337.808.219	13.720.337.808.219	13.291.300.000.000	13.291.300.000.000
Đầu tư khác *(ii)*	5.970.445.496.516	5.970.445.496.516	6.607.944.731.666	6.607.944.731.666
Cho vay *(iii)*	4.255.000.000.000	4.255.000.000.000	4.055.000.000.000	4.055.000.000.000
Phải thu lãi đầu tư	680.897.799.275	680.897.799.275	641.319.967.713	641.319.967.713
Dài hạn	**1.499.502.400.000**	**1.499.502.400.000**	**1.400.000.000.000**	**1.400.000.000.000**
Đầu tư khác *(iv)*	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
TỔNG CỘNG	**26.126.183.504.010**	**26.126.183.504.010**	**25.995.564.699.379**	**25.995.564.699.379**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng

(iv) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu bên khác	242.617.733.548	230.145.702.414
- *Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	*61.572.522.080*	*87.192.506.673*
- *Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	*114.059.066.451*	*80.463.411.137*
- *Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	*10.039.363.737*	*6.119.673.829*
- *Khác*	*56.946.781.280*	*56.370.110.775*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	44.008.555.655	149.036.806.683
TỔNG CỘNG	**286.626.289.203**	**379.182.509.097**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Công ty TNHH MTV Thương Mại Aplus	15.834.295.520	-
Công ty TNHH Điện tử Asti	7.108.668.000	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nhất Thiên	-	11.290.331.762
Công ty TNHH SCT Supply Chain (Vietnam)	-	4.008.674.298
Khác	4.066.374.643	4.371.523.337
TỔNG CỘNG	**27.009.338.163**	**19.670.529.397**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu nhà cung cấp *(i)*	1.218.582.924.169	923.425.890.174
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*346.976.092.060*	*293.014.411.725*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	*52.760.253.134*	*80.700.216.538*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*85.422.796.380*	*76.710.001.156*
- *Công ty TNHH Panasonic*	*67.687.659.317*	*42.565.091.432*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*54.516.322.621*	*37.284.502.503*
- *Công ty Cổ Phần Thế Giới Số*	*66.200.758.583*	*34.802.828.518*
- *Khác*	*545.019.042.074*	*358.348.838.302*
Các khoản khác	55.655.016.441	48.138.016.747
TỔNG CỘNG	**1.274.237.940.610**	**971.563.906.921**
Trong đó:		
Phải thu khác bên khác	1.232.100.273.109	*947.970.179.528*
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	42.137.667.501	*23.593.727.393*

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Điện thoại di động	9.079.370.887.648	10.436.899.938.796
Thiết bị điện tử	6.189.567.355.063	5.440.584.804.067
Thiết bị gia dụng	3.475.419.588.932	3.278.784.040.474
Máy tính xách tay	2.695.951.933.835	2.038.788.415.621
Phụ kiện	1.394.357.897.430	1.332.468.453.657
Máy tính bảng	332.679.828.973	381.398.358.512
Đồng hồ và mắt kính	202.069.333.087	181.715.243.135
Hàng hóa khác	203.651.238.303	163.480.901.138
TỔNG CỘNG	**23.573.068.063.271**	**23.254.120.155.400**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
GIÁ TRỊ THUẦN	**22.824.035.706.960**	**22.644.526.000.391**

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

		Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Ngày 1 tháng 1		(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Cộng:	Dự phòng trích lập trong kỳ	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)
Trừ:	Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	609.594.155.009	423.097.685.938
Ngày 31 tháng 3		(749.032.356.311)	(435.088.525.557)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngắn hạn	**306.373.017.099**	**328.323.620.044**
Chi phí thuê cửa hàng	246.861.293.405	246.734.278.995
Công cụ, dụng cụ	2.258.711.466	30.613.951.287
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	39.599.002.803	21.119.645.276
Khác	17.654.009.425	29.855.744.486
Dài hạn	**2.880.821.743**	**12.420.343.336**
Chi phí thuê cửa hàng	849.941.977	7.597.948.480
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.026.260.596	2.518.804.422
Công cụ, dụng cụ	-	971.141.026
Chi phí khác	4.619.170	1.332.449.408
TỔNG CỘNG	**309.253.838.842**	**340.743.963.380**

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.212.466.960.178	294.386.799.596	871.393.799.278	9.378.247.559.052
Mua mới	8.131.275.523	-	304.836.354	8.436.111.877
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.156.597.358	-	-	58.156.597.358
Thanh lý	(32.244.204.741)	-	(15.508.278.051)	(47.752.482.792)
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	8.246.510.628.318	294.386.799.596	856.190.357.581	9.397.087.785.495
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*5.897.685.495.801*	*155.727.654.127*	*767.370.945.194*	*6.820.784.095.122*
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.552.023.136.177)	(253.933.479.079)	(824.300.779.459)	(8.630.257.394.715)
Khấu hao trong kỳ	(123.878.685.829)	(6.060.870.258)	(4.134.068.200)	(134.073.624.287)
Thanh lý	16.676.163.124	-	13.491.857.599	30.168.020.723
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(7.659.225.658.882)	(259.994.349.337)	(814.942.990.060)	(8.734.162.998.279)
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	660.443.824.001	40.453.320.517	47.093.019.819	747.990.164.337
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	587.284.969.436	34.392.450.259	41.247.367.521	662.924.787.216

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	-	25.998.878.500

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

15.1 *Đầu tư vào công ty con*

Tên công ty	*Địa điểm*	*Ngành nghề kinh doanh*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*		
			Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ vốn nắm giữ / Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Giá trị đầu tư*	*Dự phòng*
			(%)	*VND*	*VND*	*(%)*	*VND*	*VND*
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm) *(i)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	99,99978	499.998.900.000	-	99,99978	499.998.900.000	-
TỔNG CỘNG				**499.998.900.000**	**-**		**499.998.900.000**	**-**

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

15.1 *Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

15.2 *Đầu tư vào công ty liên doanh*

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026			*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*		
	Số tiền	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Số tiền*	*Dự phòng*	*Tỷ lệ sở hữu*
	VND	*VND*	*%*	*VND*	*VND*	*%*
PT Era Blu Elektronik	513.794.797.484	-	45	391.404.440.229	-	45

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty đã góp vốn vào PT Era Blu Elektronik theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn thêm trị giá 4.660.714,29 USD tương đương 122.390.357.255 VND vào PT Era Blu Elektronik.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	8.375.701.871.286	8.375.701.871.286	9.572.465.347.656	9.572.465.347.656
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*1.131.989.926.980*	*1.131.989.926.980*	*454.259.048.400*	*454.259.048.400*
- *Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam*	*823.789.359.877*	*823.789.359.877*	*511.561.974.100*	*511.561.974.100*
- *Chi nhánh Côn Ty TNHH Nhà Nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel*	*794.384.890.284*	*794.384.890.284*	*475.566.297.504*	*475.566.297.504*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba*	*613.737.009.227*	*613.737.009.227*	*431.237.672.191*	*431.237.672.191*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*526.807.387.472*	*526.807.387.472*	*666.723.063.260*	*666.723.063.260*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	*421.920.704.453*	*421.920.704.453*	*306.843.068.741*	*306.843.068.741*
- *Chi Nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*319.860.481.813*	*319.860.481.813*	*542.129.799.607*	*542.129.799.607*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*299.154.597.811*	*299.154.597.811*	*756.976.130.250*	*756.976.130.250*
- *Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	108.939.500.444	108.939.500.444	*997.223.502.161*	*997.223.502.161*
- *Khác*	*3.335.118.012.925*	*3.335.118.012.925*	*4.429.944.791.442*	*4.429.944.791.442*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 30)*	261.948.160.807	261.948.160.807	245.580.094.679	245.580.094.679
TỔNG CỘNG	**8.637.650.032.093**	**8.637.650.032.093**	**9.818.045.442.335**	**9.818.045.442.335**

16.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Số dư thể hiện các khoản trả trước từ khách hàng.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.725.363.408	771.136.612.392	(760.231.252.362)	591.630.723.438
Thuế giá trị gia tăng	191.450.900.178	3.662.081.475.713	(3.742.121.275.668)	111.411.100.223
Thuế thu nhập cá nhân	14.600.019.930	109.494.904.892	(78.824.621.190)	45.270.303.632
Khác	1.360.148.938	5.879.806.676	(5.968.215.313)	1.271.740.301
TỔNG CỘNG	**788.136.432.454**	**4.548.592.799.673**	**(4.587.145.364.533)**	**749.583.867.594**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Thưởng nhân viên	2.121.562.258.115	2.157.062.672.016
Chi phí tiếp thị quảng cáo	416.084.339.970	365.569.840.291
Chi phí hỗ trợ lãi suất	199.539.331.851	172.645.066.666
Các khoản phải trả nhân viên	95.756.997.362	80.136.953.905
Chi phí lãi vay	82.512.596.652	72.706.064.104
Chi phí tiện ích	91.546.240.336	65.782.041.546
Chi phí vận chuyển	13.167.999.368	8.471.523.316
Khác	29.633.743.206	28.582.942.498
TỔNG CỘNG	**3.049.803.506.860**	**2.950.957.104.342**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phiếu mua hàng	726.225.121.418	401.625.744.500
Thu hộ cước phí	443.263.163.447	253.725.254.750
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	52.446.032.019	66.344.240.957
Nhận ký quỹ	20.925.000.000	22.215.000.000
Khác	122.301.403.233	38.956.856.306
TỔNG CỘNG	**1.365.160.720.117**	**782.867.096.513**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*1.291.510.491.248*	*777.111.492.267*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	*73.650.228.869*	*5.755.604.246*

21. VAY NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Thu từ đi vay*	*Trả nợ vay*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 22.1)*	23.210.389.329.323	21.899.652.103.930	(23.148.680.330.080)	21.961.361.103.173
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ				
Vay ngắn hạn	*23.210.389.329.323*			*21.961.361.103.173*

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp ngắn hạn với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày đáo hạn*
	VND	
Khoản vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo	21.961.361.103.173	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2026 đến ngày 4 tháng 9 năm 2026

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025			
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.361.518.810.000	16.240.324.255.864	20.601.843.065.864
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.508.000.972.869	1.508.000.972.869
Chia cổ tức	-	(500.000.000.005)	(500.000.000.005)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	4.361.518.810.000	17.248.325.228.728	21.609.844.038.728
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.012.835.000.000	6.807.980.886.186	17.820.815.886.186
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.180.108.638.013	2.180.108.638.013
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	11.012.835.000.000	8.988.089.524.199	20.000.924.524.199

22.2 *Chi tiết vốn đã góp*

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	1.089.775.600	98,955
Các cá nhân	11.507.900	1,045	11.507.900	1,045
TỔNG CỘNG	**1.101.283.500**	**100,00**	**1.101.283.500**	**100,00**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Chi tiết vốn đã góp* (tiếp theo)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Tổng doanh thu	**32.675.056.046.133**	**24.839.869.272.850**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(239.072.502.856)**	**(197.955.061.033)**
Hàng bán bị trả lại	*(239.072.502.856)*	*(197.955.061.033)*
Doanh thu thuần	**32.435.983.543.277**	**24.641.914.211.817**

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Lãi tiền gửi, cho vay và đầu tư	457.932.409.005	383.175.700.216
Chiết khấu thanh toán	41.725.583.655	45.252.898.375
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.144.101.513	636.224.629
TỔNG CỘNG	**500.802.094.173**	**429.064.823.220**

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí mua hàng và dịch vụ cung cấp	26.213.574.825.407	20.228.279.234.929

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí lãi vay	322.270.011.669	200.056.207.264
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	953.062.431	515.306
Khác	606.255.914	780.972.450
TỔNG CỘNG	**323.829.330.014**	**200.837.695.020**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.647.978.576.226	1.138.025.146.119
Chi phí nhân viên	761.582.166.790	625.192.419.323
Chi phí khấu hao và hao mòn	134.034.010.397	188.556.811.125
Chi phí khác	45.148.613.772	48.477.528.042
TỔNG CỘNG	**2.588.743.367.185**	**2.000.251.904.609**

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí nhân viên	929.139.254.124	643.175.524.134
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.464.922.003	113.679.394.245
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.613.890	26.383.737
Chi phí khác	15.611.752.622	1.978.528.742
TỔNG CỘNG	**1.087.255.542.639**	**758.859.830.858**

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.213.574.825.407	20.228.279.234.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.790.443.498.229	1.251.704.540.364
Chi phí nhân viên	1.690.721.420.914	1.268.367.943.457
Chi phí khấu hao và hao mòn *(Thuyết minh số 12 và 13)*	134.073.624.287	188.583.194.862
Chi phí khác	60.760.366.394	50.456.056.784
TỔNG CỘNG	**29.889.573.735.231**	**22.987.390.970.396**

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 *Chi phí thuế TNDN*

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí thuế TNDN	768.724.782.489	380.292.182.958
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	771.136.612.392	380.292.182.958
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(221.742.796.052)	(2.102.682.734)
TỔNG CỘNG	**549.393.816.340**	**378.189.500.224**

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.729.502.454.353**	**1.886.190.473.093**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	545.900.490.871	377.238.094.619
Các điều chỉnh		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí không được trừ	1.081.495.566	951.405.605
Chi phí thuế TNDN ước tính	**549.393.816.340**	**378.189.500.224**

29.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng*	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí phải trả	353.712.532.246	176.618.473.257	177.094.058.989	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.806.471.262	121.918.831.002	27.887.640.260	2,398,167,923
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	122.543.126.054	107.387.343.689	15.155.782.366	(1,479,345,329)
Dự phòng chi phí bảo hành	19.676.285.692	17.899.612.226	1.776.673.468	-
Dự phòng khấu hao	2.156.143.411	2.156.143.410	-	1,172,681,613
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(182.785.425)	(11.426.394)	(171.359.031)	11,178,527
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	***647.711.773.240***	***425.968.977.190***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***221.742.796.052***	***2.102.682.734***

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Zynstra tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Purple Wifi tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	-	499.722.985.260
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	508.849.319.996	345.443.464.222
	Mua hàng hóa	67.052.593.749	61.653.781.510
	Bán hàng hóa và dịch vụ	8.121.385.364	8.022.756.700
	Bán tài sản cố định	-	85.094.501
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	138.456.346.303	110.990.782.635
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	76.719.653.681	53.046.732.928
	Dịch vụ cho thuê	5.762.100.000	5.762.100.000
	Bán tài sản cố định	-	1.824.758.744
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	5.973.114.473	3.342.959.580
	Mua tài sản cố định	-	241.351.293
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	11.132.260.294	-
	Bán tài sản cố định	17.127.720.956	-
	Thuê mặt bằng	13.343.214.200	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	-	3.954.899.444
Ông Robert Alan Willett	Chi phí tư vấn	312.500.000	-

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	14.907.176.332	130.837.206.774
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa và dịch vụ	24.131.866.572	16.047.910.932
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	2.059.867.743	2.115.803.639
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa	2.909.645.008	35.885.338
		44.008.555.655	**149.036.806.683**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	-	6.912.000.817
	Cho thuê	-	2.074.355.898
	Chi hộ	651.165.296	428.418.548
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.350.762.255	7.573.719.423
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ khác	15.385.778.132	3.015.479.418
	Chi hộ	-	609.892.620
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	-	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Chi hộ	24.084.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	76.252.485	39.760.669
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	18.649.625.333	-
		42.137.667.501	**23.593.727.393**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Mua dịch vụ	175.345.053.294	177.977.072.387
	Mua hàng hóa	46.736.860.055	459.076.755
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	39.866.247.458	61.047.259.724
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	-	4.682.783.222
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa	-	1.412.060.256
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Mua hàng hóa	-	1.842.335
		261.948.160.807	**245.580.094.679**

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư của các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	6.557.588.007	3.586.085.196
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	7.308.181.499	1.840.887.467
Thợ Điện Máy Xanh	Thu hộ	10.300.038.558	324.700.765
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	8.351.919.738	3.930.818
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thu hộ	41.132.501.067	-
		73.650.228.869	**5.755.604.246**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên	1.511.367.757	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	418.200.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	208.320.000	241.967.755
TỔNG CỘNG		**1.719.687.757**	**660.167.755**

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, cửa hàng và các trung tâm phân phối theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Đến 1 năm	2.182.251.845.284	2.147.588.199.450
Từ 1 đến 5 năm	5.940.697.099.227	5.857.334.365.277
Trên 5 năm	1.670.259.200.994	1.678.410.700.706
TỔNG CỘNG	**9.793.208.145.505**	**9.683.333.265.433**

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.899.244.731.666	4.696.319.967.713	24.595.564.699.379
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.055.000.000.000	(4.055.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.612.883.874.634	(641.319.967.713)	971.563.906.921

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

CHÍNH
Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

M.S.D.N: 0303217354 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Văn Hiếu Em

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 43

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	
Ông Robert ALan Willett	Thành viên	
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành Viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026
Ông Võ Hà Trung Tín	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2026

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Văn Hiểu Em.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
(trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động")

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa nhiên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**53.656.943.199.832**	**53.565.566.103.895**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***3.312.678.561.377***	***3.578.154.917.657***
111	1. Tiền		3.312.678.561.377	3.558.154.917.657
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***25.255.708.750.726***	***25.246.515.124.040***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	25.255.708.750.726	25.246.515.124.040
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.612.050.831.121***	***1.432.564.888.990***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	293.386.129.508	394.564.407.242
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	27.493.903.614	40.298.376.105
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.291.170.797.999	997.702.105.643
140	***IV. Hàng tồn kho***	***9***	***23.054.446.543.337***	***22.759.101.620.225***
141	1. Hàng tồn kho		23.803.478.899.648	23.368.695.775.234
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
160	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***422.058.513.271***	***549.229.552.983***
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10	316.889.128.828	340.599.769.383
162	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	105.169.384.443	208.629.783.600
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.670.067.109.913**	**3.350.671.762.515**
210	***I. Phải thu dài hạn***		***242.354.683.417***	***238.775.502.397***
215	1. Phải thu dài hạn khác	11	242.354.683.417	238.775.502.397
220	***II. Tài sản cố định***		***751.596.973.808***	***840.472.791.325***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	725.598.095.308	814.473.912.825
222	Nguyên giá		9.473.325.190.117	9.454.539.360.453
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.747.727.094.809)	(8.640.065.447.628)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.998.878.500	25.998.878.500
228	Nguyên giá		36.771.076.200	36.771.076.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
250	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***10.251.876.574***	***54.108.981.914***
252	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	10.251.876.574	54.108.981.914
260	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***2.002.063.563.711***	***1.771.159.064.528***
262	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	15	502.561.163.711	371.159.064.528
265	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	5	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000
270	***V. Tài sản dài hạn khác***		***663.800.012.403***	***446.155.422.351***
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	10	2.880.821.743	12.420.343.336
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	660.919.190.660	433.735.079.015
280	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**57.327.010.309.745**	**56.916.237.866.410**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**37.307.871.832.989**	**39.115.666.255.903**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***37.307.871.832.989***	***39.115.666.255.903***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	8.598.546.695.344	9.701.594.456.166
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	192.515.467.857	210.360.563.142
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	776.656.618.360	811.242.325.898
315	4. Phải trả người lao động		166.990.947.294	190.067.856.206
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.290.179.335.240	3.304.053.527.878
319	6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	19	612.715.630.272	536.936.718.444
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.412.994.935.077	842.798.429.389
321	8. Vay ngắn hạn	21	22.158.890.775.085	23.429.114.317.650
322	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		98.381.428.460	89.498.061.130
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**22**	**20.019.138.476.756**	**17.800.571.610.507**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.012.835.000.000	11.012.835.000.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*11.012.835.000.000*	*11.012.835.000.000*
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.073.331.174.380	1.073.331.174.380
420	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.932.972.302.376	5.714.405.436.127
420a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước*		*5.714.405.436.127*	*4.612.620.204.399*
420b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*2.218.566.866.249*	*1.101.785.231.728*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**57.327.010.309.745**	**56.916.237.866.410**

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH - TP. HỒ CHÍ MINH

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	23.1	**32.781.022.594.746**	**25.351.513.129.147**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	23.1	**(239.072.502.856)**	**(197.955.061.033)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	23.1	**32.541.950.091.890**	**25.153.558.068.114**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	24, 27	**(26.300.728.779.400)**	**(20.627.386.516.636)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**6.241.221.312.490**	**4.526.171.551.478**
22	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	23.2	**512.117.161.615**	**436.151.968.360**
23	**7. Chi phí tài chính**	25	**(326.141.821.808)**	**(202.423.284.684)**
24	*- Trong đó: Chi phí đi vay*		*(324.569.874.029)*	*(201.641.796.928)*
25	**8. Chi phí bán hàng**	26, 27	**(2.438.374.451.087)**	**(2.139.579.773.103)**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	26, 27	**(1.225.141.003.222)**	**(771.423.462.048)**
27	**10. Phần lãi trong công ty liên doanh**		**9.011.741.928**	**3.129.774.300**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.772.692.939.916**	**1.852.026.774.303**
31	**12. Thu nhập khác**		**6.380.784.517**	**8.875.237.585**
32	**13. Chi phí khác**		**(3.632.263.678)**	**(4.337.131.020)**
40	**14. Lãi khác**		**2.748.520.839**	**4.538.106.565**
50	**15. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**2.775.441.460.755**	**1.856.564.880.868**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	28.1	**(784.058.706.153)**	**(380.292.182.958)**
52	**17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	28.3	**227.184.111.647**	**2.102.682.734**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**2.218.566.866.249**	**1.478.375.380.644**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ**		**2.218.566.866.249**	**1.478.375.380.644**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**-**	**-**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	30	**2.015**	**1.342**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	30	**2.015**	**1.342**

M.S.D.N: 0303217354 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH P. TÂN ĐỊNH TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.775.441.460.755**	**1.856.564.880.868**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	12, 13	137.829.667.906	205.451.868.228
03	Dự phòng		148.321.568.632	11.990.839.619
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(913.927.127)	(48.240.903)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		(478.814.737.469)	(392.116.938.942)
06	Chi phí đi vay	25	324.569.874.029	201.641.796.928
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2.906.433.906.726**	**1.883.484.205.798**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(79.604.723.992)	(315.306.802.147)
10	Tăng hàng tồn kho		(434.783.124.414)	(560.884.788.424)
11	Tăng các khoản phải trả		(465.976.745.678)	2.104.879.285.004
12	(Tăng) giảm Chi phí chờ phân bổ		33.250.162.148	(2.213.777.119)
14	Chi phí đi vay đã trả		(315.368.018.140)	(217.844.681.507)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(780.264.689.673)	(415.064.214.814)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**863.686.766.977**	**2.477.049.226.791**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") và các tài sản dài hạn khác		(116.154.581.487)	(24.589.934.831)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		18.152.613.100	824.723.069
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(7.114.085.278.445)	(8.408.793.175.807)
24	Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		7.049.778.235.150	6.205.581.527.697
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(122.390.357.255)	-
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay		424.845.861.118	290.940.901.087
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**140.146.492.181**	**(1.936.035.958.785)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	22.101.481.775.842	17.652.457.126.709
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(23.371.705.318.407)	(19.751.444.561.031)
36	Cổ tức đã trả		-	(500.000.000.004)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(1.270.223.542.565)**	**(2.598.987.434.326)**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(266.390.283.407)**	**(2.057.974.166.320)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**3.578.154.917.657**	**3.780.128.276.727**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		913.927.127	48.240.903
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**3.312.678.561.377**	**1.722.202.351.310**

M.S.D.N: 0303217354-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH
P. TÂN ĐỊNH – TP. HỒ CHÍ MINH

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là "Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động") ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0303217354, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007, và do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp điều chỉnh gần nhất lần thứ 33 ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan với thương hiệu là Điện Máy Xanh và bán lẻ các mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và sản phẩm vệ sinh với thương hiệu An Khang.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 128, Đường Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 32.372 (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 31.157).

Cơ cấu tổ chức

Tên công ty con	*Trụ sở*	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	
				Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Công ty con trực tiếp					
(1) Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh *(*)*	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa máy móc, thiết bị	Đang hoạt động	99,99978	99,99978
Công ty liên doanh					
(2) PT Era Blu Elektronik	Indonesia	Thương mại sản phẩm điện tử	Đang hoạt động	45,00	45,00

(*) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 20 tháng 11 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 9.999.890 cổ phần (tỷ lệ sở hữu là 99,9989%) của Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước kia là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) với giá chuyển nhượng là 99.998.900.000 VND từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (Công ty mẹ của Công ty) vào ngày 30 tháng 12 năm 2025. Cũng tại ngày này, Công ty đã góp thêm vốn với giá trị 400.000.000.000 VND theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQ/HĐQT/TĐMX-2025 ngày 29 tháng 12 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh tăng lên thành 99,99978%.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành và áp dụng*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Điện thoại di động, máy tính bảng và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Thiết bị điện tử	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị gia dụng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Đồng hồ, mắt kính	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thiết bị y tế	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Hóa mỹ phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Dược Phẩm	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vitamin và thực phẩm chức năng	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Vật tư lắp đặt	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Khác	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại đại điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thu.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Phần mềm máy tính	2 - 4 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng vô thời hạn không cần trích khấu hao.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ khi phát sinh.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Chi phí tiền thuê trả trước;
- Chi phí thiết kế cửa hàng; và
- Công cụ dụng cụ xuất dùng.

3.11 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh* (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh; và
- Chênh lệch giữa giá phí đầu tư của bên mua/ giá thanh lý của bên bán và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội trong nguồn vốn chủ sở hữu khi hợp nhất (phụ trội hợp nhất trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ).

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được cấn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các khoản dự phòng*

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa là dự phòng chi phí cho những sản phẩm, hàng hóa, đã bán, đã cung cấp hoặc đã bàn giao cho người mua nhưng còn trong thời hạn bảo hành và Nhóm Công ty vẫn có nghĩa vụ phải tiếp tục sửa chữa theo hợp đồng hoặc theo cam kết với khách hàng.

Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng. Trường hợp hoàn nhập chi phí bảo hành được ghi nhận giảm vào chi phí bán hàng.

Khoản dự phòng bảo hành được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm, hàng hóa tương tự.

3.15 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành, và được xác nhận từ người mua.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.20 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.21 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Tiền mặt	249.458.525.607	254.143.283.239
Tiền gửi ngân hàng	3.020.995.085.551	3.270.924.090.558
Tiền đang chuyển	42.224.950.219	33.087.543.860
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng *(*)*	-	20.000.000.000
TỔNG CỘNG	**3.312.678.561.377**	**3.578.154.917.657**

(*) Đây là các khoản tiền gửi ngắn hạn bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất áp dụng.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
Ngắn hạn	**25.255.708.750.726**	**25.255.708.750.726**	**25.246.515.124.040**	**25.246.515.124.040**
Tiền gửi có kỳ hạn *(i)*	14.185.337.808.219	14.185.337.808.219	13.626.300.000.000	13.626.300.000.000
Đầu tư khác *(ii)*	5.970.445.496.516	5.970.445.496.516	6.787.944.731.666	6.787.944.731.666
Cho Vay *(iii)*	4.403.266.070.226	4.403.266.070.226	4.180.000.000.000	4.180.000.000.000
Lãi dự thu	696.659.375.765	696.659.375.765	652.270.392.374	652.270.392.374
Dài hạn	**1.499.502.400.000**	**1.499.502.400.000**	**1.400.000.000.000**	**1.400.000.000.000**
Đầu tư khác *(iv)*	1.499.502.400.000	1.499.502.400.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
TỔNG CỘNG	**26.755.211.150.726**	**26.755.211.150.726**	**26.646.515.124.040**	**26.646.515.124.040**

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

(iii) Đây Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay ngắn hạn với các công ty đối tác (bên khác), có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

(iv) Đây là các khoản trái phiếu nắm giữ có kỳ hạn từ 2 năm đến 7 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu khách hàng	247.094.444.935	233.388.024.089
- *Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC*	61.572.522.080	*87.192.506.673*
- *Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam*	114.059.066.451	*80.463.411.137*
- *Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*	10.039.363.737	*6.119.673.829*
- *Khác*	61.423.492.667	*59.612.432.450*
Phải thu bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	46.291.684.573	161.176.383.153
TỔNG CỘNG	**293.386.129.508**	**394.564.407.242**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Công ty TNHH MTV Thương Mại Aplus	15.834.295.520	-
Công ty TNHH Điện tử Asti	7.108.668.000	-
Công ty TNHH SIS Equipment Limited	-	16.065.732.453
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Nhất Thiên	-	11.290.331.762
Công ty TNHH Supply Chain (Vietnam)	-	4.008.674.298
Công ty TNHH TM Tư Vấn Xây Dựng Phương Nam	-	1.123.223.090
Khác	4.550.940.094	7.810.414.502
TỔNG CỘNG	**27.493.903.614**	**40.298.376.105**

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu từ các nhà cung cấp *(i)*	1.218.582.924.169	923.425.890.174
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	346.976.092.060	*293.014.411.725*
- *Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex*	54.516.322.621	*80.700.216.538*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam Hải Phòng*	85.422.796.380	*76.710.001.156*
- *Công ty TNHH Panasonic*	67.687.659.317	*42.565.091.432*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	52.760.253.134	*37.284.502.503*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	66.200.758.583	*34.802.828.518*
- *Khác*	545.019.042.074	*358.348.838.302*
Khác	72.587.873.830	74.276.215.469
TỔNG CỘNG	**1.291.170.797.999**	**997.702.105.643**
Trong đó:		
Phải thu khác từ bên khác	*1.264.417.723.203*	*957.099.422.677*
Phải thu khác từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	*26.753.074.796*	*40.602.682.966*

(i) Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán và bảo vệ giá.

9. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Điện thoại di động	9.079.370.887.648	10.436.899.938.796
Thiết bị điện tử	6.201.894.759.286	5.455.502.863.780
Thiết bị gia dụng	3.475.419.588.932	3.278.784.040.474
Máy tính xách tay	2.695.951.933.835	2.038.788.415.621
Phụ kiện	1.394.357.897.430	1.332.468.453.657
Máy tính bảng	332.679.828.973	381.398.358.512
Đồng hồ, mắt kính	202.069.333.087	181.715.243.135
Vật tư lắp đặt	218.083.432.154	99.657.560.121
Hàng hóa khác	203.651.238.303	163.480.901.138
TỔNG CỘNG	**23.803.478.899.648**	**23.368.695.775.234**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(749.032.356.311)	(609.594.155.009)
GIÁ TRỊ THUẦN	**23.054.446.543.337**	**22.759.101.620.225**

9. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(609.594.155.009)	(423.097.685.938)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)
Trừ: Hoàn nhập và sử dụng phòng trong kỳ	609.594.155.009	423.097.685.938
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(749.032.356.311)	(435.088.525.557)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Ngắn hạn	**316.889.128.828**	**340.599.769.383**
Chi phí thuê cửa hàng	246.861.293.405	246.734.278.995
Công cụ, dụng cụ	9.135.917.345	38.244.291.996
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	41.967.580.750	24.176.325.301
Khác	18.924.337.328	31.444.873.091
Dài hạn	**2.880.821.743**	**12.420.343.336**
Chi phí thuê cửa hàng	**849.941.977**	7.597.948.480
Chi phí thiết kế, cải tạo cửa hàng	2.026.260.596	2.518.804.423
Công cụ, dụng cụ	-	971.141.026
Khác	4.619.170	1.332.449.407
TỔNG CỘNG	**319.769.950.571**	**353.020.112.719**

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác thể hiện tiền ký quỹ thuê văn phòng, cửa hàng, trung tâm phân phối và ký quỹ điện, nước.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.221.877.694.619	360.538.843.439	872.122.822.395	9.454.539.360.453
Mua trong kỳ	7.976.951.472	-	404.763.627	8.381.715.099
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	58.156.597.358	-		58.156.597.358
Thanh lý	(32.244.204.742)	-	(15.508.278.051)	(47.752.482.793)
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	8.255.767.038.707	360.538.843.439	857.019.307.971	9.473.325.190.117
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	*5.897.685.495.801*	*155.727.654.127*	*767.370.945.194*	*6.820.784.095.122*
Giá trị khấu hao lũy kế				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(7.554.235.489.052)	(261.325.953.888)	(824.504.004.688)	(8.640.065.447.628)
Khấu hao trong kỳ	(124.335.771.592)	(9.321.713.461)	(4.172.182.853)	(137.829.667.906)
Thanh lý	16.676.163.125	-	13.491.857.600	30.168.020.725
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(7.661.895.097.519)	(270.647.667.349)	(815.184.329.941)	(8.747.727.094.809)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	667.642.205.567	99.212.889.551	47.618.817.707	814.473.912.825
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	593.871.941.188	89.891.176.090	41.834.978.030	725.598.095.308

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	10.772.197.700	36.771.076.200
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	-	(10.772.197.700)	(10.772.197.700)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 3 năm 2026	25.998.878.500	-	25.998.878.500

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu thể hiện chi phí thành lập các cửa hàng và trung tâm phân phối mới.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH

	Loại hình kinh doanh	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
		VND	*VND*
PT Era Blu Elektronik ("Era Blu")	Thương mại sản phẩm điện tử	502.561.163.711	371.159.064.528

PT Era Blu Elektronik là một công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202200996 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 4 tháng 3 năm 2022. Hoạt động chính của PT Era Blu Elektronik là kinh doanh bán lẻ thiết bị di động, thiết bị điện máy, đồ dùng gia đình và các thiết bị, máy móc khác tại Indonesia. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026, Nhóm Công ty nắm giữ 45% quyền sở hữu và quyền biểu quyết trong Era Blu.

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2026, Công ty đã hoàn tất giao dịch chuyển tiền góp vốn trị giá 4.660.714,29 USD tương đương 122.390.357.255 VND vào PT Era Blu Elektronik.

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên doanh như sau:

	VND
	Era Blu
Giá gốc đầu tư:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	391.404.440.229
Tăng trong kỳ	122.390.357.255
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	513.794.797.484
Phần lũy kế lỗ sau khi đầu tư công ty liên doanh:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(20.245.375.701)
Phần lãi từ công ty liên doanh trong kỳ	9.011.741.928
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	(11.233.633.773)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	371.159.064.528
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	502.561.163.711

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

16.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán	8.557.007.408.147	8.557.007.408.147	9.633.273.278.640	9.633.273.278.640
- *Công ty TNHH Apple Việt Nam*	*1.132.278.826.980*	*1.132.278.826.980*	*463.897.487.034*	*463.897.487.034*
- *Công ty TNHH Điện Máy AQUA Việt Nam*	*823.789.359.877*	*823.789.359.877*	*511.561.974.100*	*511.561.974.100*
- *Công ty Cổ phần Thế Giới Số*	*794.384.890.284*	*794.384.890.284*	*666.723.063.260*	*666.723.063.260*
- *Công ty TNHH Sản phẩm Tiêu dùng Toshiba Việt Nam*	*613.737.009.227*	*613.737.009.227*	*431.237.672.191*	*431.237.672.191*
- *-Chi nhánh Công Ty TNHH Nhà Nước MTV Thương mại và xuất nhập khẩu Viettel*	*526.807.387.472*	*526.807.387.472*	*475.566.297.504*	*475.566.297.504*
- *Công ty TNHH LG Electronics Việt Nam*	*421.920.704.453*	*421.920.704.453*	*306.843.068.741*	*306.843.068.741*
- *Chi nhánh Công ty TNHH Phân phối Synnex FPT*	*319.860.481.813*	*319.860.481.813*	*542.129.799.607*	*542.129.799.607*
- *Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam Thái Nguyên*	*299.154.597.811*	*299.154.597.811*	*756.976.130.250*	*756.976.130.250*
- *Công ty và chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thuật & Khoa học Vĩnh Khang*	*108.939.500.444*	*108.939.500.444*	*997.223.502.161*	*997.223.502.161*
- *Khác*	*3.516.134.649.786*	*3.516.134.649.786*	*4.481.114.283.792*	*4.481.114.283.792*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	41.539.287.197	41.539.287.197	68.321.177.526	68.321.177.526
TỔNG CỘNG	**8.598.546.695.344**	**8.598.546.695.344**	**9.701.594.456.166**	**9.701.594.456.166**

16.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

Số dư thể hiện các khoản trả trước từ khách hàng.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	208.629.783.600	4.020.170.024.087	(4.123.630.423.244)	105.169.384.443
TỔNG CỘNG	**208.629.783.600**	**4.020.170.024.087**	**(4.123.630.423.244)**	**105.169.384.443**
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.317.485.129	784.058.706.153	(780.264.689.673)	599.111.501.609
Thuế giá trị gia tăng	196.590.104.616	3.721.188.424.031	(3.801.958.810.801)	115.819.717.846
Thuế thu nhập cá nhân	17.974.587.215	134.772.311.397	(92.293.240.008)	60.453.658.604
Thuế khác	1.360.148.938	5.879.806.676	(5.968.215.313)	1.271.740.301
TỔNG CỘNG	**811.242.325.898**	**4.645.899.248.257**	**(4.680.484.955.795)**	**776.656.618.360**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Thưởng nhân viên	2.338.005.441.621	2.479.282.385.291
Chi phí tiếp thị quảng cáo	429.801.408.561	365.569.840.291
Chi phí hỗ trợ lãi suất	199.539.331.851	172.645.066.666
Các khoản phải trả nhân viên	95.756.997.362	80.136.953.905
Chi phí lãi vay	83.161.604.024	73.959.748.135
Chi phí tiện ích	91.546.240.336	65.782.041.546
Khác	52.368.311.485	66.677.492.044
TỔNG CỘNG	**3.290.179.335.240**	**3.304.053.527.878**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện doanh thu từ các gói bảo dưỡng và cung cấp thiết bị thay thế đã nhận trước từ các khách hàng.

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phiếu mua hàng	726.270.121.418	401.754.944.500
Thu hộ cước phí	443.263.163.447	253.725.254.750
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	59.441.269.516	73.516.016.766
Nhận ký quỹ	67.793.052.676	68.929.297.668
Khác	116.227.328.020	44.872.915.705
TỔNG CỘNG	**1.412.994.935.077**	**842.798.429.389**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*1.349.570.991.865*	*837.354.009.915*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	*63.423.943.212*	*5.444.419.474*

21. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 21.1)*	23.429.114.317.650	22.101.481.775.842	(23.371.705.318.407)	22.158.890.775.085
Trong đó:				
Số có khả năng trả nợ				
Vay ngắn hạn	*23.429.114.317.650*			*22.158.890.775.085*

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi này nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết của các khoản vay như sau:

Ngân hàng	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026* *VND*	*Ngày đáo hạn*
Các khoản vay tín chấp ngân hàng	22.158.890.775.085	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2026 đến ngày 4 tháng 9 năm 2026

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 *Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Vốn khác*	*Tổng cộng*
Kỳ trước				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.361.518.810.000	15.154.898.414.399	-	19.516.417.224.399
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	1.478.375.380.644	-	1.478.375.380.644
Chia cổ tức	-	(500.000.000.004)		(500.000.000.004)
Ngày 31 tháng 3 năm 2025	4.361.518.810.000	16.133.273.795.039	-	20.494.792.605.039
Kỳ này				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	11.012.835.000.000	5.714.405.436.127	1.073.331.174.380	17.800.571.610.507
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	2.218.566.866.249	-	2.218.566.866.249
Ngày 31 tháng 3 năm 2026	11.012.835.000.000	7.932.972.302.376	1.073.331.174.380	20.019.138.476.756

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 *Chi tiết vốn đã góp*

Cổ đông	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	
	Cổ phiếu phổ thông	*%*	*Cổ phiếu phổ thông*	*%*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	98,955	1.089.775.600	98,955
Các cá nhân	11.507.900	1,045	11.507.900	1,045
TỔNG CỘNG	**1.101.283.500**	**100,00**	**1.101.283.500**	**100,00**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Tổng doanh thu	**32.781.022.594.746**	**25.351.513.129.147**
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	*32.502.849.278.098*	*25.169.923.369.682*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*278.173.316.648*	*181.589.759.465*
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	*(239.072.502.856)*	*(197.955.061.033)*
Doanh thu thuần	**32.541.950.091.890**	**25.153.558.068.114**

23.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	469.234.844.509	390.038.638.611
Chiết khấu thanh toán	41.725.583.655	45.477.105.120
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.144.101.513	-
Khác	12.631.938	636.224.629
TỔNG CỘNG	**512.117.161.615**	**436.151.968.360**

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí mua hàng và cung cấp dịch vụ	(26.300.728.779.400)	(20.627.386.516.636)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí lãi vay	324.569.874.029	201.641.796.928
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	965.691.865	515.306
Khác	606.255.914	780.972.450
TỔNG CỘNG	**326.141.821.808**	**202.423.284.684**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí bán hàng	**2.438.374.451.087**	**2.139.579.773.103**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.482.519.508.196	1.144.952.240.413
Chi phí nhân viên	769.741.807.531	685.120.350.716
Chi phí khấu hao và hao mòn	137.790.054.016	205.425.484.491
Khác	48.323.081.344	104.081.697.483
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**1.225.141.003.222**	**771.423.462.048**
Chi phí nhân viên	1.068.830.574.261	654.402.519.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	144.551.811.658	115.009.996.898
Chi phí khấu hao và hao mòn	39.613.890	26.383.737
Khác	11.719.003.413	1.984.562.267
TỔNG CỘNG	**3.663.515.454.309**	**2.911.003.235.151**

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26.300.728.779.400	20.627.386.516.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.627.071.319.854	1.259.962.237.311
Chi phí nhân viên	1.838.572.381.792	1.339.522.869.862
Chi phí khấu hao, hao mòn *(Thuyết minh số 12 và 13)*	137.829.667.906	205.451.868.228
Chi phí khác	60.042.084.757	106.066.259.750
TỔNG CỘNG	**29.964.244.233.709**	**23.538.389.751.787**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20%.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Chi phí thuế TNDN	781.646.876.250	380.292.182.958
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	784.058.706.153	380.292.182.958
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(227.184.111.647)	(2.102.682.734)
TỔNG CỘNG	**556.874.594.506**	**378.189.500.224**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.775.441.460.755**	**1.856.564.880.868**
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	555.088.292.151	371.312.976.174
Các khoản điều chỉnh:		
Lỗ từ các công ty con		
Lãi từ công ty liên doanh	(1.802.348.386)	(625.954.860)
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.176.820.838	992.060.108
Chi phí phân bổ thương hiệu	-	267.633.483
Lỗ chuyển nhượng công ty con	-	6.242.785.319
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những kỳ trước	2.411.829.903	-
Chi phí thuế TNDN ước tính	**556.874.594.506**	**378.189.500.224**

28.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Các khoản chi phí phải trả	366.919.949.667	184.384.575.082	182.535.374.587	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149.806.471.262	121.918.831.002	27.887.640.260	2.398.167.923
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	122.543.126.054	107.387.343.689	15.155.782.365	(1.479.345.328)
Dự phòng chi phí bảo hành	19.676.285.692	17.899.612.226	1.776.673.466	-
Dự phòng chi phí khấu hao	2.156.143.410	2.156.143.410	-	1.172.681.612
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(182.785.425)	(11.426.394)	(171.359.031)	11.178.527
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	***660.919.190.660***	***433.735.079.015***		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			***227.184.111.647***	***2.102.682.734***

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Thiện Tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư An Nhi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Thế giới Bán lẻ	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Quỹ Từ thiện Mái Ấm Thế Giới Di Động	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Zynstra Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
Purple Wifi Ltd tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt
NEWT Natural Capital LLP tại Anh	Đồng thành viên quản lý chủ chốt

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Cổ tức bằng tiền	-	499.722.985.260
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Phí dịch vụ	138.456.346.303	110.990.782.635
	Mua dịch vụ	20.868.896.55	1.219.024.503
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	101.660.225.947	53.046.732.928
	Bán dịch vụ	26.340.372.000	5.762.100.000
	Bán tài sản cố định	-	4.010.157.844
	Mua dịch vụ	1.183.800.000	-
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh	Chi phí thuê	-	3.954.899.444
Công ty TNHH Thương Mại Avakids	Bán hàng hóa	11.132.260.294	-
	Bán tài sản cố định	17.127.720.956	-
	Thuê mặt bằng	13.343.214.200	-
	Bán dịch vụ	3.396.905.519	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	5.973.114.473	-
	Bán dịch vụ	1.165.946.000	-
Ông Robert Alan Willett	Chi phí tư vấn	312.500.000	-
Công ty Cổ Phần Thợ Điện Máy Xanh	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	8.022.756.700
	Mua hàng hóa	-	61.653.781.510
	Mua dịch vụ	-	348.528.806.010
	Bán tài sản cố định	-	96.885.353

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Bán hàng hóa	14.907.176.330	130.837.206.774
	Bán dịch vụ	2.514.973.609	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán hàng hóa	21.981.521.872	16.314.359.885
	Bán dịch vụ	5.296.665.898	9.926.884.800
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Bán hàng hóa	1.591.346.864	2.115.803.639
	Bán dịch vụ	-	1.982.128.055
		46.291.684.573	**161.176.383.153**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thế giới Di động	Tạm ứng cổ tức	-	20.634.327.611
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Bán công cụ, dụng cụ	-	6.912.000.817
	Cho thuê	-	2.074.355.898
	Chi hộ	651.345.295	428.418.548
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Chi hộ	7.350.762.256	7.573.719.423
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Thiện Tâm	Chuyển nhượng công ty con	-	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Chi hộ	77.257.912	39.760.669
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Chi hộ	24.084.000	-
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Chi hộ	18.649.625.333	-
		26.753.074.796	**40.602.682.966**

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Mua dịch vụ	40.618.119.197	61.798.323.713
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Mua hàng hóa	-	5.108.951.223
	Mua dịch vụ	426.168.000	-
Công Ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Mua hàng hóa, dịch vụ	495.000.000	1.412.060.256
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thuê cửa hàng	-	1.842.334
		41.539.287.197	**68.321.177.526**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Thu hộ	6.563.104.783	3.586.085.196
Công ty Cổ phần Dược Phẩm An Khang Pharma	Thu hộ	7.376.031.499	1.840.887.467
	Mua vật dụng, thiết bị	-	13.302.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Thu hộ	8.352.305.863	4.144.811
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thu hộ	41.132.501.067	-
		63.423.943.212	**5.444.419.474**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026*	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc	1.511.367.757	-
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch HĐQT	-	418.200.000
Bà Võ Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	208.320.000	241.967.755
TỔNG CỘNG		**1.719.687.757**	**660.167.755**

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	2.218.566.866.249	1.478.375.380.644
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân *(*)*	1.101.283.500	1.101.283.500
Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	2.015	1.342

(*)Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 để phản ánh việc chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 3 tháng 12 năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 3 năm 2026	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025*
Đến 1 năm	2.186.271.216.484	2.149.789.570.650
Từ 1 đến 5 năm	5.947.869.590.827	5.864.629.759.677
Trên 5 năm	1.670.535.080.994	1.678.824.520.706
TỔNG CỘNG	**9.804.675.888.305**	**9.693.243.851.033**

32. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 của báo cáo tài chính của kỳ này. Chi tiết như sau:

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.414.244.731.666	4.832.270.392.374	25.246.515.124.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	4.180.000.000.000	(4.180.000.000.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.649.972.498.017	(652.270.392.374)	997.702.105.643

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau:

- Ngành hàng điện tử và gia dụng bao gồm kinh doanh các sản phẩm điện thoại di động, thiết bị điện tử, thiết bị gia dụng, máy tính, phụ kiện, đồng hồ, mắt kính và các thiết bị khác và dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành các sản phẩm này; và
- Ngành hàng dược mỹ phẩm bao gồm kinh doanh dược phẩm, vitamin và thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế cá nhân và hàng hóa khác.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	*Khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	32.354.560.835.485	187.389.256.405	-	32.541.950.091.890
Giữa các bộ phận	81.422.707.792	502.600.591.317	(584.023.299.109)	-
Tổng cộng doanh thu	**32.435.983.543.277**	**689.989.847.722**	**(584.023.299.109)**	**32.541.950.091.890**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.208.040.902.149	33.180.410.341	-	6.241.221.312.490
Chi phí không phân bổ				(3.663.515.454.309)
Lợi nhuận trước thuế. doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				2.577.705.858.181
Doanh thu hoạt động tài chính				512.117.161.615
Chi phí tài chính				(326.141.821.808)
Phần lãi trong công ty liên doanh				9.011.741.928
Lỗ khác				2.748.520.839
Lợi nhuận kế toán trước thuế				2.775.441.460.755
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(784.058.706.153)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				227.184.111.647
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				2.218.566.866.249
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2026				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	56.230.235.525.586	1.108.008.417.932	-	57.338.243.943.518
Tài sản không phân bổ				(11.233.633.773)
Tổng tài sản				**57.327.010.309.745**
Nợ phải trả của bộ phận	36.515.223.372.620	792.648.460.369	-	37.307.871.832.989
Tổng nợ phải trả				**37.307.871.832.989**

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

VND

	Ngành hàng điện tử và gia dụng	*Khác*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025				
Doanh thu				
Từ bán hàng ra bên ngoài	24.638.571.252.237	514.986.815.877	-	25.153.558.068.114
Giữa các bộ phận	3.342.959.580		(3.342.959.580)	-
Tổng cộng doanh thu	**24.641.914.211.817**	**514.986.815.877**	**(3.342.959.580)**	**25.153.558.068.114**
Lợi nhuận gộp của bộ phận	4.413.634.976.888	112.536.574.590	-	4.526.171.551.478
Chi phí không phân bổ				(2.911.003.235.151)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính				1.615.168.316.327
Doanh thu hoạt động tài chính				436.151.968.360
Chi phí tài chính				(202.423.284.684)
Phần lỗ trong công ty liên doanh				3.129.774.300
Lãi khác				4.538.106.565
Lợi nhuận kế toán trước thuế				1.856.564.880.868
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(380.292.182.958)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				2.102.682.734
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				**1.478.375.380.644**
Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025				
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	49.137.483.955.862	1.310.413.451.137	-	50.447.897.406.999
Tài sản không phân bổ				(41.466.680.599)
Tổng tài sản				**50.406.430.726.400**
Nợ phải trả của bộ phận	29.597.103.644.242	314.534.477.119	-	29.911.638.121.361
Tổng nợ phải trả				**29.911.638.121.361**

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Võ Thị Phương Thảo
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 4 năm 2026

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026 - ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026	7 - 15
PHỤ LỤC SỐ 01	16
PHỤ LỤC SỐ 02.1 - 02.7	17 - 43
PHỤ LỤC SỐ 03	44 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 (gọi tắt là "Báo cáo về vốn điều lệ đã góp") đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 và tại thời điểm lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm*
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05/11/2025
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/11/2021
Ông Robert Alan Willett	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/11/2025
Ông Đỗ Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Võ Trung Hà Tín	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Trần Kinh Doanh	Thành viên	Từ nhiệm ngày 11/11/2021
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên	Từ ngày 05/11/2025 đến ngày 19/01/2026
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	Từ ngày 05/11/2025 đến ngày 19/01/2026
Ông Điêu Chính Hải Triều	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/01/2026
Ông Trần Lê Quân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2016
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm*
Ông Đoàn Văn Hiểu Em	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/09/2018
Ông Trần Kinh Doanh	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 04/09/2018

Kế toán trưởng của Công ty tại ngày lập Báo cáo này là Bà Võ Thị Phương Thảo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ BÁO CÁO

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ báo cáo này có thể làm thay đổi các số liệu trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp là Ông Đoàn Văn Hiểu Em - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp phản ánh trung thực và hợp lý về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 và tình hình thực hiện vốn góp cổ phần tại thời điểm báo cáo. Trong quá trình thực hiện, Công ty phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các văn kiện pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Trong việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp này cũng như toàn bộ các chỉ tiêu khác vốn điều lệ đã góp, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp;
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình thực hiện góp vốn điều lệ đã góp ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo về vốn điều lệ đã góp này tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Văn Hiếu Em
Tổng Giám đốc
TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 03 -03- 2026
Số chứng thực 018135 Quyển số: 01 SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Xuân Thương

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Toà B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu,
Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: uhy-info@uhy.vn
uhy.vn

Số: 146/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 (gọi tắt là "Báo cáo về vốn điều lệ đã góp") của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/3/2026, trình bày từ trang 6 đến trang 46. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Báo cáo về vốn điều lệ đã góp và bản Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo về vốn điều lệ đã góp của Công ty phù hợp với các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Báo cáo vốn góp kèm theo và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo về vốn điều lệ đã góp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo về vốn điều lệ đã góp có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo về vốn điều lệ đã góp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo về vốn điều lệ đã góp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của cơ sở trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được áp dụng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo về vốn điều lệ đã góp đến Thuyết minh số 2 - Mục đích lập Báo cáo. Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở báo cáo vốn điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư. Vì thế, Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Báo cáo này chỉ liên quan đến tình hình góp vốn điều lệ cho giai đoạn từ ngày ngày thành lập đến ngày 31/01/2026 mà không liên quan tới toàn bộ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán đã trình bày.

Bùi Minh Đức
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
5586-2026-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Bùi Đức Nam
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:
5142-2025-112-1

BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026

Đơn vị tính: VND

STT	Thời gian	Nội dung	Thuyết minh	Số lượng cổ phần	Vốn góp (theo mệnh giá)	Thặng dư vốn cổ phần	Tổng	Vốn đã góp sau tăng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) + (7)	(9)
1	**01/01/2015**	**Số dư đầu kỳ báo cáo**	**6.1**	**96.096.447**	**960.964.470.000**	**-**	**960.964.470.000**	**960.964.470.000**
2		**Tăng vốn trong kỳ báo cáo**	**6.2**	**1.005.187.053**	**10.051.870.530.000**	**-**	**10.051.870.530.000**	**11.012.835.000.000**
2.1	20/04/2018	Tăng vốn	6.2.1	100.000.000	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	1.960.964.470.000
2.2	15/05/2018	Tăng vốn	6.2.2	55.434	554.340.000	-	554.340.000	1.961.518.810.000
2.3	18/06/2020	Tăng vốn	6.2.3	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	2.761.518.810.000
2.4	25/11/2021	Tăng vốn	6.2.4	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	3.561.518.810.000
2.5	05/08/2022	Tăng vốn	6.2.5	80.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	4.361.518.810.000
2.6	09/12/2025	Tăng vốn	6.2.6	654.227.821	6.542.278.210.000	-	6.542.278.210.000	10.903.797.020.000
2.7	19/12/2025	Tăng vốn	6.2.7	10.903.798	109.037.980.000	-	109.037.980.000	11.012.835.000.000
3	**31/01/2026**	**Số dư cuối kỳ báo cáo**	**6.3**	**1.101.283.500**	**11.012.835.000.000**	**-**	**11.012.835.000.000**	**11.012.835.000.000**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng

Võ Thị Phương Thảo

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN MÁY XANH

Đoàn Văn Hiếu Em

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 31/01/2026

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0303217354 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/01/2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh 29 lần và Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh 04 lần, lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 33 được cấp ngày 19/12/2025.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán, bảo hành và sửa chữa thiết bị tin học, điện thoại, linh kiện và phụ kiện điện thoại, máy ảnh, camera, thiết bị kỹ thuật số, thiết bị điện tử, điện gia dụng và các phụ kiện liên quan.

1.3. Cấu trúc công ty

Tại ngày 31/01/2026, Công ty có 01 công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động, với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại Công ty là 98,955%. Ngoài ra, Công ty có 01 Công ty con và 01 Công ty liên doanh là:

STT	Tên Công ty	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/01/2026
I. Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	99,99%
II. Công ty liên doanh			
1	PT Era Blu Elektroni	Thương mại sản phẩm điện tử	45,00%

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 128, đường Trần Quang Khải, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Lô T2 - 1.2, Đường D1, khu Công Nghệ Cao, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO

Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở báo cáo vốn điều lệ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành. Đồng tiền sử dụng cho báo cáo này là đồng Việt Nam ("VND").

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán mà doanh nghiệp được áp dụng theo quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực, chế độ kế toán. Ban Tổng Giám đốc cam kết Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập và trình bày phù hợp với các quy định có liên quan của chuẩn mực kế toán, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp, bao gồm: Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025 quy định về việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo về vốn điều lệ đã góp.

Vốn góp của từ phát hành cổ phần được ghi vào tài khoản vốn cổ phần theo mệnh giá và được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Công ty lập Báo cáo về vốn điều lệ đã góp được lập nhằm đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Kỳ báo cáo cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026.

5. GHI NHẬN VÀ TRÌNH BÀY VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình góp vốn thành lập, tăng vốn điều lệ đã góp được ghi nhận theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, các chính sách kế toán được áp dụng, các văn bản pháp lý khác có liên quan và các hồ sơ, tài liệu góp vốn, tăng vốn điều lệ của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc ghi nhận và trình bày vốn điều lệ đã góp tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ khi thành lập đến ngày 31/01/2026, đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực, hợp lý của các thông tin, số liệu được trình bày tại Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm: Vốn góp thành lập, số liệu liên quan đến quá trình tăng/giảm vốn điều lệ, số dư cuối kỳ báo cáo và Thuyết minh Báo cáo về vốn điều lệ đã góp cho giai đoạn từ khi thành lập đến ngày 31/01/2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

6.1. SỐ DƯ ĐẦU KỲ BÁO CÁO

Số dư đầu kỳ báo cáo tại ngày 01/01/2015 là 960.964.470.000 VND

a. Cơ sở ghi nhận số dư đầu kỳ

Tài liệu liên quan đến việc tăng vốn gần nhất trước thời điểm đầu kỳ của Báo cáo về vốn điều lệ đã góp bao gồm:

Nghị quyết số 0214/ĐHĐCĐ/TGDĐ ngày 17/05/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động - Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc tái đầu tư vào Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 16 ngày 20/01/2015 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 960.964.470.000 VND;

Điều lệ Công ty ngày 29/03/2017, trong đó vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 960.964.470.000 VND;

Sổ cổ đông của Công ty được lập tại ngày 01/03/2017 trong đó có 05 cổ đông;

Báo cáo tài chính năm 2014 và 2015 của Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") đều được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

b. Chi tiết số dư tại ngày 01/01/2015: Chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm Báo cáo.

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/01/2026, Công ty có 07 đợt tăng vốn điều lệ và không có đợt giảm vốn điều lệ. Chi tiết như sau:

6.2.1. TĂNG VỐN LẦN 01 NGÀY 20/04/2018

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng hình thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

Quyết định số 01/2018/TGDĐ/QĐ ngày 12/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 21 ngày 20/04/2018 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.960.964.470.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 12/04/2018, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.960.964.470.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 10/04/2018 trong đó có 05 cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.1. TĂNG VỐN LẦN 01 NGÀY 20/04/2018 (TIẾP)

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	960.964.470.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	1.000.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	1.960.964.470.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/04/2018
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	10/04/2018

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.1 đính kèm Báo cáo.

6.2.2. TĂNG VỐN LẦN 02 NGÀY 15/05/2018

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty bằng hình thức phát hành thêm phần cho cổ đông hiện hữu;

Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 22 ngày 15/05/2018 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 1.961.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 04/05/2018, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 1.961.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 04/05/2018 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	1.960.964.470.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	554.340.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	1.961.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/04/2018
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	04/05/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.2. TĂNG VỐN LẦN 02 NGÀY 15/05/2018 (TIẾP)

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.2 đính kèm Báo cáo.

6.2.3. TĂNG VỐN LẦN 03 NGÀY 18/06/2020

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh để mở rộng hoạt động sản xuất và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 24 ngày 18/06/2020 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 2.761.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 10/06/2020, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 2.761.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 10/06/2020 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	1.961.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	2.761.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	09/06/2020
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	18/06/2020

(*) Thời điểm bắt đầu và hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.3 đính kèm Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.4. TĂNG VỐN LẦN 04 NGÀY 25/11/2021

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ, từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, bầu cá nhân làm Thành viên Hội đồng quản trị và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 26 ngày 25/11/2021 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 3.561.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 11/11/2021, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 3.561.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 11/11/2021 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	2.761.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	3.561.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	11/11/2021
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	02/12/2021

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.4 đính kèm Báo cáo.

6.2.5. TĂNG VỐN LẦN 05 NGÀY 05/08/2022

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh, sửa đổi lần thứ 28 ngày 05/08/2022 trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 4.361.518.810.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 29/07/2022, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 4.361.518.810.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 29/07/2022 trong đó có 05 cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.5. TĂNG VỐN LẦN 05 NGÀY 05/08/2022 (TIẾP)

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	3.561.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	800.000.000.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	4.361.518.810.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	29/07/2022
Thời điểm hoàn thành tăng (**)	:	04/08/2022

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh").

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.5 đính kèm Báo cáo.

6.2.6. TĂNG VỐN LẦN 06 NGÀY 09/12/2025

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi lần thứ 32 ngày 09/12/2025 được cấp bởi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 10.903.797.020.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 03/12/2025, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 10.903.797.020.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 03/12/2025 trong đó có 05 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	4.361.518.810.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	6.542.278.210.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	10.903.797.020.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	05 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	03/12/2025
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	03/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG TRONG BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

6.2. TĂNG VỐN GÓP TRONG KỲ BÁO CÁO (TIẾP)

6.2.6. TĂNG VỐN LẦN 06 NGÀY 09/12/2025 (TIẾP)

(*) Thời điểm bắt đầu tăng vốn được xác định từ ngày trên Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh.

(**) Thời điểm hoàn thành tăng vốn được xác định vào ngày trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.6 đính kèm Báo cáo.

6.2.7. TĂNG VỐN LẦN 07 NGÀY 19/12//2025

a. Cơ sở pháp lý

Nghị quyết số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua chủ trương Công ty thực hiện kế hoạch chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng đồng thời đăng ký niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán năm 2026, phương án chào bán cổ phần riêng lẻ, phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán và thông qua sửa đổi điều lệ của Công ty;

Nghị quyết số 08/NQ/HĐQT/ĐMX-2025 ngày 17/12/2025 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0303217354 ngày 02/01/2007 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và sửa đổi lần thứ 33 ngày 19/12/2025 được cấp bởi Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh trong đó vốn điều lệ được ghi nhận là 11.012.835.000.000 VND;

Điều lệ Công ty cập nhật ngày 19/12/2025, trong đó Vốn điều lệ được ghi trong Điều lệ là 11.012.835.000.000 VND;

Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập tại ngày 17/12/2025 trong đó có 96 cổ đông.

b. Chi tiết tăng vốn

Vốn điều lệ trước khi tăng	:	10.903.797.020.000 VND
Vốn điều lệ tăng thêm	:	109.037.980.000 VND
Vốn điều lệ sau khi tăng	:	11.012.835.000.000 VND
Số lượng cổ đông trước khi tăng	:	05 cổ đông
Số lượng cổ đông sau khi tăng	:	96 cổ đông
Thời điểm bắt đầu tăng (*)	:	13/12/2025
Thời điểm hoàn thành tăng (*)	:	16/12/2025

(*) Thời điểm bắt đầu và hoàn thành tăng vốn được xác định dựa vào ngày đầu tiên và ngày cuối cùng các cổ đông thực hiện nộp tiền vào tài khoản ngân hàng của cho Công ty.

c. Thông tin liên quan đến tăng vốn: Chi tiết tại Phụ lục số 02.7 đính kèm Báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kèm theo)

6.3 SỐ DƯ CUỐI KỲ BÁO CÁO

Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/01/2026 là 11.012.835.000.000 VND, chi tiết tại Phụ lục số 03 đính kèm Báo cáo.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2026

Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Võ Thị Phương Thảo	Đoàn Văn Hiểu Em

PHỤ LỤC SỐ 01

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 01/01/2015 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.1 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	96.043.206	960.432.060.000	99,945%
2	Nguyễn Đức Tài	21.912	219.120.000	0,02%
3	Trần Lê Quân	18.833	188.330.000	0,02%
4	Điêu Chính Hải Triều	6.248	62.480.000	0,01%
5	Trần Huy Thanh Tùng	6.248	62.480.000	0,01%
	Tổng cộng	**96.096.447**	**960.964.470.000**	**100%**

PHỤ LỤC SỐ 02.1

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 01 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.1 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		100.000.000	1.000.000.000.000	100%	Góp vốn bằng việc chuyển đổi khoản vay thành vốn cổ phần	Góp vốn thông qua cấn trừ nợ vay, số tiền: 1.000.000.000.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Quyết định số 01/2018/TGDĐ/QĐ ngày 12/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ, thay đổi ngành nghề kinh doanh và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận chuyển nợ thành vốn cổ phần ngày 20/04/2018
	Tổng cộng			**100.000.000**	**1.000.000.000.000**	**100%**			

PHỤ LỤC SỐ 02.2

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 02 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.2 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		22.815	228.150.000	41,16%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 228.150.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
2	Trần Lê Quân			19.609	196.090.000	35,37%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 196.090.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018

PHỤ LỤC SỐ 02.1

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 02 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.2 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		6.505	65.050.000	11,73%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 65.050.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
4	Trần Huy Thanh Tùng			6.505	65.050.000	11,73%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 65.050.000 VND	- Nghị quyết số 13/2018/TGDD/NQ ngày 03/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ; - Quyết định số 02/2018/TGDĐ/QĐ ngày 04/05/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 04/05/2018
	Tổng cộng			**55.434**	**554.340.000**	**100%**			

PHỤ LỤC SỐ 02.3

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 03 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của 02 Ngân hàng từ ngày 09/06/2020 đến ngày 11/06/2020 với số tiền tổng: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 182.420.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
3	Trần Lê Quân			15.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020

PHỤ LỤC SỐ 02.3

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 03 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
5	Trần Huy Thanh Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 06/NQ/ĐHĐCĐ/TGDD-2020 ngày 10/06/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 10/06/2020
	Tổng cộng			**80.000.000**	**800.000.000.000**	**100%**			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 90178795001 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn ngày 09/06/2020.

Sao kê Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 3101153030 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 09/06/2020 và ngày 11/06/2020.

PHỤ LỤC SỐ 02.4

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 04 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.4 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) vào ngày 24/11/2021với số tiền tổng: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền	Tiền gửi ngân hàng, số tiền: 182.420.000 VND	Sao kê của Ngân hàng TMCP Quân đội vào ngày 02/12/2021 với số tiền tổng: 182.420.000 VND (**)
3	Trần Lê Quân			15.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021

PHỤ LỤC SỐ 02.4

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 04 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.4 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021
5	Trần Huy Thanh Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Bù trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 04/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2021 ngày 11/11/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 15/11/2021
	Tổng cộng			**80.000.000**	**800.000.000.000**	**100%**			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 001-241777-001 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn ngày 24/11/2021.

(**) Sao kê Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 số tài khoản 979979 với 01 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 02/12/2021.

PHỤ LỤC SỐ 02.5

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 05 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.5 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		79.955.678	799.556.780.000	99,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 799.556.780.000 VND	Sao kê của 02 Ngân hàng từ ngày 03/08/2022 đến ngày 04/08/2022 với số tiền tổng: 799.556.780.000 VND (*)
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		18.242	182.420.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cấn trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả , số tiền: 182.420.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
3	Trần Lê Quân			15.678	156.780.000	0,02%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cấn trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 156.780.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022

PHỤ LỤC SỐ 02.5

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 05 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.5 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cấn trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
5	Trần Huy Thanh Tùng			5.201	52.010.000	0,01%	Góp vốn bằng tiền thông qua việc chuyển đổi khoản phải trả là cổ tức chưa thanh toán thành vốn cổ phần	Cấn trừ với khoản cổ tức Công ty phải trả, số tiền: 52.010.000 VND	- Nghị quyết số 05/NQ/ĐHĐCĐ/TGDĐ-2022 ngày 29/07/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (nay là "Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh") về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ và điều chỉnh, bổ sung điều lệ của Công ty; - Thỏa thuận cấn trừ cổ tức và góp vốn điều lệ ngày 29/07/2022
	Tổng cộng			**80.000.000**	**800.000.000.000**	**100%**			

(*) Sao kê Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 001-241777-001 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 03/08/2022 và ngày 04/08/2022.

Sao kê Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh số tài khoản 3101153030 với 02 giao dịch chuyển tiền góp vốn vào ngày 03/08/2022 và ngày 04/08/2022.

PHỤ LỤC SỐ 02.6

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 06 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.6 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	Công ty mẹ		653.865.360	6.538.653.600.000	99,94%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 6.538.653.600.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
2	Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT		149.179	1.491.790.000	0,02%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 1.491.790.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
3	Trần Lê Quân			128.214	1.282.140.000	0,02%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 1.282.140.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty

PHỤ LỤC SỐ 02.6

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 06 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.6 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Điêu Chính Hải Triều	Thành viên HĐQT		42.534	425.340.000	0,01%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 425.340.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
5	Trần Huy Thanh Tùng			42.534	425.340.000	0,01%	Phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Sử dụng từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, số tiền: 425.340.000 VND	Nghị quyết số 08/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 03/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh về việc thông qua phương án phát hành cổ phần để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu và thông qua sửa đổi điều lệ Công ty
	Tổng cộng			**654.227.821**	**6.542.278.210.000**	**100%**			

(*) Công ty sử dụng nguồn tiền từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/09/2025 của Công ty với giá trị 6.542.278.210.000 đồng với tổng số lượng cổ phiếu được phát hành thêm là 654.227.821 cổ phiếu.

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.7 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đoàn Văn Hiếu Em	Tổng Giám đốc		1.833.098	18.330.980.000	16,81%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 18.330.980.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 18.330.980.000 VND
2	Phùng Ngọc Tuyên			335.000	3.350.000.000	3,07%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 3.350.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 3.350.000.000 VND
3	Nguyễn Minh Tâm			166.000	1.660.000.000	1,52%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.660.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.660.000.000 VND
4	Trần Đức Tín			172.000	1.720.000.000	1,58%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.720.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 13/12/2025 với số tiền là: 1.720.000.000 VND
5	Trần Nguyên Trực			164.000	1.640.000.000	1,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.640.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.640.000.000 VND
6	Hà Bửu Tân			168.000	1.680.000.000	1,54%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.680.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.680.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
7	Trần Văn Hoàng			372.200	3.722.000.000	3,41%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 3.722.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 3.722.000.000 VND
8	Nguyễn Hữu Quốc Cường			184.400	1.844.000.000	1,69%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.844.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.844.000.000 VND
9	Lê Văn Nhật			179.700	1.797.000.000	1,65%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.797.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.797.000.000 VND
10	Nguyễn Đức Minh			178.800	1.788.000.000	1,64%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.788.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.788.000.000 VND
11	Nguyễn Thị Lý			169.500	1.695.000.000	1,55%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.695.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 1.695.000.000 VND
12	Nguyễn Thị Yến Mi			218.100	2.181.000.000	2,00%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.181.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.181.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
13	Trương Hồng Hoàng			260.500	2.605.000.000	2,39%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.605.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.605.000.000 VND
14	Ngô Tố Mỹ			108.400	1.084.000.000	0,99%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.084.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.084.000.000 VND
15	Nguyễn Thị Mộng Vân			100.000	1.000.000.000	0,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.000.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 1.000.000.000 VND
16	Quách Vĩnh Nam			467.700	4.677.000.000	4,29%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 4.677.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 4.677.000.000 VND
17	Phạm Minh Thắng			211.300	2.113.000.000	1,94%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.113.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.113.000.000 VND
18	Lê Tiến Định			224.800	2.248.000.000	2,06%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.248.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.248.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	Trần Thị Hoàng Yến			201.800	2.018.000.000	1,85%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.018.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.018.000.000 VND
20	Nguyễn Văn Chung			231.900	2.319.000.000	2,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.319.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.319.000.000 VND
21	Đỗ Thị Thái Thanh			232.400	2.324.000.000	2,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.324.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.324.000.000 VND
22	Lê Hoàng Hiếu			179.200	1.792.000.000	1,64%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.792.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.792.000.000 VND
23	Trần Thị Kim Oanh			188.800	1.888.000.000	1,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.888.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.888.000.000 VND
24	Lê Thụy Sơn Ca			213.600	2.136.000.000	1,96%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.136.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.136.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
25	Huỳnh Văn Tốt			135.700	1.357.000.000	1,24%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.357.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.357.000.000 VND
26	Huỳnh Lê Phúc Thịnh			13.000	130.000.000	0,12%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 130.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 130.000.000 VND
27	Nguyễn Hữu Phúc			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
28	Đoàn Trung Hiếu			467.700	4.677.000.000	4,29%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 4.677.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 4.677.000.000 VND
29	Huỳnh Tấn Phong			50.000	500.000.000	0,46%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 500.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 500.000.000 VND
30	Nguyễn Tấn Lực			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
31	Mai Xuân Đức			55.000	550.000.000	0,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 550.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 550.000.000 VND
32	Phạm Hoàng Nhân			55.000	550.000.000	0,50%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 550.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 550.000.000 VND
33	Nguyễn Ngọc Huy			90.000	900.000.000	0,83%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 900.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 900.000.000 VND
34	Lê Hoài Sang			103.600	1.036.000.000	0,95%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.036.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.036.000.000 VND
35	Phạm Thành Công			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND
36	Nguyễn Trần Thanh Trúc			40.000	400.000.000	0,37%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 400.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 400.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
37	Hoàng Hữu Hưng			292.900	2.929.000.000	2,69%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.929.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 và ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.929.000.000 VND
38	Phan Hữu Tiến			22.000	220.000.000	0,20%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 220.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 220.000.000 VND
39	Hoàng Nữ Trà My			18.000	180.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 180.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 180.000.000 VND
40	Đỗ Hoàng Tùng			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
41	Lâm Mạnh Quân			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
42	Lê Minh Châu			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
43	Đỗ Nguyễn Minh Viễn			297.300	2.973.000.000	2,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.973.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 2.973.000.000 VND
44	Phạm Nguyên Vũ			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
45	Võ Hoàng Tuấn			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
46	Võ Phước Song			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
47	Võ Kỳ Nguyên			22.900	229.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 229.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 229.000.000 VND
48	Võ Thị Kim Phụng			225.000	2.250.000.000	2,06%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.250.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.250.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
49	Hồng Thị Bạch Yến			23.900	239.000.000	0,22%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 239.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 239.000.000 VND
50	Tống Văn Dũng			23.000	230.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 230.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 230.000.000 VND
51	Trần Thị Mỹ Linh			23.000	230.000.000	0,21%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 230.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 230.000.000 VND
52	Nguyễn Thành Bảo Lộc			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
53	Võ Hoàng Oanh			20.000	200.000.000	0,18%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 200.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 200.000.000 VND
54	Lê Thảo Trang			112.200	1.122.000.000	1,03%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.122.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.122.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
55	Nguyễn Vũ Trường			30.000	300.000.000	0,28%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 300.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 300.000.000 VND
56	Đào Ngọc Duy Vương			30.000	300.000.000	0,28%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 300.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 300.000.000 VND
57	Đặng Thanh Phong			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
58	Nguyễn Phi			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
59	Nguyễn Thu Hà			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
60	Tạ Thị Bích Hậu			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
61	Mai Vi Anh			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
62	Đặng Hoàng Tuyền			12.000	120.000.000	0,11%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 120.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 120.000.000 VND
63	Lương Đình Quí			107.000	1.070.000.000	0,98%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.070.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.070.000.000 VND
64	Trần Minh Thuận			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND
65	Lê Tiến Thành			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND
66	Nguyễn Hùng			15.200	152.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 152.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 152.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
67	Vũ Đăng Linh	Phó Chủ tịch		209.300	2.093.000.000	1,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 2.093.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 2.093.000.000 VND
68	Lý Trần Kim Ngân			145.100	1.451.000.000	1,33%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.451.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.451.000.000 VND
69	Võ Thị Phương Thảo			18.000	180.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 180.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 180.000.000 VND
70	Huỳnh Thị Bích Nga			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
71	Trần Minh Hưng			15.000	150.000.000	0,14%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 150.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 150.000.000 VND
72	Võ Lê Giang			157.600	1.576.000.000	1,45%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.576.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.576.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
73	Lê Anh Tú			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
74	Phan Văn Khánh			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
75	Phạm Đức Hoàng			25.300	253.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 253.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 253.000.000 VND
76	Tạ Hữu Phước			20.000	200.000.000	0,18%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 200.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 200.000.000 VND
77	Hoàng Khánh Chi			146.100	1.461.000.000	1,34%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.461.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.461.000.000 VND
78	Phạm Minh Trung			19.000	190.000.000	0,17%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 190.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 190.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
79	Vũ Nguyễn Thùy Linh			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
80	Võ Thụy Sơn Thảo			14.000	140.000.000	0,13%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 140.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 140.000.000 VND
81	Lê Thị Thu Trang			96.600	966.000.000	0,89%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 966.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 966.000.000 VND
82	Đoàn Phan Trung Kiên			10.000	100.000.000	0,09%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 100.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 100.000.000 VND
83	Trịnh Quang Khải			68.500	685.000.000	0,63%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 685.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 685.000.000 VND
84	La Ngọc Bảo Trân			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
85	Nguyễn Đình Quỳnh			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
86	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
87	Nguyễn Phát Đạt			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND
88	Nguyễn Bá Tín			100.000	1.000.000.000	0,92%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 1.000.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 1.000.000.000 VND
89	Lê Minh Tú			80.000	800.000.000	0,73%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 800.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 800.000.000 VND
90	Đỗ Thanh Tuấn			65.000	650.000.000	0,60%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 650.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 16/12/2025 với số tiền là: 650.000.000 VND

PHỤ LỤC SỐ 02.7

CHI TIẾT TĂNG VỐN LẦN 07 TẠI THUYẾT MINH SỐ 6.2.8 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Tên cổ đông/thành viên góp vốn	Chức vụ (Nếu có)	Thông tin người có liên quan (nếu có)	Số lượng cổ phần	Số vốn góp đợt này	Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tài sản góp vốn	Tài liệu góp vốn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
91	Nguyễn Thị Hoa			25.000	250.000.000	0,23%	Góp vốn bằng tiền	Chuyển khoản qua ngân hàng, số tiền: 250.000.000 VND	Sao kê Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào ngày 15/12/2025 với số tiền là: 250.000.000 VND
	Tổng cộng			**10.903.798**	**109.037.980.000**	**100%**			

(*) Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ được thông qua tại Nghị quyết số 09/NQ/ĐHĐCĐ/ĐMX-2025 ngày 12/12/2025. Tổng số lượng cổ phiếu được chào bán là 10.903.798, giá chào bán là 10.000 VND. Tổng giá trị góp vốn thực tế là: 109.037.980.000 VND.

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động	1.089.775.600	10.897.756.000.000	98,955%
2	Nguyễn Đức Tài	248.632	2.486.320.000	0,023%
3	Trần Lê Quân	213.690	2.136.900.000	0,019%
4	Điêu Chính Hải Triều	70.890	708.900.000	0,006%
5	Trần Huy Thanh Tùng	70.890	708.900.000	0,006%
6	Đoàn Văn Hiểu Em	1.833.098	18.330.980.000	0,166%
7	Phùng Ngọc Tuyên	335.000	3.350.000.000	0,030%
8	Nguyễn Minh Tâm	166.000	1.660.000.000	0,015%
9	Trần Đức Tín	172.000	1.720.000.000	0,016%
10	Trần Nguyên Trực	164.000	1.640.000.000	0,015%
11	Hà Bửu Tân	168.000	1.680.000.000	0,015%
12	Trần Văn Hoàng	372.200	3.722.000.000	0,034%
13	Nguyễn Hữu Quốc Cường	184.400	1.844.000.000	0,017%
14	Lê Văn Nhật	179.700	1.797.000.000	0,016%
15	Nguyễn Đức Minh	178.800	1.788.000.000	0,016%
16	Nguyễn Thị Lý	169.500	1.695.000.000	0,015%
17	Nguyễn Thị Yến Mi	218.100	2.181.000.000	0,020%
18	Trương Hồng Hoàng	260.500	2.605.000.000	0,024%
19	Ngô Tố Mỹ	108.400	1.084.000.000	0,010%
20	Nguyễn Thị Mộng Vân	100.000	1.000.000.000	0,009%
21	Quách Vĩnh Nam	467.700	4.677.000.000	0,042%
22	Phạm Minh Thắng	211.300	2.113.000.000	0,019%
23	Lê Tiến Định	224.800	2.248.000.000	0,020%
24	Trần Thị Hoàng Yến	201.800	2.018.000.000	0,018%
25	Nguyễn Văn Chung	231.900	2.319.000.000	0,021%
26	Đỗ Thị Thái Thanh	232.400	2.324.000.000	0,021%
27	Lê Hoàng Hiếu	179.200	1.792.000.000	0,016%
28	Trần Thị Kim Oanh	188.800	1.888.000.000	0,017%
29	Lê Thụy Sơn Ca	213.600	2.136.000.000	0,019%
30	Huỳnh Văn Tốt	135.700	1.357.000.000	0,012%
31	Huỳnh Lê Phúc Thịnh	13.000	130.000.000	0,001%
32	Nguyễn Hữu Phúc	15.000	150.000.000	0,001%
33	Đoàn Trung Hiếu	467.700	4.677.000.000	0,042%
34	Huỳnh Tấn Phong	50.000	500.000.000	0,005%
35	Nguyễn Tấn Lực	40.000	400.000.000	0,004%
36	Mai Xuân Đức	55.000	550.000.000	0,005%
37	Phạm Hoàng Nhân	55.000	550.000.000	0,005%
38	Nguyễn Ngọc Huy	90.000	900.000.000	0,008%
39	Lê Hoài Sang	103.600	1.036.000.000	0,009%
40	Phạm Thành Công	40.000	400.000.000	0,004%

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
41	Nguyễn Trần Thanh Trúc	40.000	400.000.000	0,004%
42	Hoàng Hữu Hưng	292.900	2.929.000.000	0,027%
43	Phan Hữu Tiến	22.000	220.000.000	0,002%
44	Hoàng Nữ Trà My	18.000	180.000.000	0,002%
45	Đỗ Hoàng Tùng	12.000	120.000.000	0,001%
46	Lâm Mạnh Quân	12.000	120.000.000	0,001%
47	Lê Minh Châu	12.000	120.000.000	0,001%
48	Đỗ Nguyễn Minh Viễn	297.300	2.973.000.000	0,027%
49	Phạm Nguyên Vũ	22.900	229.000.000	0,002%
50	Võ Hoàng Tuấn	22.900	229.000.000	0,002%
51	Võ Phước Song	22.900	229.000.000	0,002%
52	Võ Kỳ Nguyên	22.900	229.000.000	0,002%
53	Võ Thị Kim Phụng	225.000	2.250.000.000	0,020%
54	Hồng Thị Bạch Yến	23.900	239.000.000	0,002%
55	Tống Văn Dũng	23.000	230.000.000	0,002%
56	Trần Thị Mỹ Linh	23.000	230.000.000	0,002%
57	Nguyễn Thành Bảo Lộc	14.000	140.000.000	0,001%
58	Võ Hoàng Oanh	20.000	200.000.000	0,002%
59	Lê Thảo Trang	112.200	1.122.000.000	0,010%
60	Nguyễn Vũ Trường	30.000	300.000.000	0,003%
61	Đào Ngọc Duy Vương	30.000	300.000.000	0,003%
62	Đặng Thanh Phong	12.000	120.000.000	0,001%
63	Nguyễn Phi	12.000	120.000.000	0,001%
64	Nguyễn Thu Hà	12.000	120.000.000	0,001%
65	Tạ Thị Bích Hậu	12.000	120.000.000	0,001%
66	Mai Vi Anh	12.000	120.000.000	0,001%
67	Đặng Hoàng Tuyến	12.000	120.000.000	0,001%
68	Lương Đình Quí	107.000	1.070.000.000	0,010%
69	Trần Minh Thuận	15.200	152.000.000	0,001%
70	Lê Tiến Thành	15.200	152.000.000	0,001%
71	Nguyễn Hùng	15.200	152.000.000	0,001%
72	Vũ Đăng Linh	209.300	2.093.000.000	0,019%
73	Lý Trần Kim Ngân	145.100	1.451.000.000	0,013%
74	Võ Thị Phương Thảo	18.000	180.000.000	0,002%
75	Huỳnh Thị Bích Nga	15.000	150.000.000	0,001%
76	Trần Minh Hưng	15.000	150.000.000	0,001%
77	Võ Lê Giang	157.600	1.576.000.000	0,014%
78	Lê Anh Tú	25.300	253.000.000	0,002%
79	Phan Văn Khánh	25.300	253.000.000	0,002%
80	Phạm Đức Hoàng	25.300	253.000.000	0,002%

PHỤ LỤC SỐ 03

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU TẠI NGÀY 31/01/2026 THEO THUYẾT MINH SỐ 6.3 BÁO CÁO VỀ VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ GÓP (TIẾP)

STT	Cổ đông/thành viên góp vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị góp vốn	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
81	Tạ Hữu Phước	20.000	200.000.000	0,002%
82	Hoàng Khánh Chi	146.100	1.461.000.000	0,013%
83	Phạm Minh Trung	19.000	190.000.000	0,002%
84	Vũ Nguyễn Thùy Linh	14.000	140.000.000	0,001%
85	Võ Thụy Sơn Thảo	14.000	140.000.000	0,001%
86	Lê Thị Thu Trang	96.600	966.000.000	0,009%
87	Đoàn Phan Trung Kiên	10.000	100.000.000	0,001%
88	Trịnh Quang Khải	68.500	685.000.000	0,006%
89	La Ngọc Bảo Trân	65.000	650.000.000	0,006%
90	Nguyễn Đình Quỳnh	65.000	650.000.000	0,006%
91	Nguyễn Thị Nguyệt Hồng	65.000	650.000.000	0,006%
92	Nguyễn Phát Đạt	65.000	650.000.000	0,006%
93	Nguyễn Bá Tín	100.000	1.000.000.000	0,009%
94	Lê Minh Tú	80.000	800.000.000	0,007%
95	Đỗ Thanh Tuấn	65.000	650.000.000	0,006%
96	Nguyễn Thị Hoa	25.000	250.000.000	0,002%
	Tổng cộng	**1.101.283.500**	**11.012.835.000.000**	**100%**